

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1

Mã học phần: 001.01

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	19	tiết
+ Thảo luận:	9	tiết
+ Kiểm tra:	2	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

- Hiểu được những nội dung cơ bản, giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác - Lênin.

- Có được thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức và tiếp cận nội dung của các môn học khác, nhất là môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở đó hiểu được nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng.

- Vận dụng sáng tạo thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

- Hình thành kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật.

- Xây dựng được niềm tin, lý tưởng cách mạng, có lập trường vững vàng kiên định, khách quan. Có ý thức trách nhiệm, tự giác, chủ động, sáng tạo trong công việc đáp ứng yêu cầu đối với con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Kiến thức (KT):

- **KT01:** Hiểu được Chủ nghĩa Mác - Lênin và quá trình hình thành, phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin. Trình bày và giải thích được đối tượng, mục đích, yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu các học phần khác, nhất là học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.
- **KT02:** Trình bày và giải thích được vấn đề cơ bản của triết học; chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy vật biện chứng; quan điểm duy vật biện chứng về vật chất và ý thức, mối quan hệ giữa vật chất, ý thức và ý nghĩa phương pháp luận. Vận dụng kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng vào quá trình nhận thức, hoạt động thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên Mầm non.
- **KT03:** Giải thích được các khái niệm về phép biện chứng, phép biện chứng duy vật; nhớ, trình bày và lấy ví dụ minh họa về khái niệm, nội dung, ý nghĩa phương pháp luận của hai nguyên lý, ba quy luật, sáu cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng kiến thức cơ bản về phép biện chứng duy vật vào quá trình nhận thức, hoạt động thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên Mầm non.
- **KT04:** Nêu và diễn giải được khái niệm sản xuất vật chất vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội; trình bày, giải thích và lấy ví dụ minh họa về khái niệm, mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; khái niệm, mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng; khái niệm, mối quan hệ tồn tại xã hội và ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, cách mạng xã hội và vấn đề con người theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin. Vận dụng kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử vào quá trình nhận thức, hoạt động thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên Mầm non.

Kỹ năng (KN):

- **KN01:** Kỹ năng tiếp cận và nghiên cứu các khoa học chuyên ngành trong chương trình đào tạo.
- **KN02:** Kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội: khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- **KN03:** Phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề, phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. Kỹ năng giao tiếp, chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

- **NL01:** Tích cực, tự chủ học tập và nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

- **NL02:** Hình thành thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, phương pháp khoa học, có khả năng chủ động, tích cực, sáng tạo, trung thực và linh hoạt trong công việc.

- **NL03:** Xây dựng ý thức trách nhiệm công dân, thái độ tôn trọng và chấp hành pháp luật, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01	3	3									
KT02	3	3									
KT03	3	3			2				2		
KT04	3	3			2	2			2		
KN01	2	3									
KN02	3	2			3				2		
KN03		3			3	2	2		2	2	2
NL01		2				2					
NL02	3	3			2	2			2		
NL03		3								2	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1 là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được bố trí giảng dạy đầu tiên trong những môn thuộc hệ thống các môn khoa học Mác - Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận Triết học trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nội dung học phần bao gồm 4 chương: Chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung; Chương 1 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.

- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

10.2. Sách tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[3]. Đảng Cộng Sản Việt Nam, các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[4]. Trần Văn Phòng, An Như Hải, Đỗ Thị Thạch (2009). *Hỏi và đáp môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh). Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 1

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 2

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Thảo luận nội dung chương 1. Thảo luận nội dung chương 2.	Tuần 4,5,9,10	Thảo luận	Trình bày súc tích, đủ ý, đúng các yêu cầu về nội dung thảo	KT02 KT03

	Thảo luận nội dung chương 3.	và 14,15		luận	KT04 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung trong chương 1	Tuần 5	Tự luận	Trình bày nội dung cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể và có liên hệ thực tiễn	KT02 KN02 KN03 NL01 NL02
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung trong chương 2 và chương 3	Tuần 14	Tự luận	Trình bày nội dung cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể và có liên hệ thực tiễn	KT03 KT04 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03
Thi kết thúc học phần	Đề thi kiểm tra các nội dung cơ bản trong chương 1,2,3 và theo chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của Nhà trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	Tương ứng nội dung lựa chọn thuộc một số chuẩn trong CĐR

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL	KT				
1	Mở đầu: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN <i>1. Khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin</i> <i>2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i>	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 9 - 32	Nghe giảng, đọc tài liệu, trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV và nắm được nội dung bài học	KT01 KN01 NL01	Thuyết trình, nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận.
2	Chương 1: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG <i>1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng.</i> <i>1.2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</i>	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 35 - 54 <i>Tài liệu</i> [2]: Tr 151- 176	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời phát vấn, hiểu được vấn đề cơ bản của triết học, giải thích được các khái niệm: vật chất, ý thức và nội dung bài học	KT02 NL01	Thuyết trình, nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận.

3	1.2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức (tiếp)	2	0	0	Tài liệu [1]: Tr 55 - 60 Tài liệu [2]: Tr 177- 179	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời phát vấn, phân tích được mối quan hệ giữa vật chất và ý thức và ý nghĩa PPL của mối quan hệ đó đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn	KT02 KN01 KN03 NL01	Thuyết trình, nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận.
4	Thảo luận Đề tài 1: Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ đó đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn.	0	2	0	Tài liệu [1]: Tr 39 - 60 Tài liệu [2]: Tr 151- 179 Tài liệu [4]: Tr 22 - 45	Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài thảo luận theo hướng dẫn của GV, tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thảo luận, trình bày được các nội dung của đề tài.	KT02 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận nhóm.
5	1. 2. - Thảo luận Đề tài 1: (tiếp) 3. 4. 5. - Kiểm tra định kỳ bài số 1	0	1	1	Tài liệu [1]: Tr 39 - 60 Tài liệu [2]: Tr 151- 179 Tài liệu [4]: Tr 22 - 45	- Thảo luận, trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV - Ôn tập nội dung Chương 1 để làm tốt bài kiểm tra.	KT02 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	- Nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận nhóm. - Kiểm tra với hình thức tự luận
6	Chương 2: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	2	0	0	Tài liệu [1]: Tr 61 - 76	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV,	KT03	Thuyết

	2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật				Tài liệu [2]: Tr 181- 191 Tài liệu [4]: Tr 45 - 55	nghe giảng, trả lời câu hỏi, hiểu được phép biện chứng duy vật và trình bày được nội dung, ý nghĩa của 2 nguyên lý cơ bản PBCDV.	KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	trình, nêu vấn đề, đàm thoại và thảo luận.
7	2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật	2	0	0	Tài liệu [1]: Tr 76 - 88 Tài liệu [2]: Tr 192 - 228 Tài liệu [4]: Tr 55 - 80	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời câu hỏi, phân tích được nội dung, ý nghĩa của 6 cặp phạm trù cơ bản của PBCDV.	KT03 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, nêu vấn đề, kết hợp hướng dẫn nghiên cứu, và thảo luận
8	2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	2	0	0	Tài liệu [1]: Tr 88 - 105 Tài liệu [2]: Tr 229 - 257 Tài liệu [4]: Tr 80 - 101	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời câu hỏi, phân tích được nội dung, ý nghĩa của 3 quy luật cơ bản của PBCDV.	KT03 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, nêu vấn đề, đàm thoại và thảo luận.
9	2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng Thảo luận Đề tài số 2:	1	1	0	Tài liệu [1]: Tr 105 - 124 Tài liệu [2]: Tr 258 - 280 Tài liệu [4]: Tr 101 - 120	- Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nắm được nội dung cơ bản của nhận thức, thực tiễn, con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý.	KT03 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình, nêu vấn đề kết hợp với hướng dẫn nghiên cứu

	<i>Phân tích nội dung 3 quy luật cơ bản của phép BCDV. Vận dụng ý nghĩa phương pháp luận của 3 quy luật đó vào quá trình học tập và rèn luyện của bản thân.</i>				- <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 88 - 105 <i>Tài liệu</i> [2]: Tr 229 - 257 <i>Tài liệu</i> [4]: Tr 80 - 101	- Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài thảo luận theo hướng dẫn của GV, tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thảo luận, trình bày được các nội dung của đề tài.	NL03	và phát vấn, thảo luận nhóm.
10	<i>Thảo luận Đề tài số 2: Phân tích nội dung 3 quy luật cơ bản của phép BCDV. Vận dụng ý nghĩa phương pháp luận của 3 quy luật đó vào quá trình học tập và rèn luyện của bản thân. (Tiếp)</i>	0	2	0	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 88 - 105 <i>Tài liệu</i> [2]: Tr 229 - 257 <i>Tài liệu</i> [4]: Tr 80 - 101	Nghiên cứu các nội dung thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến trình bày được các nội dung của đề tài.	KT03 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận nhóm
11	Chương 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ <i>3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i> <i>3.2. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</i>	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 126 - 141 <i>Tài liệu</i> [2]: Tr 287 - 301 <i>Tài liệu</i> [4]: Tr 120 - 132	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời các câu hỏi, hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa LLSX - QHSX và CSHT - KTTT, sự vận dụng mối quan hệ đó ở nước ta hiện nay.	KT04 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận.
12	<i>3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</i> <i>3.4. Hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội</i>	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 142 - 158 <i>Tài liệu</i> [2]: Tr 301 - 309 và Tr 354 - 382 <i>Tài liệu</i> [4]: Tr 133 - 148	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời các câu hỏi, nắm được mối quan hệ biện chứng giữa TTXH - YTXH và giải thích được sự	KT04 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận.

						phát triển của các HTKT - XH là quá trình lịch sử - tự nhiên, vận dụng vào đời sống thực tiễn.		
13	3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân	2	0	0	Tài liệu [1]: Tr 158 - 182 Tài liệu [2]: Tr 317 - 324; Tr 344 - 353; Tr 383 - 406 Tài liệu [4]: Tr 149 - 170	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời các câu hỏi, nắm được nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin về giai cấp, cách mạng xã hội và con người.	KT04 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, nêu vấn đề kết hợp với hướng dẫn nghiên cứu, phát vấn, thảo luận
14	- Kiểm tra định kỳ bài số 2 - Thảo luận Đề tài 3: Nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. Giá trị khoa học của học thuyết đó. 6. 7.	0	1	1	Tài liệu [1]: Tr 152 - 158 Tài liệu [2]: Tr 301 - 309 Tài liệu [4]: Tr 144 - 148	- Ôn tập nội dung Chương 2,3 để làm tốt bài kiểm tra. - Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài thảo luận theo hướng dẫn của GV, tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thảo luận, trình bày được các nội dung của đề tài.	KT04 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	- Kiểm tra với hình thức tự luận - Nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận nhóm
15	- Thảo luận Đề tài 3: Nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. Giá trị khoa học của học thuyết đó (Tiếp)	0	2	0	Tài liệu [1]: Tr 152 - 158 Tài liệu [2]: Tr 301 - 309 Tài liệu [4]: Tr 144 - 148	Nghiên cứu các nội dung thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến trình bày được các yêu cầu của đề tài đặt ra.	KT04 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Nêu vấn đề, phát vấn và thảo luận nhóm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tin học

Mã học phần: 001.08

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng sư phạm mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lý thuyết:	22	tiết
+ Thảo luận:		tiết
+ Thực hành/thí nghiệm:	20	tiết
+ Kiểm tra định kỳ	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

- Biết được các thành phần của máy tính, những kiến thức đại cương về Tin học
- Hiểu được nguyên tắc làm việc của máy tính, nguyên lý hoạt động của hệ điều hành Windows
- Vận dụng được các kiến thức về khai thác tài nguyên trên mạng máy tính, soạn thảo văn bản, bảng tính điện tử hay bản trình chiếu vào cuộc sống và công việc chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Rèn luyện và phát triển được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự học, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin vào việc học tập, giáo dục trẻ em và vào trong cuộc sống.
- Có thái độ yêu thích, hứng thú học tập và ứng CNTT vào cuộc sống, vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục học sinh. Có thái độ đúng đắn về vấn đề đạo đức và an toàn thông tin trên mạng.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Kiến thức (KT):

KT01: Nhận biết được các khái niệm cơ bản của CNTT, các thành phần cơ bản của một máy tính, các chức năng bản của các thành phần máy tính, biết một số ứng dụng của máy tính trong thực tế.

KT02: Trình bày được vai trò cơ bản của hệ điều hành, có kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc với máy tính trên nền hệ điều hành Windows.

KT03: Vận dụng được các kiến thức về khai thác tài nguyên trên mạng Internet, các kiến thức về xử lý văn bản cơ bản, xử lý bảng tính cơ bản, sử dụng trình chiếu cơ bản để đáp ứng các yêu cầu học tập, trong cuộc sống.

KT04: Thiết kế được các bài trình chiếu, các kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Kỹ năng (KN):

KN01: Có kỹ năng làm việc với máy tính trên nền hệ điều hành Windows, thành thạo kỹ năng tìm kiếm cơ bản trên mạng Internet, thành thạo các kỹ năng soạn thảo văn bản cơ bản, các kỹ năng làm việc với bảng tính, kỹ năng làm việc với bản trình chiếu vào các yêu cầu học tập, soạn giáo án, thiết kế các hoạt động giáo dục trẻ em, vào cuộc sống.

KN02: Phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

KN03: Phát triển khả năng giao tiếp, thuyết trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL01: Tích cực, chủ động trong học tập, yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong việc ứng dụng CNTT vào quá trình học tập, giáo dục trẻ và vào trong cuộc sống.

NL02: Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong bối cảnh công nghệ thông tin thay đổi nhanh chóng

NL03: Có khả năng tự học, tự bồi dưỡng khả năng ứng dụng CNTT vào công việc và cuộc sống.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01				3							
KT02			1	3							
KT03			2	3							
KT04			2	3							
KN01						3		1			
KN02					2						

KN03							2				
NL01									2	2	2
NL02									2	2	2
NL03									2	2	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

- Kiến thức về CNTT cơ bản, sử dụng máy tính cơ bản
 - Mạng máy tính và Internet.
 - Phần mềm soạn thảo văn bản MS Word
 - Phần mềm bảng tính MS Excel
 - Phần mềm trình chiếu MS PowerPoint

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng quy định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Trường CĐSP Nghệ An - *Tập bài giảng môn Tin học*, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2021

10.2. Sách tham khảo:

*** Tài liệu tiếng Việt:**

- [1]. Trần Đình Khang (chủ biên), *Giáo trình tin học đại cương*, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2014
- [2]. Trần Đình Khang (chủ biên), *Bài tập tin học đại cương*, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2013
- [3]. Thái Thanh Sơn (chủ biên), *Tin Học Cơ Bản Ứng Dụng Trong Đời Sống*, NXB Thông Tin và Truyền Thông, 2014
- [4]. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Huân, *Tự học nhanh Microsoft Office*, NXB Thanh niên 2020
- [5]. Phạm Quang Huy, Phạm Phương Hoa, *Giáo trình thực hành Word*, NXB Thanh niên, 2020
- [6]. Trần Tường Thụy, Phạm Quang Huân, *Tự học Excel bằng hình ảnh (Tái bản 2020)*, NXB Thanh niên
- [7]. Phạm Quang Huy, Phạm Phương Hoa, *Giáo trình thực hành Excel*, NXB Thanh niên, 2020

- [8]. Trần Tường Thụy, Phạm Quang Hiền, *Excel dành cho người bắt đầu*, NXB Thanh niên, 2019
- [9]. Phạm Quang Huy, *Tin Học Văn Phòng Microsoft Office Dành Cho Người Bắt Đầu (Dùng Cho Phiên Bản 2017 - 2016 - 2013)*, NXB Thanh Niên, 2019
- [10]. *Tự Học Microsoft PowerPoint 2016 Dành Cho Người Mới Bắt Đầu*, NXB Hồng Đức, 2016
- [11]. Phạm Quang Huy, *Tin Học Văn Phòng Microsoft Office Dành Cho Người Bắt Đầu (Dùng Cho Các Phiên Bản 2019-2016-2013)*, NXB Thanh Niên, 2020
- [12]. Đặng Thế Khoa (chủ biên), *Giáo trình CNTT cơ bản*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2021

*** Tài liệu tiếng Anh:**

- [1]. www.microsoft.com, Microsoft Office 2016 Professional Plus.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên:
- + Số bài kiểm tra định kỳ:
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT thường xuyên	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương 1, chương 2, chương 3	Tuần 1 - Tuần 8	Thực hành, Vấn đáp	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng ở các chương học để thực hiện nhiệm vụ học tập.	KT01, KT02, KT03, KT04, KN01, KN02, KN03, NL01,

					NL02, NL03
Bài KT thường xuyên	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương 4, chương 5	Tuần 9 – Tuần 15	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng ở các chương học để thực hiện nhiệm vụ học tập.	KT03, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương 3 - Phần mềm soạn thảo văn bản MS Word	Tuần 8	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về soạn thảo văn bản để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.	KT04, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương 4 - Phần mềm bảng tính MS Excel	Tuần 12	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng làm việc với bảng tính để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.	KT04, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương 5 - Phần mềm trình chiếu MS Powerpoint	Tuần 15	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng làm việc với bản trình chiếu để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.	KT04, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03
Thi kết thúc học phần	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương các chương 1, 2, 3, 4, 5	Theo kế hoạch của nhà trường	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.	KT01, KT02, KT03, KT04, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03

Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TH/TN	KT				
	CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ TIN HỌC 1.1. Kiến thức về CNTT cơ bản 1.2. Sử dụng máy tính cơ bản	3	1		Giáo trình [1] chương 1	Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. Trình bày và giải thích được: - Các thành phần cơ bản của phần cứng máy tính: Máy vi tính và thiết bị cầm tay thông minh; các thành phần phần cứng cơ bản của máy tính; - Khái niệm, vai trò và phân loại phần mềm. - Một số ứng dụng của CNTT – TT. - Các vấn đề an toàn thông tin và bảo vệ môi trường khi làm việc với máy tính. - Một số vấn đề liên quan đến pháp luật trong sử dụng CNTT:	KT01, KT02, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03	Thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận

					bản quyền, bảo vệ dữ liệu. - Thao tác đúng cách trong các trường hợp mở/tắt máy, mở/đóng chương trình ứng dụng - Quản lý thư mục tệp - Một số phần mềm tiện ích: nén và giải nén tệp, phần mềm diệt virus... - Lựa chọn và cài đặt các tiện ích sử dụng Tiếng Việt.		
	CHƯƠNG 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET 2.1. Kiến thức cơ bản về mạng máy tính 2.2. Khai thác mạng Internet	2	3		Giáo trình [1] chương 2 - Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. - Trình bày và giải thích được các khái niệm cơ bản về mạng, Internet. - Khai thác, tìm kiếm các thông tin trên mạng Internet. - Biết cách tạo và sử dụng email.	KT03, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận

	CHƯƠNG 3: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN MS WORD 3.1. Các thao tác cơ bản trong MS Word 3.2. Nhập và điều chỉnh văn bản trong MS Word. 3.3. Định dạng văn bản trong MS Word. 3.4. Các hiệu ứng đặc biệt, Đồ họa trong MS Word. 3.5. Bảng biểu trong MS Word.	7	7	1	Giáo trình [1] chương 3	- Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. - Thực hành thành thạo các bước về đóng/mở ứng dụng, các thao tác với tệp văn bản. - Thực hành định dạng văn bản, các đối tượng đồ họa, bảng biểu để soạn thảo các văn bản theo yêu cầu nhiệm vụ học tập và giải quyết các bài toán thực tế. - Thực hành soạn thảo văn bản theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.	KT04, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03	Thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận
	CHƯƠNG 4: PHẦN MỀM BẢNG TÍNH MS EXCEL 4.1. Các khái niệm cơ bản trong MS Excel. 4.2. Xử lý dữ liệu trên bảng tính. 4.3. Các hàm trong MS Excel. 4.4. Vẽ biểu đồ.	5	4	1	Giáo trình [1] chương 4	- Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. - Thực hành thành thạo các bước về đóng/mở ứng dụng, các thao tác với tệp bảng tính. - Thực hành soạn thảo, xử lý dữ liệu, sử dụng	KT04, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03	Thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,

						các hàm cơ bản, biểu đồ,... trong bảng tính theo yêu cầu nhiệm vụ học tập và giải quyết các bài toán thực tế.		trực quan, thảo luận
	CHƯƠNG 5: PHẦN MỀM TRÌNH CHIẾU MS POWERPOINT 5.1. Giới thiệu MS PowerPoint 5.2. Làm việc với bản trình chiếu 5.3. Chèn các đối tượng đồ họa, âm thanh, hình ảnh, video vào bản trình chiếu. 5.4. Hiệu ứng trình chiếu trong MS PowerPoint 5.5. Tạo liên kết	5	5	1	Giáo trình [1] chương 5	- Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. - Thực hành thành thạo các bước về đóng/mở ứng dụng, các thao tác với tệp trình chiếu. - Thực hành thành thạo việc chèn các hình ảnh, video, âm thanh vào bản trình chiếu. - Thiết lập các hiệu ứng cho bản trình chiếu, tạo liên kết giữa các đối tượng,... - Vận dụng các kiến thức, kỹ năng làm việc với bản trình chiếu để thiết kế các hoạt động giáo dục học sinh.	KT04, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03	Thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 1.

Mã học phần: 001.12

2. Số tín chỉ: 01

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất ngành Cao đẳng Giáo dục mầm non chính quy.

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	15	tiết
+ Lí thuyết:	11	tiết
+ Thảo luận:	03	tiết
+ Kiểm tra:	01	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	30	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không.

6. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đường lối quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác TDTT trong giai đoạn mới, hệ thống kiến thức cơ bản về LLGDTC nói chung và giáo dục thể chất trong hệ thống trường đại học và cao đẳng nói riêng. Giúp cho sinh viên nắm vững mục đích, yêu cầu nhiệm vụ của GDTC đối với sinh viên trong các trường ĐH và CĐ.

- Hình thành ở SV các năng lực phẩm chất nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng vận dụng tri thức LLGDTC đã học vào thực tiễn giảng dạy; học tập nâng cao trình độ chuyên môn trong quá trình giảng dạy, vận dụng để phân tích hợp lý nhằm nâng cao sức khỏe phát triển các tổ chức cơ thể một cách toàn diện.

- Giáo dục ý thức chấp hành kỷ luật, thực hiện quy chế đào tạo nghiêm túc, tự giác, tích cực tham gia học tập, thảo luận... trên cơ sở đó vận dụng vào thực tiễn công tác tự rèn luyện giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Kiến thức (KT):

KT01: Nắm vững, trình bày khái quát được lịch sử hình thành và phát triển nền TDTT nước nhà, các quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác TDTT.

KT02: Nắm vững và hiểu được mục đích, nhiệm vụ của GDTC Việt nam.

KT03: Nắm vững phân tích được các kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học của thể dục thể thao: Đặc điểm cơ thể sống, ảnh hưởng của tập luyện TDTT đến các hệ thống, cơ quan trong cơ thể con người, quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, cấu trúc giờ dạy thực hành TDTT.

KT04: Nắm vững và trình bày được các kiến thức cơ bản về kiểm tra và tự kiểm tra y học TDTT, chấn thương và cách phòng tránh chấn thương trong vận động TDTT.

KT05: Nắm vững và trình bày được những đặc điểm về hoạt động TDTT trong học tập, sinh hoạt, nghỉ ngơi của sinh viên, phương hướng và cơ sở sử dụng các phương tiện TDTT trong quá trình rèn luyện thể chất.

KT06: Nắm vững và phân tích được kiến thức về tác dụng của tập luyện TDTT với sức khỏe con người, vệ sinh cá nhân, vệ sinh tập luyện TDTT.

- Kỹ năng (KN):

KN01: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học của thể dục thể thao: Đặc điểm cơ thể sống, ảnh hưởng của tập luyện TDTT đến các hệ thống, cơ quan trong cơ thể con người, quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, cấu trúc giờ dạy thực hành TDTT vào quá trình tham gia học tập, tự tập luyện và thực hiện công tác chuyên môn sau này.

KN02: Thực hiện được và hướng dẫn được cho người khác quá trình kiểm tra và tự kiểm tra y học, cách phòng tránh chấn thương trong vận động TDTT.

KN03: Vận dụng được cách sử dụng các phương tiện TDTT trong quá trình rèn luyện thể chất.

KN04: Thực hiện tốt quá trình vệ sinh cá nhân và vệ sinh trong tập luyện TDTT.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL01: Tự quản lý thời gian học tập, tập luyện một cách có hiệu quả.

NL02: Vận dụng hiệu quả các tri thức tiếp nhận được vào quá trình tự rèn luyện thể chất bản thân và cổ vũ phong trào tập luyện.

NL03: Yêu thích môn học, có ý thức tự giác, tích cực tập luyện và xây dựng phong trào tập luyện TDTT trong nhà trường và cộng đồng.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01	2										
KT02		3									
KT03		3	3								
KT04		3	3								
KT05		3									
KT06		2	3								
KN01					3	3					
KN02					3	3					
KN03					2	2					
KN04					3	3					
NL01									2		
NL02										2	
NL03											1

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần: Gồm 5 bài, với các kiến thức về môn học LLGDTC, về lịch sử hình thành và phát triển TDTT nước ta; quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác TDTT, kiến thức cơ bản về cơ sở khoa học, mục đích, nhiệm vụ của GDTC, kiểm tra và tự kiểm tra y học TDTT, chấn thương và phòng tránh chấn thương, thể dục thể thao và chế độ nghỉ ngơi của sinh viên, tác dụng của tập luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe con người, vệ sinh cá nhân và vệ sinh tập luyện thể dục thể thao.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia kiểm tra định kỳ, thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính: “Không”.

10.2. Sách tham khảo:

- [1]. PTS. Vũ Thị Thanh Bình - Ths. Phạm Lê Phương Nga, *Sinh lý học Thể dục thể thao*, Sách đào tạo giáo viên cao đẳng, NXB Giáo dục - 1998.
- [2]. Ths. BS. Nông Thị Hồng - GS. TS. Lê Quý Phụng - PGS. TS. Vũ Chung Thuỷ - Ths. Phạm Thị Thiệu, *Giáo trình Y học TDTT*, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, NXB TDTT Hà Nội - 2010.
- [3]. Ths. BS. Nông Thị Hồng - GS. TS. Lê Quý Phụng - PTS. Vũ Thị Thanh Bình - PGS. TS. Vũ Chung Thuỷ, *Vệ sinh và y học Thể dục thể thao*.
- [4]. TS Vũ Đào Hùng - PTS Nguyễn Mậu Loan, *Lý luận và Phương pháp giáo dục thể chất*, Giáo trình dùng cho CĐSP, NXB Giáo dục, Hà Nội - 1998.
- [5]. Ths. Phạm Thị Thiệu - Ths. Trần Thị Hạnh Dung - Ths. Quách Văn Tĩnh, *Giáo trình Sinh lý học TDTT*, Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, NXB TDTT Hà Nội - 2010.
- [6]. Tổ GDTC - GDQPAN, trường CĐSP Nghệ An, *Tập bài giảng học phần Giáo dục thể chất 1*, Dành cho hệ cao đẳng.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01.
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 01.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT thường xuyên	1. Ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ tuần hoàn.	Tuần 3		- Trình bày cô đọng, súc tích, các kiến thức cơ bản, có ví dụ	CĐR 01.

	2. Ảnh hưởng của luyện tập TDTT đối với hệ hô hấp.		Tự luận	minh họa cụ thể.	
Bài KT định kỳ	1. Kiểm tra và tự kiểm tra y học TDTT. 2. Chấn thương và cách phòng tránh chấn thương trong hoạt động TDTT.	Tuần 5	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, các kiến thức cơ bản, có ví dụ minh họa cụ thể.	CĐR 02; CĐR 03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học.				

Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/TL	TH/TN				
1	BÀI 1: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TDTT VIỆT NAM. I. Quá trình hình thành và phát triển TDTT ở nước ta. II. Quan điểm phát triển TDTT ở nước ta. 1. Quan điểm của Đảng và Chính phủ về công tác TDTT. 2. Quan điểm của Bác Hồ về TDTT. III. Cơ sở tổ chức của hệ thống TDTT Việt Nam. IV. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục thể chất. a. Mục tiêu của giáo dục thể chất. b. Nhiệm vụ của giáo dục thể chất	02			Tài liệu [4]: Tr 18 - 49. Tài liệu [6]: Tr 03 - 08.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CĐR01; CĐR02.	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
2	BÀI 2: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA THỂ DỤC THỂ THAO I. Đặc tính sinh lý cơ bản của cơ thể sống. II. Ảnh hưởng của tập luyện TDTT đối với hệ tuần hoàn. 1. Tính chất sinh lý của tim. 2. Ảnh hưởng của luyện tập TDTT tới tim 3. Chu chuyển tim. 4. Các chỉ số sinh lý của tim. 5. Điều hoà hoạt động của tim 6. Sinh lý mạch máu. III. Ảnh hưởng của luyện tập TDTT đối với hệ hô hấp. 1. Khái niệm về hô hấp và các giai đoạn hô hấp. 2. Các thông số hô hấp. 3. Hô hấp trong hoạt động thể dục thể thao. IV. Các giai đoạn hình thành kỹ năng vận động. 1. Khái niệm. 2. Các giai đoạn hình thành kỹ năng vận động. V. Sức khỏe.	04	01		Tài liệu [1]: Tr 08 - 09. Tài liệu [2]: Tr 70 - 74. Tài liệu [5]: Tr 101 - 136. Tài liệu [5]: Tr 137 - 160. Tài liệu [6]: Tr 03 - 08. Tài liệu [2]: Tr 91 - 98. Tài liệu [6]: Tr 09 - 13. Tài liệu [5]: Tr 276	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CĐR02; CĐR03;	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
	VI. Cấu trúc giờ dạy thực hành TDDT.				- 290. Tài liệu [4]: Tr 145 - 164.			
3	Kiểm tra thường xuyên		20 p			Thực hiện làm bài kiểm tra theo nội dung, yêu cầu của giảng viên.	CĐR02; CĐR03;	Giao đề tự luận, giám sát.
4	BÀI 3: KIỂM TRA VÀ TỰ KIỂM TRA Y HỌC TDDT, CHẤN THƯƠNG VÀ PHÒNG TRÁNH CHẤN THƯƠNG. I. Nhiệm vụ và nội dung kiểm tra y học TDDT. 1. Khái niệm về kiểm tra y học TDDT. 2. Những nhiệm vụ cơ bản của kiểm tra Y học TDDT. 3. Nội dung kiểm tra. II. Hình thức kiểm tra y học TDDT. 1. Kiểm tra bước đầu. 2. Kiểm tra định kì. 3. Kiểm tra bổ sung. III. Một số trạng thái sinh lý và phản ứng xấu của cơ thể trong tập luyện TDDT. 1. Say nắng.	03	01		Tài liệu [2]: Tr 172 - 181. Tài liệu [2]: Tr 212 - 230.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CĐR02; CĐR03;	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
	2. Chuột rút. 3. Đau bụng trong tập luyện. 4. Choáng trọng lực (Shock). IV. Chấn thương và cách phòng tránh chấn thương trong hoạt động TDDT. 1. Khái niệm. 2. Phân loại chấn thương. 3. Nguyên nhân gây nên chấn thương thể thao. 4. Cách phòng tránh chấn thương trong hoạt động TDDT.				Tài liệu [2]: Tr 183 - 208.			
5	BÀI 4: THỂ DỤC THỂ THAO VÀ CHẾ ĐỘ NGHỈ NGƠI CỦA SINH VIÊN I. Những đặc điểm về hoạt động TDDT trong học tập, sinh hoạt, nghỉ ngơi của sinh viên. 1. Những đặc tính cơ bản của lao động trí óc. 2. Diễn biến khả năng lao động trí óc của sinh viên. II. Phương hướng và cơ sở sử dụng các phương tiện TDDT trong quá trình lao động ở trường. 1. Phương hướng.	01			Tài liệu [6]: Tr 26 - 28.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CĐR02;	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
	2. Các bài tập trong quá trình lên lớp của sinh viên. 3. Các bài học và tự tập luyện TDDT của sinh viên trong ngày học. 4. Sử dụng phương tiện TDDT trong thời gian rỗi.							
6	BÀI 5: TÁC DỤNG CỦA TẬP LUYỆN TDDT VỚI SỨC KHỎE CON NGƯỜI VỆ SINH CÁ NHÂN VÀ VỆ SINH TẬP LUYỆN TDDT I. Tác dụng của tập luyện TDDT với sức khỏe con người. II. Vệ sinh cá nhân. 1. Vệ sinh bảo vệ da. 2. Yêu cầu vệ sinh trang phục. III. Vệ sinh tập luyện TDDT 1. Nguyên tắc vệ sinh khởi động. 2. Nguyên tắc vệ sinh phần trọng động. 3. Nguyên tắc vệ sinh hồi phục.	01	01		Tài liệu [6]: Tr 29 - 31. Tài liệu [3]: Tr 06 - 31.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CĐR02; CĐR03.	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm.
7	Kiểm tra định kỳ		01			Thực hiện làm bài kiểm tra theo nội dung, yêu cầu của giảng viên.	CĐR02; CĐR03.	Giao đề tự luận, giám sát, đánh giá, tổng hợp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
8	Thi học phần				Tài liệu [6]	Thực hiện làm bài thi theo nội dung, yêu cầu của đề thi và Quy chế thi hiện hành.		Theo lịch thi của nhà trường.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Âm nhạc

Mã học phần: 710.04

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	08	tiết
+ Kiểm tra:	03	tiết
+ Thực hành/thí nghiệm:	34	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên cần được thi tuyển môn năng khiếu (Hát)
- Học thực hành phải chia nhóm: 10 đến 15 sinh viên/1 nhóm.
- Phòng học xướng âm phải có đàn Organ.
- Phòng học đàn organ: Có đầy đủ đàn organ cho mỗi sinh viên trong một lớp thực hành (ít nhất 16 đàn)

6. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nhạc lý cơ bản: Âm thanh và cao độ, độ dài âm thanh và các ký hiệu âm nhạc, nhịp - phách, điệu thức - gam - giọng; vận dụng các kiến thức đó vào thực hành xướng âm - ghép lời ca và thực hành đàn organ.

- Trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp xướng âm một bản nhạc, xướng âm và ghép lời ca một bài hát; giúp sinh viên vận dụng kỹ năng và phương pháp đó để xướng âm và hát các bài hát nhà trẻ mẫu giáo viết ở giọng C dur, F dur, G dur, a moll, emoll, d moll.
- Giới thiệu cho sinh viên làm quen với đàn Organ: Cấu trúc cơ bản của đàn organ, nhận biết các nốt trên hàng phím của đàn, cách sử dụng một số chức năng, ký hiệu trên đàn, thứ tự các ký hiệu của tay trái, tay phải trong bản nhạc... Trang bị cho sinh viên các kỹ thuật đánh đàn organ cơ bản; giúp sinh viên biết cách vận dụng các kỹ thuật đó để thể hiện một số bản nhạc, bài hát đơn giản trong chương trình giáo dục âm nhạc ở trường mầm non.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Kiến thức (KT):

- *KT01:* Giải thích và trình bày được các khái niệm âm nhạc cơ bản: các thuộc tính âm thanh âm nhạc (cao độ, trường độ...), khuông nhạc, khóa nhạc; nắm được vị trí các nốt nhạc trên khuông nhạc khóa sol, cấu tạo các loại nhịp thường gặp, cấu tạo giọng trưởng, giọng thứ, các bước xác định giọng cho 1 bài hát (bản nhạc).
- *KT02:* Phân tích ý nghĩa thực hành của các ký hiệu thường dùng trong các bản nhạc. Phân biệt nhịp - phách - các loại nhịp thường gặp.
- *KT03:* So sánh được sự giống và khác nhau của một số ký hiệu âm nhạc và cấu tạo của một số loại nhịp tương quan.
- *KT04:* Trình bày và phân tích được các bước để xướng âm một bản nhạc, xướng âm và ghép lời 1 bài hát đơn giản trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non
- *KT05:* Nắm được các bước để đánh đàn organ thể hiện một bản nhạc, 1 bài hát đơn giản trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non.

- Kỹ năng (KN):

- *KN01:* Vận dụng các kiến thức lý thuyết âm nhạc để vào thực hành xướng âm - ghép lời ca và thực hành đàn organ.
- *KN02:* Vận dụng phương pháp và kỹ năng đã học xướng âm chính xác đúng cao độ, trường độ các bản nhạc, bài hát nhà trẻ mẫu giáo viết ở giọng C dur, F dur, G dur, a moll, emoll, d moll. Hát đúng giai điệu, tiết tấu; biết sử dụng âm thanh tự nhiên phát âm rõ lời, rõ chữ, thể hiện được nội dung, tình cảm, sắc thái của những bài hát đó.

- **KN03:** Xử lý tốt các yêu cầu về kỹ thuật ngón tay, đúng cao độ, tiết tấu, tốc độ, âm sắc ... và thể hiện được tính chất, sắc thái, tình cảm của một bản nhạc khi đánh đàn organ.

- **KN04:** Quan sát, đánh giá được sự nảy sinh, phát triển những giá trị thẩm mỹ về âm nhạc và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):**

- **NL01:** Có thị hiếu nghệ thuật đúng đắn, quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả. Tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn âm nhạc cho bản thân.

- **NL02:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non. Phát hiện những giá trị âm nhạc và đưa vào giáo dục tình cảm, thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Thấy được vai trò chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên truyền tải những kiến thức âm nhạc và tầm quan trọng của âm nhạc trong thời đại hội nhập.

- **Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01	3	2	3								
KT02	3	2	3								
KT03	3	2	3								
KT04	3	2	3								
KT05	3	2	3								
KN01					2		3				
KN02					2		3				
KN03					2		3				
KN04					2	3	3				
NL01									2	3	2
NL02									2	3	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần đã trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Phần I: Nhạc lý cơ bản: Trang bị cho sinh viên những khái niệm về âm thanh, âm nhạc, về độ cao, trường độ, nhịp, điệu thức, gam, giọng, xác định giọng, ... , là những kiến thức cơ sở cho các em sinh viên học những học phần tiếp theo của môn học.
- Phần II: Xướng âm và ghép lời ca: Luyện đọc gam và âm ổn định, xướng âm và ghép lời ca một bản nhạc, một bài hát viết ở các giọng C dur, F dur, G dur, a moll, d moll, e moll.
- Phần III: Thực hành đàn Organ: Bao gồm giới thiệu đàn organ, các kỹ thuật luyện ngón cơ bản và kỹ thuật chạy gam các giọng C dur, F dur, G dur cần thiết của đàn phím điện tử. Thực hành đàn một số bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia đầy đủ các buổi kiểm tra thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính: Không

10.2. Sách tham khảo:

- [1]. Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam - *Giáo dục âm nhạc tập 1, tập 2* - NXB Đại học sư phạm - năm 2009 (sách dùng cho khoa GDMN)
- [2]. Cù Minh Nhật - *Organ thực hành 134 bài hát mẫu giáo* - NXB âm nhạc - Năm 2007.
- [3]. Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu - *Giáo trình âm nhạc và múa dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non* - Nhà xuất bản giáo dục 2008.
- [4]. Xuân Tứ- *Hướng dẫn dạy và học đàn ORGAN Tập 1 và tập 2* – NXB Âm nhạc Trường CĐSP nhạc họa trung ương - Năm 2002
- [5]. Hoàng Văn Yến - *Trẻ mầm non ca hát* - Nhà xuất bản âm nhạc 2002.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Điểm học phần bao gồm:

- Điểm hệ số 1: điểm chuyên cần, đánh giá nhận thức, thái độ của sinh viên, điểm kiểm tra thường xuyên.
- Điểm hệ số 2: điểm kiểm tra định kỳ, số bài kiểm tra định kỳ: 3
- Điểm học phần = $[\text{Điểm hệ số 1} + (\text{điểm HS2}) \cdot 2] / N$ (làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	- Âm nhạc là gì? Nêu các thuộc tính của âm thanh trong âm nhạc. Lấy ví dụ. - Nêu các loại hình nốt và độ dài các nốt nhạc. - Đọc tên các nốt nhạc trên khuông nhạc khóa sol - Trình bày các ký hiệu thường gặp trong âm nhạc? cách xử lý khi gặp các ký hiệu đó. - So sánh sự giống và khác nhau của dấu nối và dấu luyện? Cho ví dụ - Đọc nốt nhạc bài hát mầm non, nêu cách xử lý các ký hiệu âm nhạc có trong bài.	Tuần 2	Vấn đáp	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Đọc rõ ràng chính xác	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02
	- So sánh sự giống và khác nhau của nhịp 2/4 và nhịp 2/8? Nhịp 3/4 và nhịp 3/8? Cho ví dụ. - Nêu cấu tạo của các loại nhịp thường gặp? cho ví dụ.	Tuần 3	Vấn đáp	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
	- Nêu cấu tạo giọng trưởng và giọng thứ? Cho ví dụ. - Xác định giọng cho bài hát mầm non - Đọc nốt nhạc, phân phách cho bài hát mầm non			- Đọc rõ ràng chính xác	NL02
	- Đọc thang âm và âm ổn định - Xướng âm và hát bài hát đã học ở tiết trước - Phân tích và đọc nốt nhạc (đúng tiết tấu) của bài hát sắp học	Tuần 4, 6,7,8, 9	Thực hành	- Xướng âm chính xác đúng cao độ, trường độ của bài. - Hát đúng giai điệu, phát âm tròn từ, rõ chữ, thể hiện được nội dung, tình cảm, sắc thái của bài.hát - Trình bày rõ ràng, đọc chính xác	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02
	Bốc thăm chọn một trong 10 đề, mỗi đề gồm 2 nội dung: 1. Lý thuyết cơ bản 2. Xướng âm và hát 1 bài hát mầm non trong chương trình đã học	Tuần 5	Vấn đáp Thực hành	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Xướng âm đúng cao độ, trường độ nốt nhạc, tiết tấu của bài. - Hát đúng giai điệu, biết sử dụng âm thanh tự nhiên, phát âm rõ lời, rõ chữ, thể hiện được nội dung, tình cảm, sắc thái của bài.	KT01 KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT định kỳ	Bốc thăm chọn một trong 10 đề, mỗi đề gồm 2 nội dung: 1. Xướng âm và hát 1 bài hát trong chương trình đã học 2. Đọc tiết tấu của 1 bài hát mới (bài hát đơn giản của nhà trẻ, mẫu giáo)	Tuần 10	Thực hành	- Xướng âm đúng cao độ, trường độ nốt nhạc, tiết tấu của bài. - Hát đúng giai điệu, biết sử dụng âm thanh tự nhiên, phát âm rõ lời, rõ chữ, thể hiện được nội dung, tình cảm, sắc thái của bài. - Đọc rõ ràng chính xác đúng trường độ và tên nốt; xử lý chính xác khi gặp các ký hiệu thường gặp trong bài (dấu lặng, dấu nối, dấu quay lại...)	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02
	Đánh đàn organ một tác phẩm âm nhạc trong chương trình học (theo hình thức bốc thăm chọn bài)	Tuần 15	Thực hành	Đánh đàn đúng cao độ, tiết tấu, tốc độ, âm sắc . . . Xử lý tốt các yêu cầu về kỹ thuật ngón tay : ngón bấm sâu, chắc chắn, âm thanh vang lên rõ ràng, đều đặn, chính xác, không dính vào nhau. Thể hiện được tính chất, sắc thái, tình cảm của bài.	KT05 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02

Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp	Tài liệu đọc	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng	Phương
----	----------	-----------------	--------------	------------------------	---------	--------

		LT	BT / TL	TH/ TN	trước		CDR	pháp dạy/học
1	Phần I : Nhạc lý cơ bản	8	0	0	Tài liệu [1], [3], phần nhạc lý cơ bản	- Đọc và hiểu được khái niệm về âm nhạc, đặc điểm của âm thanh âm nhạc, khuông nhạc, khóa nhạc - Xác định đúng tên và vị trí các nốt nhạc trên khuông nhạc. - Trình bày được ký hiệu, cao độ cũng như mối tương quan về trường độ giữa các nốt nhạc. Các loại dấu thường gặp trong âm nhạc.	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02	Giảng giải, thuyết trình, luyện tập
	Bài 1 : Âm thanh và cao độ 1. Khái niệm về âm thanh âm nhạc. 2. Những thuộc tính của âm thanh âm nhạc. 3. Khuông nhạc, khóa nhạc. 4. Tên nốt và vị trí các nốt nhạc trên khuông. Bài 2 : Độ dài âm thanh - các ký hiệu âm nhạc 1. Hình nốt và độ dài các nốt nhạc. 2. Dấu lặng. 3. Dấu chấm đôi. 4. Dấu nối, dấu luyến. 5. Dấu nhắc lại.	2	0	0				
2	Bài 3 : Nhịp - phách	2	0	0	Tài liệu [1], [3], phần nhạc lý cơ bản	- Đọc và hiểu các khái niệm về nhịp, phách. - Phân biệt các loại nhịp thường gặp. - Đọc và hiểu khái niệm về điệu thức, gam, giọng. - Xác định đúng giọng của một tác phẩm âm nhạc.	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02	Vấn đáp, thuyết trình, luyện tập
	1. Phách - Nhịp - Vạch nhịp. 2. Phách phân đôi, phách phân ba 3. Các loại nhịp thường gặp: Nhịp 2/4, 2/8. 3/4, 3/8, 4/4. 4. Nhịp đủ, nhịp thiếu. Bài 4: Điệu thức - Gam - Giọng 1. Khái niệm về điệu thức 2. Gam 3. Giọng 4. Cấu tạo giọng (Thành lập giọng) 5. Xác định giọng.	2	0	0				

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT / TL	TH/ TN				
3	Phần II : Xướng âm và ghép lời ca Bài 1 : Xướng âm giọng Cdur 1. Luyện đọc gam - Âm ổn định giọng C dur 2. Bài tập thực hành: Ứng dụng xướng âm và ghép lời ca các bài hát mầm non viết ở giọng C dur	0	0	22	Tài liệu [1], [3] phần tập đọc nhạc và tài liệu [5]	- Nắm được cấu tạo và tính chất của gam C dur, âm ổn định của giọng C dur - Phân tích bài hát (về mặt lý thuyết) - Đọc nốt nhạc của bài hát - Nghiên cứu cách đọc cao độ, tiết tấu của bài hát - Luyện tập các bài đã học -Thực hiện bài kiểm tra	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02	Giảng giải, vấn đáp, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập. Luyện tập, kiểm tra, đánh giá
		0	0	6				
	Kiểm tra 1 tiết	0	0	1				
4	Bài 2 : Xướng âm giọng F dur 1. Luyện đọc gam - Âm ổn định giọng F dur 2. Bài tập thực hành: Ứng dụng xướng âm và ghép lời ca các bài hát mầm non viết ở giọng F dur	0	0	5	Tài liệu [1], [3] phần tập đọc nhạc và tài liệu [5]	- Nắm được cấu tạo và tính chất của gam F dur, âm ổn định của giọng F dur - Phân tích bài hát (về mặt lý thuyết) - Đọc nốt nhạc của bài hát - Nghiên cứu cách đọc cao độ, tiết tấu của bài hát	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02	Giảng giải, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập.
5	Bài 3 : Xướng âm giọng Gdur 1. Luyện đọc gam - Âm ổn định giọng G dur 2. Bài tập thực hành: Ứng dụng xướng âm và ghép lời ca các bài hát trong chương trình mầm non giọng G dur.	0	0	3	Tài liệu [1], [3] phần tập đọc nhạc và tài liệu [5]	- Nắm được cấu tạo và tính chất của gam G dur, âm ổn định của giọng G dur - Phân tích bài hát (về mặt lý thuyết) - Đọc nốt nhạc của bài hát -	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02	Giảng giải, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập, kiểm tra,

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT / TL	TH/ TN				
						Nghiên cứu cách đọc cao độ, tiết tấu của bài hát		đánh giá
6	Bài 4 : Xướng âm giọng a moll 1. Luyện đọc gam - Âm ổn định giọng a moll 2. Bài tập thực hành: Ứng dụng xướng âm và ghép lời ca các bài hát trong chương trình mầm non giọng a moll.	0	0	2	Tài liệu [1], [3] phần tập đọc nhạc và tài liệu [5]	- Nắm được cấu tạo và tính chất của gam a moll , âm ổn định của giọng a moll - Phân tích bài hát (về mặt lý thuyết) - Đọc nốt nhạc của bài hát - Nghiên cứu cách đọc cao độ, tiết tấu của bài hát	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02	Giảng giải, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập.
7	Bài 5 : Xướng âm giọng d moll 1. Luyện đọc gam - Âm ổn định giọng d moll 2. Bài tập thực hành: Ứng dụng xướng âm và ghép lời ca các bài hát trong chương trình mầm non giọng d moll.	0	0	2	Tài liệu [1], [3] phần tập đọc nhạc và tài liệu [5]	- Nắm được cấu tạo và tính chất của gam d moll , âm ổn định của giọng d moll - Phân tích bài hát (về mặt lý thuyết) - Đọc nốt nhạc của bài hát - Nghiên cứu cách đọc cao độ, tiết tấu của bài hát	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02	Giảng giải, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập.
8	Bài 6 : Xướng âm giọng e moll 1. Luyện đọc gam - Âm ổn định giọng e moll 2. Bài tập thực hành: Ứng dụng xướng âm và ghép lời ca các bài hát trong chương trình mầm non giọng e moll.	0	0	2	Tài liệu [1], [3] phần tập đọc nhạc và tài liệu [5]	- Nắm được cấu tạo và tính chất của gam e moll , âm ổn định của giọng e moll - Phân tích bài hát (về mặt lý thuyết) - Đọc nốt nhạc của bài hát -	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02	

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT / TL	TH/ TN				
						Nghiên cứu cách đọc cao độ, tiết tấu của bài hát		
	- Kiểm tra	0	0	1	Tài liệu [1], [3] phần tập đọc nhạc và tài liệu [5]	- Luyện tập các bài đã học -Thực hiện bài kiểm tra	KT04 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02	Luyện tập, kiểm tra, đánh giá
9	Phần III: Thực hành đàn Organ Bài 1: Bài tập luyện ngón cơ bản 1. Giới thiệu đàn organ 2. Bài tập luyện ngón cơ bản	0 0	0 0	15 4	Tài liệu [4]	- Nắm được cấu trúc cơ bản của đàn, nhận biết các nốt nhạc trên đàn, cách sử dụng một số chức năng, ký hiệu trên đàn, các ký hiệu của tay trái, tay phải khi sử dụng trên đàn. - Rèn luyện kỹ năng luyện ngón qua các bài kỹ thuật cơ bản.	KT05 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02	Giảng giải, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập.
10	Bài 2: Giọng C dur 1. Kỹ thuật chạy gam C dur 2. Ứng dụng thực hành các bài hát mầm non giọng C dur	0	0	4	Tài liệu [2] và [4]	- Rèn luyện kỹ năng luyện ngón qua các bài kỹ thuật cơ bản. - Luyện tập các bài kỹ thuật chạy gam C dur 1 quãng 8 và 2 quãng 8. - Thực hành các tác phẩm âm nhạc giọng C dur trên đàn organ.	KT05 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02	Giảng giải, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập.
11	Bài 3: Giọng G dur 1. Kỹ thuật chạy gam G dur	0	0	4	Tài liệu [2] và [4]	- Luyện tập các bài kỹ thuật chạy gam G dur 1 quãng 8 và 2	KT05 KN01	Giảng giải, diễn

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT / TL	TH/ TN				
	2. Ứng dụng thực hành các bài hát mầm non giọng G dur					quãng 8. - Thực hành các tác phẩm âm nhạc giọng G dur và trên đàn organ.	KN03 KN04 NL01 NL02	giải bằng âm thanh, luyện tập.
12	Bài 4: Giọng F dur 1. Kỹ thuật chạy gam F dur 2. Ứng dụng thực hành các bài hát mầm non giọng F dur Kiểm tra	0 0	0 0	2 1	Tài liệu [2] và [4]	- Luyện tập các bài kỹ thuật chạy gam F dur 1 quãng 8 và 2 quãng 8. - Thực hành các tác phẩm âm nhạc giọng F dur trên đàn organ. - Thực hiện bài kiểm tra	KT05 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02	Giảng giải, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non

Mã học phần: 710.05

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	25	tiết
+ Thực hành/thảo luận:	03	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng: Phân tích được sự thay đổi về hình thái, cấu tạo và hoạt động chức năng của cơ thể trẻ em từ 0 - 6 tuổi; Đánh giá được một số chỉ số thể chất cơ bản của trẻ mầm non. Vận dụng các kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non trong học tập các học phần chuyên ngành cũng như trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được đặc điểm cấu tạo và hoạt động của từng hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em từ 0 - 6 tuổi
- **KT02:** So sánh được đặc điểm cơ thể trẻ em ở các thời kì của lứa tuổi mầm non.
- **KT03:** Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non.
- **KT04:** Vận dụng các kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non vào giải thích một số hiện tượng sinh lý của trẻ và đề ra các biện pháp chăm sóc, bảo vệ các hệ cơ quan cho trẻ lứa tuổi mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Cân/đo/tính được các chỉ số thể chất đúng kỹ thuật, công thức.

- **KN02:** Sử dụng được biểu đồ tăng trưởng để theo dõi, đánh giá các chỉ số thể chất của trẻ.

- **KN03:** Vận dụng được đặc điểm phát triển về hình thái, cấu tạo và hoạt động của cơ thể trẻ em từ 0 – 6 tuổi để thực hiện chăm sóc, bảo vệ các hệ cơ quan cho trẻ một cách phù hợp và học tập các học phần chuyên ngành.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý hiệu quả thời gian học tập; chủ động hoàn thành các nhiệm vụ đúng kế hoạch; tích cực nghiên cứu giáo trình, tài liệu, ứng dụng công nghệ để tự tìm kiếm thông tin trên internet phục vụ cho quá trình học tập học phần.

- **NL02:** Nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có ý thức vận dụng kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non vào quá trình học tập, nghiên cứu các học phần chuyên ngành và trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ sau này.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01			2								
KT02			3								
KT03			4								
KT04			3								
KN01					3	4					
KN02					3	4					
KN03						3					
NL01									3	3	2
NL02									3	2	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung:

- Quá trình phát triển chung của cơ thể trẻ em
- Sự phát triển về hình thái, cấu tạo, hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ; Biện pháp chăm sóc và bảo vệ các hệ cơ quan cho trẻ lứa tuổi mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.

- Tham gia học tập trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

- [1]. Ninh Thị Huyền - Hồ Thị Thanh Tâm - Lê Thị Yến (2019), *Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- [2]. Tạ Thúy Lan - Trần Thị Loan (2008), *Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Giáo dục.

10.2 Sách tham khảo

- [3]. Bùi Thúy Ái - Nguyễn Ngọc Châm - Bùi Thị Thoa (2005), *Giáo trình Giải phẫu sinh lý - Vệ sinh phòng bệnh trẻ em*, NXB Hà Nội.
- [4]. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* ban hành kèm theo thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021.
- [5]. Lê Thanh Vân (2014), *Giáo trình Sinh lý học trẻ em*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 1
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 2
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

+ Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/ Thi	Nội dung	Thời điểm KT/ Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài kiểm tra thường xuyên	<i>*Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong các nội dung sau:</i> - Đặc điểm sinh lý, bệnh lý của trẻ qua các thời kì. Đề xuất (phân tích) các biện pháp chăm sóc phù hợp với từng thời kì. - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em. - Đánh giá một số chỉ số phát triển thể chất của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng.	Giáo viên linh động lựa chọn thời điểm phù hợp	Viết	- Trình bày logic, đủ ý. Lấy ví dụ minh họa cụ thể. - Nêu (phân tích) được các biện pháp chăm sóc phù hợp với mỗi thời kỳ. - Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài tới sự phát triển thể chất của trẻ lứa tuổi mầm non. - Tự điền đúng các chỉ số của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng - Tự đánh giá được chính xác các chỉ số thể chất của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng.	KT01, KT02, KT03, KN01, KN02 NL01
Bài kiểm tra định kỳ	- Trình bày sự phát triển của một hệ cơ quan (cơ quan) trong cơ thể trẻ em từ 0 - 6 tuổi. - Phân tích sự thay đổi về cấu tạo phù hợp với hoạt động (chức năng) của một hệ cơ quan (cơ quan) và biện pháp chăm sóc, bảo vệ hệ cơ quan (cơ	Tiết 15	Tự luận	- Trình bày logic, đủ ý. Lấy ví dụ minh họa cụ thể. - Phân tích từng nội dung kèm các ví dụ minh họa. - Đề xuất các biện pháp chăm sóc, bảo vệ hệ cơ quan (cơ quan) đó	KT01, KT04, KN03 NL01 NL02

	quan) đó cho trẻ.			cho trẻ một cách phù hợp.	
Bài kiểm tra định kỳ	- Trình bày (phân tích) đặc điểm phát triển một hệ cơ quan (cơ quan) của trẻ và liên hệ được với công tác chăm sóc hệ cơ quan (cơ quan) đó cho trẻ ở trường mầm non. - Giải thích một số hiện tượng sinh lý trong quá trình phát triển thể chất của trẻ và đề xuất biện pháp chăm sóc phù hợp.	Tiết 30 của chương trình	Viết	- Phân tích từng nội dung kèm các ví dụ minh họa. - Liên hệ được các biện pháp chăm sóc, bảo vệ hệ cơ quan (cơ quan) đó cho trẻ ở trường mầm non. - Giải thích có cơ sở khoa học - Nêu được các biện pháp chăm sóc phù hợp với các đặc điểm sinh lý của trẻ.	KT01, KT02, KT03, KN03 NL01,NL02
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi đáp ứng các chuẩn đầu ra của học phần	Theo kế hoạch của Trường	Viết	- Các câu hỏi của đề thi không nằm trong cùng 1 chương - Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01, KT02, KT04, KN03 NL01, NL02

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	T H/ TL	KT				
1	CHƯƠNG 1. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CƠ THỂ TRẺ EM 1.1. Khái niệm về quá trình phát triển của cơ thể trẻ em 1.1.1. Sinh trưởng và phát triển	3 1	3		Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu khái niệm, các quy	KT01 KT02 KT03 KN01 KN02 KN03	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình;

1.1.2. Phân hóa các cơ quan 1.1.3. Tạo thành hình dáng đặc trưng 1.2. Các quy luật phát triển của cơ thể trẻ em 1.3. Các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em 1.4. Một số chỉ số đánh giá sự phát triển thể chất trẻ em 1.4.1. Sự phát triển về cân nặng của trẻ 1.4.2. Sự phát triển về chiều cao của trẻ 1.4.3. Chỉ số khối cơ thể 1.4.4. Sự phát triển vòng đầu và vòng ngực 1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất trẻ em 1.5.1. Các yếu tố bên trong 1.5.2. Các yếu tố bên ngoài Thực hành: Theo dõi, đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng.	1	1	3	luật sinh trưởng và phát triển của cơ thể trẻ em. Lấy ví dụ minh họa. - Tìm hiểu đặc điểm sinh lý, bệnh lý, rút ra các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở các thời kỳ từ 0 - 6 tuổi. - Tìm hiểu và nhận xét về đặc điểm các chỉ số phát triển thể chất của trẻ. - Lấy ví dụ minh họa về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ. - Thực hành tính và đánh giá BMI của bản thân và người thân. - Chuẩn bị biểu đồ tăng trưởng và các dụng cụ thực hành, tập sử dụng biểu đồ tăng trưởng để đánh giá một số chỉ số phát triển thể chất của trẻ em. - Trả lời câu hỏi trang 34 tài	NL01 NL02	Thảo luận nhóm; Thực hành
--	---	---	---	--	--------------	------------------------------

	2.4.1. Ý nghĩa sinh học của giấc ngủ 2.4.2. Bản chất sinh lý của giấc ngủ 2.4.3. Những thay đổi của cơ thể lúc ngủ 2.4.4. Đặc điểm giấc ngủ trẻ em 2.5. Hệ thống tín hiệu ở trẻ em 2.5.1. Khái niệm 2.5.2. Sự hình thành hệ thống tín hiệu thứ hai ở trẻ em 2.6. Các loại hình thần kinh 2.7. Chăm sóc, bảo vệ hệ thần kinh trẻ em	1				trẻ em. - Thảo luận về các biện pháp vệ sinh, chăm sóc giấc ngủ cho trẻ ở trường mầm non. - Lấy ví dụ về vận dụng hai hệ thống tín hiệu trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. - Thảo luận về các biện pháp vệ sinh, bảo vệ hệ thần kinh cho trẻ. - Trả lời câu hỏi trang 50,75 tài liệu [1].		
3	CHƯƠNG 3. CÁC CƠ QUAN PHÂN TÍCH 3.1. Đại cương về cơ quan phân tích 3.1.1. Cấu tạo 3.1.2. Hoạt động 3.2. Sự phát triển một số cơ quan phân tích ở trẻ em 3.2.1. Cơ quan phân tích thị giác 3.2.2. Cơ quan phân tích thính giác 3.2.3. Cơ quan phân tích khứu giác 3.2.4. Cơ quan phân tích vị giác 3.2.5. Cơ quan phân tích xúc	3		1	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Thảo luận về vai trò của các cơ quan phân tích. - Tìm hiểu về cấu tạo và chức năng của cơ quan phân tích; đặc điểm phát triển các cơ quan phân tích của trẻ em - So sánh đặc điểm về cấu tạo một số cơ quan phân tích của trẻ em và người lớn. - Thảo luận về các biện pháp vệ sinh, chăm sóc, bảo vệ các cơ quan phân tích cho trẻ. - Trả lời câu hỏi trang 103 tài	KT01 KT04 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

	giác					liệu [1].		
	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 1,2,3		
4	CHƯƠNG 4. HỆ VẬN ĐỘNG 4.1. Hệ xương 4.1.1. Đại cương về hệ xương 4.1.2. Sự phát triển hệ xương trẻ em. 4.2. Hệ cơ 4.2.1. Đại cương về hệ cơ 4.2.2. Sự phát triển hệ cơ trẻ em 4.3. Tư thế 4.3.1. Tư thế bình thường 4.3.2. Tư thế không bình thường 4.3.3. Các biện pháp chăm sóc hệ cơ xương, phòng ngừa sự sai lệch về tư thế cho trẻ em.	3 1 1 1			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu cấu tạo và chức năng của hệ xương, hệ cơ; Sự phát triển hệ xương và hệ cơ của trẻ. - Phân biệt một số đặc điểm về bộ xương của trẻ sơ sinh và người trưởng thành. - Phân biệt các dấu hiệu của tư thế bình thường và tư thế không bình thường. - Thảo luận về các biện pháp chăm sóc hệ cơ xương, phòng ngừa sự sai lệch về tư thế cho trẻ. - Trả lời câu hỏi trang 122,123 tài liệu [1].	KT01 KT04 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm
5	CHƯƠNG 5. HỆ TUẦN HOÀN 5.1. Máu 5.1.1. Đại cương về máu 5.1.2. Đặc điểm máu trẻ em 5.2. Tim và mạch máu 5.2.1 Đại cương về tim và hệ	2 1 1			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu về chức năng, thành phần của máu. Đặc điểm máu, đặc điểm tim và mạch máu của trẻ em.	KT01 KT04 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình;

	mạch 5.2.2. Đặc điểm tim và mạch máu trẻ em 5.2.3. Chăm sóc, bảo vệ hệ tuần hoàn trẻ em.					- Thảo luận về các biện pháp chăm sóc, bảo vệ hệ tuần hoàn trẻ em. - Trả lời câu hỏi 1-6 trang 144- 145 tài liệu [1].		Thảo luận nhóm
6	CHƯƠNG 6. HỆ HÔ HẤP 6.1. Đại cương về hệ hô hấp 6.1.1. Vai trò của hệ hô hấp 6.1.2. Hình thái và cấu tạo của hệ hô hấp 6.1.3. Hoạt động hô hấp 6.2. Sự phát triển hệ hô hấp ở trẻ em 6.2.1. Sự phát triển về hình thái và cấu tạo 6.2.2. Sự phát triển về hoạt động 6.2.3. Chăm sóc, bảo vệ hệ hô hấp trẻ em	2 1 1			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu về cấu tạo và chức năng của các cơ quan hô hấp. - Thảo luận về các biện pháp vệ sinh, bảo vệ và rèn luyện hệ hô hấp cho trẻ mầm non. - Trả lời câu hỏi 1-6 trang 161 tài liệu [1].	KT01 KT04 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận
7	CHƯƠNG 7. HỆ TIÊU HÓA 7.1. Đại cương về hệ tiêu hóa 7.1.1. Hình thái và cấu tạo hệ tiêu hóa 7.1.2. Chức năng hệ tiêu hóa 7.2. Sự phát triển hình thái và cấu tạo hệ tiêu hóa trẻ em 7.3. Sự phát triển về chức năng hệ tiêu hóa trẻ em	3 1 1 1			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Sơ đồ hóa về cấu tạo của hệ tiêu hóa - Giải thích một số hiện tượng sinh lý: trẻ nhỏ hay bị nôn trớ; dễ bị hóc, nghẹn, sặc khi ăn; Tại sao không cho trẻ ăn bột quá sớm?	KT01 KT04 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

	9.2.1. Hệ sinh dục nam 9.2.2. Hệ sinh dục nữ 9.2.3. Dậy thì sớm ở trẻ em 9.2.4. Vệ sinh giới tính cho trẻ em					sớm ở trẻ em: biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả, cách phòng ngừa. - Thảo luận về các biện pháp vệ sinh giới tính cho trẻ em. - Trả lời câu hỏi trang 232 tài liệu [1].		
	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 4 - 9		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Toán cơ sở

Mã học phần: 710.50

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	20	tiết
+ Thảo luận:	2	tiết
+ Thực hành/thí nghiệm (Bài tập):	08	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không.

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

- Hiểu đầy đủ các khái niệm toán học và có kỹ năng giải bài tập về: Khái niệm tập hợp; Tập hợp con; Tập hợp bằng nhau; Các phép toán trên các tập hợp; Khái niệm ánh xạ; Đơn ánh; Toàn ánh; Song ánh; Dãy số tự nhiên và tính chất; Phép toán trên tập hợp số tự nhiên.
- Vận dụng các khái niệm toán học cơ bản đã học làm rõ, soi sáng các biểu tượng toán học trong chương trình dạy trẻ làm quen với toán cho trẻ Mẫu giáo về: Tập hợp - số lượng - phép đếm; Hình dạng; Kích thước; Định hướng trong không gian và biểu tượng thời gian.
- Bồi dưỡng năng lực toán học, năng lực giao tiếp, ngôn ngữ toán học; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng sử dụng kiến thức kỹ năng tin học; năng lực tổ chức hoạt động nhóm.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Kiến thức:

- **KT01:** Mô tả được khái niệm tập hợp; phần tử của tập hợp. Phân biệt được phần tử với tập hợp; hiểu được cách biểu diễn các tập hợp; Hiểu và thực hành giải bài tập về tập hợp, tập hợp con, tập hợp bằng nhau; các phép toán và tính chất trên các tập hợp; Minh họa được sự thể hiện các khái niệm trong dạy trẻ làm quen với toán ở mẫu giáo.
- **KT02:** Giải thích được các khái niệm ánh xạ; ảnh và tạo ảnh, các loại ánh xạ; Hiểu và thực hành được cách chứng minh ánh xạ, đơn ánh, toàn ánh, song ánh. Minh họa được sự thể hiện các khái niệm trong dạy trẻ làm quen với toán ở mẫu giáo.
- **KT03:** Trình bày được lược đồ xây dựng số tự nhiên; Dãy số tự nhiên và tính chất; các phép toán trên tập hợp số tự nhiên; Hiểu và thực hành giải các bài tập về số tự nhiên; Giảng giải và minh họa biểu tượng tập hợp - số lượng - phép đếm trong dạy trẻ làm quen với toán ở mẫu giáo.

Kỹ năng:

- **KN01:** Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo: Phát hiện, phân tích và giải quyết được vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập và thực hành thảo luận. Quan sát, đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá trong học tập và rèn luyện.
- **KN02:** Kỹ năng thực hành: Tổ chức các hoạt động nhận thức, hoạt động nhóm trong quá trình học tập, rèn luyện; Vận dụng các kiến thức đã học vào học tập và thực hành nội dung học phần Dạy trẻ làm quen với toán ở mẫu giáo.
- **KN03:** Kỹ năng giao tiếp: Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp bạn, với giảng viên; Quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử một cách thân thiện và tôn trọng sự khác biệt của mọi người; Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với bạn và giảng viên.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.
- **NL02:** Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập và rèn luyện. Tự đánh giá chất lượng thực hiện công việc để hoàn thiện, phát triển bản thân.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		x	x								
KT02		x	x								

KT03		x	x								
KN01					x						
KN02						x					
KN03							x				
NL01									x		
NL02									x		x
NL03										x	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán cơ sở: Khái niệm, các phép toán, tính chất của tập hợp; ánh xạ, số tự nhiên, lược đồ xây dựng khái niệm số tự nhiên. Sinh viên hiểu và vận dụng được các khái niệm toán học cơ bản đã học làm rõ, soi sáng các biểu tượng toán học trong chương trình dạy trẻ làm quen với toán cho trẻ Mẫu giáo về: Tập hợp - số lượng - phép đếm; Hình dạng; Kích thước; Định hướng trong không gian và biểu tượng thời gian.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia kiểm tra giữa kỳ và dự kì thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập:

9.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Đinh Thị Nhung (2000), *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ mẫu giáo*, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.

9.2. Sách tham khảo:

[2] Nguyễn Duy thuận - Trịnh Minh Loan (1997), *Toán và Phương pháp cho trẻ làm quen với những biểu tượng sơ đẳng về Toán (hệ THSP)*, Nhà xuất bản Giáo dục.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 1
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 2
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên), các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Kiểm tra thường xuyên	- Trình bày các khái niệm: Tập hợp; Phần tử của tập hợp, biểu diễn một tập hợp; Tập rỗng; Tập hợp con; Tập hợp bằng nhau; Các phép toán trên các tập hợp. - Chứng minh tính chất: Giao hoán, kết hợp, tập con, phần bù.	Tuần 2 - 5	Vấn đáp Thực hành	- Trình bày ngắn gọn, chính xác. - Lấy ví dụ minh họa rõ ràng, phù hợp với đối tượng sinh viên (SV) và đối tượng trẻ mầm non (MN). - Chứng minh tính chất chặt chẽ, logic.	KT01 KN01, 02, 03 NL01, 02, 03
Kiểm tra thường xuyên	- Trình bày các khái niệm: Ánh xạ; Đơn ánh; Toàn ánh; Song ánh. - Chứng minh 1 tương ứng là ánh xạ; một ánh xạ là Đơn ánh; Toàn ánh; Song ánh.	Tuần 6 - 9	Vấn đáp Thực hành	- Trình bày ngắn gọn, chính xác. - Lấy ví dụ minh họa rõ ràng, phù hợp với đối tượng SV và trẻ MN. - Chứng minh chặt chẽ, logic.	KT02 KN01, 02, 03 NL01, 02, 03
Kiểm tra định kỳ	Nội dung kiểm tra bao quát các chuẩn đầu ra của chương I	Tuần 9	Tự luận	- Trình bày ngắn gọn, chính xác. - Lấy ví dụ minh họa rõ ràng. - Chứng minh chặt chẽ, logic.	KT01, 02 KN01, 02, 03 NL01, 02, 03

Kiểm tra thường xuyên	- Trình bày các khái niệm: Số tự nhiên; quan hệ thứ tự, phép toán trên N - Chứng minh tính chất: Giao hoán, kết hợp, phân phối trên N	Tuần 9 - 14	Vấn đáp Thực hành	- Trình bày ngắn gọn, chính xác. - Lấy ví dụ minh họa rõ ràng, phù hợp với đối tượng SV và trẻ MN. - Chứng minh chặt chẽ, logic.	KT03 KN01, 02, 03 NL01, 02, 03
Kiểm tra định kỳ	Nội dung kiểm tra bao quát các chuẩn đầu ra của chương II	Tuần 15	Tự luận	- Trình bày ngắn gọn, chính xác. - Lấy ví dụ minh họa rõ ràng. - Chứng minh chặt chẽ, logic.	KT01, 02, 03 KN01, 02, 03 NL01, 02, 03
Thi kết thúc HP	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01, 02, 03 KN01, 02, 03 NL01, 02, 03

11. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy học
		LT	BT TL	KT				
1	Chương I: Tập hợp - Ảnh xạ I. Khái niệm tập hợp 1. Tập hợp 2. Phần tử của tập hợp, biểu diễn một tập hợp II. Các loại tập hợp 1. Tập rỗng 2. Tập hợp con	10 2	6	1	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 7-35 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 7 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 7 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 8-11 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 11 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 11	Đọc, mô tả và lấy ví dụ minh họa các khái niệm: 1. Tập hợp 2. Phần tử của tập hợp, biểu diễn một tập hợp 3. Tập rỗng 4. Tập hợp con	KT 01 NL 01 NL 02 NL 03	Trực quan; Vấn đáp gợi mở; Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm;

	3. Tập hợp bằng nhau				<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 12	5. Tập hợp bằng nhau		
2	III. Các phép toán trên tập hợp 1. Phép toán hợp 2. Phép toán giao 3. Các tính chất các phép toán 4. Phép toán hiệu	2			<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 13 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 14 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 15-16 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 16-17	Trình bày, lấy ví dụ về các khái niệm: Phép hợp; Phép giao; Hiệu của 2 tập hợp. Chứng minh tính chất về tập hợp.	KT 01 NL 01 NL 02 NL 03	Trực quan; Vấn đáp gọi mở; Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm; Thực hành luyện tập
3	Bài tập về tập hợp và các phép toán trên tập hợp.		2		<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 19-20	Trình bày, giải thích, chứng minh các bài tập về tập hợp	KT 01 KN 01 KN 02 KN 03	Vấn đáp gọi mở; Thảo luận nhóm; Thực hành luyện tập
4	III. Các phép toán trên tập hợp 5. Phần bù của một tập con trong một tập hợp. 6. Tích đề các của hai tập hợp.	2			<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 16-17 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 17-18	Đọc, mô tả và lấy ví dụ minh họa khái niệm: 5. Phần bù của một tập con trong một tập hợp. 6. Tích đề các của hai tập hợp.	KT 01 NL 01 NL 02 NL 03	Trực quan; Vấn đáp gọi mở; Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm;
5	Bài tập về tập hợp và các phép toán trên tập hợp.		2		<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 19-20	Trình bày, giải thích, chứng minh các bài tập về tập hợp	KT 01 NL 01 NL 02 NL 03	Vấn đáp gọi mở; Thảo luận nhóm; Thực hành luyện tập
6	IV. Ánh xạ 1. Khái niệm ánh xạ 2. Đơn ánh	2			<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 29-35 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 29-32 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 32-33	Trình bày và lấy ví dụ minh họa khái niệm: 1. Khái niệm ánh xạ 2. Đơn ánh	KT 02 NL 01 NL 02 NL 03	Trực quan; Vấn đáp gọi mở; Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm;
7	IV. Ánh xạ 3. Toàn ánh	2			<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 33	Trình bày và lấy ví dụ minh họa khái niệm:	KT 02 NL 01	Trực quan; Vấn đáp gọi mở;

	4. Song ánh				Tài liệu [1]: Tr 33	3. Toàn ánh 4. Song ánh	NL 02 NL 03	Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm;
8	Bài tập về ánh xạ		2		Tài liệu [1]: Tr 19-20	Trình bày, giải thích, chứng minh các bài tập về ánh xạ	KT 02 KN 01 KN 02 KN 03	Vấn đáp gọi mở; Thảo luận nhóm; Thực hành luyện tập
9	Kiểm tra 1 tiết chương I Chương II: Số tự nhiên I. Dãy số tự nhiên và tính chất 1. Khái niệm bản số của tập hợp	8 1	4	1 1	Tài liệu [1]: Tr 37-47 Tài liệu [1]: Tr 37-40	Trình bày và lấy ví dụ minh họa khái niệm: Tập hợp tương đương	KT 02 NL 01 NL 02 NL 03	Trực quan; Vấn đáp gọi mở; Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm;
10	I. Dãy số tự nhiên và tính chất 2. Định nghĩa số tự nhiên	2			Tài liệu [1]: Tr 40-41	Trình bày và lấy ví dụ minh họa khái niệm: Tập hữu hạn, tập vô hạn Bản số của tập hợp	KT 03 NL 01 NL 02 NL 03	Trực quan; Vấn đáp gọi mở; Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm;
11	I. Dãy số tự nhiên và tính chất 3. Quan hệ thứ tự trên $\mathbb{N}$	2			Tài liệu [2]: Tr 42-46	Trình bày và lấy ví dụ minh họa khái niệm: Lược đồ xây dựng số tự nhiên	KT 03 NL 01 NL 02 NL 03	Trực quan; Vấn đáp gọi mở; Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm;
12	Bài tập về số tự nhiên		2		Tài liệu [2]: Tr 57-58	Trình bày, giải thích, chứng minh các bài tập về số tự nhiên	KT 03 KN 01 KN 02 KN 03	Vấn đáp gọi mở; Thảo luận nhóm; Thực hành luyện tập
13	II. Các phép toán trên $\mathbb{N}$ 1. Phép cộng 2. Phép trừ 3. Phép nhân	2			Tài liệu [2]: Tr 46-47 Tài liệu [2]: Tr 48 Tài liệu [2]: Tr 48-49	Trình bày và lấy ví dụ minh họa khái niệm: Phép cộng; Phép trừ; Phép nhân	KT 03 NL 01 NL 02 NL 03	Trực quan; Vấn đáp gọi mở; Diễn giải minh họa Thảo luận nhóm;
14			2			Trình bày, giải thích,	KT 03	Vấn đáp gọi mở;

	Bài tập về số tự nhiên				<i>Tài liệu</i> [2]: Tr 57-58	chứng minh các bài tập về số tự nhiên	KN 01 KN 02 KN 03	Thảo luận nhóm; Thực hành luyện tập
15	Ôn tập chương II. Kiểm tra 1 tiết	1		1				Thực hành luyện tập

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Việt thực hành

Mã học phần: 710.51

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	18	tiết
+ Thảo luận/thực hành:	10	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức/nguyên tắc cơ bản khi sử dụng tiếng Việt về chính tả, từ ngữ, câu, đoạn văn và văn bản.
- Hệ thống hóa những nguyên tắc cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt, trong tạo lập cũng như tiếp nhận văn bản.
- Vận dụng được kiến thức cơ bản của môn học để nhận diện, phân tích được vấn đề đúng/sai, chuẩn mực/chưa chuẩn mực và trình bày được cách khắc phục, sửa chữa lỗi trong thực tế sử dụng tiếng Việt nhất là việc sử dụng tiếng Việt trong trường Mầm non. Từ đó người học có thể rèn luyện, phát triển kỹ năng nói/viết và phân tích văn bản một cách chính xác, hiệu quả.
- Vận dụng ngôn ngữ tiếng Việt thành thạo và chuẩn mực để phát triển kỹ năng thuyết trình, tranh luận, thuyết phục; nâng cao kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác; phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh...
- Sinh viên có ý thức, tinh thần say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; nhận thức được tầm quan trọng của ngôn ngữ trong giao tiếp và sự giàu đẹp của tiếng Việt; có ý thức học tập, trau dồi năng lực vận dụng ngôn ngữ, sử dụng tiếng Việt chính xác và sáng tạo, từ đó nâng cao lòng yêu quý, trân trọng và góp phần giữ gìn bản sắc của tiếng nói dân tộc cho bản thân nói riêng và trẻ mầm non nói chung.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được các kiến thức cơ bản về văn bản như: khái niệm, đặc trưng cơ bản của văn bản, giản yếu một số loại văn bản; phân tích văn bản; tóm tắt nội dung một tài liệu khoa học; tạo lập văn bản.
- **KT02:** Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn bản, phân tích văn bản, tạo lập văn bản để rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn, nói và viết văn bản.
- **KT03:** Trình bày được những kiến thức/nguyên tắc cơ bản về đặt câu, dùng từ và viết chính tả trong văn bản.
- **KT04:** Vận dụng các kiến thức cơ bản của tiếng Việt về câu, từ ngữ, chính tả để phát hiện và sửa các lỗi sai về đặt câu, dùng từ và viết chính tả trong văn bản. Đồng thời phát hiện và sửa lỗi về ngữ âm, từ, câu và khả năng diễn đạt của trẻ mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Phát triển kỹ năng tạo lập và phân tích văn bản một cách chính xác, hiệu quả. Từ đó góp phần cùng với các môn học khác rèn luyện tư duy khoa học trong học tập, nghiên cứu.
- **KN02:** Vận dụng được những kiến thức cơ bản của môn học để nhận diện, phân tích được vấn đề đúng/sai, chuẩn mực/chưa chuẩn mực và trình bày được cách khắc phục, sửa chữa lỗi trong thực tế sử dụng tiếng Việt (về chính tả, từ ngữ, câu, đoạn văn và văn bản) của bản thân và trẻ mầm non.
- **KN03:** Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh; hình thành tư duy phản biện; nâng cao kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.
- **NL02:** Có ý thức, tinh thần say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trau dồi năng lực vận dụng ngôn ngữ, sử dụng tiếng Việt chính xác và sáng tạo từ đó nâng cao lòng yêu quý, trân trọng và góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cho cô và trẻ.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01		3									
KT02		3					2				
KT03		3									
KT04		3				2					
KN01		3			3						
KN02		3					3				
KN03					2				3		
NL01							2		3		
NL02									3		
NL03							3		2		

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về văn bản: khái niệm, đặc trưng cơ bản của văn bản; phân tích văn bản; tóm tắt nội dung một tài liệu khoa học; tạo lập văn bản; trang bị các kiến thức cơ bản về đặt câu, dùng từ, viết chính tả trong văn bản. Sinh viên vận dụng các kiến thức của môn học để thực hành phân tích và tạo lập văn bản; phát hiện và sửa các lỗi sai về đặt câu, dùng từ và viết chính tả.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2020). *Tiếng Việt thực hành*. NXB Giáo dục.

10.2. Sách tham khảo:

[2]. Diệp Quang Ban, Hoàng Dân (2000). *Ngữ pháp Tiếng Việt*. NXB Giáo dục.

[3]. Nguyễn Hoài Nguyên (2012). *Thực hành văn bản Tiếng Việt*. Trường Đại học Vinh.

[4]. Hoàng Thị Oanh, Phạm Thị Việt, Nguyễn Kim Đức (2005). *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi*. NXB ĐH QG Hà Nội.

[5]. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (2001). *Tiếng Việt thực hành*. NXB ĐHQGHN.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 02
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo.
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
 - + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định điều kiện ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT thường xuyên	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Trình bày khái niệm, đặc trưng của văn bản. - Tìm ý chính của đoạn văn. - Phân tích các kiểu lập luận trong đoạn văn. - Chỉ ra các phương tiện liên kết trong đoạn văn.	GV tự bố trí thời điểm phù hợp	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích các khái niệm, đặc trưng của văn bản. - Trình bày được cách tìm ý chính của đoạn văn; chỉ ra được ý chính trong 1 đoạn văn cụ thể. - Phân tích được các kiểu lập luận thường gặp trong đoạn văn; chỉ ra được kiểu lập luận trong 1 đoạn văn cụ thể. - Chỉ ra được các phương tiện liên	KT 01 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02

				kết trong đoạn văn cụ thể.	
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Trình bày khái niệm, mục đích - yêu cầu, các thao tác lập đề cương cho văn bản. - Phân tích các yêu cầu và các thao tác viết đoạn văn. - Thực hành viết đoạn văn.	Tiết 18	Tự luận	- Trình bày ngắn gọn, súc tích khái niệm, mục đích - yêu cầu, các thao tác lập đề cương. - Phân tích cụ thể, chi tiết các yêu cầu, các thao tác viết đoạn văn. Lấy được ví dụ minh họa. - Viết đoạn văn theo yêu cầu.	KT 01 KT 02 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Trình bày các yêu cầu về đặt câu, dùng từ và viết chính tả trong văn bản. - Phát hiện và sửa các lỗi sai về chính tả, dùng từ, đặt câu.	Tiết 30	Tự luận	- Trình bày cụ thể, chi tiết các yêu cầu. Lấy được ví dụ minh họa. - Chỉ ra được các lỗi sai và sửa lại cho đúng.	KT 03 KT 04 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	K T				
1	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1]	- Đọc và trình bày được khái niệm giao tiếp, các quá trình hoạt động	KT 01 KN 01	Phát vấn; Thuyết

	1.1. Giao tiếp và văn bản 1.1.1 Giao tiếp 1.1.2. Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người và xã hội loài người 1.1.3. Các quá trình hoạt động giao tiếp (phát - nhận) 1.1.4. Các nhân tố tác động đến quá trình tạo lập và tiếp nhận văn bản.				Tài liệu [2] Tài liệu [3]	giao tiếp, các nhân tố tác động đến quá trình tạo lập và tiếp nhận văn bản. - Trình bày được khái niệm, đặc trưng cơ bản của văn bản, phân biệt một số loại văn bản.	NL 01 NL 02 NL 03	trình
	1.2. Văn bản - Khái niệm và những đặc trưng cơ bản 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Đặc trưng cơ bản 1.3. Giảm yếu một số loại văn bản 1.3.1. Văn bản khoa học 1.3.2. Văn bản nghị luận 1.3.3. Văn bản hành chính							
2	1.4. Thực hành Sinh viên thực hiện bài tập: 1.4.1. Bài tập phân tích đặc trưng văn bản 1.4.2. Bài tập nhận diện các loại văn bản	0	1	0	Tài liệu [1] Bài tập GV cung cấp	Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV.	KT 02 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, Thực hành
3	CHƯƠNG 2: THỰC HÀNH PHÂN TÍCH VĂN BẢN 2.1. Phân tích đoạn văn 2.1.1. Tìm ý chính của đoạn văn 2.1.2. Tìm hiểu lập luận trong đoạn văn 2.1.3. Phân tích sự liên kết giữa các câu	3	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [3]	- Đọc và trình bày được khái niệm ý chính của đoạn văn, cách tìm ý chính của đoạn văn. - Trình bày được các kiểu lập luận trong đoạn văn. - Phân tích được sự liên kết giữa	KT 01 KN 01 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình

	trong đoạn văn 2.2. Phân tích bố cục và lập luận toàn văn bản 2.2.1. Bố cục của văn bản 2.2.2. Tái tạo đề cương văn bản					các câu trong đoạn văn. - Trình bày được bố cục và lập luận của văn bản.		
4	2.3. Thực hành phân tích văn bản Sinh viên thực hiện bài tập: 2.3.1. Bài tập tìm ý chính đoạn văn 2.3.2. Tìm hiểu các kiểu lập luận trong đoạn văn 2.3.3. Phân tích sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn	0	2	0	<i>Tài liệu</i> [1] Bài tập GV cung cấp	Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV	KT 02 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, Thực hành
5	CHƯƠNG 3: TÓM TẮT NỘI DUNG TÀI LIỆU KHOA HỌC 3.1. Tóm tắt một tài liệu khoa học 3.1.1. Mục đích và yêu cầu của việc tóm tắt 3.1.2. Nguyên tắc tóm tắt 3.1.3. Các cách tóm tắt thường sử dụng	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1]	Đọc và trình bày được mục đích và yêu cầu, nguyên tắc của việc tóm tắt; các cách tóm tắt thường sử dụng.	KT 01 KN 01 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình
6	3.2. Thực hành Sinh viên thực hiện bài tập: Bài tập tóm tắt văn bản khoa học	0	1	0	<i>Tài liệu</i> [1] Bài tập GV cung cấp	Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV	KT 01 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, Thực hành
7	CHƯƠNG 4: TẠO LẬP VĂN BẢN 4.1. Lập đề cương cho văn bản 4.1.1. Khái niệm đề cương 4.1.2. Mục đích và yêu cầu của việc lập đề cương	4	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2]	- Đọc và trình bày được khái niệm, mục đích - yêu cầu của việc lập đề cương, các loại đề cương; phân tích các thao tác lập đề cương cho văn bản.	KT 01 KT 02 KN 01 KN 03 NL 01	Phát vấn; Thuyết trình

	4.1.3. Đề cương sơ giản và đề cương chi tiết 4.1.4. Các thao tác lập đề cương cho văn bản 4.1.5. Một số lỗi thường mắc khi lập đề cương 4.2. Viết đoạn văn và văn bản 4.2.1. Khái niệm đoạn văn 4.2.2. Yêu cầu về đoạn văn trong văn bản 4.2.3. Các thao tác viết đoạn văn 4.2.4. Liên kết đoạn văn					- Trình bày được khái niệm, yêu cầu về đoạn văn trong văn bản, các thao tác cần tiến hành khi viết đoạn văn, liên kết đoạn văn thành văn bản.	NL 02 NL 03	
8	4.3. Thực hành Sinh viên thực hiện bài tập 4.3.1. Bài tập lập đề cương 4.3.2. Bài tập viết đoạn văn	0	2		<i>Tài liệu [1]</i> <i>Bài tập GV</i> <i>cung cấp</i>	- Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV - Ôn tập các nội dung theo yêu cầu của GV	KT 01 KT 02 KN 01 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, Thực hành
9	Kiểm tra định kỳ			1				
10	CHƯƠNG 5: ĐẶT CÂU TRONG VĂN BẢN 5.1. Yêu cầu về câu trong văn bản 5.1.1. Xét quan hệ hướng nội 5.1.2. Xét quan hệ hướng ngoại 5.2. Chữa các lỗi về câu trong văn bản 5.2.1. Các lỗi về cấu tạo câu 5.2.2. Các lỗi về dấu câu	3	0	0	<i>Tài liệu [1]</i> <i>Tài liệu [4]</i> <i>Tài liệu [5]</i>	- Đọc và trình bày được các yêu cầu về câu trong văn bản. - Tìm một số ví dụ, chỉ ra các lỗi sai, nguyên nhân và cách sửa các lỗi về câu.	KT 03 KT 04 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình
11	5.3. Thực hành Phát hiện và chữa các loại lỗi về câu trong văn bản 5.3.1. Bài tập chữa câu sai cấu tạo	0	2	0	<i>Tài liệu [1]</i> <i>Tài liệu [5]</i> <i>Bài tập GV</i> <i>cung cấp</i>	Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV.	KT 04 KN02 KN03 NL 01	Thảo luận nhóm, Thực hành

	5.3.2. Bài tập chữa câu sai về dấu câu.						NL 02 NL 03	
12	CHƯƠNG 6: DÙNG TỪ TRONG VĂN BẢN 6.1. Những yêu cầu chung về việc dùng từ trong văn bản 6.1.1. Đúng âm thanh và hình thức cấu tạo 6.1.2. Đúng về nghĩa 6.1.3. Đúng về quan hệ kết hợp 6.1.4. Thích hợp với phong cách ngôn ngữ của văn bản 6.1.5. Đảm bảo tính hệ thống của văn bản 6.1.6. Tránh hiện tượng lặp, thừa từ không cần thiết, sáo rỗng công thức 6.2. Chữa các lỗi về từ trong văn bản 6.2.1. Các lỗi về nghĩa của từ 6.2.2. Các lỗi về phong cách	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [5]	- Đọc và trình bày được các yêu cầu về việc dùng từ trong văn bản. - Tìm một số ví dụ, chỉ ra các lỗi sai, nguyên nhân và cách sửa các lỗi về từ trong văn bản.	KT 03 KT 04 KN 02 KN03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình
13	6.3. Thực hành Phát hiện và chữa lỗi về từ trong văn bản 6.3.1. Bài tập chữa các lỗi về nghĩa của từ 6.3.2. Bài tập chữa các lỗi về phong cách	0	1	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [5] <i>Bài tập GV cung cấp</i>	Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV	KT 03 KT 04 KN 02 KN03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, Thực hành
14	CHƯƠNG 7: CHỮ VIẾT TRONG VĂN BẢN 7.1. Chính tả 7.1.1. Đặc điểm chính tả tiếng Việt	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [5]	- Đọc và trình bày được đặc điểm chính tả tiếng Việt, nguyên tắc kết hợp chính tả TV, quy tắc viết hoa. - Tìm một số ví dụ, chỉ ra các lỗi	KT 03 KT04 KN 02 KN 03	Phát vấn; Thuyết trình

	7.1.2. Nguyên tắc kết hợp chính tả tiếng Việt 7.1.3. Quy tắc viết hoa hiện hành 7.2. Lỗi chính tả 7.2.1. Lỗi do sai nguyên tắc chính tả hiện hành 7.2.2. Lỗi do viết sai với phát âm chuẩn					sai, nguyên nhân và cách sửa các lỗi về chính tả trong văn bản.	NL 01 NL 02 NL 03	
15	7.3. Thực hành Phát hiện và chữa lỗi chính tả trong văn bản 7.3.1. Bài tập chữa lỗi viết hoa 7.3.2. Bài tập chữa lỗi phiên âm	0	1		<i>Tài liệu [1]</i> <i>Bài tập GV</i> <i>cung cấp</i>	- Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV - Ôn tập các nội dung theo yêu cầu của GV	KT 03 KT 04 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, Thực hành
16	Kiểm tra định kỳ			1				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tâm lý học đại cương

Mã học phần: 004.01

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Cao đẳng Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	24	tiết
+ Thảo luận:	1	tiết
+ Thực hành/thí nghiệm:	3	tiết
+ Kiểm tra định kỳ	2	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

Hiểu được các kiến thức tâm lý học cơ bản: các khái niệm, bản chất, đặc điểm, quy luật hình thành, phát triển, các yếu tố ảnh hưởng của hiện tượng tâm lý (ý thức, chú ý, cảm giác, tri giác, tư duy tưởng tượng, ngôn ngữ, trí nhớ, tình cảm, ý chí, nhân cách...).

Vận dụng được các kiến thức tâm lý học để nhận biết, đánh giá, giải thích các hiện tượng tâm lý của bản thân, người khác và của trẻ em trong cuộc sống và trong giáo dục.

Phát triển được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học và nghiên cứu tâm lý, kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và giáo dục trẻ em, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin vào việc học tập, nghiên cứu tâm lý.

Có cách nhìn khoa học về các hiện tượng tâm lý người, tin tưởng và thấy được giá trị của tâm lý học đối với cuộc sống và hoạt động giáo dục trẻ em.

Có thái độ yêu thích, hứng thú học tập và vận dụng khoa học tâm lý vào cuộc sống và hoạt động giáo dục trẻ em.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức (KT):

KT1: Nhận biết, trình bày và giải thích được đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, ý nghĩa của Tâm lý học; khái niệm tâm lý, bản chất, chức năng của hiện tượng tâm lý người; phương pháp nghiên cứu Tâm lý học. Vận dụng kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý để giải thích hiện tượng tâm lý theo quan điểm khoa học và vận dụng phương pháp nghiên cứu tâm lý để hiểu tâm lý bản thân, người khác và trẻ mầm non.

KT2: Nêu, diễn giải được khái niệm hoạt động, giao tiếp, sự phát triển tâm lý, ý thức, chú ý; đặc điểm, cấu trúc của hoạt động, giao tiếp, ý thức; vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự phát triển tâm lý, con đường hình thành phát triển ý thức. Vận dụng được kiến thức đã học về hoạt động, giao tiếp, sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức để nhận diện, giải thích, đánh giá và tổ chức điều chỉnh, phát triển hoạt động, giao tiếp, tâm lý, ý thức, chú ý của bản thân, người khác và trẻ mầm non.

KT3: Nhận biết, trình bày và lấy ví dụ minh họa được khái niệm của quá trình nhận thức, quy luật, đặc điểm, vai trò của các quá trình nhận thức. Phân biệt, so sánh các quá trình nhận thức. Vận dụng được kiến thức đã học về nhận thức để nhận diện, giải thích, đánh giá và tổ chức điều chỉnh, phát triển quá trình nhận thức của bản thân, người khác và trẻ mầm non.

KT4: Nhớ, trình bày và lấy ví dụ minh họa khái niệm, vai trò, đặc điểm, quy luật của xúc cảm, tình cảm và ý chí. Phân biệt cảm xúc và tình cảm, kỹ xảo và thói quen. Vận dụng được kiến thức đã học về tình cảm và ý chí để nhận diện, giải thích, đánh giá và tổ chức điều chỉnh, phát triển cảm xúc, tình cảm và ý chí của bản thân, người khác và trẻ mầm non.

KT5: Nhận ra, diễn đạt và giải thích khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của nhân cách, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách. So sánh và phân biệt được cá nhân, cá tính và nhân cách; các yếu tố cấu tạo nên nhân cách. Vận dụng được kiến thức đã học về nhân cách để nhận diện, giải thích, đánh giá và tổ chức điều chỉnh, phát triển nhân cách của bản thân, người khác và trẻ mầm non.

- Kỹ năng (KN):

KN1: Thành thạo kỹ năng nhận thức, giao tiếp.

KN2: Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học tâm lý, hiện tượng tâm lý của bản thân, trẻ mầm non và những người xung quanh

KN3: Thành thạo khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tâm lý trong cuộc sống và trong hoạt động giáo dục.

KN4: Thành thạo khả năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, tổ chức hoạt động học, sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL1: Tin tưởng vào tính khoa học của tâm lý học hoạt động về bản chất các hiện tượng tâm lý người.

NL2: Nhận ra, tin tưởng vào vị trí, vai trò quan trọng của tâm lý học đối với hoạt động giáo dục trẻ mầm non.

NL3: Luôn tích cực, hứng thú, chủ động, tự chủ học tập học phần tâm lý học để góp phát triển phẩm chất và năng lực người giáo viên mầm non.

NL4: Có trách nhiệm và quản lý tốt thời gian học tập.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01			3	2							
KT02			3	2							
KT03			3	2							
KT04			3	2							
KT05			3	2							
KN01					3	3	3				
KN02					3	3	3				
KN03					3	3	3				
KN04					3	3	3				
NL01									2	2	2
NL02									2	2	2
NL03									2	2	2
NL04									2	2	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần Tâm lý học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần Tâm lý học đại cương bao gồm các khái niệm cơ bản như tâm lý, tâm lý học, khái niệm về các hiện tượng tâm lý cụ thể như: nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ, xúc cảm, tình cảm, ý chí và các khái niệm về hoạt động, giao tiếp, ý thức, nhân cách. Học phần này cũng làm rõ bản chất của tâm lý, cơ chế, chức năng, vai trò và phân loại mỗi hiện tượng tâm lý, con đường, quy luật hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

[1]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Trần Trọng Thủy (2007), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

10.2. Sách tham khảo

*** Tài liệu tiếng Việt:**

- [1]. Hoàng Anh (chủ biên), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc, *Hoạt động giao tiếp nhân cách*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2007.
- [2]. Lê Thị Bùng (chủ biên), Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Đức Sơn, *Các thuộc tính tâm lý điển hình của nhân cách*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2008.
- [3]. Lê Thị Bùng, Nguyễn Thị Vân Hương, *Những điều kỳ diệu về tâm lý học con người* (sưu tầm và biên soạn), NXB ĐHSP, Hà Nội, 2005
- [4]. Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Thạc, *Giáo trình tâm lý học đại cương*, (tái bản lần 6), NXB ĐHSP, Hà Nội, 2009.
- [5]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Kế Hào, Phan Thị Hạnh Mai, *Tâm lý học* (Dự án phát triển giáo dục tiểu học), NXB Hà Nội, 2007.
- [6]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang, *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2009.
- [7]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (2014), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục.
- [8]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (2020), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

*** Tài liệu tiếng Anh:**

[9]. Nigel Benson, Catherine Collin, Joannah Ginsburg, Voula Grand, Merrin Lazyan, Marcus Weeks (2012), *The Psychology Book: Big Ideas Simply Explained*, Dorling Kindersley Ltd

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 2 (1 bài kiểm tra thường xuyên và 1 điểm chuyên cần, thái độ)
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 2 bài
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hành chương 2 Báo cáo kết quả thực hành chương 3 Báo cáo kết quả thực hành chương 4 Báo cáo kết quả thảo luận chương 5	Tuần 4 Tuần 8 Tuần 11 Tuần 15	Thực hành, thảo luận	Hoàn thành nhiệm vụ đúng theo yêu cầu.	KT2, KT3, KT4, KT5, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung chương 1,2,3	Tuần 8	Tự luận	Hoàn thành bài kiểm tra đúng thời gian và đáp án.	KT1, KT2, KT3, KN1, KN3, NL1, NL2, NL3, NL4,
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung chương 4,5	Tuần 15	Tự luận	Hoàn thành bài kiểm tra đúng thời gian và đáp án.	KT4, KT5, KN1, KN3, NL1, NL2, NL3, NL4
Thi kết thúc học phần	Kiểm tra một số nội dung chương 1,2,3,4,5	Theo kế hoạch nhà	Tự luận	Hoàn thành bài thi đúng thời gian và đáp án.	Tương ứng nội dung lựa chọn

		trường			thuộc một số chuẩn trong CDR
--	--	--------	--	--	------------------------------------

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT / TL	TH/ TN/ KT				
1	Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC (3 tiết) 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, ý nghĩa của Tâm lý học 1.2. Bản chất, chức năng và phân loại hiện tượng tâm lý người	2			Giáo trình [1], trang : 7 -14, Tài liệu: [3], [9]	Nghiên cứu giáo trình trước khi học bài mới. Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, ý nghĩa của Tâm lý học, trình bày và giải thích được khái niệm tâm lý, bản chất, chức năng của hiện tượng tâm lý người và đưa ra ứng dụng vào cuộc sống và giáo dục	KT1, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
2	1.3. Phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học hiện đại Chương 2. HOẠT ĐỘNG, GIAO TIẾP, SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC (4 tiết) 2.1. Hoạt động và tâm lý	2			Giáo trình [1], trang : 15-21; 31- 34 Tài liệu [1], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình trước khi học bài mới. Trình bày, hiểu và lấy ví dụ về phương pháp nghiên cứu Tâm lý học. Trình bày và giải thích được khái niệm hoạt động, đặc điểm, cấu trúc, vai trò của hoạt động đối với	KT1, KT2, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2,	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận

						sự phát triển tâm lý và đưa ra ứng dụng vào cuộc sống và giáo dục	NL3, NL4	nhóm
3	2.2. Giao tiếp và tâm lý 2.3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức	2			Giáo trình [1], trang : 34-36; 41-50 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình trước khi học bài mới. Trình bày và giải thích được khái niệm, các loại giao tiếp, vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển tâm lý và đưa ra ứng dụng vào cuộc sống và giáo dục. Trình bày và giải thích khái niệm, các thuộc tính, cấu trúc, các cấp độ của thức và con đường hình thành ý thức. Trình bày khái niệm chú ý	KT2, KT3, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
4	Thực hành chương 2: - Lấy ví dụ về 1 hoạt động, phân tích cấu trúc và vai trò của hoạt động đó đối với tâm lý. - Lấy ví dụ về 1 hiện tượng giao tiếp và phân tích vai trò của hiện tượng giao tiếp đó với sự phát triển tâm lý. Chương 3. HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC (9 tiết) 3.1. Nhận thức cảm tính	1		1	Giáo trình [1], trang : 53-56 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Ôn tập nội dung chương 2 Hoàn thành tốt nhiệm vụ thực hành. Nghiên cứu giáo trình. Trình bày và giải thích khái niệm cảm giác, tri giác, các loại cảm giác, tri giác và đưa ra ứng dụng phát triển cảm giác và tri giác cho bản thân, người khác và trẻ mầm non.	KT2, KT3, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Thực hành, ôn tập, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm

5	3.1. Nhận thức cảm tính (tiếp) 8.	2			Giáo trình [1], trang : 56-60 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích và đưa ra ứng dụng quy luật cảm giác, tri giác vào cuộc sống và giáo dục; trình bày và giải thích vai trò của nhận thức cảm tính.	KT3, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
6	3.2. Trí nhớ 3.3. Nhận thức lý tính	2			Giáo trình [1], trang : 97-104; 61- 67 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích khái niệm, vai trò, các loại, cách rèn luyện trí nhớ và vận dụng vào phát triển trí nhớ của bản thân, người khác và trẻ mầm non. Trình bày, giải thích khái niệm, đặc điểm, các loại, quá trình tư duy và đưa ra ứng dụng phát triển tư duy cho bản thân, người khác và trẻ mầm non.	KT3, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
7	3.3. Nhận thức lý tính (tiếp)	2			Giáo trình (1), trang : 67-75 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích khái niệm, vai trò, các loại tưởng tượng, ngôn ngữ và đưa ra ứng dụng phát triển tưởng tượng và ngôn ngữ của bản thân, người khác và trẻ mầm non.	KT3, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm

8	Thực hành chương 3: Trình bày biện pháp phát triển nhận thức cho trẻ mầm non Kiểm tra định kỳ			1 1		Ôn tập nội dung chương 3, hoàn thành nhiệm vụ thực hành Ôn tập nội dung chương 1,2,3 hoàn thành nhiệm vụ kiểm tra	KT1, KT2, KT3, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4,	Thực hành, ôn tập, kiểm tra bằng tự luận
9	Chương 4: TÌNH CẢM VÀ Ý CHÍ (6 tiết) 4.1. Tình cảm	2			Giáo trình [1], trang : 79-85 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích khái niệm, đặc điểm, các loại và mức độ của tình cảm, xúc cảm; so sánh tình cảm và xúc cảm.	KT4, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
10	4.1. Tình cảm (tiếp)	2			Giáo trình [1], trang : 85-87 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích các quy luật của tình cảm và đưa ra ứng dụng vào cuộc sống và giáo dục.	KT4, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm

11	4.2. Ý chí Thực hành chương 4: - Trình bày biện pháp hình thành tình cảm yêu mến giáo viên cho trẻ mầm non. - Trình bày biện pháp hình thành 1 kỹ xảo và 1 thói quen cho trẻ mầm non. Trình bày, giải thích khái niệm, vai trò, các loại tưởng tượng, ngôn ngữ và đưa ra ứng dụng phát triển tưởng tượng và ngôn ngữ của bản thân, người khác và trẻ mầm non.	1		1	Giáo trình [1], trang : 87-95 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích khái niệm, ý chí, hành động ý chí và cấu trúc của nó, hành động tự động hóa, so sánh kỹ xảo và thói quen, quy luật và con đường hình thành kỹ xảo và thói quen, đưa ra ứng dụng phát triển ý chí hành động ý chí và hành động tự động hóa của bản thân, người khác và trẻ mầm non. Ôn tập nội dung chương 4, hoàn thành nhiệm vụ thực hành.	KT4, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm, ôn tập, thực hành
12	Chương 5: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH (8 tiết) 5.1. Khái niệm chung về nhân cách 5.2. Cấu trúc của nhân cách	2			Giáo trình [1], trang : 109-116 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích khái niệm, đặc điểm nhân cách và cấu trúc của nhân cách, đưa ra ứng dụng trong cuộc sống và giáo dục	KT5 KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
13	5.2. Cấu trúc của nhân cách (tiếp)	2			Giáo trình [1], trang : 111-116 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích cấu trúc của nhân cách và đưa ra ứng dụng trong cuộc sống và giáo dục	KT5, KN1, KN2, KN3, KN4,	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết

							NL1, NL2, NL3, NL4	trình, trực quan, thảo luận nhóm
14	5.3. Sự hình thành và phát triển nhân cách	2			Giáo trình [1], trang : 116-120 Tài liệu [4], [5], [6], [7], [8]	Nghiên cứu giáo trình. Trình bày, giải thích các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách, đưa ra ứng dụng để phát triển nhân cách cho bản thân, người khác và trẻ mầm non.	KT5, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
15	Thảo luận chương 5: Thảo luận các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách của trẻ mầm non và đề xuất các biện pháp phát triển nhân cách của trẻ mầm non Kiểm tra định kỳ		1	1		Ôn tập nội dung chương 5, hoàn thành nhiệm vụ thảo luận Ôn tập nội dung chương 4 và 5 hoàn thành bài kiểm tra	KT4, KT5, KN1, KN2, KN3, KN4, NL1, NL2, NL3, NL4	Ôn tập, thảo luận nhóm, kiểm tra bằng tự luận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

Mã học phần: 001.02

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	30	tiết
+ Thảo luận:	12	tiết
+ Kiểm tra:	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết

Dạy sau học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

6. Mục tiêu học phần

- Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh tế chính trị, về chủ nghĩa xã hội khoa học;
- Phân tích và đánh giá về những vấn đề thực tiễn đặt ra bằng kiến thức đã học;
- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo;
- Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.
- Triển khai làm việc theo nhóm, xây dựng được một chương trình để nhóm làm việc;
- Có các kỹ năng tư duy, phân tích để ra quyết định cũng như có những kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Yêu thích môn học, ngành học và kính trọng, yêu quý, noi gương các nhà khoa học, giảng viên đang giảng dạy môn học;
- Xây dựng được niềm tin, lý tưởng trong sự nghiệp cách mạng

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức

Kiến thức chương 4

- **KT01:** Trình bày được các khái niệm: phân công lao động xã hội; đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa; hàng hóa; giá trị và giá trị sử dụng; lượng giá trị của hàng hóa; lao động cụ thể và lao động trừu tượng, tiền tệ.
- **KT02:** Giải thích được điều kiện ra đời của phân công lao động xã hội; tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa; các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa; bản chất và chức năng của tiền tệ; nội dung và tác động của quy luật giá trị.
- **KT03:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.
- **KT04:** Phân tích và đánh giá được những vấn đề do thực tiễn đặt ra bằng những kiến thức đã học ở chương 4.

Kiến thức chương 5

- **KT01:** Trình bày được các khái niệm: giá trị thặng dư; hàng hóa sức lao động; tiền công; tư bản; tư bản bất biến và tư bản khả biến; tuần hoàn và chu chuyển tư bản; tư bản cố định và tư bản lưu động; tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư; sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối; sản xuất giá trị thặng dư tương đối; giá trị thặng dư siêu ngạch; tích lũy tư bản; tích tụ và tập trung tư bản; cấu tạo hữu cơ của tư bản; chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa; lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận; lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất; tư bản thương nghiệp và lợi nhuận thương nghiệp; tư bản cho vay và lợi tức cho vay; công ty cổ phần; tư bản giả và thị trường chứng khoán.
- **KT02:** Giải thích được mâu thuẫn trong công thức chung của tư bản; quá trình sản xuất giá trị thặng dư; sản xuất giá trị thặng dư - Quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản; thực chất và động cơ của tích lũy tư bản; sự chuyển hóa giá trị hàng hóa thành giá cả sản xuất; quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp và địa tô tư bản chủ nghĩa.
- **KT03:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo;
- **KT04:** Phân tích và đánh giá được những vấn đề do thực tiễn đặt ra bằng những kiến thức đã học ở chương 5;

Kiến thức chương 6

- **KT01:** Trình bày được Năm đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền; Nguyên nhân ra đời và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; Những biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
- **KT02:** Giải thích được bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền; sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền; vai trò của chủ nghĩa tư bản đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội; giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản.
- **KT03:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo;

- **KT04:** Phân tích và đánh giá được những vấn đề do thực tiễn đặt ra bằng những kiến thức đã học ở chương 6;

Kiến thức chương 7

- **KT01:** Trình bày được các khái niệm giai cấp công nhân; cách mạng xã hội chủ nghĩa; nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa; mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- **KT02:** Giải thích được liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- **KT03:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo;

- **KT04:** Phân tích và đánh giá được những vấn đề do thực tiễn đặt ra bằng những kiến thức đã học ở chương 7;

Kiến thức chương 8

- **KT01:** Trình bày được các khái niệm: dân chủ và nền dân chủ; nhà nước xã hội chủ nghĩa; văn hóa, nền văn hóa và nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; dân tộc; tôn giáo và vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; những đặc trưng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; đặc trưng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc.

- **KT02:** Giải thích được Tính tất yếu của việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; Tính tất yếu của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa; Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; Tính tất yếu, nội dung và tính chất cơ bản của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.

- **KT03:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo;

- **KT04:** Phân tích và đánh giá được những vấn đề do thực tiễn đặt ra bằng những kiến thức đã học ở chương 8.

Kiến thức chương 9

- **KT01:** Trình bày được Cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới; Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực; Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình CNXH Xôviết; Bản chất của chủ nghĩa tư bản không thay đổi.

- **KT02:** Giải thích được Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết; Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người; Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người.

- **KT03:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo;

- **KT04:** Phân tích và đánh giá được những vấn đề do thực tiễn đặt ra bằng những kiến thức đã học ở chương 9;

7.2. Kỹ năng

- **KN01:** Triển khai làm việc theo nhóm, xây dựng được một chương trình để nhóm làm việc; phối hợp có hiệu quả với bạn bè trong thực hành thảo luận.
- **KN02:** Các kỹ năng tư duy, phân tích giải quyết vấn đề và thực hành giải bài tập.
- **KN03:** Sử dụng các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ, phi ngôn ngữ) phù hợp trong giao tiếp bạn bè, giảng viên.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách hợp lý có hiệu quả.
- **NL02:** Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ.
- **NL03:** Yêu thích môn học, xây dựng được niềm tin, lý tưởng trong sự nghiệp cách mạng.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01	3	3									
KT02	3	3									
KT03	3	3									
KT04	2	2									
KN01						2			3		
KN02					2	3					
KN03							3				
NL01									3		
NL02									2		
NL03											2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Đây là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu những quy luật kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần này cung cấp những kiến thức về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN, những vấn đề chính trị - xã hội có

tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Đồng thời nắm bắt được xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ phát triển lên một xã hội cao hơn là xã hội xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan.

Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu được các quy luật kinh tế chính trị và xây dựng niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội khoa học.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, Giáo trình chính

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Trang [183-488].

10.2. Sách tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng biên soạn giáo trình các môn Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008), *Giáo trình các môn Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia.

[5]. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2018), *Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*, NXB Chính trị Quốc gia.

[6]. Klaus Schwab (2015), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Bộ ngoại giao dịch và hiệu đính)*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[7]. Đảng Cộng Sản Việt Nam, các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[8]. Hồ Chí Minh (2004), *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

[9]. V.I.Lênin (2004), *Nhà nước và cách mạng- Tái bản*, NXB Chính trị Quốc gia.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 1

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 3

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Thảo luận đề tài 1 Thảo luận đề tài 2 Thảo luận đề tài 3 Thảo luận đề tài 4	Tuần 3-7-11-14	Thảo luận	Phân tích cô đọng, súc tích, đủ ý và liên hệ thực tiễn.	KT01, KT02, KT03, KT04, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ	Chương 4 Chương 5	Tuần 6	Tự luận	Phân tích cô đọng, súc tích, có ví dụ cụ thể.	KT01, KT02, KT03, KT04, KN02, NL01, NL02
Bài KT định kỳ	Chương 7	Tuần 10	Tự luận	Trình bày cô đọng, súc tích, liên hệ thực tiễn.	KT01, KT02, KT03, KN02, NL01, NL03
Bài KT định kỳ	Chương 8	Tuần 15	Tự luận	Phân tích cô đọng, súc tích, liên hệ thực tiễn.	KT01, KT02, KN03, KT04, KN02, NL02, NL03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT / TL	TH/ KT				
1	Chương 4 HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ 4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa 4.2. Hàng hóa 4.2. Hàng hóa (tiếp) 4.3. Tiền tệ 4.4. Quy luật giá trị Đề tài thảo luận số 1 “Chất và lượng của giá trị hàng hóa, các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa; Các quy luật kinh tế của sản xuất”.	06	03	0	Đọc tài liệu [1], [2], [4],[6]	- - - Đọc và trình bày các khái; - - Cho ví dụ. -Phân tích được nội dung của đề tài; - Thảo luận nhóm và rút ra ý nghĩa phương pháp luận.	KT01, KT02, KT04, KN02, KN03, NL01, NL02	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp
2	Chương 5 HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ 5.1. Sự chuyển hóa của tiền tệ	09	03	01	Đọc tài liệu [1], [2], [4], [6]	- -Đọc và phân tích công thức và mâu thuẫn trong công thức	KT01, KT02, KT04,	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp

	thành tư bản 5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản 5.4. Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản - tích lũy tư bản 5.5. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư Đề tài thảo luận số 2 Trình bày các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập số 2 và số 3 trong 10 bài tập ôn thi Kiểm tra định kỳ 1 tiết					chung của tư bản; - -Đọc và trình bày các khái niệm; - - Cho ví dụ. - -Vận dụng công thức để giải bài tập. - - Thảo luận nhóm và rút ra ý nghĩa phương pháp luận.	KN02, KN03, NL01, NL02	pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp
3	Chương 6 HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC 6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền	02	0	0		-Đọc và trình bày khái niệm ở mục 4.3.1; 4.3.2; 4.3.3. - Đọc và trình bày nội dung cơ bản của mục 1; 2.	KT01, KT02, KT04, KN02, KN03, NL01, NL02	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; -Phương pháp vấn đáp

	6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.3. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản				Đọc tài liệu [1], [2], [4], [6]			
4	Chương 7 SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.3. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa Đề tài thảo luận số 3 “Trình bày sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và liên hệ vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam” Kiểm tra định kỳ 1 tiết	06	03	01	Đọc tài liệu [1], [3], [4], [6], [7], [7], [9]	-Đọc và trình bày khái niệm; -Phân tích nội dung.	KT01, KT02, KT04, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp

5	Chương 8 NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 8.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 8.2. Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa 8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo Đề tài thảo luận số 4 Văn hóa XHCN và việc xây dựng nền văn hóa XHCN trong tiến trình cách mạng XHCN ở Việt Nam. Vai trò của sinh viên trong việc xây dựng nền văn hóa đó. Kiểm tra định kỳ 1 tiết	05	03	01	Đọc tài liệu [1], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9]	- Đọc và trình bày các khái niệm; - Cho ví dụ. - Phân tích nội dung và rút ra ý nghĩa phương pháp luận. - Thảo luận nhóm và rút ra ý nghĩa phương pháp luận.	KT01, KT02, KT04, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp
6	Chương 9 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG 9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực	02	0	0	Đọc tài liệu [1], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9]	-Đọc và trình bày nội dung cơ bản; - Phân tích và rút ra ý nghĩa phương pháp luận.	KT01, KT02, KT04, KN02, KN03, NL01,	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề;

	9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó 9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội						NL02, NL03	- Phương pháp vấn đáp
--	---	--	--	--	--	--	------------	-----------------------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục học đại cương

Mã học phần: 004.02

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Cao đẳng Giáo dục Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	24	tiết
+ Thảo luận:	1	tiết
+ Thực hành/thí nghiệm:	3	tiết
+ Kiểm tra định kỳ	2	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, Tâm lý học đại cương

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

- Hiểu được những vấn đề chung của giáo dục học: các khái niệm, tính chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục học, vai trò của các yếu tố đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân, vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở nước ta hiện nay; hiểu được đặc điểm, vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người giáo viên trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và toàn cầu hoá.
- Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích các vấn đề liên quan đến thực tiễn giáo dục và giáo dục trẻ mầm non.
- Hình thành các kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Có kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết các vấn đề về lý luận và thực tiễn giáo dục.
- Có ý thức trách nhiệm đối với việc học tập và rèn luyện, hình thành thái độ tích cực trong việc rèn luyện phẩm chất, năng lực cần thiết của người giáo viên, sẵn sàng tham gia các hoạt động nghề nghiệp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức (KT):

KT01: Nhận biết, trình bày và lấy ví dụ minh họa được đối tượng nghiên cứu, các khái niệm cơ bản của giáo dục học, giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, mối liên hệ giữa giáo dục học và các khoa học khác, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục. Vận dụng kiến thức về vấn đề cơ bản của giáo dục học và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để giải thích và tìm hiểu các hiện tượng giáo dục trong thực tiễn cuộc sống và nghề giáo dục mầm non.

KT02: Nhớ, diễn giải được các khái niệm con người, nhân cách, sự phát triển nhân cách; nhân cách của con người Việt Nam truyền thống và hiện đại, các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách. So sánh được con người Việt Nam truyền thống và hiện đại. Vận dụng được kiến thức về nhân cách, vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động đối với nhân cách để giải thích, đánh giá và tổ chức điều chỉnh, phát triển nhân cách của bản thân, người khác và trẻ mầm non.

KT03: Nêu, trình bày và giải thích được các khái niệm mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục, mục đích và mục tiêu giáo dục nước ta hiện nay, nguyên lý giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, xu thế phát triển giáo dục thế kỷ XXI và định hướng phát triển giáo dục. Phân biệt được khái niệm mục đích giáo dục và mục tiêu giáo dục. Vận dụng các kiến thức về mục đích, nguyên lý giáo dục để liên hệ, đánh giá việc thực hiện mục đích, mục tiêu và nguyên lý ở giáo dục mầm non trong thực tiễn hiện nay.

KT04: Nhận ra, diễn đạt và giải thích được đặc điểm lao động, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên mầm non, các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên mầm non. Phân biệt phẩm chất và năng lực của người giáo viên mầm non. Vận dụng được kiến thức về người giáo viên mầm non liên hệ việc thực hiện vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên mầm non trong thực tiễn; đánh giá, điều chỉnh, phát triển, hoàn thiện phẩm chất năng lực của bản thân cho phù hợp với nghề giáo viên mầm non.

- Kỹ năng (KN):

KN01: Thành thạo kỹ năng nhận thức, giao tiếp.

KN02: Thể hiện được khả năng nghiên cứu khoa học về các vấn đề giáo dục và giáo dục mầm non.

KN03: Thành thạo khả năng giải quyết vấn đề liên quan lĩnh vực giáo dục, giáo dục mầm non.

KN04: Thành thạo khả năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, tổ chức hoạt động học, sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL01: Tin tưởng vào tính khoa học và vị trí quan trọng của giáo dục học đối với hoạt động giáo dục trẻ mầm non.

NL02: Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả. Thực hiện đúng các quy định của trường, yêu cầu của môn học và của giảng viên; lập kế hoạch học tập suốt đời.

NL03: Tự học, nghiên cứu và làm việc độc lập; có khả năng quản lý, hợp tác làm việc hiệu quả; tự tin thể hiện bản thân.

NL04: Yêu thích nghề dạy học và có định hướng phát triển nghề nghiệp.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR 02	CDR 03	CDR 04	CDR 05	CDR 06	CDR 07	CDR 08	CDR 09	CDR 10	CDR 11
KT01			3	2							
KT02			3	2							
KT03			3	2							
KT04			3	2							
KT05			3	2							
KN01					3	3	3				
KN02					3	3	2				
KN03					3	3	3				
KN04					3	3	3				
NL01									2	2	2
NL02									2	2	2
NL03									2	2	2
NL04									3	3	3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần Giáo dục học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về giáo dục học: Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt, tính chất, chức năng của giáo dục, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống các khái niệm cơ bản của giáo dục học; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; mục đích, mục tiêu giáo dục; nguyên lý giáo dục; khái niệm, cơ cấu của cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non; đặc điểm lao động sư phạm; các yêu cầu về nhân cách của người giáo viên mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

10.2. Sách tham khảo:

*** Tài liệu tiếng Việt:**

- [1]. Trần Xuân Bách, Hoàng Thế Hải (Chủ biên), Bùi Văn Vân, Vũ Minh Chiến, Lê Thị Hiền, Lê Thị Hiền, Lê Thị Phương Dung (2020), *Giáo trình Giáo dục học*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội
- [2]. Phạm Minh Hùng, Nguyễn Thị Hương, Thái Văn Thành (2016), *Giáo dục học*, NXB Đại học Vinh,
- [3]. Thái Duy Tuyên (2008), *Những vấn đề chung của Giáo dục học* (Dự án đào tạo giáo viên THCS), NXB Đại học sư phạm
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Điều lệ trường mầm non* (Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- [5]. Thủ tướng chính phủ (2016). Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18/10/2016. Phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
- [6]. Quốc hội (2019). Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.
- [7]. Đinh Văn Vang, *Giáo trình giáo dục học mầm non* (2009) Dành cho hệ cao đẳng Sư phạm mầm non, NXB Giáo dục, Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 2 (1 bài kiểm tra thường xuyên và 1 điểm chuyên cần, thái độ)
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 2 bài
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hành chương 1 Báo cáo kết quả thảo luận chương 2 Báo cáo kết quả thực hành chương 3	Tuần 6 Tuần 9 Tuần 13	Thảo luận Thực hành	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực. - Hoàn thành nhiệm vụ đúng theo yêu cầu.	KT01, KT02, KT03, KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02 NL03, NL04
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung chương 1, 2	Tuần 9	Tự luận	Hoàn thành bài kiểm tra đúng thời gian và đáp án.	KT01, KT02, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03, NL04,
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung chương 3, 4	Tuần 15	Tự luận	Hoàn thành bài kiểm tra đúng thời gian và đáp án.	KT03, KT04, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03, NL04
Thi kết thúc học phần	Kiểm tra một số nội dung chương 1,2,3,4.	Theo kế hoạch nhà trường	Tự luận	Hoàn thành bài thi đúng thời gian và đáp án.	Tương ứng nội dung lựa chọn thuộc một số chuẩn trong CDR

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/TL	TH/TN/KT				
1	Chương 1: GIÁO DỤC HỌC LÀ	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu	KT01	Nêu và

	MỘT KHOA HỌC (12 tiết) 1.1. Đối tượng, khái niệm cơ bản của giáo dục học 1.2. Giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt				<i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực. - Nắm vững và trình bày đầy đủ về đối tượng, khái niệm cơ bản của Giáo dục học. - Làm rõ: Tại sao giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt?	KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
2	1.3. Chức năng, nhiệm vụ của giáo dục 1.4. Mối quan hệ giữa giáo dục học và các khoa học khác. 1.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực. - Nắm vững và trình bày đầy đủ về chức năng, nhiệm vụ của Giáo dục. - Trình bày, hiểu và lấy ví dụ về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	KT01 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
3	1.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (tiếp)	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu - Tham gia thảo luận tích cực. - Trình bày, hiểu và lấy ví dụ	KT01 KN01 KN02 KN03	Nêu và giải quyết vấn đề,

						về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
4	1.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (tiếp)	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu - Trình bày, hiểu và lấy ví dụ về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	KT01 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Thực hành, ôn tập, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
5	1.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (tiếp)	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu - Tham gia thảo luận tích cực. - Trình bày, hiểu và lấy ví dụ về phương pháp nghiên cứu	KT01 KN01 KN02 KN03 KN04	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp,

						khoa học giáo dục.	NL01 NL02 NL03 NL04	thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
6	Thực hành phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.	0	0	2	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực. - Xác định được tên đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục và biết lập đề cương nghiên cứu, xây dựng phiếu điều tra.	KT01 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Thực hành, ôn tập
7	9. Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH 10. (6 tiết) 2.1. Một số khái niệm cơ bản 2.2. Nhân cách con người Việt Nam truyền thống và hiện đại	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu - Tham gia thảo luận tích cực. - Trình bày, giải thích, lấy ví dụ về khái niệm nhân cách và sự phát triển nhân cách - Trình bày, giải thích, phân biệt nhân cách con người Việt Nam truyền thống và hiện đại.	KT02 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm

8	2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực. - Phân tích được vai trò và ảnh hưởng của yếu tố giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự phát triển nhân cách. Từ đó rút ra các bài học sư phạm trong công tác giáo dục.	KT02 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
9	Thảo luận các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách Kiểm tra định kì		1	1	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu, ôn tập tài liệu - Tham gia thảo luận tích cực. Hoàn thành yêu cầu của nhiệm vụ thảo luận. - Hoàn thành bài kiểm tra.	KT02 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Ôn tập, thảo luận, kiểm tra bằng tự luận
10	Chương 3: MỤC ĐÍCH GIÁO DỤC, NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC VÀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN (7 tiết) 3.1. Mục đích giáo dục	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [4] <i>Tài liệu</i> [5] <i>Tài liệu</i> [6]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực - Nắm vững các vấn đề khái quát về mục đích giáo dục, mục đích của giáo dục Việt Nam	KT03 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết

							NL02 NL03 NL04	trình, trực quan, thảo luận nhóm
11	3.1. Mục đích giáo dục (tiếp) 3.2. Nguyên lý giáo dục	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [4] <i>Tài liệu</i> [5] <i>Tài liệu</i> [6]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực - Phân tích và trình bày được mục đích của giáo dục Việt Nam. - Phân tích được nội dung nguyên lý giáo dục;	KT03 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm, ôn tập, thực hành
12	3.2. Nguyên lý giáo dục(tiếp) 3.3. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 3.4. Xu thế phát triển giáo dục thế kỷ XXI và định hướng phát triển giáo dục	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [4] <i>Tài liệu</i> [5] <i>Tài liệu</i> [6]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực - Phân tích được nội dung nguyên lý giáo dục; - Hiểu đầy đủ về hệ thống giáo	KT03 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết

						dục quốc dân hiện nay và phân tích được sơ đồ cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.	NL02 NL03 NL04	trình, trực quan, thảo luận nhóm
13	Thực hành chương 3 Chương 4: NGƯỜI GIÁO VIÊN MẦM NON (5 tiết) 4.1. Vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non	1	0	1	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [4] <i>Tài liệu</i> [5] <i>Tài liệu</i> [6]	- Hoàn thành nhiệm vụ của thực hành - Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực - Nắm vững vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non.	KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Ôn tập, thực hành, Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
14	4.2. Đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên mầm non 4.3. Những yêu cầu đối với nhân cách của người giáo viên mầm non	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [4] <i>Tài liệu</i> [6] <i>Tài liệu</i> [7]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu. - Tham gia thảo luận tích cực - Phân tích được các đặc điểm lao động sư phạm của người giáo viên mầm non. Từ đó làm	KT04 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết

						rõ: Lao động của người giáo viên mầm non là một hoạt động nghề nghiệp mang tính chất đặc thù. - Trình bày và phân tích được các yêu cầu về phẩm chất của người giáo viên mầm non	NL02 NL03 NL04	trình, trực quan, thảo luận nhóm
15	4.3. Những yêu cầu đối với nhân cách của người giáo viên mầm non (tiếp) Kiểm tra định kì	1		1	Tài liệu [4] Tài liệu [7]	- Làm việc cá nhân, tự nghiên cứu tài liệu - Tham gia thảo luận tích cực. - Trình bày và phân tích được các yêu cầu về nhân cách của người giáo viên mầm non. Từ đó có định hướng trong việc học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên mầm non trong tương lai. Ôn tập nội dung chương 3,4 và hoàn thành bài kiểm tra	KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03 NL04	Ôn tập, thảo luận nhóm, kiểm tra bằng tự luận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non

Mã học phần: 710.07

2. Số tín chỉ: 04

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	60 tiết
+ Lý thuyết:	46 tiết
+ Thảo luận/ Thực hành:	10 tiết
+ Kiểm tra	04 tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	120 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tâm lý học đại cương

6. Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non sinh viên đạt được:

- Hệ thống được kiến thức về lý luận và đặc điểm phát triển các chức năng tâm lý, nhân cách của trẻ em từ 0 - 6 tuổi.
- Vận dụng được những kiến thức, hiểu biết về sự phát triển tâm lý của trẻ em ở mỗi độ tuổi để có phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ khoa học và hiệu quả.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan đến sự phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non; Trình bày được các quy luật hình thành và phát triển tâm lý trẻ em.
- **KT02:** Phân tích được các dạng hoạt động cơ bản của trẻ mầm non, đánh giá được vai trò của các hoạt động đó đối với sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non.
- **KT03:** Giải thích các đặc điểm phát triển tâm lý, nhân cách của trẻ mầm non và vận dụng được vào công tác chăm sóc và giáo dục mầm non

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Vận dụng được các kiến thức về tâm lý học trẻ em vào việc xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung và phương pháp giáo dục trẻ phù hợp.
- **KN02:** Bồi dưỡng SV năng lực tự học, tự nghiên cứu, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin 1 cách thành thạo trong việc lĩnh hội kiến thức và ứng dụng vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ.
- **KN03:** Ứng xử thân thiện và tôn trọng giáo viên, bạn bè, biết thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với các bạn trong tập thể đồng thời có khả năng tập hợp nhóm và lãnh đạo nhóm tốt

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL và TN)

- **NL01:** Có khả năng làm việc độc lập, yêu thích môn học, yêu trẻ, yêu nghề, say mê học tập, hứng thú với các hoạt động học tập trong và ngoài giờ học.
- **NL02:** Hoàn thành các nhiệm vụ học tập của cá nhân và nhóm.
- **NL03:** Đánh giá được chất lượng thực hiện công việc của bản thân và giúp người khác thực hiện nhiệm vụ.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR2	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		3	3								
KT02		2	4								
KT03		3	3								
KN01					2						
KN02					2	4					
KN03							2				
NL01									2		
NL02									3	3	
NL03											3

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non hệ thống hóa cho sinh viên những vấn đề lý luận chung của Tâm lý học trẻ em, trình bày các dạng hoạt động cơ bản của trẻ MN, đặc biệt chú trọng đến các hoạt động chủ đạo của trẻ ở từng giai đoạn lứa tuổi và vai trò của các hoạt động đó đối với sự phát triển TLTE. Học phần này còn giúp sinh viên nhận diện được quá trình hình thành, phát triển tâm lý, nhân cách của trẻ em lứa tuổi mầm non, từ đó giúp người học xây dựng một nhãn quan khoa học để làm chủ

quá trình học tập, rèn luyện và trở thành người giáo viên có tay nghề vững vàng thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, làm đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên và KTĐK, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

[1] Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai (2009) - *Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non* - NXB Giáo dục Việt Nam.

10.2. Sách tham khảo

[1] Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Như Mai, Đinh Kim Thoa (2002) - *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (Từ lọt lòng đến 6 tuổi)* - NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[2] Nguyễn Ánh Tuyết (2007) - *Giáo dục mầm non – những vấn đề lý luận và thực tiễn* - NXB Đại học Sư phạm.

[3] Nguyễn Thị Mai, Phạm Thu Hương, Trần Thị Nga, Điền Thị Sinh (2009) - *Bài tập thực hành về đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ từ 0 đến 6 tuổi* - NXB Giáo dục Việt Nam.

[4] Tiền Nguyên Vĩ (2020) - *Bách khoa thư Giáo dục và phát triển tâm lý tính cách trẻ 0 - 6 Tuổi* - Nhà Xuất bản phụ nữ Việt Nam

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó: điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 01

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 03

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;

- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
- + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Kiến thức chương 1. Chọn trong các nội dung kiến thức sau - Vẽ sơ đồ mô tả ngắn gọn vai trò của các yếu tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển tâm lý trẻ em. - Phân tích vai trò của một trong các yếu tố đó và rút ra kết luận sự phạm cần thiết. - Trình bày hiểu biết của anh/ chị về quy luật “Tính không đồng đều của sự phát triển”.	Tuần 2	Tự luận	- Vẽ được sơ đồ và nêu vắn tắt vai trò. - Nêu yếu tố, phân tích được vai trò và rút ra kết luận sự phạm. - Hiểu biết: biểu hiện, nguyên nhân, bài học sự phạm được rút ra từ quy luật	KT01; KN 01, 02; NL02, 03
Bài KT định kỳ	Kiến thức chương 2. Chọn trong các nội dung kiến thức sau: Các hoạt động chủ đạo của trẻ mầm non	Tuần 7	Tự luận	- Phân tích các vai trò của hoạt động giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn (Nhận thức, xúc cảm, khả năng bắt chước) - Phân tích được các vai trò của hoạt động với đồ vật (phát triển nhận thức, ngôn ngữ, mặt xã hội) - Vai trò hoạt động vui chơi (6 vai trò)	KT02; KN 01,02 ; NL01, 02
Bài KT định kỳ	Kiến thức chương 3. Chọn trong các nội dung kiến thức sau:	Tuần 12	Tự luận	Sinh viên phân tích được vai trò của người lớn đối với sự phát triển	KT 03; KN01,

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
	- Phân tích vai trò của người lớn đối với sự phát triển tâm lý trẻ sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, mẫu giáo - Phân tích được đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ ở các độ tuổi.			tâm lý trẻ sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, mẫu giáo và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ các độ tuổi	02,03 ; NL01, 02,03
Bài KT định kỳ	Kiến thức chương 4. Chọn trong các nội dung kiến thức sau - Khủng hoảng tâm lý tuổi lên ba - Tự ý thức của trẻ mẫu giáo bé, nhỡ lớn. - Động cơ hành vi của trẻ mẫu giáo bé, nhỡ, lớn - Đời sống tình cảm của trẻ mẫu giáo nhỡ.	Tuần 15	Tự luận	Sinh viên phân tích được quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ các độ tuổi	KT 03; KN01, 02,03 ; NL01, 02,03
Thi kết thúc học phần					

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
1	CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC TRẺ	8	1	1	- Tài liệu [1] - Tài liệu [2]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài	KT01; KN 01,	Thuyết trình, thảo

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	EM LỨA TUỔI MẦM NON 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lí học trẻ em lứa tuổi Mầm non 1.1.1. Đối tượng của tâm lí học trẻ em lứa tuổi MN 1.1.2. Nhiệm vụ của tâm lí học trẻ em lứa tuổi MN 1.2 Quan niệm về trẻ em 1.2.1 Quan điểm duy tâm về sự phát triển tâm lí trẻ em 1.2.2 Quan điểm duy vật biện chứng về sự phát triển tâm lí trẻ em	1 1			- Tài liệu [3] - Tài liệu [4]	liệu [1]. - Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu [2], [3]. - Sau khi đọc các TL: Liệt kê đối tượng, nhiệm vụ của TLHTE. - Kể tên được các yếu tố ảnh hưởng tới sự PT TLTE - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận.	02; NL02, 03	luận, vấn đáp
2	1.3. Quy luật phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi MN 1.3.1 Ảnh hưởng của nền văn hóa đối với sự phát triển TLTE trẻ em lứa tuổi MN 1.3.2. Ảnh hưởng của hoạt động đối với sự phát triển TLTE lứa tuổi MN 1.3.3. Ảnh hưởng của điều kiện sinh học đối với sự phát triển tâm lí trẻ em. 1.3.4. Ảnh hưởng của giáo dục đối với sự phát triển của trẻ. 1.3.5. Quy luật phát triển không đồng	6			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. Làm bài tập tài liệu [1] và [2]. =>Phân tích được các quy luật phát triển TLTE, KLSP? - Nêu được các thời kì PTTLTE - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận.	KT01; KN 01, 02 NL 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	đều trong sự phát triển Tâm lý trẻ em 1.4. Phân định thời kỳ phát triển tâm lý trẻ em. * Thực hành: - Tìm hiểu tài liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển TLTE lứa tuổi MN.		1			- Làm bài tập thực hành. * Thảo luận: Về các quan điểm khi đề cập tới vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ em.		
3	Kiểm tra chương 1			1				
4	CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CỦA TRẺ MẦM NON (0 - 6 TUỔI) 2.1. Khái niệm hoạt động và hoạt động chủ đạo. 2.1.1. Khái niệm hoạt động 2.1.2 Khái niệm hoạt động chủ đạo.	13 1	3	1	- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [3]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [3]. - Làm bài tập tài liệu [1]. => Trình bày được các loại HĐVĐV. - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận	KT02; KN 01, 02, 03; NL 01, 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
	2.2. Đặc điểm phát triển hoạt động của trẻ mầm non 2.2.1. Hoạt động giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhi (2 - 12 tháng) 2.2.1.1. Khái niệm 2.2.1.2. Vai trò của hoạt động giao tiếp xúc cảm trực tiếp với sự phát triển tâm lý	10 (2T				- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [3]. - Làm bài tập tài liệu [1]. => Gọi tên được HĐCĐ của trẻ hài nhi và ấu nhi.	KT02; KN 01, 02, 03; NL 01, 02, 03	

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	của trẻ hài nhi. 2.2.2. Hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi (1 - 3 tuổi) 2.2.2.1. Khái niệm 2.2.2.2. Vai trò của hoạt động với đồ vật với sự phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi 2.2.2.3. Các loại hành động với đồ vật của trẻ ấu nhi.	4T						
5	Chương 2: (tiếp) 2.2.3. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo (3 - 6 tuổi) 2.2.3.1. Khái niệm hoạt động vui chơi. 2.2.3.2. Vai trò của hoạt động vui chơi mà trung tâm là trò chơi ĐVTCD đối với sự PTTLTE. 2.2.3.3. Sự phát triển của hoạt động vui chơi trong lứa tuổi mẫu giáo. a. Sự thay đổi hoạt động chủ đạo ở đầu tuổi mẫu giáo. b. Hoàn thiện hoạt động vui chơi mà trung tâm là trò chơi ĐVTCD và hình thành "xã hội trẻ em"	4T)			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [3] - Tài liệu [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2]. - Làm bài tập tài liệu [1], [4]. => -Phân tích được vai trò hoạt động vui chơi -Phân tích được đặc điểm phát triển hoạt động vui chơi của trẻ mẫu qua từng độ tuổi.	KT02; KN 01, 02, 03; NL 01, 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp
6	Chương 2: (tiếp) * Thực hành:				- Tài liệu [1] - Tài liệu [2]	- Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận.	KT02; KN 01,	Thuyết trình, thảo

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
9	CHƯƠNG 3: ĐẶC ĐẶC PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ MẦM NON (0 - 6 TUỔI) 3.1. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ sơ sinh (0 - 2 tháng) 3.1.1. Phản xạ không điều kiện. 3.1.2. Đặc điểm phát triển các nhu cầu cơ bản	18 3	4	1	- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2]. - Làm bài tập tài liệu [4] - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận. => Nêu các phản xạ không điều kiện của trẻ sơ sinh, vai trò phản xạ không điều kiện - Trình bày quá trình hình thành và phát triển giác quan phân tích các đặc điểm tâm lý trẻ sơ sinh - Trình bày biểu hiện, vai trò và cách thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của trẻ sơ sinh	KT03; KN02, 03; NL 01, 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp
10	Chương 3: (tiếp) 3.2. Đặc điểm phát triển tâm lý trẻ hài nhi (2 - 12 tháng) 3.2.1. Sự phát triển khả năng định hướng vào môi trường xung quanh.	3			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2]. - Làm bài tập tài liệu [4] - Chuẩn bị và báo	KT03; KN02, 03; NL 01, 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	3.2.2. Hình thành những tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ * Thực hành: Quan sát và ghi chép lại những biểu hiện xúc cảm của trẻ sơ sinh và hài nhi.		1			cáo nội dung thảo luận. - Làm bài tập thực hành. => Phân tích được các đặc điểm tâm lý của trẻ hài nhi		
11	Chương 3: (tiếp) 3.3. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (1 - 3 tuổi) 3.3.1. Đặc điểm phát triển cảm giác, tri giác, trí nhớ 3.3.2. Đặc điểm phát triển tư duy 3.3.3. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ. 3.3.4. Đặc điểm phát triển tình cảm. * Thảo luận: - Biện pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ ấu nhi. - Biện pháp phát triển tư duy cho trẻ ấu nhi. - Dạy trẻ ấu nhi thực hiện một số hành động công cụ qua đó phát triển tư duy cho trẻ.	3	1		- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2]. => Trình bày đặc điểm tâm lý trẻ ấu nhi - Làm bài tập tài liệu [4]. - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận. - Làm bài tập thực hành.	KT03; KN 01, 02, 03; NL 01, 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp
12	Chương 3: (tiếp) 3.4. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo (3 - 6 tuổi)	9			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [3]	KT03; KN 01, 02, 03;	Thuyết trình, thảo luận, vấn

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	3.4.1. Đặc điểm phát triển cảm giác, tri giác của trẻ mẫu giáo 3.4.2. Đặc điểm phát triển trí nhớ của trẻ mẫu giáo 3.4.3. Đặc điểm phát triển tư duy của trẻ mẫu giáo 3.4.4. Đặc điểm phát triển tưởng tượng của trẻ mẫu giáo 3.4.5. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo					=> Tổng kết quá trình phát triển cảm giác, tri giác, trí nhớ của trẻ mẫu giáo => Tổng kết quá trình phát triển tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận. - Làm bài tập tài liệu [4] - Làm bài tập thực hành.	NL 01, 02, 03	đáp.
13	Chương 3: (tiếp) *Thảo luận: - Biện pháp phát triển cảm giác, tri giác, trí nhớ, tưởng tượng. - Đánh giá và đề xuất cách trẻ dạy trẻ mẫu giáo thao tác của tư duy trực quan sơ đồ. - Biện pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo. - Ghi lại 100 câu nói của trẻ ấu nhi và mẫu giáo lớn. So sánh sự phát triển ngôn ngữ của trẻ hai độ tuổi.		2		- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [3] - Tài liệu [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [3] => Trình bày đặc điểm ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận.	KT03; KN 01, 02, 03; NL 01, 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
14	Kiểm tra chương 3			1				
15	CHƯƠNG 4: SỰ HÌNH THÀNH VÀ	7	2	1	- Tài liệu [1]	- Chuẩn bị và đọc trước	KT03;	Thuyết

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH CỦA TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON (0 - 6 TUỔI) 4.1. Xuất hiện những tiền đề của sự hình thành nhân cách ở tuổi ấu nhi (1 - 3 tuổi) 4.1.1. Sự xuất hiện tự ý thức 4.1.2. Nguyên vọng độc lập và khủng hoảng tâm lý của trẻ 3 tuổi.	3			- Tài liệu [2] - Tài liệu [3] - Tài liệu [5]	nội dung bài học trong tài liệu [1], [3], [2] => - Trình bày được sự xuất hiện tự ý thức, nguyên vọng độc lập và sự khủng hoảng tâm lý trẻ lên ba - Làm bài tập tài liệu [1].	KN 01, 02, 03; NL 01, 02, 03	trình, thảo luận, vấn đáp
16	Chương 4: (tiếp) 4.2. Đặc điểm phát triển nhân cách của trẻ mẫu giáo (3 - 6 tuổi) 4.2.1. Đặc điểm phát triển tự ý thức 4.2.2. Đặc điểm phát triển động cơ hành vi và hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ 4.2.3. Đặc điểm phát triển đời sống tình cảm	4			-Tài liệu [1] -Tài liệu [2]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [3], [2] => Trình bày đặc điểm của sự phát triển tự ý thức, động cơ hành. => Trình bày đặc điểm đời sống tình cảm của trẻ mẫu giáo - Làm bài tập tài liệu [1].	KT03; KN 01, 02, 03; NL 01, 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
17	* Thảo luận: - Ý nghĩa của sự phát triển tự ý thức và sự hình thành thứ bậc các động cơ đối với sự phát triển ý chí của trẻ mẫu giáo. - Hình thành một hành vi có động cơ đạo		2		- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [4]	- Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận. - Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [3], [2]	KT03; KN 01, 02, 03; NL 01, 02, 03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	đức tốt đẹp cho trẻ. - Biện pháp phát triển tình cảm cho trẻ mẫu giáo *Ôn tập (Chương 1, 2, 3, 4)					- Tổng hợp kiến thức 4 chương bằng bản đồ tư duy. - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thảo luận và trình bày tóm tắt nội dung TLTE		
18	Kiểm tra chương 4			1`				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm

Mã học phần: 710.02

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	19	tiết
+ Thảo luận/thực hành:	09	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam, những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm của văn học thiếu nhi Việt Nam; giá trị nội dung và nghệ thuật trong các sáng tác của một số tác giả viết cho thiếu nhi.

- Trang bị những kiến thức khái quát về văn học thiếu nhi nước ngoài, giá trị nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm của một số tác giả tiêu biểu trên thế giới viết cho thiếu nhi.

- Vận dụng kiến thức đã học để thực hành phân tích các tác phẩm văn học nói chung và tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non nói riêng.

- Trang bị những kiến thức cơ bản về nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học: khái niệm, vai trò và một số thủ thuật đọc kể diễn cảm.

- Vận dụng những kiến thức đã học để thực hành đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non .

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam, phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm của một số tác giả viết cho thiếu nhi.
- **KT02:** Trình bày được những nét khái quát về văn học thiếu nhi nước ngoài, phân tích được một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm của một số tác giả tiêu biểu trên thế giới viết cho thiếu nhi.
- **KT03:** Phân tích được khái niệm, vai trò và một số thủ thuật đọc kể diễn cảm tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non.
- **KT04:** Vận dụng một số thủ thuật đọc, kể diễn cảm để thực hành đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học dành cho trẻ mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Rèn luyện kỹ năng tìm hiểu và phân tích tác phẩm
- **KN02:** Rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm cho sinh viên
- **KN03:** Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, nâng cao kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.
- **KN04:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động đọc, kể diễn cảm TPVH dành cho trẻ mầm non.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.
- **NL02:** Có ý thức, nghiêm túc trong nghiên cứu; khả năng sử dụng thành thạo kiến thức trong quá trình học tập, làm việc.
- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học nhằm phát triển ngôn ngữ cũng như khả năng cảm thụ TPVH của trẻ mầm non.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		3									
KT02		3									
KT03			3								
KT04			3			3					

KN01		3				2					
KN02			2			3					
KN03					2				3		
KN04				2		3					
NL01									3		
NL02									3	2	
NL03									2	3	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

- Giới thiệu cho sinh viên quá trình hình thành và phát triển của Văn học thiếu nhi Việt Nam; giới thiệu về tiểu sử, sự nghiệp sáng tác, giá trị nội dung và nghệ thuật trong các tác phẩm của một số tác giả tiêu biểu ở Việt Nam như Phạm Hồ, Võ Quảng, Trần Đăng Khoa... và một số tác giả tiêu biểu trên thế giới viết cho thiếu nhi.
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học: Khái niệm, vai trò, một số thủ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học. Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành đọc, kể diễn cảm TPVH.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Lã Thị Bắc Lý (2020). *Giáo trình văn học trẻ em*. NXB Đại học Sư phạm.

10.2. Sách tham khảo:

- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Văn bản hợp nhất: Thông tư ban hành chương trình Giáo dục Mầm non* - Số: 01/VBHN-
- [3]. Nguyễn Cẩm Giang, Phạm Thị Thu (2015). *Tuyển chọn thơ, truyện cho trẻ mầm non*. NXB Văn học.
- [4]. Lã Thị Bắc Lý (2019). *Giáo trình văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm*. NXB Giáo dục.

BGDĐT

[5]. Ngô Thị Thái Sơn (2006). *Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học*. NXB Giáo dục

[6]. Tìm hiểu thêm Thơ truyện qua link <https://thietbimamnonhavu.com>, <https://truyengiaoduc.com>

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 01

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 02

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo.

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

+ Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo qui định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT thường xuyên	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Trình bày quá trình hình thành và phát triển của VHTN Việt Nam. - Trình bày những nét đặc sắc về nội	Giáo viên linh động lựa chọn thời điểm phù hợp.	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Phân tích cụ thể giá trị của các tác phẩm văn học.	KT01 KN 01 KN 03 NL01

	dung và nghệ thuật trong các tác phẩm VHTN Việt Nam. - Phân tích giá trị cơ bản về nội dung, nghệ thuật, phân tích một số bài thơ của Phạm Hồ và Võ Quảng				NL 02
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Trình bày khái quát chung về thơ do trẻ em viết. Phân tích giá trị cơ bản về nội dung, nghệ thuật thơ Trần Đăng Khoa. - Trình bày giá trị của văn học thiếu nhi nước ngoài.	Tiết 17	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT 02 KN 01 KN 03 NL 01 NL02
Bài KT định kỳ	<i>- Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Trình bày khái niệm, vai trò của đọc, kể diễn cảm và một số thủ thuật đọc, kể diễn cảm TPVH - Xác định các thủ thuật đọc, kể diễn cảm trong một số tác phẩm cụ thể - Thực hành đọc, kể diễn cảm TPVH.	Tiết 30	Tự luận hoặc Thực hành	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Đọc, kể diễn cảm các TPVH	KT 03 KN02 KN 03 NL 01 NL02 NL 03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi.	

		trường			
--	--	--------	--	--	--

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	T L/ T H	K T				
1	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VĂN HỌC THIẾU NHI VIỆT NAM 1.1. Quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam 1.1.1. Trước cách mạng 1.1.2. Sau cách mạng 1.2. Những nét đặc sắc về nội dung trong các tác phẩm VH thiếu nhi VN 1.2.1. Tính đối tượng 1.2.2. Giàu ước mơ và tưởng tượng 1.2.3. Hồn nhiên, vui tươi 1.3. Những nét đặc sắc về nghệ thuật trong các tác phẩm VH thiếu nhi VN 1.3.1. Giàu chất thơ, chất truyện, chất hài hước 1.3.2. Ngôn ngữ giàu kịch tính, giàu	3	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Đọc và trình bày được quá trình hình thành và phát triển của VHTN Việt Nam. - Trình bày được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong các TPVH thiếu nhi VN. - Trình bày được một vài nét đặc sắc về thơ, truyện viết cho trẻ em lứa tuổi mầm non.	KT 01 KN 01 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình.

	tính hành động 1.4. Vài nét đặc sắc về thơ, truyện viết cho trẻ em lứa tuổi mầm non 1.4.1. Thơ, truyện viết cho trẻ mầm non thường ngắn gọn, rõ ràng 1.4.2. Thơ, truyện viết cho trẻ mầm non sử dụng từ ngữ chọn lọc, giản dị, trong sáng, dễ hiểu 1.4.3. Yếu tố truyện trong thơ và yếu tố thơ trong truyện							
2	CHƯƠNG 2: VĂN HỌC VIẾT CHO THIẾU NHI 2.1. Thơ Phạm Hồ 2.1.1. Giới thiệu tác giả 2.1.2. Giá trị cơ bản về nội dung trong thơ Phạm Hồ 2.1.3. Giá trị nghệ thuật trong thơ Phạm Hồ	2	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Đọc và phân tích những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong thơ Phạm Hồ	KT 01 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn, Thuyết trình.
3	2.1.4. Phân tích một số bài thơ của Phạm Hồ viết cho thiếu nhi	0	2	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	KT 01 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, thực hành
4	2.2. Thơ Võ Quảng	2	0	0	Tài liệu [1]	-Đọc và trình bày sơ lược về	KT 01	Phát vấn,

	2.2. 1. Giới thiệu tác giả 2.2. 2. Giá trị cơ bản về nội dung trong thơ Võ Quảng 2.2. 3. Vài nét về nghệ thuật của thơ Võ Quảng				Tài liệu [2]	nhà thơ Võ Quảng. - Phân tích giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong thơ Võ Quảng	KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thuyết trình
5	2.2. 4. Phân tích một số bài thơ của Võ Quảng viết cho thiếu nhi	0	2	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giáo viên.	KT 01 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, Thực hành
6	CHƯƠNG 3: THƠ DO TRẺ EM VIẾT 3.1. Khái quát chung về thơ do trẻ em viết 3.1.1. Mấy nét về hiện tượng trẻ em làm thơ 3.1.2. Một số gương mặt thi sĩ nhỏ tuổi 3.2. Thơ Trần Đăng Khoa 3.2.1. Giới thiệu tác giả 3.2.2. Những nội dung cơ bản trong thơ Trần Đăng Khoa 3.2.3. Vài nét đặc sắc về nghệ thuật	3	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Đọc và trình bày được khái quát chung về thơ do trẻ em viết - Đọc và phân tích được giá trị cơ bản về nội dung, nghệ thuật trong thơ TĐK	KT 01 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình.

	trong thơ Trần Đăng Khoa							
7	3.2.4. Phân tích một số bài thơ của Trần Đăng Khoa	0	2		Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV - Ôn tập các nội dung đã học	KT 01 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thực hành
8	Kiểm tra định kỳ			1				
9	CHƯƠNG 4: VĂN HỌC THIẾU NHI NƯỚC NGOÀI 4.1. Khái quát về văn học thiếu nhi nước ngoài 4.1.1. Truyền thống sáng tác cho thiếu nhi trong lịch sử văn hóa nhân loại 4.1.2. Giá trị của VH thiếu nhi nước ngoài 4.2. Giới thiệu một số tác giả tiêu biểu viết cho trẻ em 4.2.1. Andécxen 4.2.2. Grim 4.2.3. Tônxtôi	3	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Đọc và trình bày khái quát về văn học thiếu nhi nước ngoài. - Đọc và trình bày được giá trị cơ bản về nội dung, nghệ thuật trong sáng tác của một số tác giả tiêu biểu.	KT 02 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn, Thuyết trình
10	CHƯƠNG 5: ĐỌC KỂ DIỄN CẢM TÁC PHẨM VĂN HỌC 5.1. Những vấn đề chung về đọc kể	2	0	0	Tài liệu [2]	Đọc và trình bày được khái niệm, vai trò của đọc kể diễn cảm TPVH.	KT 03 KN 02	Phát vấn; Thuyết trình.

	diễn cảm tác phẩm văn học 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Vai trò của nghệ thuật đọc, kể diễn cảm đối với quá trình tiếp xúc tác phẩm văn học của trẻ Mầm non						KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	
11	5.2. Một số thủ thuật đọc, kể diễn cảm TP văn học. 5.2.1. Xác định giọng điệu cơ bản 5.2.2. Xác định ngữ điệu 5.2.3. Xác định cách ngắt giọng 5.2.4. Xác định nhịp điệu 5.2.5. Xác định cường độ giọng 5.2.6. Xác định tư thế, nét mặt, cử chỉ	3	0	0	Tài liệu [2]	Đọc, hiểu và trình bày được một số thủ thuật đọc, kể diễn cảm TPVH	KT 03 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình.
12	5.3. Thực hành đọc, kể diễn cảm thơ, truyện độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.	0	4			-Xem 1 số băng hình đọc thơ, kể chuyện -Luyện đọc, kể diễn cảm các TPVH - Ôn tập các kiến thức đã học	KT 04 KN 02 KN 03 KN 04 NL 01 NL 02 NL 03	Thực hành
13	Kiểm tra định kỳ			1				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non

Mã học phần: 710.14

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	27	tiết
+ Thảo luận/thực hành:	15	tiết
+ Kiểm tra:	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Học phần này phải học sau học phần Tiếng Việt thực hành.

6. Mục tiêu học phần: Giúp sinh viên

- Xác định được cơ sở khoa học, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non;
- Vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non;
- Lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức được các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non;
- Xây dựng môi trường phát triển ngôn ngữ ở trường mầm non; đánh giá mức độ phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non;
- Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng sử dụng kiến thức, kĩ năng tin học trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Giải thích được khái niệm, cơ sở khoa học, vai trò của hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; So sánh và phân biệt được mục tiêu, nội dung các kỹ năng ngôn ngữ cần dạy trẻ ở các lứa tuổi mầm non; Vận dụng được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trong quá trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- **KT02:** Trình bày được khái niệm, nguyên tắc, các hình thức xây dựng và sử dụng môi trường phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

- **KT03:** Giải thích được khái niệm, nắm được đặc điểm, nội dung, phương pháp và vận dụng được cách tiến hành tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non luyện phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp và phát triển ngôn ngữ mạch lạc.

- **KT04:** Phân tích và đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non. Vận dụng được các biện pháp thúc đẩy khả năng tiền đọc, viết; chuẩn bị tâm thế cho trẻ học tiếng Việt ở trường Phổ thông.

- **KT05:** Mô tả được mục đích, nội dung, phương pháp, cách tiến hành đánh giá mức độ phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non. **7.2. Kỹ năng (KN)**

- **KN01:** Lập kế hoạch thiết kế, xây dựng môi trường và tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

- **KN02:** Kiểm tra và đánh giá được quá trình tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non và mức độ phát triển ngôn ngữ của trẻ ở trường mầm non.

- **KN03:** Sử dụng được kiến thức và kỹ năng tin học trong quá trình thiết kế, tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

- **KN04:** Sử dụng thành thạo các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ, phi ngôn ngữ) một cách phù hợp trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non khi tham gia hoạt động nhóm; Phối hợp có hiệu quả với bạn bè trong thực hành tập giảng.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.

- **NL02:** Có ý thức, tinh thần say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01		2	3								
KT02			3			2					
KT03			3			3					

KT04			3			3					
KT05			3								
KN01			2			3					
KN02					3	2					
KN03				2		3					
KN04							4		2		
NL01							2		3		
NL02									3	2	
NL03									2	3	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần này bao gồm kiến thức cơ bản về phát triển ngôn ngữ trong trường mầm non: khái niệm, cơ sở khoa học, quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non; nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Xây dựng môi trường và việc sử dụng môi trường phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; khái niệm, nắm được đặc điểm, nội dung, phương pháp và vận dụng được cách tiến hành tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non luyện phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp và phát triển ngôn ngữ mạch lạc; các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non, các biện pháp thúc đẩy khả năng tiền đọc, viết; chuẩn bị tâm thế cho trẻ học tiếng Việt ở trường Phổ thông; đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Hoàng Thị Oanh, Phạm Thị Việt, Nguyễn Kim Đức (2005). *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ dưới 6 tuổi* - NXB ĐH QG Hà Nội.
- [2]. Đinh Hồng Thái (Chủ biên) - Trần Thị Mai (2009). *Giáo trình Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non* dành cho hệ CĐMN - NXB Giáo dục

10.2. Sách tham khảo:

- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Văn bản hợp nhất: Thông tư ban hành chương trình Giáo dục Mầm non* - Số: 01/VBHN-BGDĐT
- [4]. Đinh Hồng Thái (2015). *Giáo trình Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non* - NXB Đại học sư phạm
- [5]. Phạm Thị Thu (Chủ biên) (2022). *Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* - Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.
- [6]. Nguyễn Thị Phương Nga - *Giáo trình phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* - NXB Giáo dục 2006
- [7]. Các đường link:
 - <https://sites.google.com/view/khohoclieumokhoamamnon/>
 - <https://youtube.com> (tiết dạy mầm non)
 - <https://download.vn/> (giaoanmamnon)

...

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
 - Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2:
 - + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
 - + Số bài kiểm tra định kỳ: 03
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
 - + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.
- Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Lập bảng, phân tích đặc điểm ngôn ngữ của trẻ mầm non ở từng độ tuổi. Nêu ví dụ minh họa. - Lập bảng nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non ở từng độ tuổi. - Phân tích sự phù hợp giữa đặc điểm ngôn ngữ và nội dung phát triển ngôn ngữ ở từng độ tuổi. Rút ra các kết luận cần thiết. <i>Giáo viên có thể cho sinh viên thiết kế các hoạt động giúp trẻ mầm non:</i> Luyện phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, phát triển ngôn ngữ mạch lạc, làm quen với chữ cái.	Giáo viên linh động lựa chọn thời điểm phù hợp.	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 NL02 KT03 KN01 KN03
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Phân tích các phương pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN - Phân tích nội dung, các phương pháp luyện phát âm cho trẻ (Lấy ví dụ minh họa)	Tiết 15	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT03 KT04

Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Phân tích nội dung, các phương pháp: Phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp. - Thiết kế bài soạn giáo án Nhận biết tập nói cho trẻ 24 - 36 tháng	Tiết 29	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Soạn bài theo đề tài giáo viên yêu cầu	KT03 KT04 KN01 KN03
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Thiết kế bài soạn giáo án Nhận biết tập nói cho trẻ 24 - 36 tháng; Làm quen với tác phẩm văn học; Làm quen với chữ cái - Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ từng độ tuổi theo kế hoạch đã lập - Nhận xét đánh giá giờ dạy của mình/của bạn/nhóm bạn	Tiết 45	Thực hành	- Phân bố thời gian hợp lí. Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, không ngọng, không lắp. - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành (ưu, nhược điểm của từng giờ học).	KT01 KT03 KT04 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi.	

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng	Phương pháp
		LT	TL/	K				

			TH	T			CDR	đạy/học
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Khái niệm 1.2. Cơ sở khoa học của việc phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non (MN) 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học 1.2.2. Mối quan hệ giữa bộ môn phương pháp phát triển ngôn ngữ với các ngành khoa học khác. 1.3. Vai trò của ngôn ngữ đối với việc giáo dục trẻ 1.3.1. Vai trò của ngôn ngữ đối với việc phát triển trí tuệ 1.3.2. Vai trò của ngôn ngữ đối với việc giáo dục đạo đức 1.3.3. Vai trò của ngôn ngữ đối với việc giáo dục thẩm mỹ 1.3.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với việc phát triển thể lực	2	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [6]	- Đọc và trình bày khái niệm, cơ sở khoa học, vai trò của ngôn ngữ đối với sự phát triển của trẻ mầm non.	KT01	Phát vấn; Thuyết trình.
2	1.4. Nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung giáo dục ngôn ngữ cho trẻ MN 1.4.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 1.4.2. Mục tiêu phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 1.4.3. Nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 1.5. Phương pháp và hình thức phát triển	3	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [6]	- Đọc, hiểu mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giáo dục ngôn ngữ cho trẻ MN. - Giải thích được nội dung, phương pháp, hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	KT01 NL01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (cho sv xem băng hình 1 số hoạt động PTNN)

	ngôn ngữ cho trẻ MN 1.5.1. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN 1.5.2. Hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non							
3	1.6. Xây dựng và sử dụng môi trường phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN 1.6.1. Nguyên tắc xây dựng và sử dụng môi trường phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN 1.6.2. Xây dựng và sử dụng môi trường phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	3	0	0	Tài liệu [5] Tài liệu [6]	- Thảo luận nhóm và rút ra các nguyên tắc, biện pháp xây dựng môi trường phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	KT02 KN01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (cho sv xem băng hình xây dựng môi trường PTNN).
4	1.7. Thảo luận 1.7.1. Phân tích vai trò của ngôn ngữ với việc giáo dục trẻ. 1.7.2. So sánh mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN 1.7.3. Xây dựng môi trường phát triển ngôn ngữ trong lớp học.	0	1	0	Theo yêu cầu của giáo viên.	Sinh viên thảo luận theo nhóm.	KT01 KT02 KN01 KN03 NL02	Thảo luận nhóm
5	CHƯƠNG 2: LUYỆN PHÁT ÂM CHO TRẺ MẦM NON I. 2.1. Khái niệm 2.2. Đặc điểm ngữ âm của trẻ từ 0 - 6 tuổi 2.2.1. Đặc điểm ngữ âm của trẻ giai đoạn tiền ngôn ngữ (trẻ từ 0 - 12 tháng) 2.2.2. Đặc điểm ngữ âm của trẻ giai đoạn ngôn ngữ (trẻ từ 1 - 6 tuổi)	3	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [6]	- Đọc, hiểu khái niệm, đặc điểm, nội dung, các phương pháp luyện phát âm cho trẻ theo từng độ tuổi. - Vận dụng các phương	KT03 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02	Phát vấn; Thuyết trình.

	2.3. Nội dung, phương pháp, biện pháp luyện phát âm cho trẻ ở từng độ tuổi 2.3.1. Nội dung, phương pháp, biện pháp luyện phát âm cho trẻ giai đoạn tiền ngôn ngữ 2.3.2. Nội dung, phương pháp, biện pháp luyện phát âm cho trẻ giai đoạn ngôn ngữ					pháp giúp trẻ luyện phát âm.	NL03	
6	2.4. Thực hành 2.4.1. Hướng dẫn sinh viên một số trò chơi luyện phát âm cho trẻ. 2.4.2. Xây dựng một số bài tập luyện phát âm cho trẻ.	0	2		Tài liệu [1]	- SV thực hành 1 số trò chơi luyện phát âm. - Xây dựng 1 số bài tập luyện phát âm theo sự hướng dẫn của GV.	KT03 KN01 KN03 NL02 NL03	Thực hành cá nhân, nhóm.
7	Kiểm tra định kỳ			1		- Ôn tập các nội dung theo yêu cầu của giáo viên.		
8	CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN VỐN TỪ CHO TRẺ MẦM NON 3.1. Khái niệm 3.2. Đặc điểm vốn từ của trẻ mầm non 3.2.1. Đặc điểm vốn từ của trẻ từ 0 - 3 tuổi 3.2.2. Đặc điểm vốn từ của trẻ từ 3 - 6 tuổi 3.3. Nhiệm vụ, nội dung phát triển vốn từ cho trẻ mầm non 3.3.1. Nhiệm vụ phát triển vốn từ cho trẻ MN 3.3.2. Nội dung phát triển vốn từ cho trẻ MN 3.4. Các phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ mầm non 3.4.1. Phương pháp quan sát - đàm thoại	4	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [6]	- Đọc, hiểu khái niệm, đặc điểm, nội dung, các phương pháp phát triển vốn từ cho trẻ theo từng độ tuổi. - Vận dụng các phương pháp vào tiết dạy NBTN giúp trẻ phát triển vốn từ.	KT03 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (Cho xem băng hình tiết dạy NTBT; Cho sinh viên xem giáo án mẫu.)

	3.4.2. Phương pháp đọc, kể tác phẩm văn học 3.4.3. Phương pháp trò chơi 3.5. Nhận biết tập nói - Hoạt động phát triển vốn từ của trẻ từ 0 - 3 tuổi. 3.5.1. Khái niệm, ý nghĩa, yêu cầu của hoạt động Nhận biết tập nói 3.5.2. Cách tiến hành hoạt động Nhận biết tập nói 3.5.3. Hướng dẫn soạn giáo án Nhận biết tập nói.							
9	3.6. Thực hành: Soạn bài và tập dạy hoạt động Nhận biết tập nói (Đề tài: Tự chọn)	0	3	0	Tài liệu [1]	- Cá nhân soạn bài, có thảo luận nhóm - Tập dạy theo nhóm	KT03 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03	Thực hành nhóm
10	CHƯƠNG 4: DẠY TRẺ NÓI ĐÚNG NGỮ PHÁP 4.1. Khái niệm 4.2. Sự hình thành và phát triển các kiểu loại câu xét theo cấu trúc ngữ pháp 4.2.1. Trẻ từ 1 - 3 tuổi 4.2.2. Trẻ từ 3 - 6 tuổi 4.3. Sự xuất hiện và phát triển các kiểu loại câu xét theo mục đích nói 4.3.1. Câu tường thuật 4.3.2. Câu nghi vấn	4	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [6]	- Đọc, hiểu khái niệm, đặc điểm, nội dung, các phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp cho trẻ theo từng độ tuổi. - Vận dụng các phương pháp giúp trẻ nói đúng ngữ pháp.	KT03 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình.

	4.3.3. Câu mệnh lệnh, cảm thán 4.4. Nội dung, phương pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp 4.4.1. Nội dung dạy trẻ nói đúng ngữ pháp 4.4.2. Phương pháp, biện pháp dạy trẻ nói đúng ngữ pháp							
11	4.5. Thực hành: Tập dạy hoạt động Nhận biết tập nói: Đề tài giáo viên cung cấp.	0	2		Theo yêu cầu của giáo viên	- Cá nhân soạn bài, có thảo luận nhóm. - Tập dạy theo nhóm.	KT03 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03	Thực hành nhóm
12	Kiểm tra định kỳ			1		- Ôn tập các nội dung theo yêu cầu của giáo viên.		
13	CHƯƠNG 5: PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ MẠCH LẠC CHO TRẺ MÀM NON 5.1. Khái niệm 5.2. Đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ mầm non 5.2.1. Trẻ từ 0 - 3 tuổi 5.2.2. Trẻ từ 3 - 4 tuổi 5.2.3. Trẻ từ 4 - 5 tuổi 5.2.4. Trẻ từ 5 - 6 tuổi 5.3. Nhiệm vụ và phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non	3	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [6]	- Đọc, hiểu khái niệm, đặc điểm, nội dung, các phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ theo từng độ tuổi. - Vận dụng các phương pháp giúp trẻ phát triển ngôn ngữ mạch lạc.	KT03 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (Cho xem băng hình tiết dạy LQTPVH; Cho sinh viên xem

	5.3.1. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non 5.3.2. Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mầm non							giáo án mẫu)
14	5.4. Thực hành: 5.4.1. Phân tích sự khác nhau giữa trò chuyện với trẻ và đàm thoại 5.4.2. Sáng tác một câu chuyện kể về đồ vật (đồ chơi), theo trí nhớ hoặc kể chuyện sáng tạo. 5.4.3. Tập dạy một tiết kể chuyện theo tranh hoặc theo trí nhớ hoặc kể chuyện sáng tạo (cho từng độ tuổi khác nhau).	0	2	0	Tài liệu [1]	- Cá nhân làm bài tập, soạn bài, có thảo luận nhóm. - Tập dạy theo nhóm	KT03 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03	Thực hành nhóm
15	CHƯƠNG 6: CHUẨN BỊ KHẢ NĂNG TIỀN ĐỌC - VIẾT TUỔI MẦM NON 6.1. Khái niệm 6.2. Một số biện pháp thúc đẩy khả năng tiền đọc - viết tuổi MN 6.2.1. Cho trẻ “đọc” truyện tranh. 6.2.2. Cho trẻ vẽ mô tả và tạo ra các câu chuyện từ các bức vẽ 6.2.3. Tạo môi trường chữ viết 6.2.4. Tạo góc thư viện 6.2.5. Tạo góc viết 6.3. Cho trẻ làm quen với chữ cái 6.3.1. Khái niệm, nội dung cho trẻ làm quen với chữ cái	4	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [4] Tài liệu [6]	- Đọc, hiểu khái niệm, 1 số biện pháp thúc đẩy khả năng tiền đọc - viết tuổi mầm non. - Đọc, hiểu khái niệm, nội dung và các phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ cái. Biết cách soạn bài LQVCC. - Vận dụng các phương pháp vào cách tiến hành dạy trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với chữ cái.	KT04 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (Cho xem băng hình tiết dạy LQCC; Cho sinh viên xem giáo án mẫu.)

	6.3.2. Phương pháp dạy trẻ làm quen với chữ cái 6.3.3. Hướng dẫn soạn giáo án làm quen với chữ cái							
16	6.4. Thực hành 6.4.1. Sinh viên xem băng hình các tiết “Làm quen với chữ cái” 6.4.2. Sinh viên tập soạn giáo án theo các nội dung đã học 6.4.3. Sinh viên tập dạy trên lớp theo các giáo án đã soạn.	0	4	0	Tài liệu [1]	- Cá nhân soạn bài, có thảo luận nhóm. - Tập dạy theo nhóm.	KT04 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03	Thực hành nhóm
17	CHƯƠNG 7: ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CỦA TRẺ MẦM NON 7.1. Mục đích đánh giá 7.2. Nội dung đánh giá 7.3. Phương pháp đánh giá 7.4. Cách tiến hành đánh giá	1	0	0	Tài liệu [5] Tài liệu [6]	- Đọc, hiểu mục đích, nội dung, phương pháp và cách tiến hành đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ MN.	KT05 KN02 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình
18	7.5. Thực hành Sinh viên đọc bản mô tả kết quả quan sát ngôn ngữ của trẻ và đưa ra lời nhận xét về cách viết bản quan sát.	0	1		Tài liệu [5] Tài liệu [6]	- Biết vận dụng lý thuyết vào việc thực hiện đánh giá sự phát triển NN của trẻ MN.	KT05 KN02 NL02 NL03	Thực hành nhóm
19	Kiểm tra định kỳ			1		- Ôn tập các nội dung theo yêu cầu của giáo viên.		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non

Mã học phần: 710.19

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lý thuyết:	34	tiết
+ Thực hành/Thảo luận	08	tiết
+ Kiểm tra	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non.

6. Mục tiêu học phần: *Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:*

Hiểu được khái niệm, triệu chứng chính của một số bệnh thường gặp ở trẻ; phân tích được nguyên nhân, cách chăm sóc và biện pháp phòng bệnh cho trẻ; Xử lý ban đầu, phòng tránh một số tai nạn thường gặp và thực hiện được các nội dung chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non. Biết vận dụng kiến thức môn học vào công tác chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ em lứa tuổi mầm non, đồng thời biết tư vấn phối hợp với cha mẹ của trẻ trong chăm sóc sức khỏe, phòng tránh một số bệnh và tai nạn thường gặp, góp phần giúp trẻ phát triển toàn diện.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được nội dung của chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em, một số khái niệm về bệnh và các nội dung chăm sóc sức khỏe, giáo dục phòng bệnh đảm bảo an toàn cho trẻ ở trường mầm non.

- **KT02:** Nhận biết được các triệu chứng cơ bản để phát hiện sớm một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

- **KT03:** Phân tích được nguyên nhân, cách chăm sóc và các biện pháp đề phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ.
- **KT04:** Xác định được các kiến thức về sơ cứu và phòng tránh một số tai nạn, đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Phát hiện được triệu chứng chính của một số bệnh thường gặp ở trẻ và chăm sóc đúng cách khi trẻ bị bệnh.
- **KN02:** Pha dung dịch Oresol, nấu nước cháo muối và cho trẻ uống đúng cách trong trường hợp trẻ mắc bệnh cần bù nước
- **KN03:** Sơ cứu một số tai nạn mà trẻ lứa tuổi mầm non có thể gặp phải.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý hiệu quả thời gian học tập; chủ động hoàn thành các nhiệm vụ đúng kế hoạch; tích cực nghiên cứu giáo trình, tài liệu, ứng dụng công nghệ để tự tìm kiếm thông tin trên internet phục vụ cho quá trình học tập học phần
- **NL02:** Nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có ý thức vận dụng kiến thức môn học vào công tác chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ lứa tuổi mầm non.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR02	CDR03	CDR04	CDR05	CDR06	CDR07	CDR08	CDR09	CDR10	CDR11
KT01			3								
KT02			3								
KT03			2								
KT04		3									
KN01					3	2					
KN02					3	3					
KN03					3	3					
NL01									3	2	2
NL02									3	2	2

8. Mô tả nội dung văn tắt của học phần

Học phần bao gồm các nội dung:

Đại cương về bệnh trẻ em; Nguyên nhân, triệu chứng, chăm sóc và đề phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ;

Xử lý, chăm sóc và phòng tránh một số tai nạn thương tích có thể xảy ra với trẻ; Giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non; Công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

- [1]. Lê Thị Mai Hoa - Trần Văn Dân (2014), *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Nguyễn Thị Phong - Đặng Thị Thu Hà (2018), *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

10.2. Sách tham khảo

- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* ban hành kèm theo Văn bản 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021.
- [4]. Nguyễn Thị Hiền - Vũ Thúy Hoàn - Nguyễn Minh Huyền - Nguyễn Thị Thanh - Lê Thị Thanh Thủy (2020), *Hướng dẫn một số kỹ năng Đảm bảo an toàn cho trẻ em trong các cơ sở Giáo dục mầm non*, NXBGD.
- [5]. Phạm Thị Nhuận (2012), *Giáo trình Phòng bệnh cho trẻ mầm non*, NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2:
 - + Số bài kiểm tra thường xuyên: 1
 - + Số bài kiểm tra định kỳ: 3
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
 - + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>* Chọn 1 trong các nội dung sau:</i> - Liên hệ các biện pháp phòng bệnh cho trẻ ở trường mầm non - Sơ cứu một số tai nạn thường gặp ở trẻ.	GV chọn thời điểm phù hợp	Thực hành	- Liên hệ nêu được biện đã thực hiện ở trường mầm non. - Sinh viên thực hành theo nhóm - Thực hiện theo trình tự các kỹ năng sơ cứu, thao tác đúng. - Đảm bảo thời gian.	KT03, KT04, KN03 NL01, NL02
Bài KT định kỳ	<i>* Chọn 2 trong các nội dung sau:</i> - Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em. Liên hệ thực tiễn - Nguyên nhân, triệu chứng chính của một bệnh cụ thể thường gặp ở trẻ và các biện pháp chăm sóc phù hợp. - Liên hệ việc thực hiện các biện pháp đề phòng các bệnh đó cho trẻ ở trường MN.	Tiết 14	Tự luận	- Trình bày được nội dung cơ bản của công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và liên hệ những mặt đã thực hiện tốt và chưa tốt trong công tác CSSKBĐ ở địa phương. - Trình bày đủ ý, phân tích và lấy ví dụ minh họa. - Liên hệ việc thực hiện các biện pháp đề phòng các bệnh đó cho trẻ ở trường MN (đã làm tốt, chưa tốt?)	KT01, KT02, KT03, KN01 NL01, NL02
	<i>* Chọn 2 trong các nội dung sau:</i> - Nguyên nhân, triệu chứng chính, biện pháp đề phòng các bệnh ngoài da, bệnh về mắt và bệnh sâu răng cho trẻ. - Đặc điểm bệnh truyền nhiễm; biện pháp chung để phòng bệnh	Tiết 28	Tự luận	- Trình bày đủ ý, phân tích và lấy ví dụ minh họa. - Giải thích có cơ sở khoa học, rõ ràng.	KT02, KT03, KN01, NL01, NL02

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT định kỳ	truyền nhiễm cho trẻ. - Nguyên nhân, triệu chứng chính, xử lý, chăm sóc một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ. - Liên hệ công tác đề phòng các bệnh truyền nhiễm cho trẻ ở trường mầm non.			- Liên hệ việc thực hiện các biện pháp đề phòng các bệnh đó cho trẻ ở trường MN (đã làm tốt, chưa tốt?)	
Bài KT định kỳ	<i>* Chọn 2 trong các nội dung sau:</i> - Phát hiện sớm và chăm sóc khi trẻ ốm. - Phòng tránh một số tai nạn và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non - Nội dung, hình thức tổ chức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non. - Công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non.	Tiết 45	Tự luận	- Trình bày đủ ý, phân tích và lấy ví dụ minh họa. - Liên hệ được thực trạng việc thực hiện các nội dung, hình thức giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ tại trường MN (ưu điểm, hạn chế). - Nêu được nội dung, tổ chức chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong trường mầm non	KT01, KT03, KT04 KN01 NL01, NL02
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra của học phần	Theo kế hoạch của Trường`	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01, KT02, KT03, KT04, KN01, NL01, NL02

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		L T	TH/ TL	KT				
1	CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ BỆNH TRẺ EM 1.1. Vài trò môn học và một số khái niệm về bệnh 1.2. Tình hình mắc bệnh và tử vong ở trẻ em 1.3. Nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em	3			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu về tình hình mắc bệnh và tử vong ở trẻ em trên thế giới và ở nước ta. - Thảo luận: Liên hệ việc thực hiện nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ ở địa phương. - Trả lời câu hỏi 1,2 Tài liệu [2].	KT01 NL01 NL02	Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm
2	CHƯƠNG 2. CÁC BỆNH THƯỜNG GẶP Ở TRẺ EM 2.1. Bệnh về dinh dưỡng 2.1.1. Bệnh suy dinh dưỡng 2.1.2. Bệnh còi xương 2.1.3. Bệnh khô mắt do thiếu vitamin A 2.1.4. Bệnh thiếu máu do thiếu sắt 2.1.5. Hiện tượng tăng cân quá mức (bệnh béo phì)	13 4	2	1	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Nhận biết các dấu hiệu để phát hiện sớm bệnh. - Lập bảng (sơ đồ tư duy) về các nội dung: nguyên nhân, triệu chứng chính, biện pháp phòng bệnh - Thảo luận về các biện pháp phòng bệnh về dinh dưỡng cho trẻ ở trường MN. - Trả lời câu hỏi tài liệu [1].	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		L T	TH/ TL	KT				
	2.2. Bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 2.2.1. Đại cương 2.2.2. Nguyên nhân 2.2.3. Triệu chứng 2.2.4. Xử lý khi trẻ bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính 2.2.5. Phòng bệnh	2			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Nhận biết các dấu hiệu để phát hiện sớm NKHHCT - Tìm hiểu cách xử lý khi trẻ bị NKHHCT - Thảo luận: Tại sao trẻ dưới 5 tuổi hay mắc bệnh NKHHCT? Các biện pháp phòng bệnh hô hấp cấp tính cho trẻ em? - Trả lời câu hỏi 2- 6 trang 52 Tài liệu [2]	KT02 KT03 KN01 1 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
	2.3. Bệnh thuộc hệ tiêu hóa 2.3.1. Bệnh tiêu chảy cấp (Nguyên nhân, triệu chứng, Xử lý và chăm sóc, phòng bệnh) 2.3.2. Bệnh giun ở trẻ em Thực hành: Pha Oresol và nấu nước cháo muối	2		1	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu nguyên nhân, các triệu chứng, biện pháp phòng bệnh tiêu chảy cấp, bệnh giun cho trẻ - Thảo luận: Xử lý và chăm sóc khi trẻ bị tiêu chảy cấp. - Thực hành: SV chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ của bài thực hành, tìm hiểu thành phần, tác	KT01 KT02 KT03 KN01 1 KN02 2 NL01 NL02	Thuyết trình; Trực quan Thảo luận nhóm; Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		L T	TH/ TL	KT				
3						dụng, cách pha Oresol và cách cho trẻ uống ORS. - Trả lời câu hỏi 8,9 trang 99 tài liệu [1].		
	2.4. Bệnh thuộc hệ tiết niệu 2.4.1. Bệnh nhiễm khuẩn đường tiết niệu (Nguyên nhân, triệu chứng, xử lý và chăm sóc, phòng bệnh) 2.4.2. Bệnh viêm cầu thận cấp	1			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi - Tìm hiểu nguyên nhân, các dấu hiệu của bệnh viêm cầu thận cấp và nhiễm khuẩn đường tiết niệu. - Thảo luận về các biện pháp phòng bệnh cho trẻ. - Trả lời câu hỏi 1-4 trang 79 Tài liệu [2].	KT02 KT03 KN01 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận
	Kiểm tra định kì			1		Ôn tập kiến thức chương 1 và mục 2.1 → 2.4 chương 2		
	2.5. Bệnh ngoài da 2.5.1. Mụn nhọt ngoài da: nguyên nhân, triệu chứng, xử lý và chăm sóc, phòng bệnh. 2.5.2. Bệnh chàm 2.5.3. Bệnh chốc 2.5.4. Bệnh ghẻ	2			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi - Kẻ bảng hệ thống kiến thức về các bệnh ngoài da: nguyên nhân, triệu chứng, xử lý và chăm sóc. - Thảo luận: Các biện pháp phòng bệnh ngoài da cho trẻ ở	KT02 KT03 KN01 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		L T	TH/ TL	KT				
						trường MN. - Trả lời câu hỏi 1,3 trang 140 Tài liệu [2].		
	2.6. Bệnh về mắt 2.6.1. Bệnh viêm kết mạc cấp tính (bệnh đau mắt đỏ): Nguyên nhân, triệu chứng, xử lý và chăm sóc, phòng bệnh 2.6.2. Bệnh mắt hột	1			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Thảo luận: các biện pháp phòng bệnh đau mắt đỏ, mắt hột cho trẻ ở trường MN. - Trả lời câu hỏi 1-3 trang 148 Tài liệu [2].	KT02 KT03 KN01 NL01 NL02	Trực quan Phát vấn Thảo luận
	2.7. Bệnh sâu răng 2.7.1. Nguyên nhân 2.7.2. Triệu chứng 2.7.3. Xử lý và chăm sóc 2.7.4. Các biện pháp phòng bệnh. Thảo luận: Biện pháp đề phòng các bệnh thường gặp cho trẻ ở trường MN.	1		1	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu về tình hình mắc bệnh sâu răng ở trẻ MN. - Trả lời câu hỏi 3 trang 116 tài liệu [1]. - Thảo luận: SV chuẩn bị trước các nội dung thảo luận mà GV yêu cầu.	KT02 KT03 KN01 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
4	CHƯƠNG 3. BỆNH TRUYỀN NHIỄM 3.1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm	8 1		1	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Liệt kê và phân loại theo đường lây truyền một số bệnh	KT01 KT02 KT03 KN0	Trực quan; Thuyết trình;

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		L T	TH/ TL	KT				
	3.1.1. Định nghĩa bệnh truyền nhiễm 3.1.2. Đặc điểm bệnh truyền nhiễm 3.1.3. Phân loại bệnh truyền nhiễm 3.2. Một số bệnh truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em 3.2.1. Bệnh sởi: Nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, xử lý và chăm sóc, phòng bệnh. 3.2.2. Bệnh lao 3.2.3. Bệnh bạch hầu 3.2.4. Bệnh ho gà 3.2.5. Bệnh bại liệt 3.2.6. Bệnh uốn ván 3.2.7. Bệnh viêm gan do virus 3.2.8. Bệnh thủy đậu 3.2.9. Bệnh quai bị 3.2.10. Bệnh sốt xuất huyết 3.2.11. Bệnh viêm não Nhật bản 3.2.12. Bệnh tay chân miệng 3.3. Tiêm chủng 3.3.1. Khái niệm	6				truyền nhiễm thường gặp ở trẻ. - Tìm hiểu nguyên nhân, triệu chứng các bệnh truyền nhiễm trong chương trình và cách chăm sóc khi trẻ mắc bệnh - Thảo luận về 3 mắt xích của quá trình phát sinh dịch bệnh, các biện pháp chung để phòng bệnh truyền nhiễm cho trẻ. - Quan sát, tìm hiểu lịch tiêm chủng cho trẻ trong chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia. - Thảo luận: Những lưu ý khi tiêm vaccin cho trẻ. - Trả lời câu hỏi 1,3,4 trang 146 Tài liệu [1], câu hỏi 1,2,8,9 trang 131 Tài liệu [2].	1 NL01 NL02	Thảo luận nhóm

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		L T	TH/ TL	KT				
	3.3.2. Ý nghĩa của tiêm chủng 3.3.3. Lịch tiêm chủng cho trẻ 3.3.4. Những lưu ý khi đưa trẻ đi tiêm vắc xin.							
5	Kiểm tra định kì			1		Ôn tập kiến thức chương 2 (mục 2.5->2.7) và chương 3		
6	CHƯƠNG 4. ĐẢM BẢO AN TOÀN VÀ PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ TAI NẠN THƯỜNG GẶP 4.1. Mục tiêu 4.1.1. An toàn về thể lực, sức khỏe 4.1.2. An toàn về tâm lí 4.1.3. An toàn về tính mạng 4.2. Một số tai nạn thương tích có thể xảy ra với trẻ 4.2.1. Trên đường tới trường và về nhà 4.2.2. Khi ở trường. 4.3. Xử lý, chăm sóc và phòng tránh một số tai nạn thương tích 4.3.1. Nguyên tắc chung 4.3.2. Đề phòng trẻ bị lạc 4.3.3. Cấp cứu bỏng: nguyên	7 1 5	4		Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3], [4], [5]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Liệt kê một số tai nạn thương tích có thể xảy ra với trẻ (trên đường tới trường, khi ở trường) - Suru tầm hình ảnh, video cách sơ cứu một số tai nạn, nhận xét đánh giá về các bước, kỹ thuật thực hiện sơ cứu. - Thảo luận về các tình huống trẻ có thể bị tai nạn thương	KT01 KT04 KN01 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		L T	TH/ TL	KT				
	Thực hành: Sơ cứu tai nạn		3		Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [4] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu kỹ phân lý thuyết về sơ cứu các tai nạn cho trẻ. - Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, dụng cụ thực hành theo yêu cầu của GV - Chia nhóm thực hiện các nội dung sơ cứu tai nạn. - Đảm bảo về thời gian, chấp hành nội quy, đảm bảo an toàn trong quá trình thực hành.	KT04 KN0 3 NL01 NL02	Trực quan, phát vấn, thực hành
7	CHƯƠNG 5. CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 5.1. Tủ thuốc và cách sử dụng thuốc cho trẻ 5.1.1. Định nghĩa 5.1.2. Nguồn gốc 5.1.3. Phân loại thuốc 5.1.4. Các tác dụng của thuốc 5.1.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc	3 1	2	1	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Liệt kê các loại thuốc và dụng cụ y tế thiết yếu cần có trong tủ thuốc ở trường MN. - Thảo luận về tác dụng chữa bệnh của một số cây thuốc	KT01 KT02 KT03 KN0 1 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thực hành; thảo luận nhóm

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		L T	TH/ TL	KT				
	5.1.6. Một số thuốc thường dùng 5.1.7. Tủ thuốc và vườn thuốc ở trường mầm non. 5.2. Một số kĩ năng phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm 5.2.1. Phát hiện sớm trẻ ốm 5.2.2. Chăm sóc trẻ ốm Thảo luận: Chăm sóc khi trẻ bị ốm và cách sử dụng thuốc cho trẻ 5.3. Theo dõi, quản lý sức khỏe và phòng dịch 5.3.1. Theo dõi sức khỏe trẻ hàng ngày 5.3.2. Theo dõi phát triển thể lực và tình trạng dinh dưỡng 5.3.3. Tổ chức khám sức khỏe định kì 5.3.4. Quản lý tiêm chủng và phòng dịch 5.3.5. Quản lý sổ theo dõi sức khỏe của trẻ Thực hành: Tìm hiểu và tập sử dụng sổ theo dõi sức khỏe trẻ em.	1	1			trong vườn trường mầm non. - Thảo luận: Cách xử trí, chăm sóc khi trẻ bị ốm theo các tình huống mà GV đưa ra. - Thảo luận: Tình hình thực hiện công tác theo dõi, quản lý sức khỏe và phòng dịch cho trẻ ở trường MN mà SV đã kiến tập. - Thực hành: SV chuẩn bị đầy đủ và thực hiện các nội dung của bài thực hành		
8	Kiểm tra định kì			1		Ôn tập chương 4,5		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực hành sư phạm 1

Mã học phần: 710.58

2. Số tín chỉ: 01

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	15	tiết
+ Lí thuyết:	06	tiết
+ Thảo luận, thực hành	08	tiết
+ Kiểm tra:	01	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	30	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không có

6. Mục tiêu học phần: Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể có khả năng:

- Hiểu và trình bày được chức năng, nhiệm vụ của trường mầm non, giáo viên mầm non, hệ thống tổ chức trường, lớp mầm non, chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ mầm non;
- Phân tích được chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
- Có khả năng phát hiện và xử lý tình huống sư phạm xảy ra trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ.
- Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, giáo viên và các bạn trong nhóm, lớp.
- Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành, cập nhật những thành tựu mới của giáo dục mầm non, ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin vào lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.
- Có kỹ năng tự đánh giá được năng lực của bản thân và các thành viên trong nhóm, lớp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Xác định được chức năng, nhiệm vụ của trường mầm non, giáo viên mầm non, cơ cấu tổ chức trường mầm non.
- **KT02:** Phân tích được chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ ở trường mầm non.

- **KT03:** Phân tích chương trình giáo dục mầm non, bước đầu tiếp cận một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Quan sát, tìm hiểu và ghi chép các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tại trường mầm non.

- **KN02:** Sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có hiệu quả phù hợp độ tuổi, chủ đề và điều kiện thực tế ở trường mầm non.

- **KN03:** Phát hiện, phân tích và giải quyết được các tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý hiệu quả thời gian học tập. Tích cực nghiên cứu tài liệu, thâm nhập các hoạt động thực tế tại trường mầm non.

- **NL02:** Làm việc độc lập, tham gia tích cực, trách nhiệm trong hoạt động nhóm. Chịu trách nhiệm đối với cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Luôn có ý thức hỗ trợ, giúp đỡ người khác hoàn thành nhiệm vụ.

- **NL03:** Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp.

- **NL04:** Đánh giá được năng lực bản thân và các thành viên trong nhóm, lớp.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01			3								
KT02			3								
KT03			3								
KN01					3		3				
KN02		3				3	3				
KN03		2			3		3				
NL01									3		
NL02										3	
NL03		2								2	3

NL04							3				2
------	--	--	--	--	--	--	---	--	--	--	---

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung: Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức trường mầm non; Chức năng, nhiệm vụ của giáo viên mầm non; Chương trình giáo dục mầm non hiện hành; Tiếp cận một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống sư phạm ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia học trên lớp, hoàn thành các bài thực hành sư phạm, bài thu hoạch, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.
- Tham gia các đợt kiến tập đầy đủ, đúng quy định, có hiệu quả.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, Ban hành kèm theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/4/2021
- [2]. TS. Lê Thu Hương, PGS TS Lê Thị Ánh Tuyết (2019), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm Non (3-36 tháng; 3-4; 4-5 và 5-6 tuổi)* - Theo thông tư 28/2016/TT BGDĐT 30/12/2016 Sửa đổi bổ sung một số nội dung theo chương trình Giáo dục Mầm non, NXBGD

10.2 Sách tham khảo:

- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ trường mầm non 2020*, Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*, Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- [5]. Nguyễn Thị Ngọc Dung (2010), *Ứng dụng học thuyết Montessori trong lĩnh vực giáo dục mầm non*. Sở giáo dục TP HCM.
- [6]. Nguyễn Thị Quý Hoa - Ngô Thị Thủy (2018), *Tập bài giảng lưu hành nội bộ “Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN*.
- [7]. Nguyễn Thị Hoà (2013), *Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHSP HN.
- [8]. Hồ Lam Hồng (2008), *Giáo trình Nghề giáo viên mầm non* dành cho hệ Cao đẳng sư phạm mầm non, Nhà xuất bản Giáo dục.
- [9]. Trang web <http://www.mamnon.com/adsense/ClickAds.aspx?Id=488>

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Chấm theo thang điểm 10, từ 0 đến 10, lấy đến một chữ số thập phân. Điểm HS1 gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên. Điểm HS2 gồm: các con điểm kiểm tra các bài thực hành (SV phải tham gia đầy đủ các bài thực hành)

- Điểm học phần (TH) = (Điểm HS1 + Điểm các bài kiểm tra thực hành x 2)/N

$$N = (\text{Số con điểm hệ số 1} + \text{số con điểm KT thực hành} \times 2)$$

(Điểm HP thực hành lấy đến một chữ số thập phân sau khi đã làm tròn)

- Điều kiện được xét hoàn thành môn: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, hoàn thành đủ các bài thu hoạch, bài thực hành, các buổi kiến tập, có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên).

Kế hoạch kiểm tra:

Bài KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Trình bày kết quả tìm hiểu về trường, lớp mầm non.	Tuần 4,5	Bài thu hoạch	- Trình bày đầy đủ, cô đọng, súc tích kết quả tìm hiểu về trường, lớp mầm non. - Có hình ảnh minh họa	KT01; KT02 KN01 NL01 NL02
Bài KT định kỳ	<i>*Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> 1. Tường thuật công việc của giáo viên mầm non thông qua chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ. Rút ra kết luận sư phạm. 2. Tường thuật 1 tình huống sư phạm	Tuần 8	Thực hành	- Sinh viên tường thuật bằng hình thức đóng vai hoạt động của giáo viên theo chế độ sinh hoạt trong ngày ở trường mầm non đã quan sát được. - Rút ra được những bài học cho bản thân SV. - Miêu tả được tình huống quan sát được trong quá trình kiến	KT02 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02

	mà em quan sát được ở trường mầm non. Cho ý kiến cá nhân?			tập, cách giải quyết của giáo viên bằng hình thức đóng vai. - Đưa ra cách giải quyết của bản thân	
--	---	--	--	--	--

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	T H / T L	K T				
1	CHƯƠNG 1: LÀM QUEN, TÌM HIỂU VỀ TRƯỜNG MẦM NON 1.1 Tìm hiểu hệ thống tổ chức, quản lý trường, lớp mầm non 1.1.1. Tìm hiểu về trường mầm non 1.1.1.1. Chương trình GDMN hiện hành 1.1.1.2. Cơ cấu tổ chức 1.1.1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị 1.1.2. Tìm hiểu về lớp mầm non 1.1.2.1. Chế độ sinh hoạt 1.1.2.2. Công tác quản lý nhóm, lớp 1.1.2.3. Đặc điểm phát triển của trẻ theo độ tuổi	2	2	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [7]	- Nghiên cứu tài liệu - Tham khảo trang web của một số trường mầm non trong tỉnh Nghệ An, trang web mamnon.com. - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của giảng viên - Bài tập thảo luận nhóm: So sánh các loại hình trình mầm non - Ghi chép đầy đủ các nội dung vào Nhật kí Thực hành sư phạm	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02 NL03	Phát vấn Thuyết trình; Trực quan; Thảo luận nhóm

	1.1.3. Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của GVMN 1.1.3.1. Chức năng, nhiệm vụ của GVMN 1.1.3.2. Hồ sơ của giáo viên mầm non							
2	1.2. Giao tiếp sư phạm và xử lý các tình huống sư phạm 1.2.1 Giao tiếp sư phạm 1.2.1.1. Giao tiếp với trẻ 1.2.1.2. Giao tiếp với phụ huynh 1.2.1.3. Giao tiếp với đồng nghiệp 1.2.2. Xử lý tình huống sư phạm 1.2.2.1. Quy trình xử lý các tình huống sư phạm thường gặp ở trường mầm non 1.2.2.2. Quan sát và ghi chép tình huống sư phạm 1.2.2.3. Luyện tập xử lý tình huống sư phạm	2	2	0	Tài liệu [8]	Nghiên cứu tài liệu liên quan nội dung bài học. - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của giảng viên - Bài tập nhóm: Xây dựng 1 tình huống sư phạm có thể xảy ra ở trường mầm non, đóng vai. Các nhóm quan sát, ghi chép, nhận xét.	KT01 KT03 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03 NL04	Phát vấn Thuyết trình; Trực quan; Thực hành; Thảo luận nhóm
3	1.3. Tiếp cận một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến 1.3.1. Giới thiệu một số phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến 1.3.2. Tìm hiểu việc ứng dụng phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến vào các hoạt động giáo dục ở trường mầm non hiện nay.	2	1	0	Tài liệu [5] Tài liệu [9] mục Giáo dục Stem	- Đọc tài liệu, nghiên cứu phương pháp giáo dục tiên tiến - Thảo luận: Ứng dụng phương pháp Montessori và Stem vào dạy học trẻ mầm non ở địa phương em như thế nào?	KT03 KN01 NL01 NL02	Phát vấn Thuyết trình; Trực quan;

4	1.4. Kiến tập thực tế trường mầm non 1.4.1. Tìm hiểu hệ thống tổ chức, quản lý trường, lớp mầm non 1.4.2. Tìm hiểu việc giao tiếp với trẻ, phụ huynh. Quan sát và tập xử lý tình huống sự phạm xảy ra trong quá trình kiến tập. 1.4.3. Tìm hiểu việc ứng dụng các phương pháp GDMN tiên tiến vào các hoạt động giáo dục hiện nay. Viết bài thu hoạch	0	3	0	Tài liệu: [1], [2], [3]	- Hệ thống hóa kiến thức đã học ở chương 1 - Thực hiện nghiêm túc nội quy kiến tập.	KT01 KT02 KT03 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03 NL04	Trực quan. Thảo luận nhóm, Thực hành
5	Thảo luận các nội dung chương 1 sau khi đi kiến tập Kiểm tra định kỳ			1			KT01-02-03 KN01-02-03 NL01-02-03 NL04	Thảo luận nhóm, Thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 001.03

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	19	tiết
+ Thảo luận:	9	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết

Sinh viên phải học xong môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1, 2

6. Mục tiêu học phần

- Sinh viên hiểu được nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh
- Thấy rõ hơn vai trò của Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam.
- Trên cơ sở hiểu biết kiến thức môn học tạo cơ sở để sinh viên nhận thức và tiếp cận nội dung các môn học: Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và môn pháp luật đại cương.
- Sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Có ý thức tích cực trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức

- **KT01:** Nhận biết, trình bày và giải thích được các khái niệm tư tưởng, tư tưởng Hồ Chí Minh, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng việc học tập môn học là góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị.

- **KT02:** Trình bày, được cơ sở khách quan và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiểu được quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh gồm năm thời kỳ. Vận dụng giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc, thế giới từ đó có ý thức tích cực trong việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống hằng ngày.

- **KT03:** Nhận biết được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội. Giải thích cho sinh viên thêm tự hào về sức mạnh của dân tộc, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Vận dụng phản bác được những luận điểm xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- **KT04:** Trình bày được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đánh giá được những sáng tạo lý luận và ý nghĩa của tư tưởng đối với con đường, sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay.

- **KT05:** Trình bày được tư tưởng Hồ Chí Minh về sự ra đời, vai trò, bản chất, quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam. Phân tích được tính tất yếu, khách quan và nội dung công tác xây dựng Đảng. Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo

- **KT06:** Trình bày được tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế vào việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong thực tiễn cách mạng. Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- **KT07:** Trình bày được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Giải thích cho sinh viên tin tưởng vào sự quản lý của Nhà nước Việt Nam giai đoạn kinh tế thị trường, hội nhập, toàn cầu hóa. Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

- **KT08:** Trình bày được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Giải thích giúp cho sinh viên có phương pháp tư duy mới trong học tập, nghiên cứu, tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn. Trên cơ sở đó các em vận dụng vào thực tiễn, thể hiện trách nhiệm xây dựng văn hóa đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Tích cực, tự chủ học tập và nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và thực hiện kế hoạch.
- **KN02:** Có kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp, so sánh, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.
- **KN03:** Thành thạo khả năng làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, tổ chức hoạt động học, sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động học.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách hợp lý có hiệu quả. Nỗ lực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
- **NL02:** Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, phương pháp khoa học, có khả năng chủ động, tích cực, sáng tạo và linh hoạt trong công việc. Khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ.
- **NL03:** Xây dựng ý thức trách nhiệm công dân, xây dựng được niềm tin, lý tưởng trong sự nghiệp cách mạng.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01	3	3		2							
KT02	3	3		2							
KT03	3	3		2							
KT04	3	3		2							
KT05	3	3		2							
KT06	3	3		2							
KT07	3	3		2							
KT08	3	3		2							
KN01					3	2	3				
KN02					3	2	3				
KN03					3	2	3				
NL01									2	2	2
NL02									2	2	2
NL03									2	2	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương. Học phần giúp sinh viên hình thành những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; luận giải những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, tư tưởng về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới; sự vận dụng, hiện thực hóa những vấn đề trên trong thực tiễn cách mạng nước ta. Qua đó hình thành cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích các vấn đề chính trị, đạo đức đúng đắn để vận dụng, học tập theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, góp phần phục vụ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập, bài thảo luận được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học, thảo luận trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, Giáo trình chính

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10.2. Sách tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng). Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia.

[3]. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[4]. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[5]. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

[6]. Trần Thị Phúc An, (2019). *Tư tưởng Hồ Chí Minh hỏi và đáp* (Biên soạn theo chương trình của bộ giáo dục và đào tạo) Nhà xuất bản Chính Trị, Quốc Gia Sự Thật

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 1
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 2
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT thường xuyên	Thảo luận đề tài 1 (Chương I) Thảo luận đề tài 2 (Chương IV) Thảo luận đề tài 3 (Chương V)	Tuần 4,5;9,10 và 14,15	Thảo luận	Trình bày cô đọng, súc tích; trình bày mạch lạc, rõ ràng, đủ ý và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn.	KT01, KT04, KT05, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ	Chương III	Tuần 7	Tự luận	Phân tích nội dung cô đọng, súc tích, đủ ý và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn.	KT01, NL01, NL02
Bài KT định kỳ	Chương VI	Tuần 11	Tự luận	Phân tích nội dung cô đọng, súc tích, đủ ý và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn.	KT06, NL01, NL02
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của Trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	Tương ứng nội dung lựa chọn thuộc một số chuẩn trong CĐR

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT / TL	TH/ KT				
1	Chương mở đầu ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên	02	0	0	Giáo trình [1] Trang 9 - 24 Tài liệu [2], [6]	- - Nghiên cứu trước tài liệu. - Nghe giảng, trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. - Trình bày và nắm được nội dung bài học. -	KT01, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03,	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp
2	Chương 1 CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	02	0	0	Giáo trình [1] Trang 25 - 56 Tài liệu [2], [6]	- Nghiên cứu trước tài liệu. - Nghe giảng, trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. - Trình bày và nắm được nội dung bài học. - Chuẩn bị bài thảo luận theo yêu cầu của GV.	KT02, KN 01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL 03	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp

3	Chương 2 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc 2.1.1 Vấn đề dân tộc thuộc địa 2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp 2.2.2 Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc 2.2.1. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo 2.2.2. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc 2.2.3 Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc 2.2.4. Cách mạng giải phóng	03	0	0	Giáo trình [1]. Trang 57 - 95 Tài liệu [2], [6]	- - Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời câu hỏi. - - Hiểu được thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa. - - Phân tích được mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp - - Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. - - Liên hệ tư tưởng với thực tiễn cách mạng Việt Nam và thế giới - -	KT03 KN01, KN02, KN03, NL01, NL02 NL03.	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp.
---	---	----	---	---	--	--	---	--

	dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực							
4	Chương 3 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam 3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam 3.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước	02	0	0	Giáo trình [1]. Trang 96 - 127 Tài liệu [2], [3], [5], [6]	- - Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời câu hỏi. - - Lắng nghe, trao đổi, thảo luận nhóm về nội dung tư tưởng. - - Liên hệ, vận dụng tư tưởng với thực tiễn cách mạng Việt Nam	KT04, KN01, KN02, KN03 NL01, NL02, NL03.	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp.

	đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội							
5	Đề tài thảo luận số 1 “Các giai đoạn hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh”.	0	3	0	Giáo trình [1]. Trang 35 - 47 Tài liệu [2], [6]	- Mang theo bài thảo luận đã chuẩn bị trước theo hướng dẫn của GV. - Tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thảo luận, trình bày được các nội dung của đề tài. - Nắm được nội dung của đề tài. - Tích cực trao đổi, thảo luận và rút ra ý nghĩa phương pháp luận.	KT01, KT02, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	- PP thảo luận nhóm; - PP tự thuyết trình; - PP vấn đáp.
6	Kiểm tra định kỳ 1 tiết			01	Đọc tài liệu [1], [2], [5],[6]	- Ôn tập tốt. - Thực hiện đúng nội quy, quy chế.	KT02, KT03, KT04, NL01, NL02	Tự luận
7	Chương 4 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 4.1. Quan niệm của Hồ Chí	02	0	0	Giáo trình [1]. Trang 128 - 162 Tài liệu [3], [4], [5], [6]	- Nghiên cứu trước tài liệu. - Nghe giảng, trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.	KT05, KN01, KN02, KN03, NL01,	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu

	Minh về vai trò và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1 Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. 4.1.4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền 4.2.Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 4.2.1 Xây dựng Đảng – Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 4.2.2 Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam					- Trình bày và nắm được nội dung bài học. - Liên hệ thực tiễn. - Chuẩn bị bài thảo luận theo yêu cầu của GV.	NL02, NL03	vấn đề; - Phương pháp vấn đáp
8	Chương 5 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 5.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1 Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng	02	0	0	Giáo trình [1]. Trang 163 - 203 Tài liệu [3], [4], [5], [6]	- Nghiên cứu trước tài liệu. - Nghe giảng, trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. - Trình bày và nắm được nội dung bài học. - Liên hệ thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc	KT06, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	- Phương pháp thuyết trình; -Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp

	5.1.2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Vai trò của đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế					tế. - Chuẩn bị bài thảo luận theo yêu cầu của GV. - Chuẩn bị bài thảo luận theo yêu cầu của GV.		
9	- Đề tài thảo luận số 2 “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch vững mạnh”.	0	3	0	Giáo trình [1]. Trang 128 - 162 Tài liệu [2], [3], [6]	- Mang theo bài thảo luận đã chuẩn bị trước theo hướng dẫn của GV. - Tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thảo luận, trình bày được các nội dung của đề tài. - Nắm được nội dung của đề tài. - Liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Tích cực trao đổi,	KT01, KT05, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03.	- PP thảo luận nhóm; - PP tự thuyết trình; - PP vấn đáp.

						thảo luận và rút ra ý nghĩa phương pháp luận.		
10	Chương 6 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN 6.1. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân 6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước 6.3. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ 6.4. Xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả	02	0	0	Giáo trình [1]. Trang 204 - 228 Tài liệu [3], [4], [5], [6]	- Nghiên cứu trước tài liệu. - Nghe giảng, trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. - Trình bày và nắm được nội dung bài học. - Chuẩn bị bài thảo luận theo yêu cầu của GV. - Vận dụng kiến thức được học vào thực tiễn xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam	KT07, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03.	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp
11	Kiểm tra định kỳ 1 tiết			01	Đọc tài liệu [1], [2], [3], [5], [6]	- Ôn tập tốt. - Thực hiện đúng nội quy, quy chế.	KT07, KN02, NL01, NL02	Tự luận
12	Chương 7 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	04	0	0	Giáo trình [1]. Trang 229 - 284 Tài liệu [4], [5], [6]	- Nghiên cứu trước tài liệu. - Nghe giảng, trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.	KT08, KN01, KN02, KN03, NL01,	- Phương pháp thuyết trình; - Phương pháp nêu

	7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa 7.1.1. Định nghĩa về văn hóa và quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới 7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa 7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hóa 7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh 7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 7.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người".					- Trình bày và nắm được nội dung bài học. - Nêu được kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Vận dụng kiến thức được học vào thực tiễn xây dựng nền văn hóa và xây dựng con người mới trong giai đoạn hiện nay. - Vận dụng kiến thức được học vào thực tiễn tu dưỡng và rèn luyện của bản thân.	NL02, NL03.	vấn đề; - Phương pháp vấn đáp
13						- Mang theo bài thảo luận đã chuẩn bị trước	KT08,	- Phương pháp thuyết

	Đề tài thảo luận số 3 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh.	0	3	0	Giáo trình [1]. Trang 163 - 182 Tài liệu [2], [3], [6]	theo hướng dẫn của GV. - Tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thảo luận, trình bày được các nội dung của đề tài. - Nắm được nội dung của đề tài. - Liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. - Rút ra ý nghĩa phương pháp luận	KN01 KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	trình; - Phương pháp nêu vấn đề; - Phương pháp vấn đáp
--	---	---	---	---	--	--	--	--

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 001.04

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	30	tiết
+ Thảo luận:	12	tiết
+ Kiểm tra định kỳ	3	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời của Đảng CSVN; quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng, đặc biệt là đường lối cách mạng của Đảng trong thời kỳ đổi mới; kết quả thực hiện đường lối, ý nghĩa, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.
- Nâng cao tư duy lý luận chính trị, giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
- Rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và tranh biện về những vấn đề chính trị xã hội để thúc đẩy sự phát triển tích cực của xã hội.
- Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bản thân có trách nhiệm với vấn đề thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức (KT):

KT01: Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học Đường lối Cách mạng của ĐCSVN. Nắm rõ hoàn cảnh lịch sử trong nước và trên thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Từ đó, giải thích được sự ra đời của Đảng CSVN là một tất yếu của lịch sử.

KT02: Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, đường lối đấu tranh giành chính quyền giai đoạn 1930 - 1945. Đặc biệt nắm được sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng từ năm 1939 đến năm 1945. Kết quả, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

KT03: Trình bày được hoàn cảnh, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân từ năm 1945 đến năm 1954. Và hoàn cảnh, nội dung quá trình hình thành, bổ sung, phát triển đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược từ năm 1954 đến năm 1975. Kết quả, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm qua hai cuộc kháng chiến của dân tộc.

KT04: Trình bày được mục tiêu, phương hướng và sự thực hiện công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới. Quá trình đổi mới tư duy, mục tiêu, quan điểm và định hướng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Đảng CSVN trong những năm tới. Đánh giá và nắm vững kết quả thực hiện đường lối đổi mới về công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

KT05: Trình bày được cơ chế quản lý kinh tế nước ta thời kỳ trước đổi mới và sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới. Mục tiêu, quan điểm cơ bản và một số chủ trương để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta. Đánh giá và nắm vững kết quả thực hiện đường lối đổi mới tư duy của Đảng về thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

KT06: Khái quát về hệ thống chính trị nước ta thời kỳ trước đổi mới từ năm 1945 đến năm 1985, trình bày được sự đổi mới tư duy, mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị nước ta thời kỳ đổi mới. Đánh giá và nắm vững kết quả thực hiện đường lối đổi mới về hệ thống chính trị của Đảng CSVN.

KT07: Trình bày được quá trình nhận thức, nội dung và chủ trương xây dựng, phát triển về nền văn hoá cũng như các vấn đề xã hội của Đảng CSVN. Đánh giá và nắm vững kết quả thực hiện đường lối đổi mới về văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội của Đảng.

KT08: Trình bày được hoàn cảnh lịch sử, quá trình hình thành, nội dung đường lối đối ngoại của Đảng CSVN từ năm 1975 đến nay. Đánh giá và nắm vững kết quả thực hiện đường lối đổi mới về đối ngoại, hội nhập quốc tế.

- Kỹ năng (KN):

KN01: Khả năng giao tiếp, thuyết trình, viết báo cáo và làm việc theo nhóm.

KN02: Khả năng vận dụng, liên hệ kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... theo đường lối, chính sách của Đảng.

KN03: Trên cơ sở nghiên cứu một cách hệ thống, sâu sắc đường lối của Đảng cùng với tri thức chuyên ngành của mình, xây dựng những kỹ năng đóng góp ý kiến nơi học tập, công tác để cùng xây dựng và phát triển.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL01: Bồi dưỡng thêm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng.

NL02: Có tinh thần yêu nước, có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tự giác nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

NL03: Có phẩm chất đạo đức tốt, có niềm tin và trung thành với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01	3	3		2							
KT02	3	3		2							
KT03	3	3		2							
KT04	3	3		2							
KT05	3	3		2							
KT06	3	3		2							
KT07	3	3		2							
KT08	3	3		2							
KN01					3	2	3				
KN02					3	2	3				
KN03					3	2	3				
NL01									2	2	2
NL02									2	2	2
NL03									2	2	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau môn học Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1, 2 và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời của Đảng CSVN; quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng; kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm. Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng CSVN, đặc biệt là đường lối cách mạng trong thời kỳ đổi mới.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và chuẩn bị bài thảo luận ở nhà.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần, làm tiểu luận (nếu đủ điều kiện).

10. Tài liệu học tập

10.1 Học liệu bắt buộc

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017.

10.2 Học liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007). *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1. NXB Chính trị Quốc gia.
- [2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007). *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 2. NXB Chính trị Quốc gia.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: thảo luận đề tài 1,2,3,4.
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 3
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT thường xuyên	Thảo luận đề tài 1, 2, 3, 4	Tuần 3, 7, 9, 11	Thảo luận	Khái quát lại được kiến thức các chương đã học.	KT01, KT02, KT03, KT04, KT05, KT06, KT07, KT08, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ số 1	Kiểm tra các nội dung chương I	Tuần 3	Tự luận	Hoàn thành bài kiểm tra đúng thời gian và đáp án.	KT01, KN01, KN02, NL01, NL02
Bài KT định kỳ số 2	Kiểm tra các nội dung chương II, III, IV, V	Tuần 7	Tự luận	Hoàn thành bài kiểm tra đúng thời gian và đáp án.	KT02, KT03, KT04, KT05, KN01, KN03, NL01, NL02, NL03

Bài KT định kỳ số 3	Kiểm tra các nội dung chương VI, VII, VIII	Tuần 11	Tự luận	Hoàn thành bài kiểm tra đúng thời gian và đáp án.	KT06, KT07, KT08, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03
Thi kết thúc học phần	Kiểm tra một số nội dung các chương I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII. Nội dung thi bao quát các CĐR của học phần.	Theo kế hoạch nhà trường	Tự luận	Hoàn thành bài thi đúng thời gian và đáp án.	Tương ứng nội dung lựa chọn thuộc một số chuẩn trong CĐR

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL	KT				
1	Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐLCM CỦA ĐCSVN 1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu 2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học	01			Giáo trình [1], trang 9 - 17 Tài liệu [1] [2]	- Nghiên cứu giáo trình trước khi học bài mới. - Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, ý nghĩa của môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	KT01, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

	2.1. Phương pháp nghiên cứu 2.2. Ý nghĩa							
2	Chương 1: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG <i>1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam</i> 1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 1.1.2. Hoàn cảnh trong nước <i>1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</i> 1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam	03			Giáo trình [1], trang 17 - 43 Tài liệu [1] [2]	- Trình bày được các điều kiện ra đời của Đảng CSVN và nội dung, ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên.	KT01, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.
	Chương 2: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	03			Giáo trình [1], Tài liệu [1] [2]	- Hiểu và trình bày được đường lối đấu tranh giành chính quyền của Đảng CSVN từ năm 1930 –	KT01, KT02, KT03,	Nêu và giải quyết

3	2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 2.1.1. Trong những năm 1930-1935 2.1.2. Trong những năm 1936 – 1939 2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền					1945.	KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan.
4	Chương 3: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945 - 1975) 3.1. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1946) 3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 3.1.2. Đường lối kháng chiến	07			Giáo trình [1], trang 77 - 118 Tài liệu [1] [2]	- Hiểu và trình bày được nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1946. - Hiểu được đường lối kháng chiến chống Pháp xâm lược 1946 – 1954. - Hiểu được đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược 1954 – 1964. - Hiểu được đường lối kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược 1965 – 1975.	KT01, KT02, KT03, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan.

	chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946- 1954) 3.1.3 Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm 3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tô quốc (1954-1975) 3.2.1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964 3.2.2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975 11. 3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm							
5	Thảo luận đề tài số 1: Hoàn cảnh lịch sử và điều kiện ra đời của Đảng CSVN năm 1930. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng CSVN.		03		Giáo trình [1] Tài liệu [1] [2]	- Chuẩn bị theo cá nhân và nhóm ở nhà về bài thảo luận số 1.	KT01, KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm.

6	Bài kiểm tra số 1			01	Giáo trình [1] Tài liệu [1] [2]		KT01, KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03	Kiểm tra tự luận
7	12. Chương 4: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HOÁ 13. 4.1. Công nghiệp hoá thời kỳ trước đổi mới 14. 4.1.1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa 4.1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa 4.2. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thời kỳ đổi mới 4.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa 4.2.2. Mục tiêu, quan điểm công ng nghiệp hóa, hiện đại hóa 4.2.3. Định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm tới 4.2.4. Kết quả và nguyên nhâ n	04			Giáo trình [1], trang 118 - 143 Tài liệu [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	- Nghiên cứu giáo trình trước khi học bài mới. - Hiểu và trình bày được đường lối công nghiệp hoá ở nước ta thời kỳ trước đổi mới. - Hiểu và trình bày được đường lối công nghiệp hoá ở nước ta thời kỳ thời kỳ đổi mới.	KT01, KT02, KT03, KT04 KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan

8	Chương 5: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN 5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường 5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế trước đổi mới 5.1.2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới 5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản 5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 5.2.3. Kết quả và nguyên nhân	04			Giáo trình [1], trang 143 - 177 Tài liệu [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	- Nghiên cứu giáo trình. - Hiểu được cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta thời kỳ trước đổi mới và sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới. - Hiểu được sự thay đổi tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới và mục tiêu, quan điểm cơ bản về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.	KT01, KT02, KT03, KT04, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan
9	Thảo luận đề tài số 2: Đường lối tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền của Đảng CSVN từ 1954 – 1975: cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân		03		Giáo trình [1], Tài liệu [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	- Chuẩn bị theo cá nhân và nhóm ở nhà về bài thảo luận số 2.	KT01, KT02, KT03, KT04, KT05, KN01,	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết

	chủ nhân dân ở miền Nam. Ý nghĩa của đường lối đó đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất nước nhà.						KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	trình, trực quan, thảo luận nhóm
10	Bài kiểm tra số 2			01	Giáo trình [1], Tài liệu [1] [2]		KT01, KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03	Kiểm tra tự luận
11	Chương 6: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945- 1985) 6.1.1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945- 1954) 6.1.2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954- 1975) 6.1.3. Hệ thống chuyên chính vô	03			Giáo trình [1], trang 117 - 203 Tài liệu [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	- Nghiên cứu giáo trình. - Hiểu được đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới và thời kỳ đổi mới. - Hiểu được về mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	KT01, KT02, KT03, KT04, KT05, KT06, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan

	sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985) 6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị							
	6.2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.3. Đánh giá sự thực hiện đường lối	01						
12	Thảo luận đề tài số 3: Quá trình phát triển nhận thức của Đảng CSVN về công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vai trò của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.		03		Giáo trình [1], Tài liệu [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	- Chuẩn bị theo cá nhân và nhóm ở nhà về bài thảo luận số 3.	KT01, KT02, KT03, KT04, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm.
13	Chương 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ, GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ	03			Giáo trình [1], trang 203 - 244 Tài liệu [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	- Nghiên cứu giáo trình. - Hiểu được sự thay đổi nhận thức của Đảng về đường lối xây dựng, phát triển nền văn	KT01, KT02, KT03, KT04,	Nêu và giải quyết vấn đề,

	HỘI 7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hoá 7.1.1. Thời kỳ trước đổi mới 7.1.2. Trong thời kỳ đổi mới 7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 7.2.1. Thời kỳ trước đổi mới 7.2.2. Trong thời kỳ đổi mới					hoá và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội.	KT05, KT06, KT07, KT08, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	vấn đáp, thuyết trình, trực quan.
14	Chương 8: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI 8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử 8.1.2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng 8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới 8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế	02			Giáo trình [1], trang 244 - 276 Tài liệu [3] [4] [5] [6] [7] [8] [9] [10]	- Hiểu được hoàn cảnh lịch sử, đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới	KT01, KT02, KT03, KT04, KT05, KT06, KT07, KT08, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan.
15	Thảo luận đề tài số 4: Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng				Giáo trình [1], Tài liệu [3] [4] [5]	- Chuẩn bị theo cá nhân và nhóm ở nhà về bài thảo luận số	KT01, KT02,	Nêu và giải

	CSVN về kinh tế thị trường. Mục tiêu, quan điểm, chủ trương của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.		03		[6] [7] [8] [9] [10]	4.	KT03, KT04, KT05, KT06, KT07, KT08, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận nhóm
16	Bài kiểm tra số 3			01	Giáo trình [1], Tài liệu [1] [2]		KT01, KT02, KT03, KT04, KT05, KT06, KT07, KT08, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Kiểm tra tự luận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 3.

Mã học phần: 001.14

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng mầm non chính quy. (Từ năm học 2022 - 2023)

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	0	tiết
+ Thực hành:	28	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không.

6. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về các môn thể thao: Cầu lông, đá cầu, bóng chuyền, Giúp cho sinh viên nắm vững các kiến thức và kỹ thuật cơ bản về các môn thể thao: Cầu lông, đá cầu, bóng chuyền .để sinh viên có khả năng tham gia tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác tập luyện.

- Củng cố, tăng cường sức khỏe, bồi dưỡng cho sinh viên năng lực vận động, năng lực vận dụng tri thức, năng lực tự tổ chức và tổ chức cho người khác vận động với các môn thể thao: Cầu lông, đá cầu

- Giáo dục ý thức chấp hành kỷ luật, thực hiện quy chế đào tạo nghiêm túc, tự giác, tích cực tham gia học tập, tập luyện ... trên cơ sở đó vận dụng vào thực tiễn công tác tự rèn luyện giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Kiến thức (KT):

KT01: Nắm vững các kiến thức cơ bản về sân bãi, dụng cụ, các động tác kỹ thuật, một số điều luật cơ bản của môn thể thao cầu lông.

KT02: Nắm vững các kiến thức cơ bản về sân bãi, dụng cụ, các động tác kỹ thuật một số điều luật cơ bản của môn thể thao đá cầu.

KT03: Nắm vững các kiến thức cơ bản về sân bãi, dụng cụ, các động tác kỹ thuật một số điều luật cơ bản của môn thể thao bóng chuyền

- Kỹ năng (KN):

KN01: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về sân bãi, dụng cụ, các động tác kỹ thuật, một số điều luật cơ bản của môn thể thao cầu lông vào thực tiễn quá trình tập luyện và thi đấu.

KN02: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về sân bãi, dụng cụ, các động tác kỹ thuật, một số điều luật cơ bản của môn thể thao đá cầu vào thực tiễn quá trình tập luyện và thi đấu.

KN03: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về sân bãi, dụng cụ, các động tác kỹ thuật, một số điều luật cơ bản của môn thể thao bóng chuyền vào thực tiễn quá trình tập luyện và thi đấu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL01: Tự quản lí thời gian học tập, tập luyện một cách có hiệu quả.

NL02: Vận dụng hiệu quả các tri thức tiếp nhận được vào quá trình tự rèn luyện thể chất bản thân và cổ vũ phong trào tập luyện.

NL03: Yêu thích môn học, có ý thức tự giác, tích cực tập luyện và xây dựng phong trào tập luyện TDTT trong nhà trường và cộng đồng.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01	2	3	1								
KT02	2	3	1								
KT03	2	3	1								
KN01						1	2	1			
KN02						1	2	1			
KN03						1	2	1			
NL01									1	2	3
NL02									1	2	3
NL03									1	2	3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần: Gồm 03 môn thể thao: Cầu lông (15 tiết); đá cầu (15 tiết); bóng chuyền (15 tiết); với các kiến thức chuyên môn cơ bản về môn học như trang thiết bị, sân bãi dụng cụ, các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của cá nhân, nhóm, các điều luật cơ bản... Sinh viên được chọn 2 trong 3 môn thể thao nói trên.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia kiểm tra định kỳ, thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Nguyễn Văn Đức - *Giáo trình cầu lông* - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc ninh, NXB TDTT - 2015.
- [2] : Ngô Minh Viên (chủ biên) – Nguyễn Ngọc Việt - *Giáo trình Đá cầu*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm năm 2007
- [3] : Nguyễn Viết Minh (chủ biên) – Hồ Đắc Sơn - *Giáo trình bóng chuyền*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm năm 2004
- [4] Vũ Đức Thu, Nguyễn Trương Tuấn – *Giáo trình bóng chuyền, bóng rổ*, Nhà xuất bản TDTT năm 1995.

10.2. Sách tham khảo:

- [1]. Nguyễn Văn Hồng, Trần Việt Dũng - *Giáo trình cầu lông* - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh - 2008.
- [2]. Lê Thanh Sang - *Tập đánh cầu lông* - NXB TDTT - 2005.
- [3] Nguyễn Quang, *giáo trình hướng dẫn và thi đấu bóng chuyền*, Nhà xuất bản TDTT năm 2001
- [4] Chủ biên Lê Quý Phụng, vũ Chung Thủy, Lê Gia vinh , *giáo trình vệ sinh và y học TDTT*, giáo trình dùng cho CĐSP, nhà xuất bản Đại học sư phạm 2005.
- [5] Đặng Ngọc Quang, *giáo trình đá cầu*, Nhà xuất bản ĐHSP năm 2003
- [6]. Ủy ban TDTT - *Luật cầu lông* - NXB TDTT - 2006.
- [7] Luật Đá Cầu, NXB TDTT năm 2002.
- [8] Luật Bóng chuyền, NXB TDTT năm 2002.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số: điểm thường xuyên, điểm chuyên cần tính hệ số 1 và điểm định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 02.

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 02.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
02 Bài KT thường xuyên	Nội dung cơ bản của môn thể thao cầu lông, đá cầu, bóng chuyền.	Tuần 2 - tuần 4; Tuần 6 - tuần 9.	Thực hành, vấn đáp	- Trình bày cô đọng, súc tích, các kiến thức cơ bản, có ví dụ minh họa cụ thể. - Thực hiện động tác kỹ thuật theo yêu cầu.	KT 01, 02, 03. KN 01, 02, 03
02 Bài KT định kỳ	Nội dung kỹ thuật cơ bản của môn thể thao cầu lông, đá cầu, bóng chuyền.	Tuần 5, tuần 10	Thực hành	- Thực hiện động tác kỹ thuật theo yêu cầu.	KT 01, 02, 03. KN 01, 02, 03. NL 01, 02, 03.

Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
1	A. Môn Cầu lông. I. Sơ lược về nguồn gốc và sự phát triển của môn cầu lông. II. Tác dụng của tập luyện và thi đấu cầu lông.			(15) 0.5	Tài liệu [1], : Tr 1 - 4.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	KT 01; KT 02; KT 03.	Giáo viên thuyết trình đan xen trong quá trình lên lớp thực hành.
2	III. Kỹ thuật cầu lông. 3..1. Kỹ thuật di chuyển tiến, lùi và sang ngang. 3.1.1. Kỹ thuật bước di chuyển lên lưới. 3.1.1.1. Di chuyển lên lưới bên phải. 3.1.1.2. Di chuyển lên lưới phía bên trái. 3.1.2. Kỹ thuật bước di chuyển lùi sau. 3.1.2.1. Di chuyển lùi sau sang bên phải sân, thuận tay. 3.1.2.2. Di chuyển lùi sau sang bên trái,			13 01	Tài liệu [1]: Tr 9 - 12.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Nghe nhìn giáo viên làm mẫu, giảng giải, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tập luyện thực hành theo yêu cầu của giáo	KT 01; KT 02; KT 03. KN 01; KN 02; KN 03. NL 01; NL 02; NL 03.	Phát vấn, phân tích, làm mẫu, tổ chức tập luyện thực hành. Chia nhóm tập luyện.

	thuận tay. 3.1.2.3. Di chuyển lùi ra phía sau bên trái, trái tay. 3.1.3. Kỹ thuật bước di chuyển sang hai bên. 3.1.3.1. Di chuyển sang bên phải. 3.1.3.2. Di chuyển sang bên trái. 3.1.4. Kỹ thuật bước di chuyển bật nhảy đánh cầu.					viên. 5. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.		
3	3.2. Kỹ thuật tay. 3.2.1. Cách cầm vợt. 3.2.1.1. Cách cầm vợt thuận tay (phải tay): 3.2.1.2. Cách cầm vợt trái tay. 3.2.2. Kỹ thuật phát cầu. 3.2.2. 1. Phát cầu thuận tay (phải tay). 3.2.2.2. Phát cầu trái tay. 3.2.3. Kỹ thuật đỡ phát cầu. 3.2.4. Kỹ thuật đánh cầu. 3.2.4.1. Cầu cao. * Đánh cầu cao sâu thuận tay. * Đánh cầu cao sâu trái tay. * Đánh cầu cao sâu trên đỉnh đầu. 3.2.4.2. Treo cầu. * Treo cầu thuận tay. * Treo cầu trái tay.			01 01 03 02	Tài liệu [1]: Tr 13 - 23.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Nghe nhìn giáo viên làm mẫu, giảng giải, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tập luyện thực hành theo yêu cầu của giáo viên. 5. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	KT 01; KT 02; KT 03. KN 01; KN 02; KN 03. NL 01; NL 02; NL 03.	Phát vấn, phân tích, làm mẫu, tổ chức tập luyện thực hành. Chia nhóm tập luyện.

	3.2.4.3. Đập cầu. * Đập cầu đường thẳng thuận tay (phối hợp bật nhảy nghiêng người). * Đập cầu đường chéo thuận tay (phối hợp nghiêng người bật nhảy). * Đập cầu đường thẳng và đập cầu chéo góc trên đỉnh đầu. * Đập cầu đường thẳng trái tay. * Đột kích đập cầu đường thẳng trên không. 3.2.4.4. Hắt cầu. * Hắt cầu thuận tay. * Hắt cầu trái tay.			04				
				01				
4	IV. Luật Cầu lông.			0,5	Tài liệu [1] Tr 29 – 40; Tài liệu [2]	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Nghe nhìn giáo viên làm mẫu, giảng giải, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 5. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	KT 01; KT 02; KT 03. KN 01; KN 02; KN 03. NL 01; NL 02; NL 03.	Giáo viên thuyết trình đan xen trong quá trình lên lớp thực hành.
5	Kiểm tra			01			KT 01; KT 02; KT 03.	Kiểm tra thực hành.

							KN 01; KN 02; KN 03. NL 01; NL 02; NL 03.	
	Tổng			15				

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/TL	TH/TN				
1	A. Môn Đá Cầu. I. Sơ lược về nguồn gốc và sự phát triển của môn đá cầu. - Tác dụng của tập luyện và thi đấu môn đá cầu.			(15) 0.5	Tài liệu [3], : Tr 7 - 14.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	KT 01; KT 02; KT 03.	Giáo viên thuyết trình đan xen trong quá trình lên lớp thực hành.

2	II. Kỹ thuật đá Cầu. Hoạt động 1: Các kỹ thuật di chuyển Hoạt động 2: Các kỹ thuật phát cầu cơ bản Hoạt động 3: Kỹ thuật đá cầu bằng đùi Hoạt động 4: Kỹ thuật chơi cầu bằng ngực Hoạt động 5: Kỹ thuật đá cầu bằng má trong bàn chân Hoạt động 6: Kỹ thuật đá cầu bằng má ngoài bàn chân Hoạt động 7: Kỹ thuật đá cầu bằng mu bàn chân: Búng cầu-giật cầu Hoạt động 8: Tập luyện chiến thuật thường dùng trong đá đơn, đấu tập đơn nam, đơn nữ. Hoạt động 9: Tập luyện chiến thuật thường dùng trong đá đôi nam- nữ và đá ba người.			13 2 2 1 1 1 1 3 1 1	Tài liệu [3]: Tr 69 - 102.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Nghe nhìn giáo viên làm mẫu, giảng giải, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tập luyện thực hành theo yêu cầu của giáo viên. 5. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	KT 01; KT 02; KT 03. KN 01; KN 02; KN 03. NL 01; NL 02; NL 03.	Phát vấn, phân tích, làm mẫu, tổ chức tập luyện thực hành. Chia nhóm tập luyện.
4	III: Luật- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Hoạt động 1: Những điểm cần chú ý trong luật đá cầu Hoạt động 2: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài			0,5	Tài liệu [3] Tr 103 – 140; Tài liệu [4]	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Nghe nhìn giáo viên làm mẫu, giảng giải, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi.	KT 01; KT 02; KT 03. KN 01; KN 02; KN 03. NL 01; NL 02;	Giáo viên thuyết trình đan xen trong quá trình lên lớp thực hành.

						4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	NL 03.	
5	Kiểm tra			01			KT 01; KT 02; KT 03. KN 01; KN 02; KN 03. NL 01; NL 02; NL 03.	Kiểm tra thực hành.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/ học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
1	Chương 1: BÓNG CHUYÊN. 1.1. Giới thiệu kỹ thuật chuyên bóng thấp tay và cao tay trước mặt	0	0	3	- Tài liệu [5]: Tr 51 - 80	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	KT 01 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; GV thị phạm. phân tích KTĐT – SV tập luyện
2	1.2. Hoàn thiện các kỹ thuật chuyên bóng thấp tay, cao tay trước mặt 1.3. Giới thiệu kỹ thuật phát bóng thấp tay	0	0	1	- Tài liệu [5]: Tr 51 - 80 - Tài liệu	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ.	KT 01 NL 01 NL 02	Phát vấn; Thuyết trình; GV thị

		0	0	2	[1]: Tr 83-86	- Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT.	NL 03	phạm. phân tích KTĐT – SV tập luyện
3	1.4. Giới thiệu kỹ thuật phát bóng cao tay 1.5. Giới thiệu kỹ thuật đập bóng	0 0	0 0	2 1	- Tài liệu [5]: Tr 86 - 87 - Tài liệu [5]: Tr 96-128	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	KT 02 KN 01 NL 01 NL 02 NL 03	GV thị phạm, phân tích KTĐT -Tập luyện đồng loạt 2-3 lần sau đó chia nhóm
4	1.6.Ôn kiểm tra	0 0	0 0	1	- Tài liệu	- Chuẩn bị dụng cụ kiểm tra. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, GV phổ biến nội dung yêu cầu kiểm tra	KT 02 KN 01 NL 01 NL 02 NL 03	GV phổ biến nội dung KT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Anh 1

Mã học phần: 001.06

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai ngành Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	36	tiết
+ Thảo luận, thực hành	06	tiết
+ Kiểm tra	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Không

6. Mục tiêu học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Tiếng Anh 1, sinh viên có thể:

- Nắm được kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm tiếng Anh tương đương trình độ Bậc 1;
- Sử dụng tiếng Anh trao đổi các thông tin đơn giản về cá nhân và các chủ đề cơ bản hàng ngày, tuy vẫn còn mắc lỗi, diễn đạt thiếu lưu loát.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

7.1. Kiến thức (KT):

KT01: Nắm được kiến thức về ngữ âm, biết cách phát âm đúng trọng âm từ, trọng âm câu, và ngữ điệu nhằm biểu đạt đúng ý người nói; có vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp tương đương bậc 1;

KT02: Có được sự hiểu biết cơ bản về một số nét văn hóa của các nước nói tiếng Anh.

7.2. Kỹ năng (KN):

- KN01: Vận dụng khá linh hoạt các kiến thức ngôn ngữ để thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp đơn giản, thông dụng hàng ngày;
- KN02: Có khả năng vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để nâng cao năng lực tiếng Anh của bản thân.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

- NL01: Quản lí thời gian học tập một cách có hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm; tư duy phản biện, sáng tạo, đổi mới; có trách nhiệm với bản thân và với nhóm;
- NL02: Có ý thức, nghiêm túc trong tự học, tự nghiên cứu; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công;
- NL03: Đánh giá được chất lượng công việc để hoàn thiện, phát triển bản thân;

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR02	CDR03	CDR04	CDR05	CDR06	CDR07	CDR08	CDR09	CDR10	CDR11
KT01		2									
KT02		2									
KN01								2			
KN02								2			
NL01									3		
NL02										3	
NL03											3

8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Chương trình tiếng Anh 1 gồm 6 đơn vị bài học (Unit 1 - Unit 6). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 2; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh; (4) phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary*. Asia ELT/School.

10.2. Sách tham khảo:

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Beginner*. Asia ELT/School.

[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-Intermediate*. Asia ELT/School.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) và điểm thi kết thúc học phần;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài kiểm tra số 1	- Nội dung kiến thức, kỹ năng trong units 1-2	Kết thúc Unit 2 – (Tiết 15)	Trắc nghiệm	- Hiểu và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học ở bài 1 và bài 2 để giải quyết các câu hỏi đưa ra trong bài KT.	KT01 &KT02 KN01 &KN02 NL02
Bài kiểm tra số 2	- Nội dung kiến thức & kỹ năng trong các bài học 3-4	Kết thúc bài 4 – (Tiết 30)	Trắc nghiệm, vấn đáp (hoặc thuyết trình)	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 &KT02 KN01 &KN02 NL02

Bài kiểm tra số 3	- Nội dung đề thi bao quát các kiến thức, kỹ năng đã học trong Units 5-6	Kết thúc bài 6 (Tiết 44/45)	Trắc nghiệm	- Hiểu và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học ở các bài 1-3 để giải quyết các câu hỏi đưa ra trong bài KT.	KT01 &KT02 KN01 &KN02 NL02
Thi kết thúc học phần	- Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của trường	Trắc nghiệm	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01 &KT02 KN01 &KN02 NL02

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		L T	TH /B T	KT				
1	Course introduction 1. Course syllabus 2. Requirements and Assessment	1				Getting a copy of the textbook (Life - Elementary)		Q-A discussion
2	Unit 1: PEOPLE 1A. Explorers 1. Listening 2. Vocabulary: personal information 3. Grammar: “be” (am/is/are) 4. Pronunciation: contracted forms	5	1	0	Tài liệu [1]: Tr 09 - 15	- Working with a partner to ask and answering about the photos of two explorers. - Listening to the interview with an explorer and deciding if the statements are true or false. - Doing grammar exercises and pronunciation practice.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02	Individual work Pair work Question and answer

5. Speaking					- Asking your partner about his/her personal information and then introducing him/her to the class.		
1B. A family in East Africa 1. Reading 2. Vocabulary: family 3. Grammar: possessive 's and possessive adjectives 4. Pronunciation: 5. Speaking 1C. The face of seven billion people 1. Reading 2. Critical thinking: the writer's purpose 3. Vocabulary: everyday verbs 4. Word focus: in 5. Speaking				Tài liệu [1]: Tr 12- 15	- Reading about Leaky family and the face of seven billion people and answering the given questions and checking with friends and then the teacher. - Doing vocabulary and grammar exercises. - Practising pronunciation on the same or different sounds - Introducing your friends and family to your partner. - Developing critical thinking skill through reading tasks	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02	Lecturing Individual work Pair work Group work
1D. At a conference 1. Speaking 2. Listening 3. Real life: meeting people for the first time 1E. Introduce yourself 1. Writing a personal				Tài liệu [1]: Tr 16 - 20	- Practising pronunciation with each other. - Listening to 2 conversations. - Practising the meeting for the first time. - Writing introductions - Watching the video and doing	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01	Lecturing Individual work Role play

	description 2. Writing skill: and, but 1F. World party Unit 1 Review					exercises. - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit	NL02	
3	Unit 2: POSSESSIONS 2A. My possessions 1. Vocabulary: everyday objects 2. Grammar: plural nouns; <i>this/that/these/those</i> . 3. Listening 4. Pronunciation: /i/, /i:/ 5. Speaking 2B. At home 1. Reading 2. Vocabulary: furniture 3. Grammar: There is/are; prepositions of place. 4. Writing and Speaking	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 21-25	- Understanding how to change a noun from singular into plural form. - Identifying the difference in use between <i>this/that/these/those</i> by doing grammar exercises - Listening to an interview with Andy and doing the tasks followed. - Practising pronunciation: /i/, /i:/ - Asking and answering about the things. - Recognizing the words on furniture and using them to do the exercises. - Reading an article “A place called home” and doing the tasks followed. - Practising on <i>There is/are</i> and <i>prepositions of place</i> . - Writing a description of a room in your house and comparing with your partner’s room.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02	Lecturing Discussion/ Group work Individual work Pair work

about cities 3. Grammar: present simple (I/ we/you/they) 4. Listening 5. Grammar: present simple questions 6. Speaking					- Listening to a journalist interview a student about living in London and completing notes. - Asking and answering the questions in pairs.	NL02	Group work
3B. Working under the sea 1. Vocabulary: places of work 2. Listening 3. Word focus: work 4. Grammar: present simple (he/she/it) 5. Pronunciation: -s ending 6. Speaking 3C. Places and languages 1. Reading and vocabulary 2. Critical thinking 3. Vocabulary: cardinal and ordinal numbers 4. Pronunciation: saying numbers 5. Speaking 3D. The city of Atlanta					- Recognizing the words on places of work. - Listening to an interview with Doctor Beverly Goodman and doing exercises. - Doing grammar exercises with present simple (he/she/it). - Practising pronunciation: -s ending. - Exchanging the information to complete a fact file about Joel Sartore in pairs. - Reading the article about places and languages and answering the given questions. - Identifying the differences between cardinal and ordinal numbers. - Developing critical thinking through	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02	Lecturing Individual work Pair work Group work

	1. Vocabulary: places in a city 2. Real life: giving directions					reading tasks - Practising asking and giving directions.		
	3E. Describing a place 3.5.1. Writing a travel website 3.5.2. Writing skill: capital letters 3F. Cowly Road Unit 3 Review				Tài liệu [1]: Tr 41-44	- Recognizing the rules of writing a website. - Writing a description of your favorite town or city for a website. - Watching a video about a road and doing exercises followed. - Revising language knowledge and language skills learnt in the unit	KT02 KN01 KN02 NL01 NL02	Lecturing Individual work Pair work Group work
6	Unit 4. Free time 4A. 100% identical 1. Reading 2. Vocabulary: free-time activities 3. Grammar: love/like + V-ing 4. Pronunciation: /ŋ/ 5. Speaking	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 45-47	- Reading the article about identical twins and doing exercises followed. - Using vocabulary on free-time activities to interview the partner with a questionnaire. - Doing grammatical exercises on “love/ like + -ing”. - Practising pronunciation: /ŋ/ - Reading three sentences (two true and one false) about your free-time activities, interests or hobbies to your partner so that he/she guesses which one is false.	KT01 KT02 KN02 NL01 NL02	Lecturing Individual work Pair work
	4B. Free time at work 1. Reading 2. Grammar: adverbs of				Tài liệu [1]: Tr 48-52	- Reading about Nobert and answering the questions given. - Recognizing the use of adverbs of	KT01 KT02 KN01	Lecturing Individual work

	frequency 3. Listening 4. Grammar: expressions of frequency 5. Pronunciation: linking 6. Speaking 4C. Extreme sports 1. Vocabulary: sports 2. Reading 3. Critical thinking: fact or opinion 4. Grammar: can/ can't 5. Speaking 4D. In your gap year 1. Reading 2. Real life: talking about abilities and interests 3. Pronunciation: sentence stress				frequency. - Listening to part of an interview with Nobert and doing exercises followed. - Doing grammatical exercises on expressions of frequency - Practising pronunciation: linking - Working in groups, taking turns to ask and answer the questions with "How often". - Reading the article about extreme sports and doing exercises followed. - Developing the critical thinking skill: identifying opinion, through the reading task - Recognizing the use of can/ can't and practising with exercises. - Reading the article about "Gap year volunteer work" and discussing the questions given. - Practising asking and answering about your abilities and interests.	KN02 NL01 NL02	Pair work Group work
	4E. You have an email 1. Writing short emails 2. Writing skill: reference words				Tài liệu [1]: Tr 53-56 - Recognizing the rules of writing an email. - Writing two short emails to your partner. - Watching a video about "in my free	KT02 KN01 KN01	Lecturing Individual work Pair work

	4F. In my free time Review of Unit 4					time” and writing 3 questions the people answer. - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit	NL01 NL02	
7	Bài kiểm tra số 2	0	0	01		Revision of Units 3,4	KT01 KT02 KN01 KN02 NL02	
8	Unit 5. Food 5A. Famous for food 1. Vocabulary: food 2. Pronunciation: /tʃ/ and /dʒ/ 3. Speaking and listening: famous for food 4. Grammar: countable and uncountable nouns (<i>a, some</i> and <i>any</i>) 5. Speaking 5B. Food market 1. Reading 2. Grammar: <i>a lot of</i> and <i>not much/ not many</i> 3. Listening and vocabulary: quantities and containers 4. Grammar: How many/	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 57-63	- Recognizing the form, meaning and use of vocabulary about food - Practising pronunciation - Listening to three people describing a dish from their country and doing exercises. - Identifying the differences between countable nouns and uncountable nouns through exercises - Telling the class about your special meal (for 6 people with different dishes) and the food you need. - Reading the article about markets around the world and answering the questions given. - Working with friends and doing grammar exercise to practice using	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02	Lecturing Individual work Pair work Group work Presentation

	How much 5. Speaking 5C. The seed vault 1. Reading 2. Word focus: of 3. Critical thinking: summarising 4. Speaking					appropriate quantifiers and containers. - Practising using the questions with How many/ How much. - Role playing four conversations at a food market. - Reading the article “The Seed Vault” and doing the exercises followed. - Developing critical thinking through reading. - Summarizing the main points of the article in pairs.		
	5D. At the restaurant 1. Speaking and vocabulary 2. Real life: Ordering a meal 3. Pronunciation: contracted form 5E. What do I do next? 1. Writing instructions 2. Writing skill: punctuation 5F. Gelato University Review of Unit 5				Tài liệu [1]: Tr 63-68	- Understanding the menu at a restaurant. - Practising the conversation between a waiter and two customers in groups of 3. - Practising pronunciation. - Recognizing the rules of writing instructions. - Writing instructions to make your favorite type of dish. - Watching a video about Gelato University and answering the given questions. - Revising language knowledge and	KT02 KN01 KN02 NL01 NL02	Lecturing Individual work Pair work Group work

						language skills learnt in the whole unit		
9	Unit 6. Money 6A. The face of money 1. Reading 2. Vocabulary: age 3. Grammar: was/ were 4. Writing and Speaking 6B. Discover the past 1. Listening 2. Vocabulary: -ed/-ing adjectives 3. Reading 4. Grammar: past simple (affirmative): regular and irregular verbs 5. Speaking 6C. A cashless world? 1. Reading 2. Critical thinking: relevance 3. Pronunciation: -ed endings 4. Speaking	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 69-75	- Reading the article “A face on money” and doing exercises followed. - Writing five sentences about someone’s life and reading them to your partner, then asking questions about his/her person. - Listening to an interview with two visitors to the museum and doing exercises. - Identifying the differences between –ed and –ing adjectives through exercises. - Recognizing the regular and irregular verbs in past simple. - Reading the newspaper article about Anglo-saxon objects at Birmingham Museum and answering the questions given. - Developing critical thinking through reading. - Practising asking and answering about your five important years.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02	Lecturing Individual work Pair work Group work
	6D. Help! 1. Listening				Tài liệu [1]: Tr 76-80	- Listening to three conversations about money and doing exercises	KT01 KT02	Lecturing Individual

	2. Real life: requesting 3. Pronunciation: stress in questions 6E. Thanks 1. Writing thank you messages 2. Writing skill: formal and informal expressions 6F. Bactrian treasure Review of unit 6					followed. - Recognizing the rules of writing thank you messages. - Writing thank you messages to a person. - Watching a video about Bactrian treasure and answering the given questions. Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit	KN01 KN02 NL01 NL02	work Pair work Group work
10	Bài kiểm tra số 3	0	0	01		Revision of Units 5, 6	KT 1,2 KN 1,2 NL 1-3	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Mỹ thuật

Mã học phần: 710.03

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng mầm non chính quy

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	06	tiết
+ Thực hành :	36	tiết
+ Kiểm tra:	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Môn học tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non

6. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động tạo hình như: vẽ hình họa, vẽ trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh, kẻ chữ, nặn, làm đồ chơi. Biết cách vẽ chì, phối màu, sử dụng họa tiết đường nét, bố cục trong sản phẩm mỹ thuật và đồ chơi.

- Giúp sinh viên trình bày được các phương pháp hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình theo đặc điểm của từng thể loại. Mô tả được cách thức tiến hành từng loại tiết và lập kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình ở các độ tuổi.

- Trang bị cho sinh viên phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, năng lực chuyên ngành, khả năng và ý thức trách nhiệm trong công tác phát triển năng khiếu tạo hình cho trẻ mầm non như vẽ.

- Rèn luyện kỹ năng đứng lớp, kỹ năng soạn giáo án, xây dựng kỹ năng soạn giáo án, xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ theo từng độ tuổi, cách tiến hành các hoạt động theo chủ đề chủ điểm, thực hiện được các bước hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ ...

- Hoàn thiện tình cảm đối với vẻ đẹp thiên nhiên và con người, yêu mến bộ môn mỹ thuật và có ý thức giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Hứng thú, tích cực hoạt động với hoạt động tạo hình, đồng thời góp phần xây dựng cho sinh viên ý thức tự giác, rèn luyện để trở thành giáo viên tốt.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Chuẩn về kiến thức (KT)

KT 01: Trang bị cho SV những kiến thức kỹ năng cơ bản về nghệ thuật tạo hình.

KT 02: Xác định được tầm quan trọng của Hoạt động tạo hình đối với lứa tuổi mầm non

KT 03: Liệt kê được các hình thức hoạt động tạo hình trong trường mầm non

KT 04: Trình bày được các giá trị thẩm mỹ hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường mầm non

KT 05: Biết được phương pháp đánh giá các mức độ tạo hình cho trẻ ở trường mầm non

KT 06: Xác định được mục tiêu giảng dạy hoạt động tạo hình tại trường mầm non

- Chuẩn về kỹ năng (KN)

KN 01: Có kỹ năng sáng tạo các thể loại hoạt động tạo hình trong trường mầm non

KN 02: Vận dụng được các phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non

KN 03: Phát huy tốt năng lực chuyên ngành tạo hình trong dạy học cho trẻ mầm non

KN 04: Tổ chức tốt khả năng và ý thức trách nhiệm trong công tác phát triển năng khiếu tạo hình cho trẻ mầm non

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp (NL)

NL 01: Hoàn thiện tình cảm đối với vẻ đẹp thiên nhiên và con người

NL 02: Xác định rõ và có ý thức giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non

NL 03: Tham gia tích cực và yêu mến các hoạt động tạo hình trong trường mầm non

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01				4							
KT02		2									
KT03		2									
KT04			3								

KT05		2									
KT06	1										
KN01					2						
KN02					2						
KN03						3					
KN04					2						
NL01											3
NL02										2	
NL03											3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần đã trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Phần 1: Hoạt động tạo hình (33 tiết): Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động tạo hình như vẽ hình họa, trang trí, vẽ tranh đề tài, minh họa, phóng tranh, kẻ chữ, nặn... qua việc sử dụng đường nét màu sắc hình khối tạo nền tảng kiến thức cho các em về hoạt động tạo hình. Qua đó khơi gợi cảm xúc sáng tạo và niềm yêu thích của các em đối với cái đẹp.
- Phần 2: Đồ Chơi (12 tiết): Trang bị cho sinh viên các kỹ thuật làm đồ chơi bằng các chất liệu từ phế liệu và đồ dùng học tập tạo ra các sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định
- Tham gia kiểm tra định kỳ.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

Giáo trình tạo hình và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non trẻ mầm non hoạt động tạo hình, NXB Đào tạo và giáo dục Hà Nội. 2005

10.2. Sách tham khảo:

Chương trình Giáo dục Mầm non và Hướng dẫn thực hiện chương trình (các độ tuổi). NXB Giáo dục. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009).

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số: điểm thường xuyên, điểm chuyên cần tính hệ số 1 và điểm định kỳ tính hệ số 2;
- Điểm chuyên cần : 01.
- Số bài kiểm tra thường xuyên: 01.
 - Số bài kiểm tra định kỳ: 03

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Vẽ trang trí hình vuông bằng chất liệu màu sắc kích thước 20 cm x 20cm	Tuần 05	Thực hành	Vẽ đúng kích thước, trình bày bố cục đẹp, họa tiết sinh động, màu sắc đậm nhạt rõ ràng.	KT 02,05,06 KN01.03,04 NL01,03
Bài KT định kỳ	Phóng tranh: Phóng một nhân vật minh họa trong truyện cổ tích.	Tuần 8	Thực hành	Phóng tranh theo phương pháp ô bàn cờ, đúng tỉ lệ đường nét màu sắc của tranh được phóng. Trình bày bài vẽ sạch sẽ, màu sắc tô cẩn thận không bị bẩn nhòe rách giấy.	KT 02, 04, 05 KN 01,03 NL 01,03
Bài KT định kỳ	Nặn: Nặn con vật yêu thích	Tuần 11	Thực hành	Nặn bằng đất sét hoặc đất nặn thủ công từ khối đất nguyên hoặc nhiều chi tiết. Sản phẩm thấy rõ được đặc điểm hình dáng và các chi tiết bộ phận của con vật.	KT 02,05,06 KN 01.04 NL 03

Bài KT định kỳ	Làm bộ đồ chơi sân khấu điện ảnh (Làm mũ múa và mặt nạ)	Tuần 14	Thực hành	Sử dụng giấy xốp bìa cứng và dụng cụ làm đồ chơi để thực hiện. Sản phẩm mũ múa chớp nóp hoặc mũ vành khăn, mặt nạ các con vật. Hình dáng màu sắc tươi sáng nổi bật sử dụng được.	KT 02,04,05,06 KN 01,03,04 NL 01,02,03
----------------	---	---------	-----------	--	---

11. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

12. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT / TL	TH/ TN				
Phần Lý thuyết: (6 tiết)								
1	Phần I: Hoạt động tạo hình Chương 1: Vẽ cơ bản 1. Những vấn đề chung về hoạt động tạo hình 1.1. Khái niệm chung về nghệ thuật tạo hình 1.2. Mĩ thuật là gì ? 1.3. Các loại hình nghệ thuật 1.4. Mĩ thuật đối với cuộc sống con người 2. Hình họa 2.1. Khái niệm chung về hình họa	3T			Sách giáo khoa và tài liệu mĩ thuật Sách, giáo trình chính [1] chương 1, Chương 2 , Chương 3 Trang 19 đến 55	Nghiên cứu tài liệu và tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi.	KT01 NL01, NL02, NL03	Phát vắn thuyết trình và thảo luận

	2.2. Sơ lược về luật xa gần 3. Trang trí 3.1. Khái niệm chung về trang trí 3.2. Màu sắc 4. Phóng Tranh và vẽ tranh Đề tài 5. Kể chữ Chương 2. Nặn 1. Khái niệm về nặn 2. Các kĩ năng nặn cơ bản				Chương 4, Chương 5 , Chương 6 trang 59 đến 71	4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.		
2	Phần II: Làm đồ chơi Chương 1: Những vấn đề chung về đồ chơi 1.1. Khái niệm và đặc điểm của đồ chơi 1.2. Nguyên tắc ý nghĩa giáo dục của đồ chơi đối với trẻ mầm non Chương 2: Làm đồ chơi mầm non 2.1. Đồ chơi cho trẻ từ 0 đến 6 tuổi 2.2. Xếp hình 2.3. Đồ chơi có chủ đề	3T			Sách giáo khoa và tài liệu mỹ thuật Sách, giáo trình chính [1] chương 4, Chương 5, Chương 6 trang 59 đến 71 Phần 2 Đồ chơi Trang 145 đến 235	Nghiên cứu tài liệu và tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	KT02 NL01, NL02, NL03	Phát vấn thuyết trình và thảo luận

	2.4. Đồ chơi học tập							
Phần Thực hành: (39 tiết)								
3	Thực hành Vẽ hình họa - Bài 1: Vẽ khối vuông bằng chì đen - Bài 2: Vẽ khối trụ hoặc cái chai thủy tinh + quả chất liệu chì đen - Bài 3: Vẽ chiếc phích đựng nước + hoa quả chất liệu màu sắc			6 T	Sách giáo khoa và tài liệu mỹ thuật	Chuẩn bị đồ dùng vẽ thực hành	KT03 NL01, NL02, NL03	Phương pháp trực quan
4	Thực hành Vẽ Trang trí - Bài 1: Vẽ trang trí hình vuông có cạnh bằng 20cm - Bài 2 : Vẽ trang trí hình tròn bằng chất liệu màu sắc đường kính 20 cm x 20 cm - Bài 3: Kẻ Chữ - Bài 4: Trang trí bằng bé ngoan - Bài 5: Phóng tranh			15T	Sách giáo khoa và tài liệu mỹ thuật	Chuẩn bị đồ dùng vẽ thực hành	KT03 NL01, NL02, NL03	Phương pháp trực quan
5	Thực hành Vẽ tranh đề tài - Bài 1: Đề tài về mùa xuân - Bài 2: Vẽ tranh đề tài về trường mầm non			03T 03T	Sách giáo khoa và tài liệu mỹ thuật	Chuẩn bị đồ dùng vẽ thực hành	KT03 NL01, NL02, NL03	Phương pháp trực quan

6	Thực hành nặn - Bài 1: Nặn con vật yêu thích - Bài 2: Nặn người			3T	Sách giáo khoa và tài liệu mỹ thuật	Dụng cụ và đất nặn	KT04 NL01, NL02, NL03	Phương pháp trực quan
7	Thực hành làm đồ chơi - Bài 1: Làm bộ đồ chơi xây dựng xếp hình - Bài 2: Làm bộ đồ chơi sân khấu điện ảnh - Bài 3: Làm bộ đồ chơi học tập Tranh bù chỗ thiếu			9T	Sách giáo khoa và tài liệu mỹ thuật	Giấy xốp bìa cứng và dụng cụ làm đồ chơi	KT05 NL01, NL02, NL03	Phương pháp trực quan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Ca hát mầm non

Mã học phần: 710.52

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	02	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
+ Thực hành/thí nghiệm:	26	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Âm nhạc

6. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ca hát: Tư thế ca hát, hoạt động của các cơ quan phát thanh, hơi thở trong ca hát, đặc điểm ngôn ngữ trong ca hát, các kỹ thuật ca hát cơ bản.
- Hướng dẫn sinh viên vận dụng kỹ thuật ca hát đã học để trình bày các bài hát trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non và tự luyện tập để phát triển giọng hát.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Kiến thức (KT):

- *KT01:* Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về ca hát, các nguyên tắc lấy hơi, phát âm nhả chữ trong ca hát.
- *KT02:* Phân biệt được các kỹ thuật ca hát: hát legato, hát nhanh, hát staccato
- *KT03:* Phân tích bài hát: các ký hiệu âm nhạc có trong bài; giai điệu; đặc điểm ca từ của bài hát; cách phát âm, nhả chữ; xác định chỗ lấy hơi, xử lý sắc thái của bài hát, phong cách biểu diễn...

- Kỹ năng (KN):

- *KN01:* Có tư thế hát vững chắc, tự nhiên, thoải mái

- **KN02:** Biết sử dụng âm thanh tự nhiên hát “tròn vành rõ chữ” thể hiện đúng cao độ, trường độ, tính chất và thể loại của các bài hát nhà trẻ mẫu giáo.

- **KN03:** Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật ca hát đã học hát chính xác giai điệu, lời ca, thể hiện được nội dung, tính chất của các bài hát cô hát cho trẻ nghe trong chương trình giáo dục âm nhạc mầm non; đồng thời tự luyện tập để phát triển giọng hát của bản thân.

- **KN04: Quan sát, định giờ được sự nảy sinh, phát triển những giờ trị thẩm mỹ về âm nhạc; sử dụng kết quả định giờ trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.**

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):**

- **NL01:** Nghiêm túc học tập, nghiên cứu chương trình tài liệu, bài hát theo yêu cầu của giáo viên; chủ động trong lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kỹ năng, luôn có tinh thần xây dựng và hăng hái trong học tập; có ý thức tự giác luyện tập ca hát, tự giác - tích cực tham gia phong trào văn nghệ trong và ngoài trường.

- **NL02:** Thường xuyên học tập, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng kịp thời những đổi mới của ngành, nghề và vị trí công tác trong xã hội.

- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học âm nhạc cho trẻ mầm non. Phát hiện những giá trị âm nhạc và đưa vào giáo dục tình cảm, thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Thấy được vai trò chức năng và nhiệm vụ của người giáo viên truyền tải những kiến thức âm nhạc và tầm quan trọng của âm nhạc trong thời đại hội nhập.

- **Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

	CDR01	CDR 02	CDR 03	CDR 04	CDR 05	CDR 06	CDR 07	CDR 08	CDR 09	CDR 10	CDR 11
KT01	3	2	3								
KT02	3	2	3								
KT03	3	2	3								
KN01					2		3				
KN02					2		3				
KN03					2		3				
KN04					2		3				
NL01									2	3	2
NL02									2	3	2
NL03									2	3	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần đã trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Chương 1: Một số vấn đề về ca hát: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hơi thở trong ca hát, tư thế ca hát, hoạt động của các cơ quan phát thanh, các xoang cộng minh và tổ chức âm thanh, đặc điểm ngôn ngữ trong ca hát; luyện thanh với các mẫu âm trong quãng 3, quãng 5; ứng dụng thực hành các bài hát nhà trẻ, mẫu giáo.

- Chương 2: Một số kỹ thuật ca hát: Trang bị cho sinh viên các kỹ thuật ca hát cơ bản (hát legato, hát nhanh, hát staccato), ứng dụng thực hành các bài hát cô hát cho trẻ nghe.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia đầy đủ các buổi kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[6]. TS. Ngô Thị Nam - Hát - Phần năm thứ nhất (Giáo trình CĐSP) - Nhà xuất bản Đại học sư phạm - 2004.

[7]. Hoàng Văn Yên - *Trẻ mầm non ca hát* - Nhà xuất bản âm nhạc 2002

10.2. Sách tham khảo:

[1]. Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu - *Giáo trình âm nhạc và múa dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non* - Nhà xuất bản giáo dục 2008

[2]. Dân ca Việt Nam - Nhà xuất bản Hà Nội - 2001

[3]. 99 bài hát được nhiều người yêu thích - Nhà xuất bản thanh niên - Báo Hà Nội Mới 2001

[4]. Tuyển chọn 100 bài hát Nga được yêu thích “Triệu triệu bông hồng”.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Điểm học phần bao gồm:

- Điểm hệ số 1: điểm chuyên cần, đánh giá nhận thức, thái độ của sinh viên, điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm hệ số 2: điểm kiểm tra định kỳ, số bài kiểm tra định kỳ: 2
- Điểm học phần = [Điểm hệ số 1 + (điểm HS2)*2]/N (làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	- Trình bày bài hát đã học ở tiết trước - Phân tích bài hát sắp học	Tuần 2-14; 16-29	Thực hành	- Hát đúng giai điệu, phát âm tròn từ, rõ chữ, thể hiện thể hiện đúng tính chất của các bài hát trong chương trình giáo dục mầm non - Trình bày rõ ràng, đọc chính xác	KT01 KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03
Bài KT định kỳ	Bốc thăm chọn một trong 10 đề, mỗi đề gồm 2 bài hát (trong đó 1 bài hát hành khúc hoặc vui hoạt và 1 bài hát trữ tình)	Tuần 8	Thực hành	Hát đúng giai điệu, biết sử dụng âm thanh tự nhiên, phát âm “tròn vành rõ chữ”, thể hiện được nội dung, tình cảm, sắc thái của bài.	KT03 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02 NL03

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
	Tự chọn trình bày 2 bài hát trong chương trình (trong đó 1 bài hát dân ca và 1 ca khúc Việt Nam hoặc 1 bài hát Việt Nam và 1 bài hát nước ngoài)	Tuần 15	Thực hành	Hát đúng giai điệu, biết sử dụng âm thanh tự nhiên, phát âm “tròn vành rõ chữ”, thể hiện được nội dung, tình cảm, sắc thái của bài.	KT02 KT03 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03

11. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần:

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	B T/ T L	TH /T N				
1	Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CA HÁT 1.1. Tư thế, hơi thở trong ca hát 1.1.1. Tư thế ca hát 1.1.2. Hơi thở trong ca hát 1.2. Hoạt động của các cơ quan phát thanh 1.2.1. Giới thiệu bộ máy phát âm 1.2.2. Hoạt động của các cơ quan phát thanh	2 1	0 0	13 0	Sách, giáo trình chính [1] chương 1, Chương 2 (hơi thở, đặc điểm ngôn ngữ trong ca hát); sách tham khảo [1]	Chuẩn bị và đọc trước: - Nội dung bài học trong giáo trình chính. - Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu tham khảo	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02	Giảng giải, thuyết trình, luyện tập

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	B T/ T L	TH /T N				
	1.3. Các xoang cộng minh và tổ chức âm thanh 1.3.1. Các xoang cộng minh 1.3.2. Âm sắc giọng hát 1.4. Đặc điểm ngôn ngữ trong ca hát 1.4.1. Tầm quan trọng của hát rõ lời 1.4.2. Đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt 1.4.3. Đặc điểm ngữ âm Việt Nam 1.4.4. Phương pháp xử lí ca từ trong ca hát	1	0	0	chương VII Kỹ thuật ca hát (tr90)		NL03	
2	1.5. Luyện thanh với các mẫu âm trong quãng 3 và quãng 5 1.5.1. Mẫu âm quãng 3 1.5.2. Mẫu âm quãng 5 1.6. Ứng dụng thực hành các bài hát nhà trẻ, mẫu giáo 1.6.1. Bài hát hành khúc 1.6.2. Bài hát trữ tình 1.6.3. Bài hát vui, hoạt * Kiểm tra	0 0 0	0 0 0	2 10 1	Sách, giáo trình chính [1] (Chương 1- Luyện thanh với các mẫu âm trong quãng 3 và quãng 5), [2] - Ca khúc dành cho trẻ hát (tr5 - tr71)	- Phân tích bài hát và các mẫu luyện thanh. - Thực hành các mẫu luyện thanh theo hướng dẫn của giáo viên. - Tập bài hát - Thực hành sửa bài theo yêu cầu của giáo viên - Thực hiện bài kiểm	KT03 KN01 KN02 KN04 NL01 NL02 NL03	Giảng giải, vấn đáp, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập, kiểm tra, đánh giá

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	B T/ T L	TH /T N				
3	Chương 2: MỘT SỐ KỸ THUẬT CA HÁT	0	0	15	Sách, giáo trình chính [1]	Chuẩn bị và đọc trước:	KT04 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03	Giảng giải, vấn đáp, diễn giải bằng âm thanh, luyện tập, kiểm tra, đánh giá
	2.1. Hát liền tiếng (legato)	0	0	1	(Chương 2 - Một số kỹ thuật ca hát), [2] - Ca khúc cho trẻ	- Nội dung bài học trong giáo trình chính.		
	2.1.1. Khái niệm				nghe hát (tr71 –	- Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu tham khảo		
	2.1.2. Phương pháp hát liền tiếng				168); sách tham khảo [1] -	- Phân tích bài hát và các mẫu luyện thanh.		
	2.1.3. Bài luyện thanh tập hát liền tiếng				Chương VII Kỹ thuật ca hát	- Thực hành các mẫu luyện thanh theo hướng dẫn của giáo viên.		
	2.2. Hát nhanh	0	0	1	(tr90- tr 97), [2], [3], [4].			
	2.2.1. Khái niệm							
	2.2.2. Phương pháp hát nhanh							
	2.2.3. Bài luyện thanh tập hát nhanh							
	2.3. Hát nảy tiếng (staccato)	0	0	1				
	2.3.1. Khái niệm							
	2.3.2. Phương pháp hát nảy tiếng (staccato)							
	2.3.3. Bài luyện thanh tập hát nảy tiếng (staccato)							
	2.4. Ứng dụng thực hành các bài hát cô hát cho trẻ nghe							
	2.4.1. Bài hát dân ca			4		- Tập bài hát		
	2.4.2. Ca khúc Việt Nam			4		- Thực hành sửa bài theo yêu cầu của giáo viên		
	2.4.3. Ca khúc nước ngoài			3				
	Kiểm tra			1		- Thực hiện bài kiểm		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục môi trường cho trẻ Mầm non

Mã học phần: 710.55

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	22	tiết
+ Thảo luận/Thực hành	06	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần Giáo dục học mầm non

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên có:

Hiểu và nắm bắt được những vấn đề lý luận chung về giáo dục môi trường; cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm và quá trình giáo dục môi trường (GDMT) cho trẻ mầm non (MN).

Có kỹ năng vận dụng được các kiến thức cơ bản về GDMT để xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, các hình thức và ứng dụng kiến thức về công nghệ thông tin trong quá trình lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động GDMT cho trẻ ở trường mầm non.

Say mê và nghiêm túc trong học tập, tích cực vận dụng các kiến thức cơ bản, các phương pháp giáo dục môi trường cho trẻ mầm non trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được các vấn đề lý luận chung về giáo dục môi trường: khái niệm “giáo dục môi trường”, sự cần thiết phải giáo dục môi trường, các hoạt động giáo dục môi trường; cấu trúc module giáo dục môi trường.

- **KT02:** Phân tích khái niệm, ý nghĩa, bản chất, đặc điểm và các quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ MN hiện nay.
- **KT03:** Vận dụng các kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Phân tích các vấn đề lý luận chung về giáo dục môi trường và giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.
- **KN02:** Lựa chọn phù hợp các nội dung, phương pháp để tổ chức các hình thức GDMT cho trẻ ở trường MN.
- **KN 03:** Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động GDMT cho trẻ ở trường MN
- **KN04:** Ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế các hoạt động giáo dục môi trường cho trẻ MN.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách hợp lý để giải quyết công việc khoa học, có hiệu quả.
- **NL02:** Say mê, nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- **NL03:** Yêu thích học tập và tích cực vận dụng những kiến thức cơ bản về GDMT trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ MN; nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường cho bản thân và trẻ mầm non.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR0 1	CĐR0 2	CĐR0 3	CĐR0 4	CĐR05	CĐR06	CĐR0 7	CĐR08	CĐR0 9	CĐR10	CĐR11
KT01		3	3								
KT02		2	3								
KT03		3	3								
KN01					3	2					
KN02					3	3					
KN03					3	3					3
KN 04				3		3					
NL01									3		
NL02							3		3	3	
NL03									3	4	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung sau: Một số vấn đề chung về giáo dục môi trường; Cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non với các vấn đề về Khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm và các quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ Mầm non hiện nay; Quá trình giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non gồm: Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và các điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ ở trường mầm non. Đồng thời định hướng cho sinh viên cách lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động GDMT cho trẻ Mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng quy định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

[1]. Hoàng Thị Phương (2012). *Giáo trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội

10.2. Sách tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Văn bản hợp nhất: Thông tư ban hành chương trình Giáo dục Mầm non* - Số: 01/VBHN-BGDĐT

[3]. Hoàng Thị Phương (2008). *Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi)* - NXB Giáo dục VN.

[5]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.

[6]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.

[7]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.

[8]. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2009). *Giáo trình Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[9]. Các đường link:

- <https://sites.google.com/view/khohoclieumokhoamamnon/>
- <https://youtube.com> (tiết dạy mầm non)
- <https://download.vn/> (giaonmamnon)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm chuyên cần, kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Điểm chuyên cần, bài kiểm tra thường xuyên: 02
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 02
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên).

Kế hoạch kiểm tra/thi

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong các nội dung sau:</i> - Trình bày được khái niệm cơ bản trong giáo dục môi trường. - Các hoạt động giáo dục môi trường - Nêu được ý nghĩa của giáo dục môi trường đối với sự phát triển trẻ. - Chỉ rõ đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non - Chỉ ra được các thành tố trong quá trình	GV tự bố trí thời điểm hợp lý	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích các khái niệm, ý nghĩa của giáo dục môi trường đối với sự phát triển trẻ. - Chỉ ra được đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ - Chỉ ra được các thành tố trong quá trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.	KT01 KN 01 NL 01 NL 02

	giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.				
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong các nội dung sau:</i> - Phân tích các khái niệm cơ bản trong giáo dục môi trường. Làm rõ các bước thiết kế Module giáo dục môi trường. - Phân tích tình hình giáo dục môi trường hiện nay bằng 1 ví dụ cụ thể.	Tiết 10	Tự luận	- Biết cách phân tích các khái niệm cơ bản trong giáo dục môi trường. - Làm rõ các bước thiết kế Module giáo dục môi trường. - Biết lấy ví dụ cụ thể để phân tích tình hình giáo dục môi trường hiện nay cho trẻ MN.	KT 01 KN 01 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02
Bài KT định kỳ	- Phân tích khái niệm giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Lấy ví dụ minh họa vai trò của giáo dục môi trường đối với sự phát triển trẻ MN. - Giải thích cơ sở xác định nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện giáo dục môi trường cho trẻ MN - Thực hành tổ chức giáo dục môi trường thông qua các hoạt động cơ bản của trẻ ở trường MN.	Tiết 30	Thực hành	- Biết lấy ví dụ cụ thể để phân tích khái niệm giáo dục môi trường và vai trò đối với sự phát triển trẻ MN - Giải thích được một cách cụ thể, chi tiết các cơ sở xác định nội dung, phương pháp, hình thức và phương tiện giáo dục môi trường cho trẻ MN - Biết thực hành tổ chức các hoạt động GDMN cho trẻ ở trường MN.	KT 02 KT 03 KN 01 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học.	Theo kế hoạch của trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT 01 KT 02 KT 03 KN 01 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T/T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	T L/ T H	KT				
1	CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG 1.1. Tầm quan trọng của việc GDMT hiện nay 1.1.1. Những vấn đề chính về GDMT trên thế giới hiện nay. 1.1.2. Vấn đề môi trường ở Việt Nam và sự suy thoái môi trường 1.2. Khái niệm “Giáo dục môi trường” 1.2.1. Khái niệm “Môi trường” 1.2.2. Khái niệm “Giáo dục môi trường” 1.3. Phát triển bền vững và GDMT 1.3.1. Mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế - xã hội với môi trường. 1.3.2. Khái niệm về phát triển bền vững 1.3.3. Các mục tiêu phát triển bền vững 1.3.4. Các nguyên tắc cơ bản trong phát triển bền vững	7 3	2	1	Tài liệu [1]	- Nghiên cứu tài liệu và giải thích được tầm quan trọng của việc GDMT hiện nay. - Phân tích được khái niệm “Giáo dục môi trường” - Phân tích được các nội dung về phát triển bền vững và giáo dục môi trường.	KT 01 KN 01 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình;
2	1.4. Các hoạt động giáo dục môi trường 1.4.1. Hình thành và phát triển kỹ năng môi trường	1			Tài liệu [1]	- Nghiên cứu tài liệu và trình bày được nội dung các hoạt động giáo dục môi	KT 01 KN 01 KN 03	Phát vấn; Thuyết

	1.4.2. Các hoạt động làm rõ giá trị của môi trường đối với con người 1.4.3. Các hoạt động đưa ra quyết định môi trường 1.4.4. Hình thành và phát triển đạo đức môi trường					trường - Xây dựng bản đồ tư duy về các hoạt động giáo dục môi trường.	NL 01 NL 02 NL 03	trình
3	1.5. Module giáo dục môi trường 1.5.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của module GDMT 1.5.2. Thiết kế module GDMT	3			Tài liệu [1]	- Nghiên cứu tài liệu và làm rõ các bước thiết kế module giáo dục môi trường. - Thiết kế module 1 hoạt động giáo dục môi trường thông qua hoạt động học.	KT 01 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình
4	Thảo luận - Làm rõ các bước thiết kế module GDMT - Phân tích tình hình GDMT hiện nay		2		Tài liệu [1]	- Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV	NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận, HĐ nhóm
5	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 1		
6	CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Khái niệm “Giáo dục môi trường cho trẻ MN” 2.2. Ý nghĩa của giáo dục môi trường với sự phát triển của trẻ MN 2.3. Bản chất của việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	3			Tài liệu [1] và các sách tham khảo	- Nghiên cứu tài liệu và phân tích khái niệm “GDMN cho trẻ MN” - Lấy ví dụ để minh họa vai trò của GDMN đối với sự phát triển trẻ MN - Làm rõ bản chất của việc giáo dục môi trường cho trẻ MN.	KT 01 KT 02 KN 01 KT 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình Hoạt động nhóm

	2.4. Đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non 2.5. Quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ MN hiện nay 2.5.1. Phương thức tiếp cận trong giáo dục môi trường 2.5.2. Quan điểm tích hợp trong giáo dục môi trường cho trẻ MN					- Xây dựng bản đồ tư duy về đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ MN. - Phân tích được các quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ MN		
7	CHƯƠNG 3: QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG Ở TRƯỜNG MẦM NON 3.1. Mục đích, nhiệm vụ và nội dung giáo dục môi trường cho trẻ MN 3.1.1. Mục đích GDMN cho trẻ MN 3.1.2. Nhiệm vụ GDMT cho trẻ MN 3.1.3. Nội dung GDMT cho trẻ MN	12 3	4	1	Tài liệu [1] và các sách tham khảo	- Nghiên cứu tài liệu và phân tích được các mục đích, nhiệm vụ và các nội dung GDMT cho trẻ MN - Xây dựng bản đồ tư duy để khái quát nội dung GDMT cho trẻ MN.	KT 03 KN 01 KT 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình Hoạt động nhóm
8	3.2. Phương pháp GDMT cho trẻ MN 3.2.1. Cơ sở xác định phương pháp GDMT cho trẻ MN 3.2.2. Các phương pháp GDMT cho trẻ MN 3.2.3. Phối hợp sử dụng các phương pháp GDMT cho trẻ MN	3			Tài liệu [1] và các sách tham khảo	- Nghiên cứu tài liệu và phân tích được các Phương pháp GDMT cho trẻ MN - Xây dựng bản đồ tư duy để khái quát các phương pháp GDMT cho trẻ MN	KT 03 KN 01 KT 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình Hoạt động nhóm
9	3.3. Các hình thức GDMT ở trường MN	5			Tài liệu	- Nghiên cứu tài liệu phân	KT 03	Phát

	3.3.1. Cơ sở xác định các hình thức GDMT cho trẻ MN 3.3.2. Các hình thức GDMT cho trẻ MN 3.4. Điều kiện GDMT cho trẻ MN 3.4.1. Cơ sở xác định điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ MN 3.4.2. Các điều kiện GDMT cho trẻ MN	1			[1] và các sách tham khảo	tích và xây dựng bản đồ tư duy để khái quát các hình thức GDMT cho trẻ MN. - Phân tích được các điều kiện GDMT cho trẻ MN.	KN 01 KT 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	vấn; Thuyết trình Hoạt động nhóm
10	Thực hành - Lập kế hoạch các hoạt động GDMT cho trẻ MN. - Tổ chức các hoạt động GDMT cho trẻ MN.		4		Tài liệu [1] và các sách tham khảo	- Nghiên cứu tài liệu và hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV	KT 03 KN 01 KT 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Thảo luận nhóm, Thực hành
11	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 2,3		T.Hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Giáo dục mầm non

Mã học phần: 710.56

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng sư phạm mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	10	tiết
+ Thảo luận:		tiết
+ Thực hành/thí nghiệm:	18	tiết
+ Kiểm tra định kỳ	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Tin học

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên:

- Biết tìm kiếm, khai thác các loại tài nguyên khác nhau trên mạng Internet
- Biết xử lý âm thanh, video trực tuyến qua các website khác nhau
- Biết cách sử dụng một số ứng dụng trong Google Workspaces.
- Vận dụng các tài nguyên tìm kiếm được vào thiết kế video, bài giảng, trò chơi và các hoạt động giáo dục trẻ
- Rèn luyện và phát triển được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự học, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin vào việc học tập, giáo dục trẻ và trong cuộc sống.
- Có thái độ yêu thích, hứng thú học tập và ứng CNTT vào cuộc sống, vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục học sinh. Có thái độ đúng đắn về vấn đề đạo đức và an toàn thông tin trên mạng.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Kiến thức (KT):

KT01: Biết khai các tài nguyên trên mạng Internet để tìm được tài nguyên đúng mục đích, yêu cầu của công việc, cuộc sống.

KT02: Biết xử lý video, audio cơ bản bằng các website xử lý trực tuyến

KT03: Vận dụng được các kiến thức về khai thác tài nguyên trên mạng Internet, các kiến thức về các chức năng nâng cao trong PowerPoint để thiết kế các bài trình chiếu, các video, trò chơi, các kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

KT04: Biết sử dụng một số ứng dụng trong Google Workspaces vào lưu trữ, chia sẻ thông tin, hợp tác trong khi làm việc nhóm.

- Kỹ năng (KN):

KN01: Có kỹ năng làm việc với máy tính, thành thạo kỹ năng tìm kiếm trên mạng Internet, thành thạo các kỹ năng làm việc với bản trình chiếu vào các yêu cầu học tập, soạn giáo án, thiết kế các hoạt động giáo dục trẻ em và vào cuộc sống.

KN02: Phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

KN03: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm

KN04: Phát triển khả năng giao tiếp, thuyết trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL01: Tích cực, chủ động trong học tập, yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong việc ứng dụng CNTT vào quá trình học tập, giáo dục trẻ và vào trong cuộc sống.

NL02: Có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong bối cảnh công nghệ thông tin thay đổi nhanh chóng

NL03: Có khả năng tự học, tự bồi dưỡng khả năng ứng dụng CNTT vào công việc và cuộc sống.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR 02	CDR 03	CDR 04	CDR 05	CDR 06	CDR 07	CDR 08	CDR 09	CDR 10	CDR 11
KT01			2	3							
KT02				3							
KT03			2	3							
KT04				3							
KN01					2	3		1			
KN02					2						
KN03							2				
KN04							2				

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01			2	3							
KT02				3							
KT03			2	3							
KT04				3							
KN01					2	3		1			
NL01									3	2	2
NL02									3	2	2
NL03									3	2	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

- Tìm kiếm tài nguyên trên mạng Internet
- Xử lý video, audio trực tuyến
- Thiết kế video, trò chơi trong PowerPoint
- Một số ứng dụng cơ bản trong Google Workspace

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng quy định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Trường CĐSP Nghệ An – *Giáo trình Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giáo dục Mầm non*, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2022.
- [2]. Trường CĐSP Nghệ An – *Giáo trình Tin học*, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2022.

10.2. Sách tham khảo:

* Tài liệu tiếng Việt:

- [1]. Hướng dẫn của nhà cung cấp dịch vụ Google Workspace: <https://support.google.com/a/answer/1631886?hl=vi>
- [2]. IIG Việt Nam, *Microsoft Office Powerpoint 2016*, NXB tổng hợp TPHCM, 2020

- [3]. TS.Tổng Xuân Tám (Chủ biên), CN.Trần Hoàng Dương, *Chỉnh Phục Trình Diễn Bằng Microsoft Powerpoint*, NXB Xây Dựng 2018
- [4]. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Huân, *Tự học nhanh Microsoft Office*, NXB Thanh niên 2020
- [5]. *Tự Học Microsoft PowerPoint 2016 Dành Cho Người Mới Bắt Đầu*, NXB Hồng Đức, 2016
- [6]. Phạm Quang Huy, *Tin Học Văn Phòng Microsoft Office Dành Cho Người Bắt Đầu (Dùng Cho Các Phiên Bản 2019-2016-2013)*, NXB Thanh Niên, 2020
- [7]. Nhiều Tác Giả, *Thực Hành Microsoft Word - Excel - PowerPoint 2016 Bằng Các Tuyệt Chiêu*, Công Ty TNHH Văn Hóa - Thế Giới Sách Việt, 2020
- [8]. Hướng dẫn cắt video trực tuyến trên website https://online-video-cutter.com/vi/#google_vignette.
- [9]. Cách tìm kiếm nâng cao với Google: <https://www.youtube.com/watch?v=NixL1XzipxU>

*** Tài liệu tiếng Anh:**

- [1]. www.microsoft.com, Microsoft Office 2016 Professional Plus.
- [2]. www.softvn.vn, Google Workspace

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm làm sản phẩm – tiểu luận có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 1 - 2
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 2
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng	Tuần 1 -	Thực hành,	Vận dụng được kiến thức, kỹ	KT01, KT02,

thường xuyên	thực hành chương 1, chương 2	Tuần 11	Vấn đáp	năng ở các chương học để thực hiện nhiệm vụ học tập.	KT03, KN01, KN02, KN04, NL01, NL02, NL03;
Bài KT thường xuyên	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương 3	Tuần 12 – Tuần 15	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng ở các chương học để thực hiện nhiệm vụ học tập.	KT04, KN01, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương 1,2 - ỨNG DỤNG MS POWERPOINT NÂNG CAO TRONG DẠY HỌC MẦM NON	Tuần 12	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng tìm kiếm, xử lý tài nguyên, thiết kế trong PowerPoint để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.	KT01, KT02, KT03, KN01, KN02, KN04, NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương 3 - ỨNG DỤNG GOOGLE WORKSPACES TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON	Tuần 15	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng làm việc với Google Workspace để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.	KT04, KN01, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03
Thi kết thúc học phần	Kiểm tra các kiến thức và kỹ năng thực hành chương các chương 1, 2, 3	Theo kế hoạch của nhà trường	Thực hành	Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.	KT01, KT02, KT03, KT04, KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03

Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng	Phương pháp
		LT	TH/	KT				

			TN				CDR	dạy/học
1	CHƯƠNG 1: KHAI THÁC TÀI NGUYÊN TRÊN MẠNG INTERNET 1.1. Kỹ năng khai thác các tài nguyên trong dạy học Mầm non 1.2. Kỹ năng xử lý audio, video trực tuyến	2	3		Giáo trình [1] chương 1 Giáo trình [2] chương 2	- Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. - Khai thác, tìm kiếm các thông tin trên mạng Internet phù hợp mục đích, yêu cầu nhiệm vụ. - Biết cách khai thác, sử dụng tài nguyên có bản quyền; không vi phạm pháp luật về bản quyền khi khai thác dữ liệu. - Thực hành xử lý hình ảnh, audio, video trực tuyến.	KT01, KT02, KN01, KN02, NL01, NL02, NL03	Thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận
2	CHƯƠNG 2: ỨNG DỤNG MS POWERPOINT NÂNG CAO TRONG DẠY HỌC MẦM NON 2.1. Xử lý hình ảnh, âm thanh, video trong Powerpoint 2.2. Ghi âm lồng tiếng cho tệp trình chiếu và xuất thành video 2.3. Sử dụng Hyperlink và	6	10	1	Giáo trình [1] chương 2 Giáo trình [2] chương 5 Sách tham khảo [2] Sách tham khảo [4], [6] chương 3 Sách tham khảo [7] chương 10,11,12,13	- Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. - Thực hành xử lý hình ảnh, audio, video trong PowerPoint - Thiết kế các hoạt động, các trò chơi trong PowerPoint	KT01, KT02, KT03, KN01, KN02, KN04, NL01, NL02, NL03	Thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình,

	Trigger để thiết kế các hoạt động trong dạy học mầm non					- Thực hành ghi âm và xuất tệp trình chiếu thành video.		trực quan, thảo luận
3	CHƯƠNG 3: ỨNG DỤNG GOOGLE WORKSPACES TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON 3.1. Giới thiệu Google Workspaces 3.2. Ứng dụng Google Workspaces trong quản lý giáo dục Mầm non	2	5	1	Giáo trình [1] chương 3 Sách tham khảo [1] Sách tiếng Anh [2]	- Nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo. - Hiểu ý nghĩa của việc sử dụng Google Workspace trong việc chia sẻ thông tin và làm việc nhóm. - Thực hành thành thạo cách sử dụng Google Drive trong lưu trữ tài liệu, chia sẻ thông tin, làm việc nhóm. - Thực hành tạo và chia sẻ thông tin bằng các công cụ Google Docs, Google Sheets và Google Forms.	KT04, KN01, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03	Thực hành, nêu và giải quyết vấn đề, vấn đáp, thuyết trình, trực quan, thảo luận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục học mầm non

Mã học phần: 710.08

2. Số tín chỉ: 04

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	60	tiết
+ Lý thuyết:	46	tiết
+ Thảo luận/ Thực hành:	10	tiết
+ Kiểm tra	4	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	120	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Giáo dục học đại cương

6. Mục tiêu học phần:

- Hiểu được các kiến thức về Giáo dục học mầm non, các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non.
- Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ tại trường mầm non.
- Giáo dục sinh viên có quan điểm, thái độ đúng đắn trong học tập, trau dồi nhân cách người giáo viên mầm non.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được những tri thức cơ bản về: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học mầm non; Mục tiêu, nhiệm vụ của bậc học Mầm non.
- **KT02:** Phân tích được những tri thức cơ bản về: Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ Mầm non, các nội dung giáo dục toàn diện cho trẻ Mầm non.
- **KT03:** Xác định và vận dụng được tri thức đã học trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non.
- **KN02:** Phát hiện và giải quyết được vấn đề; Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu;

- **KN03:** Quản lý nhóm lớp, quản lý cảm xúc, giao tiếp ứng xử phù hợp.
- **KN04:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Chịu trách nhiệm trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non ở các cơ sở thực hành nghề và lựa chọn đúng trong nghề nghiệp.
- **NL02:** Có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác để hoàn thành các nhiệm vụ học tập, thích nghi với sự thay đổi trong công tác chăm sóc – giáo dục trẻ.
- **NL03:** Tự đánh giá được kết quả học tập, tự đề ra các mục tiêu để phát triển bản thân.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR2	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		2	3								
KT02	1	3	3								
KT03		3	4								
KN01						3					
KN02					3						
KN03							3				
KN04				2							
NL01										3	
NL02									2		
NL03											1

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần Giáo dục học mầm non bao gồm các nội dung sau: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu Giáo dục học mầm non; Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non; Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non; Tổ chức các hoạt động giáo dục trong trường mầm non như: hoạt động giao tiếp, hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học, hoạt động lễ hội.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, làm đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đinh Văn Vang (2008). *Giáo trình giáo dục học mầm non* dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non, NXB giáo dục.

10.2. Sách, tài liệu tham khảo:

[2]. Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2006). *Giáo dục học mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3]. *Điều lệ trường mầm non*, Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT, Hà Nội, ngày 31/12/2020

[4]. *Luật giáo dục*, số 43/2019/QH14, Hà Nội, ngày 14/6/2019.

[5]. *Nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2021-2022*, Công văn số 3676/BGDĐT-GDMN, Hà Nội, ngày 26/8/2021.

[6]. Nguyễn Thị Thường (Chủ biên), Hoàng Thị Ngọc Lan (2007). *Giáo trình Giáo dục học mầm non*, Nhà xuất bản Hà Nội.

[7]. *Thông tư Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non*, Số 01/VBHN-BGDĐT, Hà Nội ngày 13 tháng 4 năm 2021.

[8]. *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề của trẻ mẫu giáo bé, nhỡ, lớn*. NXB Giáo dục.

[9]. Thư viện mầm non: <https://www.youtube.com/user/ThanhLap0912>

[10]. Trang Web của bộ GDĐT về Giáo dục mầm non:

<https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/giao-duc-mam-non/Pages/van-ban-chi-dao-dieu-hanh.aspx?LinhVucVanBanID=10>

[11]. Đinh Văn Vang (2011). *Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi* dành cho hệ cao đẳng sư phạm mầm non, NXB giáo dục.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 03
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
- + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

*** Kế hoạch kiểm tra/thi:**

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Sử dụng 1 trong các nội dung: - Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ nhà trẻ - Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ mẫu giáo - So sánh đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non.	Tuần 3 - 4	Tự luận	- Trình bày/so sánh đúng đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ nhà trẻ/mẫu giáo - Lấy ví dụ đúng về đặc điểm tăng trưởng và phát triển đó.	KT02, KN01, KN02, NL01, NL02
Bài KT định kỳ	Sử dụng 1 trong 5 nội dung: Nội dung giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non (thể chất, trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, lao động)	Tiết 15	Tự luận	- Phân tích đúng nội dung giáo dục cho trẻ mầm non - Đề xuất được một số biện pháp, phương tiện giáo dục nội dung đó cho trẻ.	KT02, KN01, KN02, NL01, NL02
Bài KT định kỳ	Sử dụng 1 trong các nội dung và độ tuổi: - Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ (12 – 18 tháng/18 – 24 tháng/24 – 36 tháng. Nội dung tự chọn).	Tiết 30	Thực hành	- Phân bố thời gian hợp lý. Chuẩn bị đồ dùng đồ chơi đầy đủ và phù hợp. - Thực hiện đúng phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ nhà trẻ. - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học.	KT03, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
				- Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. - Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, không ngọng, không lắp - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành (ưu, nhược điểm)	
Bài KT định kỳ	Sử dụng 1 trong các nội dung: - Các nguyên tắc dạy học ở trường mầm non. Cho ví dụ cụ thể. - Sự phối hợp các phương pháp khi dạy học ở trường mầm non. Chỉ ra phương pháp dạy học chủ yếu trong trường Mầm non. - Soạn giáo án tổ chức hoạt động học cho trẻ Mẫu giáo (Độ tuổi, nội dung tự chọn).	Tiết 60	Tự luận	- Phân tích đúng các nguyên tắc dạy học ở trường mầm non. Lấy được ví dụ cho từng nguyên tắc. - Giải thích được lý do cần phối hợp nhiều phương pháp khi dạy học ở trường mầm non. Chỉ ra được phương pháp dạy học chủ yếu trong trường Mầm non và giải thích được lý do. - Soạn được giáo án tổ chức hoạt động học cho trẻ tuổi Mẫu giáo (có đầy đủ các phần: Chuẩn bị, tiến hành, kết thúc)	KT03, KN01, KN02, KN03, NL02, NL03
Thi kết thúc học phần	Nội dung theo đề thi của học phần	Theo kế hoạch của trường	Theo kế hoạch của trường		

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
1	PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC MẦM NON CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC HỌC MẦM NON 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học mầm non 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học mầm non 1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của Giáo dục học mầm non 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học mầm non	3			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6] - Tài liệu [10]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6], [10]. - Sau khi đọc các TL: Liệt kê đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của GDHMN.	KT01, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
2	1.2. Bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân 1.2.1. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân 1.2.2. Vị trí của bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân 1.2.3. Các loại hình giáo dục mầm non	2			- Tài liệu [1] - Tài liệu [3] - Tài liệu [4] - Tài liệu [6] - Tài liệu [7] - Tài liệu [10]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [3], [4], [6], [7], [10]. - Sau khi đọc các TL, SV nêu được: Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, vị trí của bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, các loại hình giáo dục mầm non	KT01, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
3	1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ của bậc học mầm non 1.3.1. Mục tiêu của bậc học mầm non 1.3.2. Nhiệm vụ của bậc học mầm non Thảo luận: 1 tiết Tìm hiểu thực trạng thực hiện nhiệm vụ của bậc học mầm non tại địa phương.	3	1		- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [3] - Tài liệu [5] - Tài liệu [7] - Tài liệu [10]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [3], [5], [7], [10]. - Sau khi đọc các TL, SV nêu được: Mục tiêu, nhiệm vụ của bậc học mầm non - SV chuẩn bị nội dung thảo luận để trình bày trên lớp.	KT01, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
4	1.4. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ mầm non 1.4.1. Quan điểm về sự tăng trưởng 1.4.2. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ nhà trẻ. 1.4.3. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ mẫu giáo. Thảo luận: 1 tiết Chứng minh “Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non diễn ra với tốc độ nhanh trên mọi mặt”. Từ đó xác định các nhiệm vụ khi CS-GD trẻ MN của bản thân.	4	1		- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6]. - Sau khi đọc các TL, SV trả lời được: Khái niệm tăng trưởng và phát triển, mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển. - SV lấy được các ví dụ để phân tích sự tăng trưởng và phát triển của trẻ nhà trẻ và mẫu giáo. - SV chuẩn bị nội dung thực hành để báo cáo tại lớp. - SV trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương 1.	KT02, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
5	Kiểm tra: 1 tiết			1				
6	CHƯƠNG 2: NỘI DUNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Ý nghĩa của giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non 2.1.3. Nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được: khái niệm, ý nghĩa của giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non - SV nêu được: các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; đề xuất các phương pháp giáo dục thể chất phù hợp với độ tuổi	KT02, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
7	2.2. Giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi mầm non 2.2.3. Nội dung giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non Thảo luận: 1 tiết Các phương pháp, phương tiện để giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non.	3	1		- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được: khái niệm, ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi mầm non - SV nêu được: các nội dung giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non; đề xuất các phương pháp phát triển trí tuệ phù hợp với độ	KT02, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
						tuổi - SV chuẩn bị và trình bày nội dung thảo luận.		
8	2.3. Giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Ý nghĩa của giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non 2.3.3. Nội dung giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non	3			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được: khái niệm, ý nghĩa của giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non - SV nêu được: các nội dung giáo dục đạo đức cho trẻ mầm non; đề xuất các phương pháp giáo dục đạo đức phù hợp với độ tuổi	KT02, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
9	2.4. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Ý nghĩa của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi mầm non 2.4.3. Nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non	2			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được: khái niệm, ý nghĩa của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi mầm non - SV nêu được: các nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm	KT02, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
						non; đề xuất các phương tiện giáo dục thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi		
10	2.5. Giáo dục lao động cho trẻ mầm non 2.5.1. Khái niệm 2.5.2. Ý nghĩa của giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mầm non 2.5.3. Nội dung giáo dục lao động cho trẻ mầm non Thảo luận: 1 tiết Các con đường, phương tiện để giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục lao động cho trẻ mầm non.	1	1		- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được: khái niệm, ý nghĩa của giáo dục lao động cho trẻ em lứa tuổi mầm non - SV nêu được: các nội dung giáo dục lao động cho trẻ mẫu giáo; - SV chuẩn bị và trình bày nội dung thảo luận. - SV trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương 2.	KT02, KN02, KN03, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
11	Kiểm tra: 1 tiết			1				
12	PHẦN 2: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT HÀNG NGÀY CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON				- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [7] - Tài liệu [10]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [7], [10]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được: khái niệm, ý nghĩa của việc tổ chức chế độ sinh	KT03, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02,	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	3.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non 3.1.1. Khái niệm chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non 3.1.2. Ý nghĩa của việc tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non 3.2. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mầm non 3.2.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ nhà trẻ 3.2.2. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mẫu giáo Thảo luận: 1 tiết Chỉ ra điểm khác nhau giữa chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.	7				hoạt hàng ngày cho trẻ ở trường mầm non - SV nêu được trình tự các hoạt động trong ngày của trẻ MN. - SV nắm được cách thực hiện các hoạt động trong ngày của trẻ MN. - SV chuẩn bị và trình bày nội dung thảo luận. - SV trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương 3.	NL03	
13	CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 4.1. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ tuổi nhà trẻ 4.1.1. Đặc điểm hoạt động giao tiếp của trẻ nhà trẻ.	2			- Tài liệu [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [6]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được: Đặc điểm, hình thức hoạt động giao tiếp của trẻ nhà trẻ. - SV đề xuất được một số biện	KT03, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	4.1.2. Các hình thức giao tiếp của trẻ nhà trẻ 4.1.3. Các biện pháp để phát triển nhu cầu giao tiếp cho trẻ nhà trẻ					pháp để phát triển nhu cầu giao tiếp cho trẻ nhà trẻ		
14	4.2. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ 4.2.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ. 4.2.2. Nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ. 4.2.3. Một số yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ. Thực hành: 2 tiết Soạn giáo án tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ (nội dung, độ tuổi tự chọn)	4	2		- Tài liệu [2] - Tài liệu [6] - Tài liệu [9]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [2], [6], [9]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được: khái niệm, ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ nhà trẻ - SV nêu được nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ. - SV trình bày được một số yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ tuổi nhà trẻ. - SV soạn giáo án thể hiện được 3 phần chính: Chuẩn bị, tiến hành, kết thúc.	KT03, KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
15	Kiểm tra: 1 tiết			1				
16	4.3. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Phân loại trò chơi	2			- Tài liệu [2] - Tài liệu [6] - Tài liệu [8] - Tài liệu [9]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [2], [6], [8], [9], [11]. - Sau khi đọc các TL, SV trình	KT03, KN01, KN02, KN03,	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
	4.3.3. Quy trình hướng dẫn chung các loại trò chơi cho trẻ mẫu giáo 4.3.4. Mối quan hệ qua lại giữa chơi và lao động, chơi và học tập, chơi và hoạt động nghệ thuật của trẻ mầm non.				- Tài liệu [11]	bày được: khái niệm, phân loại trò chơi - SV nêu được mối quan hệ qua lại giữa chơi và lao động, chơi và học tập, chơi và hoạt động nghệ thuật của trẻ mầm non.	NL01, NL02, NL03	
17	4.4. Tổ chức hoạt động học tập cho trẻ ở trường mầm non 4.4.1. Đặc điểm hoạt động học tập của trẻ mầm non 4.4.2. Nhiệm vụ dạy học ở trường mầm non 4.4.3. Nội dung dạy học cho trẻ mầm non 4.4.4. Nguyên tắc dạy học ở trường mầm non 4.4.5. Phương pháp dạy học ở trường mầm non 4.4.6. Các hình thức dạy học ở trường mầm non Thực hành: 2 tiết Tổ chức hoạt động học cho trẻ mẫu giáo (nội dung và độ tuổi tự chọn)	5			- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6] - Tài liệu [7] - Tài liệu [9]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6], [7], [9]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được sự khác nhau giữa hoạt động học tập của trẻ mầm non và học sinh phổ thông. - SV nêu được các nhiệm vụ dạy học ở trường mầm non - SV nắm được nguyên tắc dạy học ở trường mầm non - SV biết lựa chọn các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với các nội dung và độ tuổi ở trường mầm non - SV chuẩn bị và trình bày nội dung thực hành.	KT03, KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
18	4.5. Tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non 4.5.1. Ý nghĩa của việc tổ chức ngày lễ, ngày hội cho trẻ ở trường mầm non 4.5.2. Các ngày lễ, ngày hội tổ chức trong trường mầm non 4.5.3. Cách tổ chức ngày hội, ngày lễ trong trường mầm non Thực hành: 1 tiết Xây dựng kế hoạch tổ chức 1 ngày lễ, ngày hội cho trẻ ở trường MN.	2	1		- Tài liệu [1] - Tài liệu [2] - Tài liệu [6] - Tài liệu [8] - Tài liệu [9]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [6], [8], [9]. - Sau khi đọc các TL, SV trình bày được ý nghĩa của việc tổ chức ngày lễ, ngày hội cho trẻ ở trường mầm non - SV nêu được các ngày lễ, ngày hội tổ chức trong trường mầm non - SV nắm được cách tổ chức ngày hội, ngày lễ trong trường mầm non - SV chuẩn bị và trình bày nội dung thực hành. - SV trả lời các câu hỏi ôn tập cuối chương 4.	KT03, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.
19	Kiểm tra: 1 tiết			1				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non

Mã học phần: 710.11

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	20	tiết
+ Thảo luận/ Thực hành:	8	tiết
+ Kiểm tra	2	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Sự học và phát triển tâm lý lứa tuổi mầm non

6. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, bản chất và ý nghĩa của hoạt động vui chơi đối với trẻ mầm non; Hiểu rõ các loại trò chơi phổ biến và phương pháp tổ chức các loại trò chơi đó ở độ tuổi mầm non. Sinh viên có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non tại các thời điểm khác nhau trong chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non một cách hiệu quả.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức

- **KT01:** Giải thích được khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, bản chất và ý nghĩa của hoạt động vui chơi đối với trẻ mầm non.
- **KT02:** Mô tả và phân biệt được cách tổ chức các loại trò chơi phổ biến của trẻ mẫu giáo: Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu cần đạt, phương pháp tổ chức các trò chơi của trẻ.
- **KT03:** Phân tích được các thời điểm tổ chức cho trẻ vui chơi trong chế độ sinh hoạt hàng ngày tại trường mầm non: Mục đích tổ chức, Nội dung tổ chức và phương pháp tổ chức cho trẻ chơi trong từng thời điểm.

7.2. Kỹ năng

- **KN01:** Lập kế hoạch, xây dựng môi trường và tổ chức các loại trò chơi cho trẻ mầm non.
- **KN02:** Xây dựng kế hoạch chơi phù hợp với các thời điểm trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, phù hợp với nhu cầu chơi của trẻ và điều kiện thực tiễn tại các cơ sở giáo dục mầm non.
- **KN03:** Đánh giá sự phát triển của trẻ trong hoạt động vui chơi qua quan sát trẻ chơi và sản phẩm chơi của trẻ.
- **KN 04:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thiết kế, tổ chức các loại trò chơi cho trẻ mầm non.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- **NL01:** Quản lí thời gian học tập một cách có hiệu quả.
- **NL02:** Say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		2	3								
KT02		3	3								
KT03		3	3								
KN01					3	3	2				
KN02					3	3	2				
KN03					3	3	2				
KN04				2							
NL01									3	3	2
NL02							2		3	3	2
NL03									3	3	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết về tổ chức hoạt động vui chơi và phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở lứa tuổi mầm non. Từ đó giúp các em có kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi và đánh giá kết quả đạt được trên trẻ trong hoạt động vui chơi theo từng độ tuổi ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, làm đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên và KTĐK, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

[1] Đinh Văn Vang (2011). *Tổ chức hoạt động vui chơi*. NXB Giáo dục Việt Nam

10.2. Sách tham khảo

[2] Đào Thanh Âm, Trịnh Dân, Nguyễn Thị Hòa (1995). *Giáo dục học mầm non I,II,III* NXB. Đại học sư phạm Hà Nội.

[3] TS Nguyễn Thị Thanh Hà (2006). *Tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non*. NXB giáo dục.

[4] Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang (1996). *Tổ chức hướng dẫn trẻ mẫu giáo chơi*. NXB đại học quốc gia HN.

[5] Lê Thị Vân (2017). *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*. Khoa Sư phạm Tiểu học - mầm non ĐH Quảng Bình.

[6] *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ, truyện, câu đố theo chủ đề của trẻ mẫu giáo bé, nhỡ, lớn*. NXB Giáo dục.

[7] Hoàng Thị Hải Quế, Trần Thị Phương Thảo, Vũ Thị Thu Hoài, Nguyễn Thị Kim Chung, Lê Thị Việt An (2019). *Tổ chức trò chơi học tập giúp trẻ mẫu giáo khám phá thiên nhiên vô sinh*. NXB Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Video tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ các độ tuổi tại trường mầm non (Nguồn Internet)

<https://www.youtube.com/watch?v=QP1B1ycg0Fk>

<https://vanphongphamsg.vn/giao-an-to-chuc-hoat-dong-vui-choi-ngoai-troi/>

https://www.youtube.com/watch?v=j_nVVYPzLfM

<https://www.youtube.com/watch?v=5EMxIqcVtTA>

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 1

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 2

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

*** Kế hoạch kiểm tra/thi**

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>Kiến thức chương I.</i> Chọn trong các nội dung sau: - Khái niệm, đặc điểm hoạt động vui chơi - Nguồn gốc, bản chất và ý nghĩa của hoạt động vui chơi	Kiểm tra vào thời điểm phù hợp	<i>Tự luận</i>	SV nhớ và trình bày được khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, bản chất và ý nghĩa của hoạt động vui chơi.	KT01,NL02
Bài KT định kỳ	<i>Kiến thức chương II.</i> Chọn trong các nội dung: - Nêu khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và phương pháp hướng dẫn các loại trò chơi: Giả bộ; Xây dựng; Đóng kịch; Học tập; Vận động. - Thiết kế giáo án tổ chức các loại trò chơi cho trẻ ở trường mầm non.	Tiết 15	<i>Tự luận</i>	SV nêu được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và trình bày được phương pháp hướng dẫn các loại trò chơi phổ biến ở trường mầm non. SV vận dụng kiến thức đã học để thiết kế được giáo án tổ chức các loại trò chơi cho trẻ ở trường mầm non.	KT02, KN01,KN02, KN03 NL01,NL02
Bài KT định kỳ	<i>Kiến thức chương III.</i> Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm	Tiết 30	<i>Tự luận</i>	SV xây dựng được kế hoạch tổ chức cho trẻ chơi và trình bày được tiến trình tổ chức cho trẻ vui chơi	KT03, KN02,KN04 NL01,NL02,

	non; Chủ đề giáo dục: Sinh viên tự chọn			tại các thời điểm khác nhau trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non.	NL03
Thi kết thúc học phần					

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	K T				
1	CHƯƠNG 1. HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CỦA TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Khái niệm hoạt động vui chơi 1.1.1. Vui chơi là hoạt động đặc trưng của trẻ ở trường mầm non 1.1.2. Đặc điểm hoạt động vui chơi của trẻ em lứa tuổi mầm non 1.2. Nguồn gốc, bản chất và ý nghĩa của hoạt động vui chơi 1.2.1. Sự xuất hiện và phát triển của trò chơi 1.2.2. Bản chất của hoạt động vui chơi	4			<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [5] <i>Tài liệu</i> [8]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu [5] - Trình bày khái niệm, đặc điểm hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non. - Nắm rõ và trình bày được nguồn gốc, bản chất và ý nghĩa của hoạt động vui chơi của trẻ mầm non. - Su rầm một số hoạt động vui chơi của trẻ mầm non qua	KT01 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan

	1.2.3. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi 1.2.3.1. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ mầm non 1.2.3.2. Chơi là phương tiện giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non. 1.2.3.3. Chơi là hình thức tổ chức đời sống cho trẻ ở trường mầm non.					các kênh thông tin khác nhau: sách, báo, internet...[8].		
2	CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN TRÒ CHƠI CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Trò chơi giả bộ 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Sự hình thành và phát triển trò chơi giả bộ của trẻ em. 2.1.2.1. Từ hoạt động với đồ vật đến sự xuất hiện trò chơi giả bộ 2.1.2.2. Sự phát triển của trò chơi giả bộ 2.1.3. Đặc điểm của trò chơi giả bộ 2.1.3.1. Những đặc điểm đặc trưng của trò chơi phản ánh sinh hoạt. 2.1.3.2. Những đặc điểm đặc trưng của trò chơi đóng vai theo chủ đề. 2.1.4. Ý nghĩa của trò chơi giả bộ đối với trẻ em lứa tuổi mầm non. 2.1.5. Phương pháp hướng dẫn trò chơi	4			<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [8]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2], [3]. - Nêu được khái niệm trò chơi giả bộ của trẻ. - Trình bày được sự hình thành và phát triển trò chơi giả bộ của trẻ. - Nắm rõ, phân biệt được những đặc điểm đặc trưng của trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai theo chủ đề: Điểm giống, điểm khác. - Nêu được ý nghĩa của trò chơi giả bộ đối với trẻ mầm non. - Nắm được phương pháp hướng dẫn trò chơi giả bộ cho trẻ ở trường mầm non theo độ tuổi.	KT02 KN01 KN02 KN03 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan.

	giả bộ 2.1.5.1. Phương pháp hướng dẫn trò chơi phản ánh sinh hoạt. 2.1.5.2. Phương pháp hướng dẫn trò chơi đóng vai theo chủ đề. 2.1.6. Thảo luận: Giải quyết tình huống giáo dục trong tổ chức chơi trò chơi đóng vai theo chủ đề.		1			- Suru tầm, tham khảo một số trò chơi giả bộ được tổ chức cho trẻ ở trường mầm non [8]. - Trình bày, phân tích được những điểm cần chú ý khi tổ chức hướng dẫn trẻ chơi trò chơi giả bộ. - Thảo luận: Giải quyết tình huống giáo dục trong tổ chức chơi trò chơi đóng vai theo chủ đề.		
3	Chương 2: (tiếp) 2.2. Trò chơi xây dựng 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của trò chơi xây dựng đối với trẻ mầm non. 2.2.1.1. Khái niệm 2.2.1.2. Đặc điểm 2.2.1.3. Ý nghĩa của trò chơi xây dựng đối với trẻ mầm non. 2.2.2. Hướng dẫn trò chơi xây dựng ở trường mầm non. 2.2.2.1. Những yêu cầu chung. 2.2.2.2. Hướng dẫn trò chơi xây dựng cho trẻ mầm non. 2.2.3. Thảo luận: Giải quyết tình huống giáo dục trong tổ chức trò chơi xây dựng	2	1		Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2],[4]. - Nắm rõ và trình bày được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của trò chơi xây dựng đối với trẻ mầm non. - Nắm được các yêu cầu và phương pháp hướng dẫn trò chơi xây dựng cho trẻ. - Nêu một số trò chơi xây dựng được tổ chức phù hợp với chủ đề quen thuộc cho trẻ ở trường mầm non. - Giới thiệu một số nội dung chơi trò chơi xây dựng cho trẻ	KT02 KN01 KN02 KN03 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan

	ở các độ tuổi.					mẫu giáo bé, nhỡ, lớn. Thảo luận: Giải quyết tình huống giáo dục trong tổ chức trò chơi xây dựng ở các độ tuổi.		
4	Chương 2 (Tiếp) 2.3. Trò chơi đóng kịch. 2.3.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của trò chơi đóng kịch đối với trẻ mầm non 2.3.1.1. Khái niệm 2.3.1.2. Đặc điểm 2.3.1.3. Ý nghĩa của trò chơi đóng kịch đối với trẻ mầm non 2.3.2. Các bước tiến hành tổ chức trò chơi đóng kịch. 2.3.2.1. Chuẩn bị 2.3.2.2. Tổ chức buổi biểu diễn. 2.3.3. Thực hành: - Tập chuyển thể được một số truyện cổ tích, ngụ ngôn của trẻ sang kịch bản. - Nêu một số ý tưởng thiết kế sân khấu, trang phục, đạo cụ...để phục vụ việc tổ chức trò chơi đóng kịch cho trẻ.	1	1		Tài liệu [1] Tài liệu [4] Tài liệu [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[4],[6]. - Nắm rõ và trình bày được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của trò chơi đóng kịch của trẻ mẫu giáo. - Trình bày rõ các bước tiến hành tổ chức trò chơi đóng kịch cho trẻ mẫu giáo (Chuẩn bị, tổ chức buổi biểu diễn). - Bước đầu tập chuyển thể được một số truyện cổ tích, ngụ ngôn của trẻ sang kịch bản. - Nêu được một số ý tưởng thiết kế sân khấu, trang phục, đạo cụ...để phục vụ việc tổ chức trò chơi đóng kịch cho trẻ.	KT02 KN01 KN02 KN03 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu.
5	Kiểm tra			1				

6	Chương 2: (tiếp) 2.4. Trò chơi học tập. 2.4.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của trò chơi học tập. 2.4.1.1. Khái niệm. 2.4.1.2. Đặc điểm. 2.4.1.3. Ý nghĩa của trò chơi học tập đối với trẻ mầm non. 2.4.2. Phân loại trò chơi học tập 2.4.3. Hướng dẫn trò chơi học tập ở trường mầm non 2.4.3.1. Những yêu cầu chung 2.4.3.2. Hướng dẫn trò chơi học tập cho trẻ mầm non. 2.4.4. Thực hành: Thiết kế giáo án tổ chức trò chơi học tập cho trẻ ở trường mầm non	2			<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [6] <i>Tài liệu</i> [7] - Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[6],[7] - Nắm rõ và trình bày được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của trò chơi học tập đối với trẻ mầm non. - Nắm rõ cách phân loại trò chơi học tập. - Nắm được các yêu cầu và phương pháp hướng dẫn trò chơi học tập cho trẻ theo độ tuổi. - Nêu được một số trò chơi học tập được tổ chức phù hợp với chủ đề quen thuộc cho trẻ ở trường mầm non. - Trình bày được một số ý tưởng tổ chức trò chơi học tập ở các thời điểm khác nhau trong hoạt động học của trẻ. - Thiết kế được giáo án tổ chức trò chơi học tập cho trẻ ở trường mầm non.	KT02 KN01 KN02 KN03 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, thực hành.
---	---	---	--	--	---	---	---

7	Chương 2: (tiếp) 2.5. Trò chơi vận động 2.5.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa trò chơi vận động 2.5.1.1. Khái niệm. 2.5.1.2. Đặc điểm. 2.5.1.3. Ý nghĩa. 2.5.2. Hướng dẫn trò chơi vận động cho trẻ ở trường mầm non 2.5.2.1. Những yêu cầu chung. 2.5.2.2. Hướng dẫn trò chơi vận động cho trẻ mầm non. 2.5.3. Thảo luận: Trình bày được một số ý tưởng tổ chức trò chơi vận động ở các thời điểm khác nhau trong ngày cho trẻ.	1	1	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [7]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[3],[7]. - Nắm rõ và trình bày được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của trò chơi vận động đối với trẻ mầm non. - Nắm được các yêu cầu chung và phương pháp hướng dẫn trò chơi vận động cho trẻ theo độ tuổi. - Nêu được một số trò chơi vận động được tổ chức phù hợp với chủ đề quen thuộc cho trẻ ở trường mầm non. - Thảo luận: Trình bày được một số ý tưởng tổ chức trò chơi vận động ở các thời điểm khác nhau trong ngày cho trẻ.	KT02 KN01 KN02 KN03 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan
8	Chương 2: (tiếp) 2.6. Trò chơi dân gian 2.6.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của trò chơi dân gian cho trẻ độ tuổi mầm non 2.6.1.1. Khái niệm. 2.6.1.2. Đặc điểm.	2		<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [6] <i>Tài liệu</i> [8]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[6]. - Nắm rõ và trình bày được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của trò chơi dân gian và trò chơi điện tử đối với trẻ mầm non.	KT02 KN01 KN02 KN03 KN04 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu,

	2.6.1.3. Ý nghĩa của trò chơi dân gian đối với trẻ mầm non 2.6.2. Hướng dẫn trò chơi dân gian cho trẻ ở trường mầm non. 2.7. Trò chơi điện tử 2.7.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của trò chơi điện tử cho trẻ độ tuổi mầm non 2.7.1.1. Khái niệm. 2.7.1.2. Đặc điểm. 2.7.1.3. Ý nghĩa của trò chơi điện tử đối với trẻ mầm non 2.7.2. Hướng dẫn trò chơi điện tử cho trẻ mầm non. 2.8. Thực hành: Thiết kế giáo án và tổ chức các loại trò chơi cho trẻ ở trường mầm non		2			- Trình bày được các yêu cầu và phương pháp hướng dẫn trò chơi dân gian và trò chơi điện tử cho trẻ theo độ tuổi. - Suu tầm một số trò chơi dân gian, trò chơi điện tử của trẻ mầm non qua các kênh thông tin khác nhau: sách, báo, internet...[8]. - Mỗi SV cần thiết kế giáo án tổ chức các loại trò chơi cho trẻ. - Chuẩn bị và báo cáo nội dung thực hành. - Nhận xét, đánh giá, góp ý kiến cho bạn. - Xem một số video hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non, nhận xét đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm [8].		trực quan, thực hành
9	CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI TRONG CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CỦA TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 3.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non 3.1.1. Vị trí của hoạt động vui chơi trong chương trình giáo dục mầm non	4			<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[3],[4]. - Nắm rõ được vị trí của hoạt động vui chơi trong chương trình giáo dục mầm non. - Hiểu được vai trò của giáo viên trong việc tổ chức hoạt	KT03 KN01 KN02 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, thực

	3.1.2. Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non 3.1.3. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi ở trường mầm non 3.2. Tổ chức hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non 3.2.1. Tổ chức chơi trong giờ đón trẻ. 3.2.2. Tổ chức chơi trong thời gian chuyển tiếp giữa các hoạt động trong ngày. 3.2.3. Tổ chức cho trẻ chơi trong giờ đi dạo. 3.2.4. Tổ chức cho trẻ chơi ở thời điểm hoạt động ở các góc. 3.2.5. Chơi trong giờ sinh hoạt chiều. 3.2.6. Chơi trong thời gian trả trẻ. 3.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ trong hoạt động vui chơi. 3.3.1. Mục đích đánh giá. 3.3.2. Nội dung đánh giá. 3.3.3. Phương pháp đánh giá. 3.3.4. Hình thức đánh giá. 3.4. Thực hành: - Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi theo chủ đề cho trẻ ở trường mầm non					động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non. - Bước đầu biết xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non. - Nắm được mục đích, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi tại các thời điểm khác nhau trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ. - Trình bày được mục đích, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ trong hoạt động vui chơi. - Xây dựng được kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non.		hành
10	Kiểm tra			1				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với biểu tượng toán.

Mã học phần: 710.16

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lý thuyết:	30	tiết
+ Thảo luận/thực hành:	12	tiết
+ Kiểm tra:	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành học phần: Toán cơ sở

6. Mục tiêu học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những vấn đề lí luận chung, nội dung, phương pháp, hình thức dạy trẻ mầm non làm quen với biểu tượng toán.

Có kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động dạy trẻ mầm non làm quen với biểu tượng toán.

Giáo dục cho sinh viên ý thức vận dụng kiến thức cơ bản của môn học vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được khái niệm, vai trò, đặc điểm, nhiệm vụ, nguyên tắc dạy trẻ MN làm quen với các biểu tượng toán
- **KT02:** So sánh được sự khác biệt về đặc điểm yêu cầu, nội dung khi dạy trẻ làm quen với các biểu tượng toán ở các độ tuổi;
- **KT03:** Phân tích được các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy trẻ MN làm quen với các biểu tượng toán

- **KT04:** Vận dụng kiến thức cơ bản của môn học vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Thiết kế các hoạt động dạy trẻ MN làm quen biểu tượng toán phù hợp từng độ tuổi

- **KN02:** Ứng dụng CNTT trong quá trình lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán

- **KN03:** Vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức để tổ chức hoạt động dạy trẻ MN làm quen các biểu tượng toán

- **KN04:** Đánh giá được quá trình tổ chức các hoạt động dạy trẻ MN làm quen các biểu tượng toán thông qua thực hành sư phạm.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.

- **NL02:** Say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy trẻ làm quen các biểu tượng toán

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01		3	3								
KT02		3	3								
KT03			3								
KT04			3								
KN01					2	3					
KN02				3		3					
KN03			3		3	3					
KN04					3	3	3				3
NL01									3		
NL02									3	2	
NL03									3	3	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp, hình thức dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán; đặc điểm nhận thức, nội dung, phương pháp hình thành các biểu tượng về số lượng, phép đếm, kích thước, hình dạng, định hướng trong không gian, định hướng về thời gian cho trẻ mầm non; lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá hoạt động dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng quy định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đỗ Thị Minh Liên (2009). *Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non* - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

10.2. Sách tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Văn bản hợp nhất: Thông tư ban hành chương trình Giáo dục Mầm non* - Số: 01/VBHN-BGDĐT.

[3]. Đinh Thị Nhung (2004). *Toán và Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mẫu giáo* - Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội.

[4]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi)* - NXB Giáo dục VN.

[5]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.

[6]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.

[7]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.

[8]. Các đường link:

- <https://sites.google.com/view/khohoclieumokhoamamnon/>
- <https://youtube.com> (tiết dạy mầm non)

- <https://download.vn/> (giaoanmamnon)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2:
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 03
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
- + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
- + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài KT thường xuyên	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> + Trình bày vai trò, nhiệm vụ, đặc điểm, nguyên tắc dạy trẻ MN làm quen với các biểu tượng toán. + Lập bảng, phân tích đặc điểm phát triển các biểu tượng toán của trẻ MN ở từng độ tuổi	Giáo viên linh động lựa chọn thời điểm phù hợp.	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02 NL03

Bài KT định kỳ 1	Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau: + Phân tích nhiệm vụ, vai trò, các nguyên tắc dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán + Phân tích các phương pháp dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán + Phân tích các hình thức dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán	Tiết 15	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT02 KT03 KN01 KN02 NL02
Bài KT định kỳ 2	Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau: + Phân tích nội dung, phương pháp dạy trẻ hình thành các biểu tượng: số lượng, phép đếm; kích thước. + Thiết kế các hoạt động dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng số lượng, phép đếm; kích thước ở các độ tuổi.	Tiết 29	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Soạn bài theo đề tài giáo viên yêu cầu	KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL02
Bài KT định kỳ 3	Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau: + Phân tích nội dung, các phương pháp hình thành các biểu tượng: hình dạng, định hướng trong không gian, thời gian cho trẻ mầm non + Thiết kế các hoạt động dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng hình dạng; định hướng trong không gian; thời gian ở các độ tuổi.	Tiết 45	Thực hành	- Phân bố thời gian hợp lý. Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành	KT03 KT04 KN01 KN02 KN04 NL02 NL03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi.	

		trường			
--	--	--------	--	--	--

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL / T H	K T				
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Đối tượng, vị trí và nhiệm vụ của môn học 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Vị trí và nhiệm vụ 1.1.3. Mối quan hệ của môn học với các ngành khoa học. 1.2. Vai trò của quá trình dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán đối với sự phát triển và giáo dục trẻ. 1.3. Nhiệm vụ của quá trình dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán.	2	0	0	Tài liệu [1]	- Đọc và trình bày đối tượng, vị trí, nhiệm vụ của môn học, mối liên hệ với các môn khoa học khác Đọc, hiểu vai trò, nhiệm vụ của quá trình cho trẻ mầm non làm quen với Toán	KT01 NL03	Thuyết giảng
	1.4. Các nguyên tắc dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán 1.4.1. Nguyên tắc dạy học đảm bảo tính phát triển 1.4.2. Nguyên tắc học đi đôi với hành, giáo	4	0	0	Tài liệu [1]	- Đọc, hiểu các nguyên tắc cho trẻ Mầm non làm quen với Toán. - Đọc tài liệu và phân tích các nguyên tắc xây dựng	KT01 NL01 NL02 NL03	Phát vấn, thuyết trình, hoạt động nhóm

2	dục gắn liền với thực tiễn. 1.4.3. Nguyên tắc đảm bảo tính trực quan 1.4.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và tính trình tự 1.4.5. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng 1.4.6. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học 1.4.7. Nguyên tắc đảm bảo tính ý thức và phát huy tính tích cực của trẻ					chương trình dạy trẻ Mầm non làm quen với toán.		
3	1.5. Các phương pháp dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán 1.3.1. Các phương pháp dạy học trực quan 1.3.2. Các phương pháp dạy học dùng lời nói 1.3.3. Các phương pháp dạy học thực hành 1.6. Các hình thức tổ chức dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán 1.4.1 Dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán trong hoạt động học toán có chủ đích 1.4.2. Dạy trẻ MN làm quen với biểu tượng toán ngoài hoạt động học toán có chủ đích	3	0	0	Tài liệu [1]	- Đọc tài liệu [1] trước khi lên lớp - Giải thích được các phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán - Đọc tài liệu [1] trước khi lên lớp - Giải thích được các hình thức cho trẻ mầm non làm quen với Toán	KT01 KT03 KN01 KN03 NL02 NL03	Phát vấn, thuyết trình, hoạt động nhóm
4	CHƯƠNG 2: HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ SỐ LƯỢNG, CON SỐ VÀ PHÉP ĐẾM CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Đặc điểm phát triển những biểu tượng số lượng, con số và phép đếm của trẻ MN 2.1.1. Trẻ dưới 3 tuổi 2.1.2. Trẻ 3-4 tuổi	3		0	Tài liệu [1] và các sách tham khảo	Đọc tài liệu [1] và TLTK trước khi lên lớp - Nêu đặc điểm phát triển biểu tượng về số lượng, phép đếm, đưa ra những kết luận sư phạm cần thiết?	KT01 KN01 KN03 NL02 NL03	Phát vấn, thuyết trình, hoạt động nhóm

	2.1.3. Trẻ 4-5 tuổi 2.1.4. Trẻ 5-6 tuổi 2.2. Nội dung hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm cho trẻ MN 2.2.1. Trẻ 3-4 tuổi 2.2.2. Trẻ 4-5 tuổi 2.2.3. Trẻ 5-6 tuổi.					- Phân tích mức độ mở rộng dần nội dung hình thành biểu tượng về số lượng, phép đếm?		
5	2.3. Phương pháp hình thành biểu tượng số lượng con số và phép đếm cho trẻ MN 2.3.1. Trẻ 3-4 tuổi 2.3.2. Trẻ 4- 5 tuổi 2.3.3. Trẻ 5- 6 tuổi	2	0		Tài liệu [1] và các sách tham khảo	Đọc tài liệu [1] và TLTK trước khi lên lớp Trình bày pp dạy trẻ lập số mới, hình thành kĩ năng đếm đến số vừa lập?	KT01 KT03 KT04 KN01 KN03 NL02 NL03	Phát vấn, thuyết trình, hoạt động nhóm; Trực quan (Cho xem băng hình tiết dạy xem giáo án mẫu.)
6	Kiểm tra định kỳ			1		- Ôn tập các nội dung theo yêu cầu của giáo viên		
7	Thực hành: Tập dạy theo đề tài giáo viên đã cung cấp	0	3		Tài liệu [1] và các sách tham khảo	Làm việc cá nhân, nhóm trước khi đến lớp Tiến hành tổ chức hoạt động đã được giao	KT03 KT04 KN03 KN04 NL02 NL03	Thực hành cá nhân, nhóm.
	CHƯƠNG 3: HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ KÍCH THƯỚC CHO TRẺ	3	0	0	Tài liệu [1] và các sách	Đọc tài liệu [1] và TLTK trước khi lên lớp	KT01 KT03	Phát vấn, thuyết

8	MN 3.1. Đặc điểm phát triển những biểu tượng về kích thước của trẻ MN 3.1.1. Trẻ dưới 3 tuổi 3.1.2. Trẻ 3- 4 tuổi 3.1.3. Trẻ 4 -5 tuổi 3.1.4. Trẻ 5- 6 tuổi 3.2. Nội dung hình thành biểu tượng về kích thước cho trẻ MN 3.2.1. Trẻ dưới 3 tuổi 3.2.2. Trẻ 3- 4 tuổi 3.2.3. Trẻ 4 -5 tuổi 3.2.4. Trẻ 5- 6 tuổi 3.3. Phương pháp hình thành biểu tượng về kích thước cho trẻ MN 3.3.1. Trẻ dưới 3 tuổi 3.3.2. Trẻ 3 - 4 tuổi 3.3.3. Trẻ 4 - 5 tuổi 3.3.4. Trẻ 5- 6 tuổi				tham khảo	+ So sánh nội dung hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau? + Trình bày pp dạy trẻ 5- 6 tuổi phép đo lường đơn giản? .	KT04 KN01 KN03 NL02 NL03	trình, hoạt động nhóm ; Trực quan (Cho xem băng hình tiết dạy . Cho sinh viên xem giáo án mẫu.)
9	Thực hành: Soạn bài và tập dạy hoạt động hình thành biểu tượng về kích thước Đề tài: Giáo viên cung cấp.	0	2	0	Tài liệu [1] và các sách tham khảo	- Cá nhân soạn bài, có thảo luận nhóm - Tập dạy theo nhóm	KT03 KT04 KN03 KN04 NL02 NL03	Thực hành cá nhân
	CHƯƠNG 4: HÌNH THÀNH BIỂU TƯỢNG VỀ HÌNH DẠNG VẬT THỂ	2	0	0	Tài liệu [1] và các sách	Đọc tài liệu [1] và TLTK trước khi lên lớp	KT01 KT03	Phát vấn; Thuyết

10	CHO TRẺ MN 4.1. Đặc điểm phát triển những biểu tượng về hình dạng cho trẻ MN 4.1.1. Trẻ dưới 3 tuổi 4.1.2. Trẻ 3- 4 tuổi 4.1.3. Trẻ 4- 5 tuổi 4.1.4. Trẻ 5- 6 tuổi 4.2. Nội dung hình thành các biểu tượng về hình dạng cho trẻ MN 4.2.1. Trẻ 3- 4 tuổi 4.2.2. Trẻ 4- 5 tuổi 4.2.3. Trẻ 5- 6 tuổi				tham khảo	Hãy nêu đặc điểm phát triển biểu tượng về hình dạng của trẻ mầm non và đưa ra những kết luận sư phạm cần thiết?	KT04 KN01 KN03 NL02 NL03	trình;
11	4.3. Phương pháp hình thành biểu tượng về hình dạng cho trẻ MN 4.3.1. Trẻ 3- 4 tuổi 4.3.2. Trẻ 4- 5 tuổi 4.3.3. Trẻ 5- 6 tuổi	2			Tài liệu [1] và các sách tham khảo	Đọc tài liệu [1] và TLTK trước khi lên lớp Trình bày pp dạy trẻ mẫu giáo 3- 4 tuổi, 4- 5 tuổi nhận biết và phân biệt các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	KT01 KT03 KT04 KN01 KN03 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (Cho xem băng hình tiết dạy; Cho sinh viên xem giáo án mẫu.)
12	Kiểm tra định kì			1		- Ôn tập các nội dung theo yêu cầu của giáo viên		

13	Thực hành: Tập dạy 3 độ tuổi biểu tượng về hình dạng trong không gian Đề tài: Giáo viên cung cấp.	0	3		Tài liệu [1] và các sách tham khảo	- Cá nhân soạn bài, có thảo luận nhóm. - Tập dạy theo nhóm	KT03 KT04 KN03 KN04 NL02 NL03	Thực hành nhóm
14	CHƯƠNG 5: HÌNH THÀNH SỰ ĐỊNH HƯỚNG TRONG KHÔNG GIAN CHO TRẺ MN 5.1. Đặc điểm phát triển biểu tượng về không gian và sự định hướng trong không gian của trẻ MN 5.1.1. Trẻ dưới 3 tuổi 5.1.2. Trẻ 3- 6 tuổi 5.2. Nội dung dạy trẻ mẫu giáo định hướng trong không gian 5.1.3. Trẻ 3- 4 tuổi 5.1.4. Trẻ 4- 5 tuổi 5.1.5. Trẻ 5- 6 tuổi 5.3. Phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng trong không gian 5.1.6. Trẻ 3- 4 tuổi 5.1.7. Trẻ 4- 5 tuổi 5.1.8. Trẻ 5- 6 tuổi	3	0	0	Tài liệu [1] và các sách tham khảo	Đọc tài liệu [1] và TLTK trước khi lên lớp Nêu những đặc điểm phát triển sự định hướng trong không gian của trẻ mẫu giáo các lứa tuổi khác nhau? Hãy nêu pp dạy trẻ ,mẫu giáo định hướng trong không gian khi lấy bản thân mình và trẻ làm chuẩn?	KT01 KT03 KT04 KN01 KN03 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (Cho xem băng hình tiết dạy . Cho sinh viên xem giáo án mẫu)
15	Thực hành: Tập dạy 3 độ tuổi biểu tượng về định hướng trong không gian		2	0	Tài liệu [1] và các sách tham khảo	- Cá nhân soạn bài, có thảo luận nhóm.	KT01 KT03 KT04	Thực hành nhóm

	Đề tài: Giáo viên cung cấp.					- Tập dạy theo nhóm	KN01 KN03 NL02 NL03	
16	CHƯƠNG 6: HÌNH THÀNH SỰ ĐỊNH HƯỚNG VỀ THỜI GIAN CHO TRẺ MN 6.1. Đặc điểm phát triển biểu tượng về thời gian của trẻ MN 6.1.1. Trẻ 3-4 tuổi 6.1.2. Trẻ 4- 5 tuổi 6.1.3. Trẻ 5- 6 tuổi 6.2. Nội dung và phương pháp dạy trẻ mẫu giáo định hướng thời gian 6.1.4. Trẻ 3- 4 tuổi 6.1.5. Trẻ 4- 5 tuổi 6.2.3. Trẻ 5- 6 tuổi	3	0	0	Tài liệu [1] và các sách tham khảo	Đọc tài liệu [1] và TLTK trước khi lên lớp Trình bày pp dạy trẻ mẫu giáo định hướng các buổi trong ngày? Trình bày PP dạy trẻ mẫu giáo định hướng các ngày lễ trong tuần?	KT01 KT03 KT04 KN01 KN03 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (Cho xem băng hình tiết dạy . Cho sinh viên xem giáo án mẫu)
17	Thực hành: Tập dạy 3 độ tuổi biểu tượng về định hướng trong không gian Đề tài: Giáo viên cung cấp.		2		Tài liệu [1] và các sách tham khảo	- Cá nhân soạn bài, có thảo luận nhóm. - Tập dạy theo nhóm	KT01 KT03 KT04 KN01 KN03 NL02 NL03	Thực hành
	Kiểm tra định kì			1		- Ôn tập các nội dung theo yêu cầu của giáo viên		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **Phương pháp dạy trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học**

Mã học phần: **710.15**

2. Số tín chỉ: **02**

3. Trình độ: **Cao đẳng mầm non**

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30 tiết
+ Lý thuyết:	18 tiết
+ Thảo luận/ Thực hành	10 tiết
+ Kiểm tra:	02 tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60 giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm

6. Mục tiêu học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung, nội dung, phương pháp, hình thức dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Trên cơ sở đó, sinh viên biết vận dụng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

Học phần này cũng nhằm nâng cao cho sinh viên kỹ năng giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng tin học trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học.

Hình thành tình yêu với môn học, có ý thức bồi dưỡng tình yêu văn học cho trẻ mầm non, có khả năng thích ứng với công việc trong tương lai.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa, nội dung dạy trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học.
- **KT02:** So sánh được đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ mầm non các độ tuổi để lựa chọn các tác phẩm phù hợp dạy trẻ làm quen.
- **KT03:** Phân tích được các phương pháp và hình thức dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- **KT04:** Vận dụng kiến thức cơ bản của môn học vào việc lập kế hoạch và tổ chức hoạt động dạy trẻ mầm non làm quen với TPVH.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Thiết kế các hoạt động dạy trẻ làm quen với TPVH phù hợp các độ tuổi.
- **KN02:** Sử dụng được kiến thức và kỹ năng tin học trong quá trình lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy trẻ làm quen với TPVH.
- **KN03:** Vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức trong quá trình dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học.
- **KN04:** Đánh giá được quá trình tổ chức các hoạt động dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học thông qua thực hành sư phạm.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.
- **NL02:** Say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học cho trẻ mầm non.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		2	3								
KT02		2	3								
KT03			3								
KT04			3								
KN01		2			3	2					
KN02				3		3					
KN03			3			3					
KN04					2	3	3				3
NL01									3		
NL02							2		3	3	
NL03									3		

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần này gồm các nội dung sau: Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa, nội dung của việc dạy trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học, đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ mầm non; các phương pháp, hình thức dạy trẻ mầm non làm quen với TPVH; hướng dẫn sinh

viên tổ chức các hoạt động dạy trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học, xây dựng môi trường, lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá quá trình dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

[1] Ngô Thị Thái Sơn (2006). *Giáo trình phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học*. NXBGD.

10.2. Sách tham khảo

[2] Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2008). *Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học*. NXBGD

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Chương trình Giáo dục Mầm non*. NXB Giáo dục.

[4] Nguyễn Cẩm Giang, Phạm Thị Thu (2015). *Tuyển chọn thơ, truyện cho trẻ mầm non*. NXB Văn học.

[5] Lê Thu Hương (chủ biên) (2009). *Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ, truyện cho trẻ theo chủ đề* (3 - 36 tháng, 3 - 4 tuổi, 4 - 5 tuổi, 5 - 6 tuổi). NXB Giáo dục.

[6]. Các đường link:

- <https://sites.google.com/view/khohoclieumokhoamamnon/>
- <https://youtube.com> (tiết dạy mầm non)
- <https://download.vn/> (giaoanmamnon)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 02
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo.
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
 - + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định điều kiện ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Phân tích đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ mầm non các độ tuổi. - Xây dựng hệ thống câu hỏi khi dạy trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học ở từng độ tuổi (<i>Giáo viên có thể lựa chọn một số tác phẩm văn học giành cho trẻ các độ tuổi</i>)	Giáo viên tự bố trí thời điểm hợp lý	Tự luận	Trình bày khoa học, đúng trọng tâm yêu cầu.	KT02, KT03, KN01, KN03, NL01, NL02
Bài KT định kỳ	- <i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Trình bày khái niệm dạy trẻ mầm	Tiết 14	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Soạn bài theo đề tài giáo viên yêu	KT01,KT03 KN01, KN03, KN03

	non làm quen với tác phẩm văn học. Phân tích các phương pháp và hình thức khi dạy trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học. - Phân tích và cho ví dụ minh họa các nhóm phương pháp: dùng lời, trực quan, thực hành. - Thiết kế bài soạn giáo án <i>Dạy trẻ làm quen với TPVH</i> các độ tuổi.			cầu	NL01, NL02
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Thiết kế bài soạn giáo án <i>Dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i> các độ tuổi. - Tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học cho trẻ từng độ tuổi theo kế hoạch đã lập. - Nhận xét, đánh giá giờ dạy của mình/của bạn/nhóm bạn.	Tiết 30	Thực hành	- Phân bố thời gian hợp lý. Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, phát âm chính xác. - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành (ưu, nhược điểm của từng giờ học)	KT04 KN01, KN02, KN03, KN04 NL01, NL02, NL03
Thi kết thúc học phần	Nội dung bao quát tất cả các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học.	Theo kế hoạch của trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TH/TL	K T				
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ, nội dung của việc dạy trẻ làm quen với TPVH 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Ý nghĩa 1.1.3. Nhiệm vụ 1.1.4. Nội dung 1.2. Đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ trước tuổi đến trường phổ thông 1.2.1. Cảm thụ văn học và các giai đoạn cảm thụ văn học 1.2.2. Đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ Mầm non 1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cảm thụ văn học của trẻ 1.3. Lựa chọn TPVH dạy trẻ làm quen 1.3.1. Cơ sở lựa chọn 1.3.2. Yêu cầu đối với TPVH được lựa chọn dạy trẻ làm quen.	5	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [4]	- Đọc trước, liệt kê ý nghĩa, nhiệm vụ của việc cho trẻ làm quen với TPVH. - Đọc trước, liệt kê nội dung dạy trẻ làm quen với TPVH ở từng độ tuổi trong trường mầm non - Đọc trước, trình bày đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ mầm non. - Đọc trước, trình bày được tiêu chí lựa chọn tác phẩm văn học dạy trẻ mầm non từng độ tuổi. .	KT01, KT02, NL01, NL02	Thuyết trình, đàm thoại, giảng giải.

2	CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC DẠY TRẺ LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC 2.1. Các phương pháp dạy trẻ làm quen với TPVH 2.1.1. Nhóm phương pháp dùng lời 2.1.2. Nhóm phương pháp trực quan 2.1.3. Nhóm phương pháp thực hành	4	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Đọc trước, nêu khái niệm, mục đích, cách tiến hành của phương pháp đọc kể diễn cảm, phương pháp đàm thoại và phương pháp giảng giải. Lấy ví dụ minh họa cụ thể cho từng phương pháp. Nêu những ưu, nhược điểm của từng phương pháp. - Nêu khái niệm, mục đích, cách tiến hành của nhóm phương pháp trực quan, nhóm phương pháp thực hành. Lấy ví dụ minh họa cụ thể cho từng phương pháp. Phân tích ưu, nhược điểm của từng phương pháp.	KT03 KN03, KN04, NL01, NL02	Thuyết trình, đàm thoại, giảng giải, thực hành.
3	2.2. Các hình thức dạy trẻ làm quen với TPVH 2.2.1. Làm quen với TPVH qua hoạt động học tập 2.2.2. Làm quen với TPVH qua các hoạt động khác	2	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Đọc trước, mô tả được các hình thức tổ chức hoạt động dạy trẻ làm quen với TPVH. So sánh, phân biệt được các loại giờ học làm quen với TPVH ở trường mầm non.	KT03, KN03, NL01, NL02	Thuyết trình, đàm thoại, giảng giải, thực hành.

4	2.3. Thực hành 2.3.1. Đọc, kể diễn cảm TPVH các độ tuổi 2.3.2. Xây dựng hệ thống câu hỏi khi dạy trẻ làm quen với thơ, truyện các độ tuổi 2.3.3. Làm đồ dùng dạy học 2.3.4. Chuyển thể TPVH thành kịch bản	0	2	0	Tài liệu [4]	- Đọc, kể diễn cảm 1 số TPVH giành cho trẻ mầm non. - Thực hành đặt câu hỏi khi cho trẻ mầm non làm quen với TPVH ở từng độ tuổi. - Lựa chọn, thiết kế được các đồ dùng dạy học. - Chọn 1 số TPVH và chuyển thể thành kịch bản	KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03	Thực hành
5	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 1, 2		
6	CHƯƠNG 3: CÁCH THỨC TIẾN HÀNH CÁC DẠNG HOẠT ĐỘNG DẠY TRẺ LÀM QUEN VỚI TPVH 3.1. Cách tiến hành kể chuyện, đọc thơ cho trẻ 3.1.1. Đối với độ tuổi nhà trẻ 3.1.2. Đối với độ tuổi mẫu giáo 3.2. Cách tiến hành hướng dẫn trẻ kể lại truyện, đọc thuộc thơ 3.2.1. Hướng dẫn trẻ kể lại nội dung truyện. 3.2.2. Hướng dẫn trẻ kể chuyện sáng tạo 3.2.3. Hướng dẫn trẻ đọc thuộc thơ	6	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Trình bày được phương pháp tổ chức các hoạt động dạy trẻ làm quen với TPVH cụ thể, lấy ví dụ minh họa.	KT02, KT03, KT04, KN03, NL01, NL02	Thuyết trình, đàm thoại, giảng giải, thực hành, thảo luận nhóm

	3.3. Cách tiến hành hướng dẫn trẻ đóng kịch theo cốt truyện 3.3.1. Nhiệm vụ 3.3.2. Ý nghĩa 3.3.3. Cách thức tiến hành 3.4. Hướng dẫn soạn giáo án 3.4.1. Mục đích yêu cầu 3.4.2. Hình thức, nội dung					- Tham khảo 1 số giáo án dạy trẻ làm quen với TPVH (Đề tài; lứa tuổi cụ thể)		
7	3.5. Thực hành 3.5.1. Xem băng hình - nhận xét, đánh giá các hoạt động làm quen với TPVH. 3.5.2. Soạn giáo án theo đề tài được phân công 3.5.3. Tập dạy theo các giáo án đã soạn 3.5.4. Thực hành hướng dẫn trẻ đóng kịch theo cốt truyện	0	7	0	Tài liệu [6]	- Xem băng hình. Nhận xét đánh giá việc tổ chức các hoạt động dạy trẻ làm quen với TPVH của giáo viên mầm non. - Rút ra ưu, nhược điểm của từng giờ học và bài học kinh nghiệm cho bản thân. - Soạn giáo án dạy trẻ làm quen với TPVH. - Thực hành tổ chức một số hoạt động dạy trẻ làm quen với TPVH ở các độ tuổi. - Nhận xét, đánh giá việc tổ chức các hoạt động làm quen với TPVH của mình và của các nhóm sinh viên khác.	KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03.	Trực quan, thực hành

8	3.6. Lập kế hoạch và đánh giá kế hoạch tổ chức dạy trẻ làm quen với tác phẩm văn học 3.6.1. Lập kế hoạch tổ chức dạy trẻ làm quen với TPVH 3.6.2. Đánh giá kế hoạch 3.6.3. Thực hành	1	1	0	Tài liệu [1]	- Đọc trước, nghiên cứu và cho ý kiến về các loại kế hoạch. - Nắm được cấu trúc của từng loại kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy trẻ làm quen với TPVH, đặc biệt là cấu trúc kế hoạch cho từng hoạt động ở trường mầm non.	KT04, KN02, NL01, NL02	Thuyết trình, đàm thoại, giảng giải.
9	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 3		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh

Mã học phần: 710.17

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lý thuyết:	27	tiết
+ Thảo luận/thực hành:	15	tiết
+ Kiểm tra:	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Học phần này phải học sau học phần Giáo dục môi trường cho trẻ Mầm non.

6. Mục tiêu học phần

Trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung, nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện và phương tiện cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh (KPKH về MTXQ).

Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ mầm non và đánh giá được quá trình đó thông qua thực hành sư phạm.

Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng sử dụng kiến thức, kỹ năng tin học trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ KPKH về MTXQ.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được khái niệm, vai trò, mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc cho trẻ KPKH về MTXQ;
- **KT02:** So sánh được sự khác biệt về yêu cầu, nội dung khi cho trẻ KPKH về MTXQ ở các độ tuổi;
- **KT03:** Phân tích được các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ;
- **KT04:** Vận dụng kiến thức cơ bản của môn học vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ KPKH về MTXQ.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Phát hiện và phân tích các yêu cầu cho trẻ KPKH về MTXQ ở từng độ tuổi để lựa chọn nội dung phù hợp khi tổ chức hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ.
- **KN02:** Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ mầm non;
- **KN03:** Sử dụng được kiến thức và kỹ năng tin học trong quá trình lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ mầm non;
- **KN04:** Vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức để tổ chức hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ mầm non;
- **KN05:** Đánh giá được quá trình tổ chức các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ mầm non thông qua thực hành sư phạm.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả;
- **NL02:** Say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công;
- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non KPKH về MTXQ.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01		2	3								
KT02		3	3								
KT03			3								
KT04			3								
KN01					3	2					
KN02					3	3					
KN03				3		3					

KN04						3					
KN05					3	3	3				3
NL01									3		
NL02									3	2	
NL03									2	3	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Một số khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh; Mục đích nhiệm vụ cho trẻ mầm non KPKH về MTXQ; Các nguyên tắc, yêu cầu, nội dung, phương pháp, hình thức cho trẻ KPKH về MTXQ; Điều kiện và phương tiện ảnh hưởng đến việc cho trẻ KPKH về MTXQ và lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động cho trẻ mầm non KPKH về MTXQ.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng quy định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân (2008). *Phương pháp cho trẻ Mầm non Khám phá khoa học về Môi trường xung quanh*, NXB Giáo dục.

10.2. Sách tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Văn bản hợp nhất: Thông tư ban hành chương trình Giáo dục Mầm non* - Số: 01/VBHN-BGDĐT

[3]. Hoàng Thị Phương (2009). “Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh”, NXB Giáo dục.

[4]. Đổi mới thực hiện hình thức tổ chức hoạt động trẻ làm quen MTXQ (2003). Trung tâm nghiên cứu giáo dục mầm non, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[5]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Nhà trẻ* (3 - 36 tháng tuổi) - NXB Giáo dục VN

- [6]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.
- [7]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.
- [8]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.
- [9]. Nguyễn Thị Xuân (Chủ biên) (2021). *Giáo trình Phương pháp khám phá môi trường xung quanh* – NXBGD Hồng Đức.
- [10]. Các đường link:
- <https://sites.google.com/view/khohoclieumokhoamamnon/>
 - <https://youtube.com> (tiết dạy mầm non)
 - <https://download.vn/> (giaoanmamnon)

...

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
 - Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2:
 - + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
 - + Số bài kiểm tra định kỳ: 03
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
 - + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.
- Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	- Trình bày ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ đối với giáo dục điện. Nêu ví dụ minh họa. - Phân tích đặc điểm học của trẻ mầm non và rút ra kết luận sư phạm. - Xác định yêu cầu cho trẻ ở các lứa tuổi mẫu giáo khám phá KH về MTXQ theo các chủ đề: MT thiên nhiên; Thế giới đồ vật, cuộc sống xã hội.	Giáo viên linh động lựa chọn thời điểm phù hợp.	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02 NL03
Bài KT định kỳ 1	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Phân tích mục đích, nhiệm vụ cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ. - Phân tích nguyên tắc cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ. - Xác định nội dung cho trẻ ở các lứa tuổi mẫu giáo khám phá theo các chủ đề ở trường MN.	Tiết 12	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT03 KN01 NL01 NL02 NL03
Bài KT định kỳ 2	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Phân tích một trong các phương pháp cho trẻ mầm non KPKH về MTXQ.	Tiết 21	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Thiết kế trò chơi học tập phù hợp với loại tiết học KPKH về	KT03 KT04 KN01 KN03 NL01

	- Thiết kế một số trò chơi học tập phù hợp với các loại tiết học KPKH về MTXQ cho trẻ mẫu giáo.			MTXQ cho trẻ mẫu giáo.	NL02 NL03
Bài KT định kỳ 3	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Lập kế hoạch tổ chức KPKH về MTXQ - Tổ chức các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ từng độ tuổi theo kế hoạch đã lập - Nhận xét đánh giá giờ dạy của mình/của bạn/nhóm bạn	Tiết 45	Thực hành	- Phân bố thời gian hợp lý. Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, không ngọng, không lắp. - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành (ưu, nhược điểm của từng giờ học).	KT02 KT03 KT04 KN02 KN03 KN04 KN05 NL02 NL03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi.	

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/ TH	KT				
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	6	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [3]	Đọc và trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, mối quan	KT01 NL03	Trực quan;

	1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học. 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1. 2. Môi quan hệ của môn học với các môn học khác 1. 3. Giới thiệu phương pháp học tập. 1.4. Vài nét về lịch sử môn học. 1.5. Một số khái niệm cơ bản 1.5.1. Khoa học 1.5.2. Môi trường xung quanh 1.5.3. KPKH về MTXQ 1.6. Ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh 1.6.1. Đối với sự phát triển trí tuệ 1.6.2. Đối với sự phát triển tình cảm đạo đức, thẩm mỹ, thể lực và lao động	3			Tài liệu [9]	hệ của bộ môn với môn học khác, vài nét lịch sử của môn học. - Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Phân tích được các khái niệm về MTXQ. - Trình bày ý nghĩa của MTXQ đối với sự phát triển toàn diện của trẻ MN		Thuyết trình; Thảo luận nhóm.
2	1.7. Đặc điểm nhận thức của trẻ MN về môi trường xung quanh. 1.7.1. Đặc điểm nhận thức của trẻ MN về MTXQ. 1.7.2. Quan điểm của Piaget và Vygotski về các giai đoạn lứa tuổi và sự phát triển của trẻ 1.8. Mục đích, nhiệm vụ cho trẻ mầm non khám phá khoa học về MTXQ 1.8.1. Mục đích	3			Tài liệu [1] Tài liệu [3] Tài liệu [9]	- Đọc, hiểu được đặc điểm nhận thức của trẻ MN về MTXQ. - Tìm hiểu quan điểm của Piaget và Vygotski về các giai đoạn lứa tuổi và sự phát triển của trẻ - Đọc, hiểu mục đích nhiệm vụ cho trẻ MN khám phá khoa học về	KT01 NL01 NL02 NL03	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm.

	1.8.2. Nhiệm vụ 1.9. Các nguyên tắc cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. 1.9.1. Đảm bảo tính mục đích 1.9.2. Đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với khả năng, hứng thú của trẻ. 1.9.3. Đảm bảo tính tích cực hoạt động của trẻ 1.9.4. Đảm bảo an toàn cho trẻ					MTXQ - Đọc, hiểu các nguyên tắc cho trẻ KPKH về MTXQ. - Trả lời câu hỏi 1,2,3,4, trang 30 tài liệu [1].		
3	CHƯƠNG 2: NỘI DUNG KHÁM PHÁ KHOA HỌC VỀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH Ở TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Yêu cầu cho trẻ ở các lứa tuổi khám phá khoa học về môi trường xung quanh 2.1.1. Lứa tuổi nhà trẻ 2.1.2. Lứa tuổi mẫu giáo 2.2. Nội dung khám phá khoa học về môi trường xung quanh 2.2.1. Nội dung khám phá môi trường thiên nhiên 2.2.2. Nội dung khám phá thế giới đồ vật. 2.2.3. Nội dung khám phá cuộc sống xã hội.	6 1 4	0	1	Tài liệu [1] Tài liệu [3] Tài liệu [9]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Lập bảng so sánh yêu cầu nhận thức về MTXQ ở các lứa tuổi. - Xác định nội dung cho trẻ MG khám phá môi trường thiên nhiên, thế giới đồ vật. - Xây dựng mạng nội dung cho trẻ khám phá MTXQ.	KT03 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
4	Kiểm tra định kỳ			1		- Ôn tập chương 1,2		
5	CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ MẦM NON KHÁM PHÁ KHOA HỌC	6	3	1	Tài liệu [1] Tài liệu [3] Tài liệu [9]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Đọc, thảo luận, trình bày	KT03 KN01 KN03	Trực quan; Phát vấn;

	VỀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH 3.1. Phương pháp quan sát 3.1.1. Khái niệm: 3.1.2. Mục đích: 3.1.3. Các loại quan sát. 3.1.4. Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và tiến hành quan sát. 3.2. Sử dụng tranh, ảnh, mô hình, băng hình, máy vi tính, sách (phương tiện trực quan) 3.2.1. Mục đích 3.2.2. Yêu cầu 3.3. Đàm thoại 3.3.1. Khái niệm 3.3.2. Mục đích 3.3.3. Các loại đàm thoại 3.3.4. Yêu cầu đối với việc chuẩn bị và hướng dẫn đàm thoại. 3.4. Sử dụng trò chơi 3.4.1. Mục đích 3.4.2. Các loại trò chơi học tập. 3.4.3. Trò chơi vận động. 3.4.4. Trò chơi sáng tạo.	3				được khái niệm, mục đích, cách phân loại, yêu cầu đối với việc chuẩn bị và tiến hành quan sát. - Phân tích được các yêu cầu đối với việc sử dụng các phương tiện trực quan. - Xây dựng hệ thống câu hỏi đàm thoại với trẻ cho một số đề tài tự chọn... - Đọc, hiểu được mục đích, cách vận dụng trò chơi vào các loại tiết học KPKH về MTXQ.	NL02 NL03	Thuyết trình; Thảo luận nhóm
6	3.5. Mô hình hóa 3.5.1. Khái niệm 3.5.2. Các loại mô hình 3.5.3. Hướng dẫn trẻ xây dựng và sử dụng	3			Tài liệu [1] Tài liệu [3] Tài liệu [9]	- Nghiên cứu cách xây dựng mô hình cho một số đề tài như: sự phát triển của cây từ hạt, thời tiết,....	KT03 KN01 KN03 NL02	Thuyết trình; Thảo luận nhóm,

	mô hình 3.6. Thí nghiệm 3.6.1. Khái niệm 3.6.2. Mục đích 3.6.3. Các loại thí nghiệm 3.6.4. Hướng dẫn thực hiện 3.7. Sử dụng truyện kể, thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, bài hát, bản nhạc 3.7.1. Truyền kể và thơ 3.7.2. Ca dao, tục ngữ 3.7.3. Câu đố 3.7.4. Bài hát bản nhạc 3.8. Sử dụng hoạt động tạo hình					- Suy tầm một số thí nghiệm với thực vật, động vật, đồ vật... - Suy tầm các câu chuyện kể, thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố.... có nội dung cho trẻ khám phá khoa học về MTXQ. - Hệ thống hóa những kiến thức thức liên quan đến các thí nghiệm và việc sử dụng các hoạt động tạo hình khi cho trẻ KPKH về MTXQ. - Trả lời câu hỏi 1,2,3,4,5 trang 72 tài liệu [1].	NL03	Thực hành cá nhân, nhóm.
7	3.9. Thực hành 3.9.1. Hướng dẫn Sinh viên thiết kế một số trò chơi học tập. 3.9.1. Hướng dẫn Sinh viên một số thí nghiệm với thực vật, động vật, đồ vật...		3			- Sinh viên thiết kế một số trò chơi học tập. - Sinh viên thiết kế một số thí nghiệm với thực vật, động vật, đồ vật...	KT04 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành
8	Kiểm tra định kỳ			1		- Ôn tập chương 3		
9	CHƯƠNG 4: ĐIỀU KIỆN VÀ PHƯƠNG TIỆN CHO TRẺ KHÁM PHÁ KHOA HỌC VỀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH 4.1. Điều kiện	1	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [3] Tài liệu [9]	- Đọc, hiểu nội dung, yêu cầu của các phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ. - Đánh giá thực trạng về	KT03 KN01 KN03 NL01	Trực quan; Phát vấn; Thuyết

	4.1.1. Đối với giáo viên 4.1.2. Đối với ban giám hiệu trường mầm non 4.2. Phương tiện 4.2.1. Môi trường giáo dục gia đình 4.2.2. Môi trường giáo dục trong lớp 4.2.3. Môi trường giáo dục trong trường mầm non					điều kiện và phương tiện cho trẻ KPKH về MTXQ ở các trường MN.	NL02 NL03	trình; Thảo luận nhóm.
10	CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC CHO TRẺ KHÁM PHÁ KHOA HỌC VỀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH 5.1. Tổ chức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ KPKH về môi trường xung quanh. 5.1.1. Sinh hoạt hàng ngày 5.1.2. Hoạt động ngoài trời 5.1.3. Giờ học	8 3	12	1	Tài liệu [1] Tài liệu [3] Tài liệu [9]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Thảo luận về cách thức tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày. - Liên hệ thực tế các hoạt động khi đi kiến tập ở trường mầm non - Tìm hiểu về hoạt động chính của các loại tiết học KPKH về MTXQ của nhà trẻ. - Thảo luận về cách thức tổ chức các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ ở trường mầm non.	KT03 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Thực quan (Cho xem băng hình tiết dạy KPKH về MTXQ; Cho sinh viên xem giáo án mẫu)
11	5.2. Tổ chức cho trẻ lứa tuổi Mẫu giáo khám phá khoa học về MTXQ. 5.2.1. Hoạt động ngoài trời	4			Tài liệu [1] Tài liệu [3] Tài liệu [9]	- Thảo luận về cách thức tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày và hoạt động ngoài	KT03 KN01 KN03	Phát vấn; Thuyết trình; Thực quan

	5.2.2. Tham quan 5.2.3. Sinh hoạt hàng ngày 5.2.4. Hoạt động trong các góc 5.2.5. Ngày hội, ngày lễ 5.2.6. Tiết học khám phá môi trường xung quanh					trời cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non. - Liên hệ thực tế các hoạt động khi đi kiến tập ở trường mầm non - Tìm hiểu về hoạt động chính của các loại tiết học KPKH về MTXQ của mẫu giáo. - Thảo luận về cách thức tổ chức các hoạt động KPKH về MTXQ cho trẻ ở trường mầm non.	NL01	(Cho xem băng hình tiết dạy KPKH về MTXQ; Cho sinh viên xem giáo án mẫu)
12	5.3. Phối hợp các hình thức tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ theo đề tài. 5.4. Lập kế hoạch và đánh giá quá trình tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ 5.4.1. Lập kế hoạch 5.4.2. Đánh giá việc tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ.	1			Tài liệu [1] Tài liệu [3] Tài liệu [9]	- Trình bày được mối quan hệ của các hình thức tổ chức cho trẻ KPKH về MTXQ. - Làm bài tập 1,2,3,4,5,6,7 trang 122-123 tài liệu [1].	KT03 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Hoạt động nhóm
13	5.6. Thực hành 5.6.1. Hướng dẫn Sinh viên lập kế hoạch một số hoạt động khám phá MTXQ theo các độ tuổi Nhà trẻ 5.6.2. Hướng dẫn Sinh viên lập kế hoạch một số hoạt động khám phá MTXQ theo các độ tuổi Mẫu giáo		12		Tài liệu [1] Và các sách tài liệu tham khảo	- Lập kế hoạch một số hoạt động khám phá MTXQ theo các độ tuổi Nhà trẻ - Lập kế hoạch một số hoạt động khám phá MTXQ theo các độ tuổi Mẫu giáo - Cá nhân làm bài tập, soạn	KT04 KN01 KN03 KN04 NL01 NL02 NL03	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan; Thực hành nhóm

	5.6.3. Sinh viên xem băng hình các tiết học cho trẻ KPKH về MTXQ. 5.6.4. Soạn giáo án, tập dạy các tiết học cho trẻ KPKH về MTXQ.					bài, có thảo luận nhóm. - Tập dạy theo nhóm		
14	Kiểm tra định kỳ			1		- Thực hiện các nội dung theo yêu cầu của giáo viên.		Thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực hành sư phạm 2

Mã học phần: 710.59

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	10	tiết
+ Thảo luận, thực hành	18	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành thực hành sư phạm 1.

6. Mục tiêu học phần: Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể có khả năng:

- Phân tích được chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
- Hiểu và phân tích được các loại kế hoạch ở trường mầm non.
- Trình bày được ý nghĩa, vai trò và phân tích được cách thức xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.
- Có khả năng phát hiện và xử lý tình huống sư phạm xảy ra trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ.
- Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, giáo viên và các bạn trong nhóm, lớp.
- Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành, cập nhật những thành tựu mới của giáo dục mầm non, ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin vào lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.
- Có kỹ năng tự đánh giá được năng lực của bản thân và các thành viên trong nhóm, lớp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Hiểu và phân tích được các loại kế hoạch ở trường mầm non.
- **KT02:** Trình bày được ý nghĩa, vai trò và phân tích được cách thức xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.

- **KT03:** Đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục, sự phát triển của trẻ mầm non.

- **KT04:** Vận dụng được các kiến thức phát triển thể chất, tâm lý lứa tuổi mầm non, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non vào việc thiết kế, lập kế hoạch, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Quan sát, tìm hiểu và ghi chép các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường mầm non.

- **KN02:** Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ.

- **KN03:** Thiết kế, xây dựng môi trường giáo dục.

- **KN04:** Sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có hiệu quả phù hợp độ tuổi, chủ đề và điều kiện thực tế ở trường mầm non.

- **KN05:** Phát hiện, phân tích và giải quyết được các tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- **KN06:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý hiệu quả thời gian học tập. Tích cực nghiên cứu tài liệu, thâm nhập các hoạt động thực tế tại trường mầm non.

- **NL02:** Làm việc độc lập, tham gia tích cực, trách nhiệm trong hoạt động nhóm. Chịu trách nhiệm đối với cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Luôn có ý thức hỗ trợ, giúp đỡ người khác hoàn thành nhiệm vụ.

- **NL03:** Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp.

- **NL04:** Đánh giá được năng lực bản thân và các thành viên trong nhóm, lớp.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01			3								
KT02			3								
KT03			3								
KT04			3		3						

KN01					3		3				
KN02		2				3					
KN03		2				3					
KN04		3				3	3				
KN05		2			3		3				
KN06				3							
NL01								3			
NL02									3		
NL03		2							3	3	
NL04							3				3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung: Tìm hiểu các loại kế hoạch ở trường mầm non, cách thức lập kế hoạch, thiết kế, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia học trên lớp, hoàn thành các bài thực hành sư phạm, bài thu hoạch, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.
- Tham gia các đợt kiến tập đầy đủ, đúng quy định, có hiệu quả.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, Ban hành kèm theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/4/2021
- [2]. TS. Lê Thu Hương, PGS TS Lê Thị Ánh Tuyết (2019), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm Non (3-36 tháng; 3-4; 4-5 và 5-6 tuổi)* - Theo thông tư 28/2016/TT BGDĐT 30/12/2016 Sửa đổi bổ sung một số nội dung theo chương trình Giáo dục Mầm non, NXBGD

10.2 Sách tham khảo:

- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ trường mầm non 2020*, Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*, Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- [5]. Nguyễn Thị Quý Hoa - Ngô Thị Thủy (2018), *Tập bài giảng lưu hành nội bộ “Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN*.
- [6]. Nguyễn Thị Hoà (2013), *Giáo dục học mầm non*, NXB ĐHSB HN.
- [7]. Hồ Lam Hồng (2008), *Giáo trình Nghề giáo viên mầm non* dành cho hệ Cao đẳng sư phạm mầm non, Nhà xuất bản giáo dục.
- [8]. Trang web <http://www.mamnon.com/adsense/ClickAds.aspx?Id=488>

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Chấm theo thang điểm 10, từ 0 đến 10, lấy đến một chữ số thập phân. Điểm HS1 gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên. Điểm HS2 gồm: các con điểm kiểm tra các bài thực hành (SV phải tham gia đầy đủ các bài thực hành)

- Điểm học phần (TH) = (Điểm HS1 + Điểm các bài kiểm tra thực hành x 2)/N

$$N = (\text{Số con điểm hệ số 1} + \text{số con điểm KT thực hành} \times 2)$$

(Điểm HP thực hành lấy đến một chữ số thập phân sau khi đã làm tròn)

- Điều kiện được xét hoàn thành môn: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, hoàn thành đủ các bài thu hoạch, bài thực hành, các buổi kiến tập, có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên).

Kế hoạch kiểm tra:

Bài KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	-Lập kế hoạch và tập tổ chức các hoạt động vệ sinh, ăn, ngủ cho trẻ theo kế hoạch đã lập. - Nhận xét đánh giá giờ hoạt động	Tuần 4,5	Thực hành	- Xác định mục đích yêu cầu phù hợp độ tuổi và thời gian năm học. - Tiến hành đúng quy trình tổ chức hoạt động.	KT 01 KT 03 KT04 KN 01

	của mình/của bạn/nhóm bạn			- Sử dụng các phương pháp một cách linh hoạt. - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. - Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, không ngọng, không lắp. - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành (ưu, nhược điểm của từng giờ học)	KN 02 KN 04 KN 05 KN06 NL 01 NL 02 NL 03 NL04
Bài KT định kỳ 1	- Xây dựng môi trường giáo dục cho 1 góc hoạt động ở trường mầm non. - Tiến hành nhận xét, đánh giá	Tuần 5,6	Thực hành	+ Xây dựng môi trường giáo dục - Phù hợp chủ đề, phù hợp độ tuổi - Sử dụng các nguyên liệu sẵn có, rẻ tiền. - Đồ dùng, đồ chơi đa dạng, phong phú và có tính mở và có tác dụng giáo dục rõ nét - Sắp xếp khoa học, đảm bảo các nguyên tắc xây dựng môi trường. + Nhận xét, đánh giá	KT02 KT03 KT04 KN 01 KN 03 NL 01 NL 02 NL04
Bài KT định kỳ 2	Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục (Hoạt động chơi ở góc, hoạt động chơi ngoài trời) theo kế hoạch đã lập. Tiến hành nhận xét, đánh giá	Tuần 13,14	Thực hành	+ Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã lập - Xác định mục đích yêu cầu phù hợp độ tuổi và thời gian năm học. - Chuẩn bị đầy đủ, phù hợp yêu cầu hoạt động. - Tiến hành đúng quy trình tổ chức hoạt	KT 01 KT 03 KT04 KN 01 KN 02 KN 04 KN 05

				động. Sử dụng các phương pháp một cách linh hoạt. - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, không ngọng, không lắp. + Quan sát, đánh giá được ưu, nhược điểm của hoạt động	KN06 NL 01 NL 02 NL 04
--	--	--	--	---	--

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		L T	T H/ T L	KT				
1	CHƯƠNG 2: THỰC HÀNH KỸ NĂNG QUẢN LÝ NHÓM, LỚP Ở TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Lập kế hoạch thực hiện chủ đề 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch trong trường mầm non 2.1.3. Trình tự các bước lập kế hoạch thực hiện chủ đề	3	3	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu; Kể tên các loại kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của GV - Bài tập nhóm: Xây dựng một kế hoạch giáo dục trẻ mẫu giáo (độ tuổi tự chọn) và độ tuổi nhà trẻ 24-36th	KT01 KT04 KN02 NL01 NL02 NL04	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm Trực quan

						theo chủ đề. Chủ đề bám vào trường mầm non đang thực hiện - Ghi chép đầy đủ vào Nhật kí THSP		
2	2.2. Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non 2.2.1. Môi trường giáo dục trong trường mầm non là gì? 2.2.2. Ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường MN 2.2.3. Yêu cầu đối với môi trường giáo dục trong trường MN 2.2.4. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động	2	3	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu về XDMT giáo dục trong trường MN. - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của cô - Thảo luận nhóm về ý nghĩa và các nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục ở trường mầm non. - Bài tập nhóm: Thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động góc cho trẻ mầm non. Tiến hành nhận xét, đánh giá giữa các nhóm.	KT 02 KT 03 KT 04 KN 03 NL 01 NL 02 NL04	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, thực hành Trực quan
3	2.3. Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe theo chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ ở trường mầm non 2.3.1. Tổ chức hoạt động vệ sinh 2.3.2. Tổ chức bữa ăn 2.3.3. Tổ chức giấc ngủ	2	3	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu chương trình GDMN - Liệt kê các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ ở trường mầm non. - Thảo luận: kế hoạch và cách thức tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức	KT01 KT03 KT04 KN01 KN02 KN04 KN05 NL01	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành, Trực quan, đánh giá

						khỏe cho trẻ. - Bài tập nhóm: Lập kế hoạch và thực hành tổ chức hoạt động vệ sinh, ăn, ngủ của trẻ ở trường mầm non	NL02 NL04	
4	15. Kiểm tra định kỳ			1				Thực hành
5	16. 2.4. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chế độ sinh hoạt 1 ngày trẻ ở trường mầm non 17. 2.4.1. Hoạt động đón trẻ 18. 2.4.2. Hoạt động học 19. 2.4.3. Hoạt động chơi ở các góc 20. 2.4.4. Hoạt động chơi ngoài trời 2.4.5. Hoạt động chiều 2.4.6. Trả trẻ	3	3	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5]	- Trình bày các hoạt động giáo dục theo chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ ở trường mầm non. - Thảo luận cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo chế độ sinh hoạt 1 ngày ở trường mầm non. - Bài tập nhóm: Lập kế hoạch và thực hành tổ chức hoạt động ngoài trời, hoạt động chơi cho độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.	KT01 KT03 KT04 KN01 KN02 KN04 KN05 NL01 NL02 NL04	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành; Trực quan; Đánh giá
6	21. 2.5. Kiến tập tại trường mầm non 22. 2.5.1. Tìm hiểu việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục theo chủ đề ở trường mầm non. Tập xây dựng kế hoạch giáo dục theo chủ đề dưới sự hướng dẫn của giáo viên mầm non. 23. 2.5.2. Tìm hiểu việc xây dựng	0	6	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5]	- Hệ thống hóa kiến thức đã học ở chương 2 - Thực hiện nghiêm túc nội quy kiến tập.	KT01 KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 KN04	Thực hành

	môi trường giáo dục ở trường mầm non và tập xây dựng môi trường giáo dục dưới sự hướng dẫn của giáo viên MN (GVMN) 2.5.3. Tìm hiểu kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ ở trường MN						KN05 KN06 NL01 NL 02 NL 03 NL04	
7	Kiểm tra định kì			1				Thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Pháp luật đại cương

Mã học phần: 710.61

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Giáo dục Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	20	tiết
+ Thảo luận:	08	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Học sau các học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1,2; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

- Trình bày được những kiến thức lý luận cơ bản về nhà nước, pháp luật và một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp; Luật hành chính; Luật lao động; Luật hình sự; Luật dân sự; Luật phòng, chống tham nhũng.
- Phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày.
- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học về Nhà nước và pháp luật vào hoạt động nhận thức và thực tiễn; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.
- Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội (thực hiện và tuyên truyền thực hiện nội quy, quy chế, các quy định khác đối với công dân ... và cách xử sự trong các mối quan hệ).
- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lý trong đời sống xã hội; hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Kiến thức (KT):

- **KT01:** Biết được những vấn đề lý luận chung về nhà nước như: nguồn gốc của nhà nước, hình thức nhà nước, các kiểu nhà nước; những vấn đề lý luận chung về pháp luật như: nguồn gốc của pháp luật, hình thức pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý...
- **KT02:** Nắm vững các quy định về tổ chức bộ máy nhà nước của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- **KT03:** Trình bày được cơ bản các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Luật hành chính, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động và luật Bảo hiểm xã hội.
- **KT04:** Vận dụng được các kiến thức pháp luật đại cương vào phân tích các vấn đề liên quan trong học tập, công tác và trong đời sống.

Kỹ năng (KN):

- **KN01:** Sử dụng thành thạo kiến thức đã học vào trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi học tập, làm việc và trong cộng đồng dân cư;
- **KN02:** Phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi trong đời sống hàng ngày;
- **KN03:** Tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội (thực hiện và tuyên truyền thực hiện nội quy, quy chế, các quy định khác đối với công dân... và cách xử sự trong các mối quan hệ).

Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

- **NL01:** Có ý thức tôn trọng pháp luật, tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, gia đình và xã hội.
- **NL02:** Biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày;
- **NL03:** Xây dựng ý thức trách nhiệm công dân, tích cực, chủ động trong việc tuyên truyền phổ biến pháp luật trong cộng đồng.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

	CDR01	CDR 02	CDR 03	CDR 04	CDR 05	CDR 06	CDR 07	CDR 08	CDR 09	CDR 10	CDR 11
KT01	3	3									
KT02	3	3									
KT03	3	3									
KT04	3	3									
KN01					2	2	2				

KN02					2	2	2				
KN03					2	2	2				
NL01									2	2	2
NL02									2	2	2
NL03									2	2	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần Pháp luật đại cương được thiết kế giảng dạy cho sinh viên hệ Cao đẳng không chuyên ngành Luật, giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản, bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Pháp luật đại cương* (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp), TS Lê Minh Toàn chủ biên, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội năm 2013.

10.2. Học liệu tham khảo

- [2]. Quốc hội, Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam (Năm 2013 – 1992 – 1980 – 1959 – 1946), NXB Lao động, 2017;
- [3]. Quốc hội, Bộ luật Dân sự năm 2015, NXB Lao động, 2017;
- [4]. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, NXB Lao động, 2016.
- [5]. Quốc hội, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, NXB Lao động, 2017.
- [6]. Quốc hội, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, NXB Lao động, 2016.

- [7]. Quốc hội, Bộ luật Lao động năm 2019, NXB Lao động, 2020.
- [8]. Quốc hội, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, NXB Lao động, 2015.
- [9]. Quốc hội, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, NXB Lao động, 2015.
- [10]. Quốc hội, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, NXB Lao động, 2014.
- [11]. Quốc hội, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2016, NXB Lao động, 2016.
- [12]. Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ năm 2014, NXB Lao động, 2014.
- [13]. Quốc hội, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020, NXB Lao động, 2020.
- [14]. Lý luận nhà nước và pháp luật, Trường ĐH Luật, Hà Nội 2008

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 02
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Thảo luận nội dung chương 2 đến chương 9	Tuần 1 đến tuần 7	Thảo luận	Trình bày súc tích, đủ ý, đúng các yêu cầu về nội dung thảo luận	KT01 KT02 KT03 KT04 KN01 KN02

					KN03 NL01 NL02 NL03
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung trong chương 1 đến chương 5	Tuần 3	Trắc nghiệm, Bài tập tình huống	Trình bày nội dung cô đọng, súc tích, có căn cứ từ các văn bản quy phạm pháp luật	KT01 KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung trong chương 6 đến chương 9	Tuần 6	Trắc nghiệm, Bài tập tình huống	Trình bày nội dung cô đọng, súc tích, có căn cứ từ các văn bản quy phạm pháp luật	KT03 KT04 KN02 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03
Thi kết thúc học phần	Đề thi kiểm tra các nội dung cơ bản trong chương 1,2,3 và theo chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của Nhà trường	Trắc nghiệm, Bài tập tình huống	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	Tương ứng nội dung lựa chọn thuộc một số chuẩn trong CĐR

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần: (Phần này phòng ĐT yêu cầu làm theo chương em nhé, có 9 chương thì mỗi chương 1 ô)

TT	Nội dung (Theo Chương)	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		L T	T L	KT				
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT <i>1.1. Những vấn đề cơ bản về nhà nước</i> <i>1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật</i>	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [14]	Nghe giảng, đọc tài liệu, trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV và nắm được nội dung bài học	KT01 KT03 KN01 KN03 NL03	Thuyết trình, nêu vấn đề, vấn đáp.
2	CHƯƠNG 2: QUY PHẠM PHÁP LUẬT, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT <i>2.1. Quy phạm pháp luật</i> <i>2.2. Văn bản quy phạm pháp luật</i> <i>2.3. Quan hệ pháp luật</i>	3	1	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [9] <i>Tài liệu</i> [14]	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời câu hỏi; xác định được cấu trúc của QPPL; xác định được tên gọi, thẩm quyền ban hành VBQPPL; năng lực chủ thể khi tham gia các quan hệ pháp luật.	KT01 KT04 KN01 KN02 NL02	Thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề
3	CHƯƠNG 3: VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ, PHÁP CHẾ XHCN <i>24. 3.1. Vi phạm pháp luật</i>	2	1	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [14]	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời câu hỏi; nắm được dấu	KT01 KN01 KN02 NL01	Thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

	3.2. Trách nhiệm pháp lý 3.3. Pháp chế XHCN 25.					hiệu VPPL, các loại VPPL và trách nhiệm pháp lý; các biện pháp tăng cường pháp chế XHCN và trách nhiệm của bản thân trong việc tăng cường pháp chế xã hội.	NL02 NL03	
4	CHƯƠNG 4: LUẬT HIẾN PHÁP 4.1. Khái niệm Luật Hiến pháp 4.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013	2	1	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2]	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời câu hỏi; Hiểu được tầm quan trọng của Hiến pháp và nắm được những vấn đề cơ bản nhất được quy định trong Hiến pháp.	KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, đàm thoại
	Kiểm tra định kỳ bài số 1	0	0	1	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [14]	Ôn tập nội dung chương 1 - 4 để làm tốt bài kiểm tra.	KT01 KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Kiểm tra với câu hỏi trắc nghiệm, tự luận

5	CHƯƠNG 5: LUẬT HÀNH CHÍNH 5.1. Khái niệm luật hành chính 5.2. Quan hệ pháp luật hành chính, trách nhiệm hành chính, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính 5.3. Phòng, chống tham nhũng	2	1	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [12] <i>Tài liệu</i> [13] <i>Tài liệu</i> [14]	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời câu hỏi; Nhận thức được nguyên tắc, thời hiệu, hình thức xử lý VPHC; tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng và trách nhiệm của mỗi công dân trong việc đấu tranh phòng chống tham nhũng.	KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
6	Chương 6: LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ 6.1. Khái niệm Luật hình sự 6.2. Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và trách nhiệm hình sự 6.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp 6.4. Luật tổ tụng hình sự	3	1	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [5]	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời các câu hỏi; nắm khái niệm tội phạm, phân loại tội phạm, cấu thành tội phạm,... trách nhiệm pháp lý khi thực hiện hành vi VPPL hình sự.	KT03 KT04 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.
7	CHƯƠNG 7: LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ 7.1. Khái niệm chung	2	2	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [3]	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời các	KT03 KT04 KN01	Thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề, giải

	7.2. Một số chế định cơ bản của Bộ luật dân sự năm 2015 7.3. Luật tổ tụng dân sự					câu hỏi; nắm được những quy định của pháp luật về dân sự để vận dụng trong cuộc sống và công việc.	KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	quyết vấn đề.
8	CHƯƠNG 8: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 8.1. Khái niệm chung về luật hôn nhân và gia đình 26. 8.2. Một số chế định cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [10] <i>Tài liệu</i> [14]	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời các câu hỏi; nắm được những quy định của pháp luật về HNGĐ để vận dụng trong cuộc sống của bản thân và gia đình.	KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.
	Kiểm tra định kỳ bài số 2	0	0	1		Ôn tập nội dung chương 5 - 8 để làm tốt bài kiểm tra.	KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Kiểm tra với câu hỏi trắc nghiệm, tự luận
9	CHƯƠNG 9: LUẬT LAO ĐỘNG VÀ LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 9.1. Những quy định chung 9.2. Các chế định cơ bản của Luật	2	1	0	<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [7] <i>Tài liệu</i> [8] <i>Tài liệu</i> [14]	Đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV, nghe giảng, trả lời các câu hỏi; nắm được những quy định PL về	KT03 KT04 KN01 KN02 KN03	Thuyết trình, đàm thoại, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

	<i>lao động</i> 9.3. Bảo hiểm xã hội					lao động để vận dụng và bảo vệ cho cho bản thân khi tham gia quan hệ lao động.	NL01 NL02 NL03	
		20	8	2				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tiếng Anh 2

Mã học phần: 001.07

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ hai ngành Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	36	tiết
+ Thảo luận, thực hành	06	tiết
+ Kiểm tra	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành học phần Tiếng Anh 1

6. Mục tiêu học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Tiếng Anh 2 sinh viên có thể:

- Sử dụng tiếng Anh khá tự tin trong một số tình huống giao tiếp cơ bản; có thể trình bày những nội dung thông tin ngắn gọn, đơn giản tuy còn mắc lỗi, diễn đạt chưa được lưu loát.
- Sử dụng tiếng Anh ở mức đơn giản để triển khai một số hoạt động dạy học giúp trẻ làm quen với tiếng Anh.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

7.1. Kiến thức (KT):

- KT01: Nắm được kiến thức về ngữ âm, biết cách phát âm đúng trọng âm từ, trọng âm câu, và ngữ điệu của từng loại câu nhằm biểu đạt đúng ý người nói; có vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp tương đương bậc 2;
- KT02: Có được sự hiểu biết cơ bản về văn hóa của các nước nói tiếng Anh

7.2. Kỹ năng (KN):

- KN01: Vận dụng khá linh hoạt các kiến thức ngôn ngữ để thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp đơn giản, thông dụng hàng ngày;
- KN02: Có khả năng vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để nâng cao năng lực tiếng Anh.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

- NL01: Quản lí thời gian học tập một cách có hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm; tư duy phản biện, sáng tạo, đổi mới; có trách nhiệm với bản thân và với nhóm;
- NL02: Có ý thức, nghiêm túc trong tự học, tự nghiên cứu; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công;
- NL03: Đánh giá được chất lượng công việc để hoàn thiện, phát triển bản thân;

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR02	CDR03	CDR04	CDR05	CDR06	CDR07	CDR08	CDR09	CDR10	CDR11
KT01		2	2								
KT02		2	2								
KN01								2			
KN02								2			
NL01									3		
NL02										3	
NL03											3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần tiếng Anh 2 gồm 6 đơn vị bài học đề cập đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như du lịch, thời trang, lễ hội, nghệ thuật, công nghệ. Mỗi đơn vị bài học cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức từ vựng, ngữ pháp tương đương bậc 2 và các hoạt động thực hành, vận dụng tương ứng để phát triển cùng lúc 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, hoàn thành đủ các bài kiểm tra định kỳ, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Elementary*. Asia ELT/School.

10.2. Sách tham khảo:

[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Beginner*. Asia ELT/School.

[3] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P. (2015). *Life Pre-Intermediate*. Asia ELT/School.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) và điểm thi kết thúc học phần;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ, điểm chuyên cần. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT định kỳ số 1	- Nội dung kiến thức, kỹ năng trong units 7-8	Tuần 5	Trắc nghiệm và tự luận	- Hiểu và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học ở bài 7, bài 8 để hoàn thành các câu hỏi của bài kiểm tra.	KT01 & KT02 KN01 & KN02 NL01 & NL02 NL03
Bài KT định kỳ số 2	- Nội dung kiến thức, kỹ năng trong units 9-10	Tuần 10	Trắc nghiệm & tự luận	- Hiểu và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học ở bài 9, bài 10 để hoàn thành các câu hỏi của bài kiểm tra.	KN01 & KN02 NL01 & NL02 NL03
Bài KT định kỳ số 3	- Nội dung đề thi bao quát các kiến thức, kỹ năng đã học trong Units 11-12	Tuần 14-15	Trắc nghiệm & tự luận	- Hiểu và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học ở các bài 11 và bài 12 để hoàn thành yêu cầu của bài kiểm tra.	KT01 & KT02 KN01 & KN02 NL01 & NL02 NL03

Thi kết thúc học phần	- Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của trường	Trắc nghiệm và tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01 & KT02 KN01 & KN02 NL01 & NL02 NL03
-----------------------	--	--------------------------	------------------------	--------------------------------------	---

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TH/BT	KT				
1	Course introduction - Brief introduction to the syllabus - Criteria for evaluation & assessment	1	0	0		- Getting a copy of the textbook (Life - Elementary)	–	– Lecturing – Q-A
2	Unit 7: JOURNEYS 7A. Flight of the Silver Queen 1. Reading 2. Grammar: past simple: negatives. 3. Listening 4. Grammar: past simple: questions and short answers 5. Speaking	5	1	0	Tài liệu [1]: Tr 81-83	- Reading the article about a journey and doing exercises followed. - Doing grammar exercises on past simple (negatives, questions and short answers). - Listening to part of a radio programme called <i>Journeys in history</i> and doing the exercises followed. - Telling your partner about the journey you made in the past.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Discussion Individual work Pair work

7B. Animal migrations 1. Vocabulary: journey adjectives 2. Listening 3. Grammar: comparative adjectives 4. Word focus: than 5. Pronunciation: 6. Speaking 7C. The longest journey in space 1. Reading 2. Critical thinking: fact or opinion 3. Grammar: superlative adjectives 4. Writing and Speaking				Tài liệu [1]: Tr 84-87	- Doing vocabulary and grammar exercises. - Listening to a biologist describing the three animals' migration and doing exercises followed. - Recognizing the stressed and weak syllables. - Practising expressing opinions. - Reading the article "The longest journey in space" and doing exercises. - Developing critical thinking through reading questions - Writing a general knowledge quiz on different subjects and competing with another group.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Individual work Pair work Group work
7D. How was your trip? 1. Vocabulary: Journey, travel or trip 2. Real life: Asking about a trip 3. Pronunciation: intonation in questions				Tài liệu [1]: Tr 88 - 92	- Distinguishing the meaning and use of "journey", "travel" and "trip". - Listening to a biologist about his trip and answering the questions given. - Practising intonation in questions. - Recognizing the rules of writing a travel blog.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Individual work Role play

	7E. The digital nomad 1. Vocabulary: online writing 2. Writing a travel blog 3. Writing skill: so, because 7F. Women in space ❖ Review of Unit 7					- Writing a short travel blog about a journey or place you visited. - Watching the video about women in space and doing exercises. - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit.		
3	Unit 8: APPEARANCE 8A. The faces of festivals 1. Listening 2. Grammar: <i>have got/ has got</i> 3. Vocabulary: face and appearance 4. Pronunciation: groups of consonants 5. Speaking 8B. Global fashion 1. Reading 2. Word focus: like 3. Grammar: present continuous. 4. Vocabulary: clothes	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 93-97	- Listening to a conversation about the photo of children in masks and doing the exercises followed. - Doing grammar exercises on <i>have got/ has got</i> . - Using the words on face and appearance; clothes. - Practising pronunciation. - Playing the game: asking questions and guessing the person in the class. - Reading an article about a photographer Gillian Turner Niles. - Recognizing the meaning and use of “like” in some situations. - Practising doing grammar exercises on present continuous. - Describing clothes with partners.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Discussion/ group work Individual work

	5. Speaking							
	8C. In fashion or for life? 1. Reading 2. Critical thinking: close reading 3. Vocabulary: parts of the body 4. Speaking 8D. The photos of Reinier Gerritsen 1. Real life: Talking about pictures and photos 2. Pronunciation: silent letters 8E. How R U? tks. 1. Speaking and reading 2. Writing texts and online messagers 3. Writing skill: textspeak				Tài liệu [1]: Tr 98-101	- Reading the article “Tattoos in fashion and for life” and doing the followed tasks. - Developing critical thinking through reading tasks - Finding the meaning and use of vocabulary on parts of the body. - Working in pairs and discussing the questions related to tattoos. - Practising talking about pictures and photos. - Recognizing the silent letters in the words and practising using them to talk about a picture or photo in pairs. - Reading the text about emotions and doing the followed exercises. - Recognizing the rules of using emotions in texts and online messages. - Writing a text message to your partner to arrange to meet this week, then swapping it and writing a reply.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Group work Pair work Individual work
	8F. Festivals and special events ❖ Review of Unit 8					- Watching the video about festivals and special events and doing the tasks followed.	KT01 KT02 KN01	

							KN02	
4	Test 1 – (paper test)			1		- Revising language knowledge and practicing the related topics in Units 7 & 8	KT01 KT02 KN01 KN02	Individual work
5	Unit 9: Film and the arts 9A. No-car zones 1. Vocabulary: types of film 2. Reading 3. Listening 4. Grammar: going to (for plans) 5. Pronunciation: /tə/ 6. Speaking	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 102-109	- Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit. - Recognizing different types of film. - Reading about different types of film at the festival and answering given questions - Listening to a conversation between two friends at “All roads film festival” and doing exercises. - Doing grammar exercises on “going to” or present continuous tense for plans. - Practising pronouncing /tə/. - Discussing and planning the films you are going to see in groups.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Individual work Pair work Group work
	9B. People in film and the arts 1. Vocabulary: art & entertainment				Tài liệu [1]: Tr 108-112	- Making use of the words related to art and entertainment. - Reading about Doctor Andrian Seymour and completing the gaps in	KT01 KT02 KN01 KN02	Lecturing Individual work Pair work

2. Reading 3. Listening 4. Grammar: Infinitive of purpose 5. Speaking 9C. Nature in art 1. Vocabulary: nature 2. Reading 3. Critical thinking: the writer's preferences 4. Speaking 9D. Making arrangements 1. Listening 2. Real life: inviting and making arrangements 3. Grammar: Present continuous for future reference					the article. - Listening to an interview with Andrian and doing the tasks followed. - Recognizing the meaning and use of infinitive of purpose through examples and doing exercises followed. - Working in pairs and taking turns to tell your partner about your future plans. - Using the words related to nature to do the exercises given. - Listening to the phone conversations between two friends about seeing a show at a Broadway theatre and answering the questions. - Practising inviting and making arrangements in pairs, using present continuous.	NL01 NL02 NL03	Group work
9E. It looks amazing! 1. Writing reviews and comments 2. Writing skill: giving your opinion with sense verbs 9F. Camera traps				Tài liệu [1]: Tr 113-116	- Recognizing the way of giving your opinion with sense verbs. - Writing a short review or comment for a website. - Watching a video about a camera trap and doing exercises followed. - Revising language knowledge and	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Individual work Pair work Group work

	❖ Review of Unit 9					language skills learnt in the whole unit		
6	Unit 10. Science 10A. Technology has changed our lives. 1. Vocabulary: everyday technology 2. Reading and listening 3. Grammar: present perfect 4. Speaking	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 117-119	- Using the words related to technology to discuss the questions. - Reading the article “Technology has changed our lives” and doing exercises followed. - Listening to part of the survey in which the researcher interviews someone under the age of thirty and doing the tasks followed. - Doing grammar exercises on present perfect. - Asking your partner about what technology he/she has used.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Individual work Pair work Group work
	10B. How well can you remember? 1. Speaking and reading 2. Vocabulary: memory and learning 3. Listening 4. Grammar: present perfect and past simple 5. Speaking 10C. Why haven't				Tài liệu [1]: Tr 120-124	- Working in groups and reading a short paragraph, then memorizing the important information and discussing the questions followed. - Recognizing the use of synonyms and antonyms. - Listening to a news about Nelson Dellis and doing the exercises followed. - Doing grammatical exercises on present perfect and past simple.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Individual work Pair work Group work

	scientists invented it? 1. Vocabulary: science and invention 2. Reading 3. Critical thinking: the main argument and supporting information 4. Writing 10D. Problems with technology 1. Listening 2. Real life: checking and clarifying 3. Pronunciation: contrastive stress					- Asking your partner questions about something they have learnt. - Discussing about the scientific inventions. - Reading the article about four types of scientific invention and doing the exercises followed. - Developing the critical thinking skill: identifying the main argument and supporting information in the article. - Writing a paragraph with the main argument and supporting information. - Listening to Richard who works for Omarox Engineering answer a telephone call from Omar and answering the questions given. - Practising using the expressions for checking and clarifying. - Recognizing the stressed words in the responses.		
	10E. Please leave a message after the tone 1. Vocabulary: email addresses and websites				Tài liệu [1]: Tr 125-128	- Recognizing the way of saying the email addresses and websites. - Recognizing the rule of using imperatives.	KT01 KT02 KN01 KN02	Lecturing Individual work Pair work

	2. Writing a telephone message 3. Writing skill: imperatives 10F. Memory and language learning ❖ Review of Unit 10					- Writing a message for a hotel voicemail. - Watching a video about “Memory and language learning” and doing the tasks followed. - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit	NL01 NL02 NL03	Group work
7	Test 2	0	0	1		- Revising language knowledge and practicing the related topics in Units 9 & 10	KT01 KT02 KN01 KN02	Individual work
8	Unit 11. Tourism 11A. Going on holiday 1. Reading and vocabulary: tourism 2. Listening 3. Word focus: take 4. Grammar: <i>should/ shouldn't</i> 5. Speaking 11B. Planning a holiday 1. Reading 2. Vocabulary: in another	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 129-135	- Reading the quiz from a tourism magazine, recognizing the words related to tourism and answering the quiz. - Listening to the podcast, Jan talks about the three places on the website and doing the tasks followed. - Recognizing the meaning and use of the verb “take” with different types of noun. - Using “should/ shouldn't” to give advice. - Working in pairs, choosing a country	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Individual work Pair work Group work

	country 3. Grammar: <i>have to/ don't have to; can/ can't</i> 4. Writing and Speaking 11C. Should I go there? 1. Reading 2. Critical thinking: arguments and against 3. Grammar: <i>everywhere, somewhere, nowhere, anywhere</i> 4. Writing					and preparing advice for a tourist. - Reading the information for tourists and travellers in Australia and doing the exercises followed. - Using the words related to countries to do the tasks given. - Identifying and understanding “have to/ don't have to, can/ can't” in the signs and notices for tourists. - Choosing a situation and completing the sentences and then saying the sentences for your partner to guess the situation. - Reading the article “Should I go there?” and doing the tasks followed. - Developing critical thinking through reading. - Working with friends and doing grammar exercise to practice using <i>everywhere, somewhere, nowhere, anywhere</i> appropriately. - Writing a paragraph about a tourist destination with the title “You should visit (name of your destination)”.		
	11D. A holiday in South America				Tài liệu [1]: Tr 136-	- Listening to two friends talking about a holiday in South America and	KT01 KT02	Lecturing Individual

	1. Listening 2. Real life: Making suggestions 3. Pronunciation: /ʌ /, /u/, /u:/ 11E. Your feedback 1. Speaking 2. Writing a feedback form 3. Writing skill: closed and open questions. 11F. Mecca and the Hajj Review of Unit 11				140	doing the exercises followed. - Recognizing the ways of making suggestions and role-playing a conversation. - Practising pronunciation. - Working in groups and discussing the question “What is the most important for you in a hotel?” - Recognizing the closed and open questions in feedback forms and questionnaires. - Writing a feedback form and practising answering the questionnaire. - Watching a video about Mecca and the Hajj and answering the given questions. - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit	KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	work Pair work Group work
9	Unit 12. The Earth 12A. Climate change 1. Vocabulary: measurements 2. Reading	6	1	0	Tài liệu [1]: Tr 141-147	- Recognizing the words related to measurements. - Reading about Climate change and doing the tasks followed. - Recognizing the meaning and use of “will/won’t” and doing grammatical	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01	Lecturing Individual work Pair work Group work

	3. Grammar: will/ won't 4. Pronunciation: 'll 5. Writing and Speaking 12B. Exploring the Earth 1. Reading and vocabulary: Land and water 2. Grammar: definite <i>the</i> or no article + names 3. Listening 4. Word focus: how 5. Speaking 12C. Looking for a new Earth 1. Speaking 2. Reading 3. Vocabulary: The Earth and other planets 4. Critical thinking: structuring an argument 5. Speaking				exercises. - Practising pronunciation 'll'. - Writing and talking about your partner's future. - Reading the article "Exploring the Earth", answering and discussing the questions given. - Identifying the rules of using <i>the</i> or no article + names. - Listening to a news interview about James Cameron and the Mariana Trench and doing the exercises followed. - Identifying the differences between the questions beginning with <i>How</i> through exercises. - Asking and answering about your partner's three famous places they have visited on Earth. - Working in groups and discussing the given questions. - Reading the article "Looking for a new Earth" and doing the given exercises. - Recognizing the words on the Earth and other planets.	NL02 NL03	
--	--	--	--	--	--	--------------	--

						- Developing critical thinking “structuring an argument” through reading. - Sharing your opinion about finding a new Earth with your partner.		
	12D. Earth Day 1. Reading 2. Real life: making a presentation 3. Pronunciation: pausing on commas 12E. Planning an event 1. Writing a poster 2. Writing skill: important words and information 12F. Volcanoes ❖ Review of Unit 12				Tài liệu [1]: Tr 148-152	- Reading about Earth Day and answering the given questions. - Listening to a presentation by a university student and doing the exercises followed. - Practising pausing on a comma. - Recognizing the important words and information in the sentences. - Designing a poster for your Earth Day including the important information. - Watching a video about Volcanoes and doing the tasks followed. - Revising language knowledge and language skills learnt in the whole unit.	KT01 KT02 KN01 KN02 NL01 NL02 NL03	Lecturing Individual work Pair work Group work
10	Test 3	0	0	1		- Revising language knowledge and practicing the related topics in Units 11 & 12	KT01 KT02 KN01 KN02	Individual work

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành

Mã học phần: 001.05

2. Số tín chỉ: 01

3. Trình độ: Cao đẳng Giáo dục Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	15	tiết
+ Lí thuyết:	12	tiết
+ Thảo luận:	2	tiết
+ Kiểm tra:	1	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	30	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1, 2; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương.

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng:

- Hiểu được những kiến thức cơ bản về Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý hành chính Nhà nước về Giáo dục - Đào tạo.
- Nắm vững và hiểu rõ đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Biết tiếp cận với các xu thế đổi mới trong thực tiễn giáo dục Việt Nam và trên thế giới.
- Vận dụng kiến thức đã học để đối chiếu với thực tiễn công tác quản lý hành chính Nhà nước, chủ động tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
- Rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích đánh giá về sự phát triển của giáo dục và các quy định của Bộ Giáo dục – Đào tạo đối với cán bộ viên chức, kỹ năng thuyết trình và tranh biện về những vấn đề chính trị xã hội để thúc đẩy sự phát triển tích cực của xã hội.

- Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, bản thân có trách nhiệm với vấn đề thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, có ý thức chấp hành tốt khi tham gia làm việc ở các vị trí khác nhau trong bộ máy Nhà nước.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Kiến thức (KT):

- **KT01:** Trình bày được các kiến thức cơ bản về Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý hành chính nhà nước về Giáo dục - Đào tạo, các khái niệm và những vấn đề liên quan đến công chức, công vụ; cơ sở pháp lý và sự cần thiết của Luật công chức, Luật viên chức. Đánh giá được việc thực hiện các nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức. Vận dụng được những kiến thức cơ bản này trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

- **KT02:** Trình bày được tình hình giáo dục hiện nay của Việt Nam, trình bày được các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục của Đảng, những mục tiêu và giải pháp phát triển giáo dục nước ta đến năm 2030. Vận dụng được những kiến thức cơ bản này trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

- **KT03:** Trình bày được những quy định về vai trò, vị trí, quyền và nghĩa vụ của giáo viên mầm non trong Điều lệ trường Mầm non. Trình bày được các vấn đề Quản lý Giáo dục - Đào tạo ở địa phương; Quy chế về thanh tra, kiểm tra các Mầm non, Tiểu học, Trung học. Vận dụng được những kiến thức cơ bản này vào quá trình nhận thức, hoạt động thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên Mầm non.

- **KT04:** Trình bày được những quy định về vai trò, vị trí, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo trong Luật Giáo dục 2019. Khái quát được những quy định về quyền, bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. Vận dụng được những kiến thức cơ bản này vào quá trình nhận thức, hoạt động thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp của giáo viên Mầm non.

Kỹ năng (KN):

- **KN01:** Có kỹ năng nhận thức, nghiên cứu khoa học chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc theo nhóm.

- **KN02:** Kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác quản lý hành chính Nhà nước.

- **KN03:** Kỹ năng phân tích đánh giá về sự phát triển của Giáo dục - Đào tạo, về quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo đối với cán bộ viên chức.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

- **NL01:** Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và thái độ nghề nghiệp đúng đắn, tự giác nâng cao ý thức trách nhiệm của người cán bộ - viên chức sẵn sàng tham gia vào hoạt động nghề nghiệp.

- **NL02:** Tích cực, tự chủ học tập và nghiên cứu khi tham gia vào bộ máy Nhà nước.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR 02	CDR 03	CDR 04	CDR 05	CDR 06	CDR 07	CDR 08	CDR 09	CDR 10	CDR 11
KT01	3			2							
KT02	3			2							
KT03	3			2							
KT04	3			2							
KN01					2	3	2				
KN02					2	3	2				
KN03					2	3	2				
NL01									2	2	2
NL02									2	2	2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành là học phần được bố trí giảng dạy sau môn học Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1, 2 và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật đại cương.

Nội dung học phần bao gồm 4 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản về Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý hành chính nhà nước về Giáo dục – Đào tạo, Công vụ và Công chức. Chương 2, 3, 4 đề cập đến quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước; những điều lệ, quy định, quy chế của Bộ Giáo dục – Đào tạo đối với Giáo dục Mầm non và Giáo dục phổ thông. Các chương có dung lượng kiến thức hợp lý, gắn kết giữa lý luận và thực tiễn giáo dục.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và chuẩn bị bài thảo luận ở nhà.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Phạm Viết Vượng (Chủ biên), Ngô Thành Can, Trần Quang Cẩn, Đỗ Ngọc Đạt, Đặng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Long, Nguyễn Đức Thìn (2003), *Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo*, Nxb. ĐHSP.

10.2. Sách tham khảo:

[2]. Báo cáo Sơ kết 7 năm thực hiện Nghị quyết số 29 –NQ /TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám BCH TW Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Điều lệ Trường mầm non* (Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI* về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*; Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.

[6]. Quốc hội nước CHXHCNVN, *Luật Trẻ em*, (Luật số 102/2016/QH13).

[7]. Quốc hội nước CHXHCNVN, *Luật Giáo dục*, (Luật số 43/2019/QH14).

[8]. Quốc hội nước CHXHCNVN, *Luật Cán bộ - công chức*, (Luật số 22/2008/QH12).

[9]. Quốc hội nước CHXHCNVN, *Luật Viên chức* (Luật số 58/2010/QH12).

[10]. Quốc hội nước CHXHCNVN, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức* (Luật số 52/2019/QH14).

[11]. Quyết định số 2161 “Ban hành kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030”.

[12]. Tổng kết 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế -xã hội 2010-2020.

[13]. Trần Thị Thu Hiền- Nguyễn Xuân Thanh (Đồng Chủ biên), Tiêu Thị Mỹ Hồng, Nguyễn Lê Thu, Dương Thị Thúy Nga, Nguyễn Thị Hạnh (2017), *Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo*, Nxb. ĐHSP.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 1

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 1

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Thảo luận nội dung chương 1. Thảo luận nội dung chương 2.	Sau chương 1,2	Thảo luận	Trình bày súc tích, đủ ý, đúng các yêu cầu về nội dung thảo luận	KT01 KT02 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02
Bài KT định kỳ	Kiểm tra các nội dung trong chương 1,2,3,4	Sau chương 4	Tự luận	Trình bày nội dung cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể và có liên hệ thực tiễn	KT01 KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02

Thi kết thúc học phần	Đề thi kiểm tra các nội dung cơ bản trong chương 1,2,3,4 và theo chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của Nhà trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	Tương ứng nội dung lựa chọn thuộc một số chuẩn trong CĐR
-----------------------	--	------------------------------	---------	--------------------------------------	--

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL	KT				
1	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO 1.1. Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước 1.2. Quản lý hành chính nhà nước về Giáo dục - Đào tạo 1.3. Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức 1.4. Thảo luận nội dung: Liên hệ	5	1	0	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 39 – 110 <i>Tài liệu</i> [13]: Tr 23 – 49	- Sinh viên đọc và trình bày được khái niệm và nội dung Quản lý hành chính nhà nước, Quản lý hành chính nhà nước về Giáo dục- Đào tạo; những tính chất chủ yếu, nguyên tắc hoạt động của nền hành chính Nhà nước Việt Nam; công vụ, hình thức và phương pháp Quản lý hành chính nhà nước; công chức; viên chức. - Nghiên cứu các nội	KT01 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình, nêu vấn đề, vấn đáp và thảo luận.

	việc thực hiện các nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của nước ta hiện nay					dung thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến trình bày được các nội dung của đề tài.		
	Chương 2: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO 2.1. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong Giáo dục- Đào tạo 2.2. Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2030 2.3. Mục tiêu phát triển Giáo dục đến năm 2030 2.4. Các giải pháp phát triển Giáo dục giai đoạn 2021 – 2030 2.5. Thảo luận nội dung: Liên hệ việc thực hiện các giải pháp phát triển giáo dục trong thực tiễn giáo dục ở nước ta hiện nay	4	1	0	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 114 - 160 <i>Tài liệu</i> [13]: Tr 52- 84 <i>Tài liệu</i> [2], [4], [11]	- Sinh viên đọc và trình bày được những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong Giáo dục- Đào tạo; Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục giai đoạn 2021 – 2030; Mục tiêu phát triển Giáo dục đến năm 2030; Các giải pháp phát triển Giáo dục giai đoạn 2021 – 2030 - Nghiên cứu các nội dung thảo luận, tham gia đóng góp ý kiến trình bày được các nội dung của đề tài.	KT02 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình, nêu vấn đề, vấn đáp và thảo luận.
3	Chương 3: ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG	2	0	0	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 170 - 216 <i>Tài liệu</i> [3]: Tr 11 - 12	- Sinh viên đọc và trình bày được những quy định về vai trò, vị trí, quyền và nghĩa vụ của giáo viên mầm non	KT03 KN01 KN02 KN03	Thuyết trình, nêu vấn đề, vấn đáp và

	3.1. Điều lệ trường Mầm non 3.2. Quản lý Giáo dục - Đào tạo ở địa phương 3.3. Quy chế về thanh tra, kiểm tra các bậc Mầm non, Tiểu học, Trung học					trong Điều lệ trường Mầm non, các vấn đề Quản lý Giáo dục - Đào tạo ở địa phương; Quy chế về thanh tra, kiểm tra các Mầm non, Tiểu học, Trung học	NL01 NL02	thảo luận.
4	Chương 4: LUẬT GIÁO DỤC, LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM 4.1. Luật giáo dục 4.2. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 4.3. Kiểm tra định kỳ	1	0	1	<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 229 - 253 <i>Tài liệu</i> [6], [7]	- Sinh viên đọc và trình bày được những quy định về vai trò, vị trí, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo trong Luật giáo dục; những quy định về quyền, bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. - Ôn tập nội dung Chương 1,2,3,4 để làm tốt bài kiểm tra.	KT04 KN01 KN03 NL01 NL02	- Nêu vấn đề, vấn đáp và thảo luận nhóm. - Kiểm tra với hình thức tự luận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Nghề giáo viên mầm non

Mã học phần: 710.09

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	25	tiết
+ Thực hành/thảo luận:	03	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Giáo dục học mầm non.

6. Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghề giáo viên mầm non:

- Nhiệm vụ, hoạt động của giáo viên mầm non.
- Nhân cách và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non.
- Kỹ năng giải quyết, xử lý các tình huống sư phạm ở các thời điểm trong ngày tại trường mầm non

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến KT

- **KT01:** Trình bày khái niệm, nhiệm vụ và hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non
- **KT02:** Phân tích được những khó khăn trong công tác sư phạm, sự cần thiết phải trau dồi phẩm chất, nhân cách của GVMN.
- **KT03:** Vận dụng được chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (theo thông tư 26/2018/Bộ GDĐT) trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ, sử dụng kết quả đánh giá trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- **KN02:** Quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử một cách thân thiện, tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và của đồng nghiệp.

- **KN03:** Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có ý thức trau dồi phẩm chất, nhân cách, yêu nghề, yêu trẻ và có niềm tin vào nghề mình đã chọn.

- **NL02:** Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm trong môi trường mầm non hiện đại.

- **NL03:** Tự đánh giá chất lượng thực hiện công việc để hoàn thiện, phát triển bản thân.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		3	3	2							
KT02		3	4	2							
KT03	1	2	4	2							
KN01					3	3	3				
KN02					3	3	4				
KN03					3	3	4				
NL01									3	3	3
NL02									3	4	4
NL03											3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung: Hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non, nhân cách và nghề của giáo viên mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ học theo đúng kế hoạch qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Hồ Lam Hồng (2008) *Giáo trình nghề giáo viên mầm non*, NXB giáo dục

10.2. Sách tham khảo:

[2]. Thông tư 26/2018/Bộ GDĐT (*Thông tư ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non*)

[3] Video tổ chức hoạt động Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (Nguồn Internet)

<https://www.youtube.com/watch?v=F8-3Smt4-nQ>

[4]. Phạm Thị Châu (2008) *Quản lý giáo dục mầm non* - NXB giáo dục

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 02

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 02

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

+ Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/ Thi	Nội dung	Thời điểm KT/ Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>*Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong các nội dung:</i> - Làm sáng tỏ vấn đề về nghề giáo viên mầm non là một nghề khó. - Phân tích nhiệm vụ của người GVMN được quy định tại điều 35 trong điều lệ trường MN.	Tiết 6 của chương trình	Viết	- Phân tích được góc độ khó khăn của GVMN - Hiểu được các nhiệm vụ của GVMN, liên hệ được bản thân trong hoạt động CSGD trẻ.	KT01, KT02 KN02

Bài KT định kỳ 1	<i>*Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong 2 nội dung:</i> - Phân tích cấu trúc hoạt động sư phạm của GVMN - Những khó khăn và tình huống sư phạm trong công tác của GVMN	Tiết 15	Viết	- Phân tích được các thành tố cấu thành HĐSP của giáo viên mầm non - Phân tích được những khó khăn trong công tác sư phạm, nắm được quy trình xử lý 1 tình huống sư phạm.	KT02, KT03, KN03
Bài KT định kỳ 2	<i>*Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong các nội dung</i> - Phân tích các phẩm chất cần thiết của GVMN - Sự cần thiết phải trau dồi các năng lực của GVMN. - Hiểu biết về chuẩn GVMN	Tiết 30 của chương trình	Viết	- Phân tích các phẩm chất và năng lực của GVMN, liên hệ bản thân về việc trau dồi các phẩm chất và năng lực. - Vận dụng được chuẩn trong chăm sóc, giáo dục trẻ.	KT02, KT02, KT03, KN03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi đáp ứng các chuẩn đầu ra của học phần	Theo kế hoạch của trường	Viết	- Các câu hỏi của đề thi không nằm trong cùng 1 chương - Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01, KT02, KT03, KN03

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
1	CHƯƠNG 1: HOẠT ĐỘNG SƯ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON 1.1. Khái niệm về nghề và nghề giáo viên mầm non.	13 2	1	1	Tài liệu [1]	Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu khái niệm, nội dung về nghề, nghề giáo viên mầm non	KT01 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo

	1.1.1. Nghề là gì? 1.1.2. Nghề giáo viên là gì? 1.1.3. Nghề giáo viên mầm non là gì? 1.2. Nhiệm vụ của giáo viên trong trường mầm non	2				- Hiểu được tầm quan trọng của nhiệm vụ GVMN trong hoạt động CSGD trẻ.		luận nhóm
2	1.3. Hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non. 1.3.1. Hoạt động và hoạt động sư phạm 1.3.1.1. Hoạt động 1.3.1.2. Hoạt động sư phạm 1.3.1.3. Tính chuyên nghiệp của nghề sư phạm. 1.3.2. Đặc thù hoạt động sư phạm của GVMN 1.3.2.1. Hoạt động sư phạm của GVMN 1.3.2.2. Cấu trúc hoạt động sư phạm của GVMN 1.3.2.3. Đặc thù lao động của nghề giáo viên mầm non	4			Tài liệu [1]	Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi - Hiểu được tính chuyên nghiệp của nghề GVMN - Phân tích được cấu trúc HĐSP - Nắm được đặc thù lao động của người GVMN	KT01 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
3	1.4. Các kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên mầm non. 1.4.1. Kỹ năng 1.4.2. Kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên mầm non.	2			Tài liệu [1]	Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi - Nắm và phân loại được các kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên mầm non.		

	1.4.3. Phân loại kỹ năng nghề nghiệp của GVMN 1.5. Giao tiếp sư phạm và ứng xử sư phạm của giáo viên MN 1.5.1. Giao tiếp 1.5.2. Giao tiếp sư phạm 1.5.3. Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non.	1				- Nắm được đặc điểm giao tiếp của và biết ứng xử trong từng tình huống phù hợp của cô mầm non với trẻ, với phụ huynh và đồng nghiệp.		
4	1.6. Khó khăn và những tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên MN 1.6.1. Những khó khăn trong công tác sư phạm của giáo viên mầm non. 1.6.2. Những tình huống sư phạm trong công tác chăm sóc GD trẻ.	2			Tài liệu [1]	Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi - Tìm hiểu được những khó khăn trong công tác sư phạm của GVMN, đề ra được cách khắc phục khó khăn Vận dụng được quy trình để xử lý được các THSP		
5	Thảo luận về các THSP		1					
6	Kiểm tra định kỳ			1				
7	CHƯƠNG 2: NHÂN CÁCH VÀ NGHỀ CỦA GIÁO VIÊN MN 2.1. Nhân cách của người giáo viên mầm non. 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên mầm non 2.1.3. Những phẩm chất và năng lực của GVMN	12 5	2	1	Tài liệu [1]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu về khái niệm và cấu trúc nhân cách của GVMN - Vận dụng được năng lực và phẩm chất của mình trong HĐCS giáo dục trẻ	KT03 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình; Thảo luận nhóm Thuyết trình Phát vấn

8	2.2. Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non 2.2.1. Những hiểu biết chung về chuẩn nghề nghiệp 2.2.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	5			Thông tư 26/2018/Bộ GDĐT	- SV tìm hiểu về chuẩn nghề nghiệp của GVMN. - Hiểu được sự cần thiết phải phấn đấu trau dồi về chuẩn nghề nghiệp của mình.		
9	2.3. Hoạt động học tập và rèn luyện hình thành nhân cách của người giáo viên. 2.3.1. Giai đoạn trước khi vào học trường sư phạm 2.3.2. Giai đoạn học ở trường SP 2.3.3. Giai đoạn ra làm việc ở cơ sở giáo dục mầm non	2			Tài liệu [1]	SV hiểu và liên hệ được với bản thân về tầm quan trọng của từng giai đoạn đối với sự hình thành nhân cách của người GVMN - SV chuẩn bị bài về nội dung phẩm chất nhân cách và chuẩn. Trả lời câu hỏi 5,6,7, trang 83 tài liệu [1].		
10	Thảo luận: Nhân cách GVMN Thực hành: Cách vận dụng chuẩn trong đánh giá nghề nghiệp GVMN		1	1		- Hiểu được tầm quan trọng của NC người GVMN - Biết vận dụng chuẩn trong đánh giá.		
11	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 2		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Vệ sinh - Dinh dưỡng

Mã học phần: 710.20

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lý thuyết:	34	tiết
+ Thực hành/Thảo luận	08	tiết
+ Kiểm tra	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non.

6. Mục tiêu học phần: *Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:*

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về vệ sinh môi trường trường mầm non, vệ sinh chăm sóc trẻ và dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non.
- Có kỹ năng vệ sinh môi trường, cơ sở vật chất, vệ sinh chăm sóc trẻ và các kỹ năng về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ mầm non.
- Vận dụng kiến thức môn học vào công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non, tư vấn phối hợp với cha mẹ của trẻ trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được yêu cầu, nội dung, biện pháp vệ sinh môi trường, trang thiết bị ở trường mầm non và vệ sinh chăm sóc trẻ theo từng độ tuổi; Nội dung dinh dưỡng trẻ em theo lứa tuổi; Mục đích, nguyên tắc xây dựng khẩu phần, thực đơn cho trẻ ở trường mầm non.
- **KT02:** Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, cách lựa chọn, bảo quản, chế biến một số thực phẩm
- **KT03:** Phân tích được tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với cơ thể trẻ em; các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm thường gặp và biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường mầm non.
- **KT04:** Giải thích được cơ sở sinh lý của việc xây dựng chế độ ăn cho từng độ tuổi.
- **KT05:** Xác định được vai trò, nhu cầu, nguồn gốc của năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể; xác định được mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm và các trang thiết bị ở trường mầm non.
- **KN02:** Phân loại các nhóm thực phẩm, phối hợp và thay thế thực phẩm trong các bữa ăn hàng ngày.
- **KN03:** Chăm sóc bữa ăn, giấc ngủ, chăm sóc vệ sinh thân thể và hình thành các thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ mầm non; chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non
- **KN04:** Xây dựng, đánh giá được khẩu phần ăn và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non.
- **KN05:** Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ vào các chủ đề ở trường mầm non (MN).

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý hiệu quả thời gian học tập; chủ động hoàn thành các nhiệm vụ đúng kế hoạch; tích cực nghiên cứu giáo trình, tài liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình học tập.
- **NL02:** Nhận thức được tầm quan trọng của học phần, từ đó có thái độ học tập nghiêm túc, nắm vững kiến thức cơ bản để vận dụng vào việc tổ chức tốt các chế độ vệ sinh, dinh dưỡng ở trường MN.
- **NL03:** Tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền giáo dục dinh dưỡng sức khỏe (GDDDSK) trong trường mầm non và ngoài cộng đồng

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		3	4	3							
KT02		3	3								

KT03			4								
KT04			4								
KT05			4								
KN01					4	4					
KN02					4	4					
KN03					3	3	3				
KN04					4	4					
KT05					4	4					
NL01									4	3	4
NL02									4	4	4
NL03									3	3	3

8. Mô tả nội dung văn tắt của học phần

Học phần bao gồm các nội dung:

- Vệ sinh trường mầm non và vệ sinh chăm sóc trẻ
- Dinh dưỡng học đại cương, các nhóm thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường mầm non
- Dinh dưỡng trẻ em độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo; Giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

- [1]. Đặng Thị Thu Hà, Hoàng Thương Huyền, Trần Minh Đức (2020), *Giáo trình Vệ sinh - Dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2]. Lê Thị Mai Hoa - Trần Văn Dân (2010), *Giáo trình Vệ sinh dinh dưỡng*, NXB Giáo dục.

10.2. Sách tham khảo

- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Chương trình giáo dục mầm non* ban hành kèm theo Văn bản 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021

- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp*, NXB giáo dục
- [5]. Ninh Thị Huyền - Hồ Thị Thanh Tâm - Lê Thị Yến (2019), *Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- [6]. Hoàng Thị Phương (2009), *Vệ sinh trẻ em*, NXB Đại học sư phạm.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó: điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2:
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 1
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 3
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
- + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
- + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	* Chọn 1 trong các nội dung sau: - Tổ chức cho trẻ ăn tại trường MN - Xây dựng thực đơn cho trẻ ở cơ sở GDMN. - Tính toán và đánh giá khẩu phần ăn cụ thể của trẻ nhà trẻ (mẫu giáo)	GV linh động lựa chọn thời điểm phù hợp	Thực hành	- Xây dựng được bảng thực đơn cho trẻ ở trường mầm non. - Tính toán và đánh giá được khẩu phần ăn của trẻ. - Đảm bảo thời gian thực hành.	KT01, KN04 NL01, NL02

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT định kỳ 1	<i>* Chọn 2 trong các nội dung sau:</i> - Vệ sinh môi trường sống, vệ sinh phòng nhóm, trang thiết bị ở trường mầm non. - Yêu cầu, biện pháp tổ chức giấc ngủ (bữa ăn) cho trẻ ở trường MN - Yêu cầu, cách tiến hành vệ sinh thân thể cho trẻ. - Nội dung, hình thức giáo dục kỹ xảo vệ sinh văn minh cho trẻ MN.	Tiết 15	Tự luận	- Giải thích có cơ sở khoa học, rõ ràng - Trình bày, phân tích đủ ý, lấy ví dụ minh họa	KT01 KN01, KN03 NL01, NL02
Bài KT định kỳ 2	<i>* Chọn 2 trong các nội dung sau:</i> - Các chất dinh dưỡng đối với cơ thể (vai trò, nhu cầu, nguồn gốc và lưu ý khi sử dụng cho trẻ) - Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm. Phối hợp và thay thế thực phẩm. - Các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm thường gặp. Biện pháp đề phòng ngộ thực phẩm cho trẻ ở trường mầm non. - Nguyên tắc chung khi nuôi trẻ từ 1 tháng - 6 tuổi. - Dinh dưỡng cho trẻ dưới 1 tuổi, 12 - 18 tháng	Tiết 30	Tự luận	- Trình bày đủ ý, phân tích và lấy ví dụ minh họa. - Liệt kê đầy đủ các nguyên tắc chung khi nuôi dưỡng trẻ độ tuổi MN. - Giải thích có cơ sở khoa học, rõ ràng. - Lấy được các ví dụ phù hợp với các nội dung. - Phân tích rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu các nội dung.	KT02, KT03, KT04, KT05, KN02, KN03 NL01, NL02
Bài KT	<i>* Chọn 2 trong các nội dung sau:</i> - Chế độ ăn của trẻ 18 - 36 tháng,	Tiết 45	Tự luận	- Trình bày đủ ý, phân tích và lấy ví dụ minh họa.	

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
định kỳ 3	3 - 6 tuổi. Cách chế biến một số món ăn cho trẻ. - Mục đích, phương pháp điều tra khẩu phần ăn của trẻ tại các trường MN. Tính toán và đánh giá 1 khẩu phần ăn cụ thể của trẻ MN. - Lợi ích của việc tổ chức cho trẻ ăn tại trường MN. - GDDDSK cho trẻ MN theo hướng tích hợp.			- Giải thích có cơ sở khoa học, rõ ràng. - Tính toán và đánh giá được khẩu phần ăn của trẻ ở trường MN.. - Lấy ví dụ minh họa nội dung, phương pháp, hình thức GDDDSK cho trẻ ở trường MN. - Liên hệ thực tiễn công tác tổ chức ăn uống, việc thực hiện nội dung, hình thức GDDDSK cho trẻ tại trường MN.	KT01, KT04, KT05 NL01, NL02, NL03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra của học phần	Theo kế hoạch của trường`	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01, KT02, KT03, KT04, KT05 KN04, KN05 NL01, NL02

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CDR Học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH/TL	KT				
1	PHẦN I. VỆ SINH (15 tiết) CHƯƠNG 1. VỆ SINH TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Vệ sinh môi trường không	11 5 1	3	1	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu về các biện pháp	KT01 KN01 NL01 NL02	Thuyết trình; Phát vấn; Thảo

[illegible]

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CDR Học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH/TL	KT				
	2.2.2. Vệ sinh răng miệng cho trẻ 2.2.3. Vệ sinh mắt, tai, mũi, họng 2.3. Vệ sinh trang phục 2.4. Vệ sinh cá nhân người chăm sóc trẻ 2.4.1. Vệ sinh cá nhân giáo viên mầm non 2.4.2. Vệ sinh cá nhân nhân viên nhà bếp 2.5. Giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ 2.5.1. Khái niệm về thói quen vệ sinh và tầm quan trọng của giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ 2.5.2. Nội dung giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ 2.5.3. Phương pháp giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ 2.5.4. Hình thức giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ	1				thể cho trẻ MN - Thảo luận về các biện pháp vệ sinh răng miệng, mắt, tai, mũi, họng, vệ sinh trang phục cho trẻ, vệ sinh người chăm sóc trẻ. - Liệt kê các nội dung giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ. - Tìm ví dụ minh họa các phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ. - Trả lời câu hỏi cuối chương 2 tài liệu 1.		
	Thực hành: - Tổ chức bữa ăn, giấc ngủ cho		3			- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng của bài thực hành.	KT01 KN03	Trực quan,

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CDR Học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH/TL	KT				
	trẻ. Lập kế hoạch và đánh giá quy trình tổ chức ăn, ngủ cho trẻ ở trường mầm non. - Vệ sinh thân thể cho trẻ					- Chia nhóm thực hành - Quan sát, nhận xét, đánh giá	NL01 NL02	Thực hành
	Kiểm tra định kỳ			1	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	Ôn tập phần I		
3	Phần II. DINH DƯỠNG (30 tiết) CHƯƠNG 1. DINH DƯỠNG HỌC ĐẠI CƯƠNG 1.1. Những vấn đề chung của dinh dưỡng 1.1.1. Một số khái niệm 1.1.2. Tầm quan trọng của dinh dưỡng 1.1.3. Đối tượng nghiên cứu của dinh dưỡng học 1.2. Năng lượng 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Nguồn cung cấp năng lượng cho cơ thể 1.2.3. Vai trò của năng lượng 1.2.4. Quá trình tiêu hao năng lượng 1.2.5. Nhu cầu năng lượng	23 6 1 1	5	2	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Chuẩn bị và đọc trước: + Nội dung bài học trong giáo trình chính để trả lời cho các câu hỏi của GV. + Đọc tài liệu để chuẩn bị cho thảo luận nhóm. - Trả lời câu hỏi cuối chương 1 tài liệu 1 - Nghe giảng và phản hồi.	KT03 KT05 KN04 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CDR Học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH/TL	KT				
	1.2.6. Hậu quả của tình trạng thừa và thiếu năng lượng 1.3. Các chất dinh dưỡng cần thiết 1.3.1. Protein 1.3.2. Lipit 1.3.3. Gluxit 1.3.4. Vitamin 1.3.5. Chất khoáng 1.3.6. Nước	4				Thảo luận về tình trạng thiếu, thừa năng lượng và các chất dinh dưỡng.		
4	CHƯƠNG 2. CÁC NHÓM THỰC PHẨM VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM 2.1. Khái niệm và cách phân loại thực phẩm 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Cách phân loại thực phẩm 2.2. Giá trị dinh dưỡng và lựa chọn, bảo quản, sử dụng thực phẩm 2.2.1. Nhóm thực phẩm giàu protein 2.2.2. Nhóm thực phẩm giàu gluxit 2.2.3. Nhóm thực phẩm giàu lipit 2.2.4. Nhóm thực phẩm giàu	5 4			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu cách phân loại thực phẩm. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm. - Lấy ví dụ về cách kết hợp và thay thế thực phẩm. - Tìm hiểu các nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm hiện nay.	KT02 KT03 KN02 NL01 NL02	Thuyết trình; Trực quan Thảo luận nhóm; Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CDR Học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH/TL	KT				
	vitamin, muối khoáng và chất xơ 2.3. Cách kết hợp và thay thế thực phẩm 2.4. Vệ sinh an toàn thực phẩm và đề phòng ngộ độc thức ăn 2.4.1. Một số khái niệm 2.4.2. Các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm trường gặp 2.4.3. Các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm ở trường MN	1				- Tìm hiểu quy trình của bếp 1 chiều, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm ở bếp ăn trường MN. - Trả lời câu hỏi trang 98 tài liệu [1].		
5	CHƯƠNG 3. DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM TUỔI NHÀ TRẺ VÀ MẪU GIÁO 3.1. Dinh dưỡng cho trẻ em ở tuổi nhà trẻ và mẫu giáo 3.1.1. Nguyên tắc chung về dinh dưỡng cho trẻ em lứa tuổi MN 3.1.2. Dinh dưỡng cho trẻ dưới 1 tuổi 3.1.3. Dinh dưỡng cho trẻ từ 12 - 18 tháng	8	4	1	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu chế độ ăn của trẻ dưới 1 tuổi, trẻ 12 - 18 tháng - Thảo luận: lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ, cách bảo vệ nguồn sữa mẹ, các kiểu ăn dặm ...	KT01 KT04 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận
	Kiểm tra định kỳ			1	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	Ôn tập kiến thức chương 1,2 phần II		

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CDR Học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH/TL	KT				
	3.1.4. Dinh dưỡng cho trẻ từ 18 - 36 tháng 3.1.5. Dinh dưỡng cho trẻ từ 3 - 6 tuổi	1			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi.		
	Thảo luận: Cách chế biến một số món ăn cho trẻ mầm non		2		Tài liệu [1] Tài liệu [2]	Chuẩn bị các nội dung thảo luận: cách pha sữa, nấu bột, cháo, cơm, món ăn với cơm, bữa phụ cho từng độ tuổi		
	3.2. Phương pháp xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ 3.2.1. Khẩu phần 3.2.2. Thực đơn 3.3. Tổ chức ăn uống cho trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo 3.3.1. Lợi ích của việc tổ chức ăn tại nhà trẻ, mẫu giáo 3.3.2. Tổ chức cho trẻ ăn theo 3 chế độ và theo thực đơn	3 1			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Quan sát thực đơn mẫu, sưu các thực đơn cụ thể ở các trường MN: tìm hiểu về nguyên tắc, các bước xây dựng khẩu phần, thực đơn - Hoàn thành câu hỏi và bài tập trang 142 của Tài liệu [1]		
	Thực hành: Xây dựng, đánh giá khẩu phần, thực đơn cho trẻ ở trường MN		2			- Chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng để thực hành - Thảo luận, nhận xét, đánh giá về khẩu phần, thực đơn nhóm (tổ) đã xây dựng		
	CHƯƠNG 4. GIÁO DỤC DINH DƯỠNG - SỨC KHỎE CHO	4	1	1	Tài liệu [2]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi.	KT05 KN05	Trực quan

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	CĐR Học phần	Phương pháp dạy học
		LT	TH/TL	KT				
	TRẺ MÀM NON THEO HƯỚNG TÍCH HỢP 4.1. Cơ sở lý luận của giáo dục dinh dưỡng sức khỏe (GDDDSK) đối với trẻ MN 4.2.1. Vai trò của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe đối với trẻ MN 4.2.2. Cơ sở lý luận của GDDDSK đối với trẻ mầm non 4.2. Mục tiêu và nội dung của GDDDSK 4.3. Phương pháp GDDDSK cho trẻ lứa tuổi MN. 4.4. Hình thức tổ chức GDDDSK cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp 4.5. Lồng ghép, tích hợp nội dung GDDDSK vào các chủ đề và các hoạt động	1			Tài liệu [3] Tài liệu [4]	- Tìm hiểu về các hình thức GDDDSK cho trẻ MN. - Trả lời câu hỏi 1-4 trang 213 Tài liệu [2].	NL01 NL02 NL03	Phát vấn Thảo luận
	Thực hành: Viết bài tuyên truyền giáo dục dinh dưỡng sức khỏe		1			Thảo luận theo nhóm một số nội dung tuyên truyền theo yêu cầu của GV.		
	Kiểm tra định kì			1		Ôn tập chương 3,4		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Quản lý trong Giáo dục mầm non

Mã học phần: 710.23

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	22	tiết
+ Thảo luận/thực hành:	06	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên:

- Hệ thống được những tri thức cơ bản về quản lý giáo dục, quản lý giáo dục mầm non, quản lý trường mầm non và quản lý nhóm lớp mầm non.
- Hiểu rõ bản chất và những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ quản lý trường mầm non và quản lý nhóm, lớp mầm non.
- Xác định được các loại kế hoạch trong quản lý trường mầm non, quản lý nhóm, lớp mầm non và biết cách xây dựng các loại kế trong quản lý trường mầm non và quản lý nhóm lớp mầm non.
- Có kỹ năng tổ chức các hoạt động quản lý trong trường mầm non và nhóm, lớp mầm non.
- Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng về quản lý trường mầm non và nhóm, lớp mầm non trong quá trình quản lý trường mầm non và quản lý nhóm, lớp mầm non.
- Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng sử dụng kiến thức, kỹ năng tin học trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động quản lý trường mầm non và quản lý nhóm, lớp mầm non.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được khái niệm về quản lý, quản lý giáo dục, quản lý giáo dục mầm non, quản lý trường mầm non
- **KT02:** Phân tích được mục tiêu quản lý giáo dục mầm non; mục tiêu quản lý trường mầm non; chức năng quản lý giáo dục mầm non; nguyên tắc quản lý giáo dục mầm non; phương pháp quản lý giáo dục mầm non.
- **KT03:** Xác định được vị trí, nhiệm vụ, tính chất, tổ chức bộ máy quản lý của trường mầm non; vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu đối với hiệu trưởng trường mầm non và người giáo viên mầm non.
- **KT04:** Phân biệt được các loại kế hoạch trong quản lý trường mầm non và quản lý nhóm lớp mầm non.
- **KT05:** Mô tả và đánh giá được nội dung quản lý và nghiệp vụ quản lý trường mầm non của hiệu trưởng trường mầm non; nội dung quản lý và nghiệp vụ quản lý nhóm, lớp của giáo viên mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Thiết kế được các loại kế hoạch quản lý trong trường mầm non và quản lý nhóm, lớp mầm non.
- **KN02:** Tổ chức thành công công tác quản lý nhóm, lớp mầm non.
- **KN03:** Sử dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức giáo dục; các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ, phi ngôn ngữ) một cách khéo léo trong quá trình quản lý nhóm, lớp mầm non.
- **KN04:** Phối hợp có hiệu quả với bạn bè trong thực hành xây dựng kế hoạch quản lý trường mầm non và quản lý nhóm, lớp mầm non.
- **KN05:** Sử dụng được kiến thức và kỹ năng tin học trong quá trình lập kế hoạch quản lý trong trường mầm non và quản lý nhóm, lớp mầm non.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.
- **NL02:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình rèn luyện năng lực quản lý nhóm, lớp mầm non.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR 02	CDR 03	CDR 04	CDR 05	CDR 06	CDR 07	CDR 08	CDR 09	CDR 10	CDR 11
KT01		3	3								
KT02			3			3					
KT03			3			3					

KT04			4			3					
KT05			4			4					
KN01			3			3					
KN02					3	4					
KN03						3	3				
KN04							3		3		3
KN05				3							
NL01							3		3		
NL02									3	3	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục và quản lý trường mầm non; về nội dung và nghiệp vụ quản lý trường mầm non và quản lý nhóm, lớp mầm non (Lập kế hoạch quản lý trường mầm non và nhóm lớp mầm non; cách tổ chức các hoạt động quản lý trường mầm non của hiệu trưởng trường mầm non và quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non)

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

[1]. Phạm Thị Châu (2008). *Quản lý giáo dục mầm non* - NXB giáo dục.

10.2. Sách tham khảo

[2]. Phạm Thị Châu và Trần Thị Sinh (2000) - Trường CĐSP MGTU1- *Một số vấn đề về quản lý giáo dục mầm non* - Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.

[3]. Cù Thị Thủy (2012) - *Sổ tay dành cho giáo viên mầm non* - Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[4]. *TLBD thường xuyên Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cán bộ quản lý, giáo viên mầm non* (2017) - Nhà xuất bản giáo dục Việt nam.

[5]. Phạm Thị Châu, Nguyễn Thị Oanh (1998) - *Những vấn đề lý luận và thực tiễn GDMN* - Trường CĐSPMGTU¹.

[6]. Nguyễn Thị Dư, Nguyễn Thị Nhung; Trần Hồng Minh (2016) - *Tài liệu học tập một số học phần đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành GDMN* - Nhà XBGDVN.

[7]. Các đường link:

- <https://sites.google.com/view/khohoclieumokhoamamnon/>

- <https://youtube.com> (tiết dạy mầm non)

- <https://download.vn/> (giaoanmamnon)

...

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2:

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 01

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 02

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

+ Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

+ Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i>	Giáo viên linh động	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, đảm bảo tính thực tiễn	KT01

Bài KT thường xuyên	- Mục tiêu quản lý giáo dục mầm non và quản lý trường mầm non - Phân loại chức năng quản lý giáo dục mầm non - Nguyên tắc quản lý giáo dục mầm non - Phương pháp quản lý giáo dục mầm non	lựa chọn thời điểm phù hợp.			KT02 NL01 NL03
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Vị trí, nhiệm vụ, tính chất của trường mầm non - Hệ thống bộ máy lãnh đạo và quản lý trường mầm non - Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu đối với hiệu trưởng trường mầm non - Nội dung quản lý và nghiệp vụ quản lý trường mầm non	Tiết 15	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT02 KT03 KT04 KT05 KN01 NL01 NL02
Bài KT định kỳ	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non - Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên mầm non - Yêu cầu đối với giáo viên mầm non - Công tác quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non	Tiết 29	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. Liên hệ được với thực tiễn	KT03 KT04 KT05 KN01 NL01 NL02

Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi.	
-----------------------	--	--------------------------	---------	---------------------------------------	--

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON VÀ QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Khái niệm quản lý giáo dục mầm non và quản lý trường mầm non 1.1.1. Khái niệm quản lý 1.1.2. Khái niệm quản lý giáo dục 1.1.3. Khái niệm quản lý giáo dục mầm non 1.1.4. Khái niệm quản lý trường mầm non 1.2. Mục tiêu quản lý 1.2.1. Mục tiêu quản lý giáo dục mầm non 1.2.2. Mục tiêu quản lý trường mầm non 1.3. Chức năng quản lý giáo dục mầm non 1.3.1. Khái niệm chức năng quản lý 1.3.2. Phân loại chức năng quản lý giáo dục	3	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [4] Tài liệu [5] Tài liệu [6]	<i>Đọc và trình bày:</i> - Khái niệm quản lý giáo dục mầm non và quản lý trường mầm non - Mục tiêu quản lý giáo dục mầm non và mục tiêu quản lý trường mầm non. - Khái niệm chức năng quản lý và phân loại chức năng quản lý giáo dục mầm non	KT01 KT02 NL1 NL3	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

2	1.4. Nguyên tắc quản lý giáo dục mầm non 1.4.1. Khái niệm nguyên tắc quản lý giáo dục 1.4.2. Các nguyên tắc quản lý giáo dục mầm non 1.5. Các phương pháp quản lý giáo dục mầm non 1.5.1. Khái niệm phương pháp quản lý giáo dục 1.5.2. Các phương pháp quản lý giáo dục mầm non 1.5.3. Việc kết hợp các phương pháp quản lý giáo dục mầm non 1.6. Thảo luận chương	4	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5] Tài liệu [6]	<i>Đọc và trình bày:</i> - Khái niệm nguyên tắc quản lý giáo dục - Hệ thống các nguyên tắc quản lý giáo dục mầm non - Khái niệm phương pháp giáo dục - Các phương pháp quản lý giáo dục mầm non	KT01 KT02 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
3	CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Vị trí, nhiệm vụ, tính chất của trường mầm non 2.1.1. Vị trí của trường mầm non 2.1.2. Nhiệm vụ của trường mầm non 2.1.3. Tính chất của trường mầm non	2	0	0	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5] Tài liệu [6]	<i>Đọc, phân tích được:</i> - Vị trí, nhiệm vụ, tính chất của trường mầm non - Nhiệm vụ của trường mầm non - Tính chất trường mầm non	KT03 NL01 NL02	Phát vấn; Thuyết trình; Trực quan (cho sv xem bảng hình 1 số hoạt động ở trường MN)
4	2.2. Tổ chức bộ máy quản lý trường mầm non 2.2.1. Khái niệm cơ cấu tổ chức quản lý 2.2.2. Sơ đồ hệ thống quản lý ngành giáo dục mầm non 2.2.3. Hệ thống bộ máy lãnh đạo và quản lý	2			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [5] Tài liệu [6] Tài liệu [7]	<i>Đọc, phân tích được:</i> - Khái niệm cơ cấu tổ chức quản lý - Sơ đồ hệ thống quản lý ngành giáo dục mầm non - Hệ thống bộ máy lãnh đạo và quản lý	KT03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

5	2.3. Hiệu trưởng - Chủ thể quản lý trường mầm non 2.3.1. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu đối với Hiệu trưởng trường mầm non	1			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [4] Tài liệu [5] Tài liệu [6]	<i>Đọc, phân tích được:</i> Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu đối với Hiệu trưởng trường mầm non	KT03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
6	2.3.2. Nội dung quản lý và nghiệp vụ quản lý trường mầm non 2.3.2.1. Quản lý số lượng trẻ 2.3.2.2. Quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong trường mầm non 2.3.2.3. Quản lý các hoạt động giáo dục ở trường mầm non 2.3.2.4. Công tác thông tin trong quản lý trường mầm non 2.3.2.5. Kế hoạch hoá các hoạt động giáo dục trong trường mầm non 2.3.2.6. Tổ chức kiểm tra nội bộ trường mầm non 2.3.2.7. Quản lý và phát triển đội ngũ trong trường mầm non 2.3.2.8. Công tác đảng, đoàn thể và xây dựng các mối quan hệ quản lý trong trường mầm non 2.3.2.9. Công tác hành chính - quản trị trong trường mầm non 2.3.2.10. Huy động cộng đồng tham gia phát triển trường mầm non	8			Tài liệu [1] Tài liệu [4] Tài liệu [5] Tài liệu [6] Tài liệu [7]	<i>Đọc, phân tích được nội dung quản lý và nghiệp vụ quản lý trường mầm non</i> - Quản lý số lượng trẻ - Quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong trường mầm non - Quản lý các hoạt động giáo dục ở trường mầm non - Công tác thông tin trong quản lý trường mầm non - Kế hoạch hoá các hoạt động giáo dục trong trường mầm non - Tổ chức kiểm tra nội bộ trường mầm non - Quản lý và phát triển đội ngũ trong trường mầm non - Công tác đảng, đoàn thể và xây dựng các mối quan hệ quản lý trong trường mầm non - Công tác hành chính -	KT04 KT05 NL01 NL03	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

						quản trị trong trường mầm non - Huy động cộng đồng tham gia phát triển trường mầm non		
7	2.4. Thực hành chương		1		Tài liệu [1] Tài liệu [4] Tài liệu [5] Tài liệu [6]	- Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV	KN01 KN03 KN04 NL01 NL02	Thực hành nhóm
8	Kiểm tra định kỳ			1		Hoàn thành các nội dung trong bài kiểm tra		Cá nhân
9	CHƯƠNG 3: GIÁO VIÊN MẦM NON VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÓM, LỚP TRONG TRƯỜNG MẦM NON 3.1. Người giáo viên mầm non 3.1.1. Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non 3.1.2. Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên mầm non 3.1.3. Yêu cầu đối với giáo viên mầm non	2			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [5] Tài liệu [6]	<i>Đọc, phân tích được:</i> - Đặc điểm lao động sư phạm của giáo viên mầm non - Vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên mầm non - Yêu cầu đối với giáo viên mầm non	KT03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
10	3.2. Công tác quản lý nhóm, lớp của giáo viên mầm non 3.2.1. Tìm hiểu, nắm vững đặc điểm của trẻ 3.2.2. Xây dựng kế hoạch quản lý nhóm lớp 3.2.3. Quản lý trẻ trong nhóm lớp 3.2.3.1. Đảm bảo chỉ tiêu số lượng trẻ đến lớp 3.2.3.2. Quản lý trẻ hàng ngày	4			Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [3] Tài liệu [5] Tài liệu [6] Tài liệu [7]	<i>Đọc, phân tích được công tác quản lý nhóm, lớp của giáo viên mầm non</i> - Tìm hiểu, nắm vững đặc điểm của trẻ - Xây dựng kế hoạch quản lý nhóm lớp		Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

	3.2.4. Đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ 3.2.4.1. Xây dựng và thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày 3.2.4.2. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ 3.2.4.3. Đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình giáo dục trẻ 3.2.5. Đánh giá sự phát triển của trẻ 3.2.5.1. Mục đích đánh giá 3.2.5.2. Nội dung đánh giá 3.2.5.3. Các hình thức đánh giá 3.2.5.4. Phương pháp đánh giá 3.2.6. Quản lý cơ sở vật chất của nhóm - lớp 3.2.7. Xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa giáo viên với gia đình trẻ.					- Quản lý trẻ trong nhóm, lớp - Đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ - Đánh giá sự phát triển của trẻ - Quản lý cơ sở vật chất của nhóm - lớp - Xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa giáo viên với gia đình trẻ.	KT04 KT05 NL01 NL02	
11	3.7. Thực hành chương	0	1	1	Theo yêu cầu của giáo viên	- Hoàn thành các bài tập trong GT và các bài tập khác theo yêu cầu của GV	KT03 KN01 KN03 KN04 KN05 NL01 NL02	Thực hành nhóm
12	Kiểm tra định kỳ					Hoàn thành các nội dung trong bài kiểm tra		Cá nhân

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

Mã học phần: 710.12

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	10	tiết
+ Thực hành :	18	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần Mỹ thuật

6. Mục tiêu môn học:

- Giúp sinh viên trình bày được các phương pháp hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình theo đặc điểm của từng thể loại tiết.
- Mô tả được cách thức tiến hành từng loại tiết và lập kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình ở các độ tuổi.
- Rèn luyện kỹ năng đứng lớp, kỹ năng soạn giáo án, xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ theo từng độ tuổi, cách tiến hành các hoạt động theo chủ đề chủ điểm, thực hiện được các bước hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ...

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Kiến thức (KT)

KT01. Trang bị cho SV những kiến thức kỹ năng cơ bản về nghệ thuật tạo hình.

KT 03. Xác định được tầm quan trọng của Hoạt động tạo hình đối với lứa tuổi Mầm non

KT 04. Liệt kê được các hình thức hoạt động tạo hình trong trường Mầm non

KT 05. Trình bày được các giá trị thẩm mỹ hoạt động tạo hình cho trẻ ở trường Mầm non

KT 06. Biết được phương pháp đánh giá các mức độ tạo hình cho trẻ ở trường Mầm non

KT 07. Xác định được mục tiêu giảng dạy hoạt động tạo hình tại trường Mầm non

Kỹ năng (KN)

KN 01. Có kỹ năng sáng tạo các thể loại hoạt động tạo hình trong trường mầm non

KN 02. Vận dụng được các phương pháp tổ chức HĐTH cho trẻ mầm non

KN 03. Phát huy tốt năng lực chuyên ngành tạo hình trong dạy học cho trẻ mầm non

KN 04. Tổ chức tốt khả năng và ý thức trách nhiệm trong công tác phát triển năng khiếu tạo hình cho trẻ Mầm non

Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

NL 01. Hoàn thiện tình cảm đối với vẻ đẹp thiên nhiên và con người

NL 02. Xác định rõ và có ý thức giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.

NL 03. Tham gia tích cực và yêu mến các hoạt động tạo hình trong trường Mầm non

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01				4							
KT02		2									
KT03		2									
KT04			3								
KT05		2									
KT06	1										

KT07					2						
KN01					2						
KN02						3					
KN03					2						
KN04											3
NL01										2	
NL02											3
NL03				4							

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

- Học phần gồm 02 chương : (30 tiết), có các nội dung cơ bản: Những vấn đề chung về hoạt động tạo hình ở trường Mầm non. Hướng dẫn trẻ Mầm non vẽ, nặn, cắt dán theo các độ tuổi.
- Các dạng hoạt động tạo hình ở trường Mầm non và ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ.
- Hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình ở trường Mầm non
- Tổ chức tạo hình tạo hình cho trẻ ở trường mầm non
- Hướng dẫn dạy vẽ ở trường mầm non
- Hướng dẫn dạy nặn ở trường mầm non
- Hướng dẫn dạy xé - cắt - dán ở trường mầm non

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia kiểm tra định kỳ.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

1. Lê Đức Hiền - Giáo trình Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình - NXB Hà Nội, 2005.

10.2. Sách tham khảo:

2. Nguyễn Lăng Bình, Phan Việt Hoa, Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình (Tập II), Hà Nội, 1994
3. Nguyễn Lăng Bình, Tạo hình và phương pháp hướng dẫn tạo hình (tập 1, 2) -Trung tâm bồi dưỡng giáo viên, 1994
4. Nguyễn Lăng Bình, Hướng dẫn cách soạn giáo án dạy vẽ cho trẻ các lứa tuổi, Trung tâm bồi dưỡng giáo viên, 1995
5. Lê Thanh Bình, Giáo trình phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non hoạt động tạo hình, Trường CĐMG TW3, NXB GD 2006
6. Ứng Thị Châu, Nguyễn Lăng Bình, Lê Đức Hiền. Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ, NXB GD, 1998
7. Vũ Dương Công, Vẽ và phương pháp hướng dẫn trẻ vẽ, 1994
8. Phạm Mai Chi, Lê Thu Hương, Trần Thị Thanh. Đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động GD trẻ MG (Theo hướng tích hợp chủ đề), NXB GD, 2005
9. Lê Thanh Thủy, PP HĐ tạo hình cho trẻ mầm non, NXB ĐHSP, 2007

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số: điểm thường xuyên, điểm chuyên cần tính hệ số 1 và điểm định kỳ tính hệ số 2;

+ Điểm chuyên cần : 01.

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 01.

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 02.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
Bài Kiểm tra thường xuyên	Chương 1, chương 2	Tuần 5	Lý thuyết	Trình bày được Phương pháp hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình ở trường Mầm non và cách tổ chức tạo hình tạo hình cho trẻ ở trường mầm non	CĐR 01, 03, 04, 05
Bài Kiểm tra thường xuyên	Chương 1, chương 2	Tuần 6 đến Tuần 15	Thực hành	Soạn được giáo án tạo hình cho trẻ mầm non và tập giảng theo	CĐR: 01, 02, 05, 06

				lứa tuổi	
--	--	--	--	----------	--

Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

12.Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/TL	TH/TN				
1	Chương I. Những vấn đề chung về hoạt động tạo hình ở trường Mầm non Bài 1: Các dạng hoạt động tạo hình ở trường Mầm non và ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ. 1.Các dạng hoạt động tạo hình ở trường Mầm non 1.1. Vẽ 1.2. Nặn 1.3. Xé, cắt dán 2.Ý nghĩa của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển toàn diện của trẻ. 2.1. Giáo dục thẩm Mỹ 2.2.Giáo dục trí tuệ	2 tiết			Giáo trình chính [1] Trang 267 - 271	Nghiên cứu tài liệu và tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CDR: 01;02, 04; 03; 05	Phương pháp vấn đáp, thuyết trình và thảo luận

2.3. Giáo dục đạo đức 2.4. Giáo dục thể chất Bài 2: Hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình ở trường Mầm non 1.Đặc điểm tâm - sinh lý của trẻ tuổi Mầm non đối với hoạt động tạo hình 1.1. Giai đoạn tiền tạo hình 1.2. Giai đoạn tạo hình 2.Nhiệm vụ tạo hình cho trẻ 3.Phương pháp chung dạy trẻ tạo hình 3.1.Phương pháp quan sát 3.2.Phương pháp trực quan 3.3.Phương pháp vấn đáp, tìm tòi, gợi mở 3.4.Phương pháp luyện tập thực hành 3.5.Các phương pháp khác 3.5.1. Đánh giá sản phẩm của trẻ 3.5.2. Biện pháp trò chơi học tập Bài 3: Tổ chức tạo hình tạo hình cho trẻ ở trường mầm non 1. Hình thức tổ chức	2 tiết			Giáo trình chính [1] Trang 271 - 279	Nghiên cứu tài liệu và tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vấn đề nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CĐR: 01;02, 04; 03; 05	Phương pháp vấn đáp, thuyết trình và thảo luận
					Nghiên cứu tài liệu và	CĐR:	Phương

	1.1. Tổ chức hoạt động tạo hình trên lớp theo chương trình 1.2. Tổ chức hoạt động tạo hình ngoài giờ học 2. Các thể loại tạo hình ở trường mầm non 2.1. Tạo hình theo mẫu 2.2. Tạo hình theo đề tài 2.3. Tạo hình theo ý thích 2.4. Tạo hình trang trí 3. Soạn giáo án hoạt động tạo hình ở trường mầm non 3.1. Mục tiêu 3.2. Chuẩn bị. 3.3. Phương pháp dạy học 3.3. Tiến trình lên lớp	2 tiết			Giáo trình chính [1] Trang 279 - 286	tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	01;02, 04; 03; 05	pháp vấn đáp, thuyết trình và thảo luận
2	Kiểm tra thường xuyên Các dạng hoạt động tạo hình ở trường Mầm non và ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ.			01	Tài liệu [1], [2].	Thực hiện làm bài tự luận theo yêu cầu của đề bài.	CĐR: 01;02, 04; 03; 05	Giao đề tự luận, giám sát.
3	Chương II. Hướng dẫn trẻ Mầm non vẽ, nặn, cắt dán Bài 1: Hướng dẫn dạy vẽ ở trường mầm non	2 tiết			Giáo trình chính [1] Trang 287 - 299	Nghiên cứu tài liệu và tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội	CĐR: 01;02, 04; 03;	Phương pháp vấn đáp,

	Dạy vẽ cho trẻ 2 – 3 tuổi Dạy vẽ cho trẻ 3 - 4 tuổi Dạy vẽ cho trẻ 4 – 5 tuổi Dạy vẽ cho trẻ 5 – 6 tuổi					dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 4. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	05	thuyết trình và thảo luận
	Bài 2: Hướng dẫn dạy nặn ở trường mầm non Dạy nặn cho trẻ 2 - 3 tuổi Dạy nặn cho trẻ 3 - 4 tuổi. Dạy nặn cho trẻ 4 - 5 tuổi Dạy nặn cho trẻ 5 - 6 tuổi	1 tiết			Giáo trình chính [1] Trang 299 - 312	Nghiên cứu tài liệu và tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi	CĐR: 01;02, 04; 03; 05	Phương pháp vấn đáp, thuyết trình và thảo luận
						Nghiên cứu tài liệu và	CĐR:	Phương

	Bài 3: Hướng dẫn dạy xé - cắt - dán ở trường mầm non 1. Nhiệm vụ nội dung dạy cắt- xé dán trong trường mầm non: 2. Phương pháp hướng dẫn dạy trẻ cắt và xé dán giấy	1 tiết			Giáo trình chính [1] Trang 312 - 321	tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vấn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi	01;02, 04; 03; 05	pháp vấn đáp, thuyết trình và thảo luận
	Bài 4: Hướng dẫn Soạn giáo án và tập dạy vẽ, nặn, xé - cắt - dán ở các độ tuổi Dạy vẽ: 2 tuổi - 6 tuổi Dạy nặn: 2 tuổi - 6 tuổi Dạy xé dán: 2 tuổi - 6 tuổi		18 tiết			Nghiên cứu tài liệu và tiếp thu bài giảng 1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Soạn bài theo sự phân công theo tổ 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Tập giảng 5. Nhận xét giáo án và giờ tập giảng	CĐR: 04; 03; 05; 10; 11	Phương pháp thực hành và thảo luận
4	Kiểm tra thường xuyên Các dạng hoạt động tạo hình ở trường Mầm non và ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ.			01	Tài liệu [1], [2].	Thực hiện soạn và tập dạy theo yêu cầu	CĐR: 04; 03; 05; 10; 11	Giao bài soạn và tập giảng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

Mã học phần: 710.18

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng mầm non chính quy.

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	08	tiết
+ Thực hành:	20	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	Tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục thể chất 3.

6. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, cần thiết về thể dục, vệ sinh trong tập luyện thể dục thể thao. Đặc điểm tâm sinh lý vận động của trẻ, những điều cần chú ý trong quá trình giảng dạy thể dục, phương pháp chuyên môn để dạy thể dục cho trẻ từ 0-6 tuổi theo hướng tích hợp chủ đề...

- Hình thành cho sinh viên một số kỹ năng, kỹ xảo vận động về bài tập phát triển chung, vận động cơ bản, trò chơi vận động, đội hình đội ngũ ở các độ tuổi mầm non, để giáo sinh khi ra trường dạy được chương trình môn học thể dục ở các trường mầm non, đồng thời giúp giáo sinh bổ sung và nâng cao kiến thức chuyên môn để giảng dạy và tự rèn luyện nâng cao sức khỏe. Rèn luyện kỹ năng, năng lực tổ chức các hoạt động GDTC cho trẻ ở từng độ tuổi một cách linh hoạt, sáng tạo theo hướng tích hợp chủ đề, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non nói chung và nhu cầu phát triển của trẻ nói riêng.

- Bồi dưỡng cho sinh viên một số phẩm chất: Có ý thức, thái độ đúng về môn học thể dục ở trường mầm non, có thái độ học tập, rèn luyện, tự giác rèn luyện nghiêm túc, nắm bắt được yêu cầu cần thiết của môn học, có tác phong nhanh nhẹn, kỷ luật, thường xuyên tập luyện thể dục thể thao để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm vững các kiến thức, hình thành được kỹ năng, kỹ xảo vận động và các năng lực cơ bản trong lĩnh vực GDTC cho trẻ mầm non, hình thành các phẩm chất đạo đức, hoàn thiện nhân cách.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

- Kiến thức (KT):

KT01: Nắm vững những vấn đề cơ bản trong GDTC.

KT02: Nắm vững các cơ sở lý luận về phương pháp GDTC

KT03: Nắm vững các nguyên tắc GDTC cho trẻ.

KT04: Nắm vững các phương pháp GDTC cho trẻ

KT05: Nắm vững và trình bày được những nội dung, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo.

KT06: Nắm vững và trình bày được phương pháp lập kế hoạch giảng dạy năm học, học kỳ, tiết học vận động cho trẻ mầm non.

- Kỹ năng (KN):

KN01: Hình thành ở mức độ kỹ năng, kỹ xảo vận động đối với các bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung, bài tập vận động cơ bản, bài tập trò chơi cho trẻ mầm non.

KN02: Hướng dẫn được cho người khác, cho trẻ mầm non các bài tập thể chất trong chương trình đào tạo.

KN03: Vận dụng được cách sử dụng các phương tiện TDDT trong quá trình rèn luyện thể chất và tổ chức giảng dạy.

KN04: Thực hiện tốt quá trình vệ sinh cá nhân và vệ sinh trong tập luyện TDDT.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL01: Tự quản lý thời gian học tập, tập luyện một cách có hiệu quả.

NL02: Vận dụng hiệu quả các tri thức, kỹ năng đã tiếp nhận được vào quá trình tự rèn luyện thể chất bản thân và cổ vũ phong trào tập luyện cũng như trong công tác giáo dục thể chất cho trẻ sau này.

NL03: Yêu thích môn học, có ý thức tự giác, tích cực tập luyện và xây dựng phong trào tập luyện TDDT trong nhà trường và cộng đồng.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR 02	CDR 03	CDR 04	CDR 05	CDR 06	CDR 07	CDR 08	CDR 09	CDR 10	CDR 11
KT01	3	3	3								
KT02	3	3	3								
KT03	3	3	3								
KT04	3	3	3								
KT05	3	3	3								
KT06	3	3	3								
KN01					3	3					
KN02					3	3					
KN03					3	3					
KN04					3	3					
NL01									3		
NL02										3	
NL03											2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần: Gồm 7 chương, với các kiến thức, kỹ thuật động tác bài tập thể chất cơ bản trong lĩnh vực giáo dục thể chất cho trẻ mầm non:

Những vấn đề cơ bản trong GDTC.

Cơ sở lý luận về phương pháp GDTC.

Nguyên tắc GDTC cho trẻ.

Phương pháp GDTC cho trẻ.

Tổ chức GDTC cho trẻ tuổi nhà trẻ

Tổ chức GDTC cho trẻ mẫu giáo

Soạn giáo án và tập dạy đối tượng nhà trẻ, mẫu giáo.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.

- Tham gia học tập, tập luyện trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia kiểm tra định kỳ đầy đủ.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1] Đặng Hồng Phương - *Giáo trình Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non* - Nxb Giáo dục - 2008.
- [2]. Hoàng Thị Bưởi - *Phương pháp giáo dục thể chất trẻ em* - Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội - 2000.

10.2. Sách tham khảo:

- [3]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết - *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non - Nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi)* - NXB Giáo dục Việt Nam 2009.
- [4]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non - Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)* - NXB Giáo dục Việt Nam 2009.
- [5]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non - Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)* - NXB Giáo dục Việt Nam 2009.
- [6]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non - Mẫu giáo lớn (5- 6 tuổi)* - NXB Giáo dục Việt Nam 2009.
- [7]. *Giáo dục học Mầm non* - Đại học sư phạm Hà Nội I - 1995.
- [8]. Phùng Thị Tường, Đặng Lan Phương - *Trò chơi vận động và bài tập thể dục sáng cho trẻ từ 2- 6 tuổi.*- NXB Giáo dục, Hà nội - 2009.
- [9]. *Trò chơi vận động của trẻ mẫu giáo* - Nhà xuất bản TĐTT.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó: điểm chuyên cần, ý thức môn học, kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 02.
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 02.
- Điều kiện hoàn thành kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	- Chương 1, chương 2, chương 3, chương 4; - Chương 5, chương 6.	- Tuần 2 - 4; - Tuần 6 - 14.	- Tự luận; - Thực hành	- Trình bày cô đọng, súc tích, các kiến thức cơ bản, có ví dụ minh họa cụ thể. - Thực hiện thành thạo các động tác bài tập thể chất cho trẻ đã học.	CDR 01, 02, 03, 05, 06.
Bài KT định kỳ	- Chương 1, chương 2, chương 3, chương 4; - Chương 5, chương 6.	- Tuần 5; - Tuần 15	- Tự luận; - Thực hành	- Trình bày cô đọng, súc tích, các kiến thức cơ bản, có ví dụ minh họa cụ thể. - Thực hiện thành thạo các động tác bài tập thể chất cho trẻ đã học.	CDR 01, 02, 03, 05, 06, 09, 10, 11.

Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TH	KT				
1	Phần I: Những vấn đề chung về GDTC. Chương 1: Những vấn đề cơ bản trong GDTC. 1.1 Những khái niệm cơ bản trong	01			Tài liệu [1]: Tr 07 - 10.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học.	CDR 01, 02, 03, 05, 06,	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm.

	GDTC. 1.1.1. Phát triển thể chất. 1.1.2. Giáo dục thể chất. 1.1.3. Hoàn thiện thể chất. 1.1.4. Bài tập thể chất - bài tập vận động. 1.2. Mục đích và nhiệm vụ GDTC cho trẻ mầm non. 1.2.1. Mục đích. 1.2.2. Nhiệm vụ.				Tài liệu [1]: Tr 26 - 29.	3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 5. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.		
2	Chương 2: Cơ sở lý luận về phương pháp GDTC. 2.1. Cơ sở sinh lý của vận động. 2.1.1. Khái niệm vận động. 2.1.2. Cơ sở sinh lý của vận động. 2.2. Quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động. 2.2.1. Khái niệm kỹ năng kỹ xảo vận động. 2.2.2. Các giai đoạn hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động.	01			Tài liệu [1]: Tr 93 - 96. Tài liệu [2]: Tr 29 - 32. .	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 5. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CĐR 01, 02, 03, 05, 06.	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm.
3	Chương 3. Nguyên tắc GDTC cho trẻ. 3.1. Nguyên tắc hệ thống. 3.2. Nguyên tắc tự giác và tích cực. 3.3. Nguyên tắc trực quan. 3.4. Nguyên tắc vừa sức và chú ý các	03			Tài liệu [1]: Tr 30 - 42.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi	CĐR 01, 02, 03, 05, 06.	

	đặc điểm cá biệt. 3.5. Nguyên tắc tăng tiến.					được giảng viên đặt câu hỏi. 5. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.		
4	Chương 4. Phương pháp GDTC cho trẻ. 4.1. Nhóm phương pháp trực quan. 4.1.1. Sử dụng trực quan thị giác, xúc giác, thính giác. 4.1.2. Mô phỏng bài tập thể chất. 4.1.3. Sử dụng tài liệu trực quan. 4.2. Nhóm phương pháp dùng lời. 4.2.1. Sử dụng tên gọi bài tập thể chất. 4.2.2. Giảng giải, giải thích. 4.2.3. Đàm thoại. 4.2.4. Chỉ dẫn. 4.2.5. Ra hiệu lệnh. 4.2.6. Đánh giá, kiểm tra. 4.2.7. Kể chuyện. 4.3. Nhóm phương pháp thực hành. 4.3.1. Phương pháp hướng dẫn trực tiếp. 4.3.2. Phương pháp luyện tập bằng hình thức trò chơi. 4.3.3. Phương pháp luyện tập bằng hình thức thi đua.	03			Tài liệu [1]: Tr 96 - 113.	1. Đọc và nghiên cứu trước tài liệu ở nhà. 2. Trình bày vắn tắt nội dung cơ bản của bài học. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng, trả lời khi được giảng viên đặt câu hỏi. 5. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CĐR 01, 02, 03, 05, 06.	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm.

5	Kiểm tra học trình 1 (Tự luận)			01	Tài liệu [1], [2].	Thực hiện làm bài tự luận theo yêu cầu của đề bài.	CDR 01, 02, 03.	Giao đề tự luận, giám sát.
6	Phần II: Tổ chức GDTC cho trẻ trong nhà trường Mầm non. Chương 5: Tổ chức GDTC cho trẻ tuổi nhà trẻ. 5.1. Trẻ từ 3 - 12 tháng tuổi. 5.1.1. Nội dung GDTC cho trẻ. 5.1.1.1. Các bài tập phản xạ. 5.1.1.2. Các bài tập thụ động (Cô tập cho trẻ). 5.1.1.3. Các bài tập chủ động (Trẻ tập theo cùng cô). 5.1.2. Hình thức GDTC cho trẻ. 5.1.2.1. Giờ tập vận động. 5.1.2.2. Luyện tập ngoài giờ. 5.2. Trẻ từ 12 - 24 tháng tuổi. 5.2.1. Nội dung GDTC cho trẻ. 5.2.1.1. Trẻ từ 12 - 18 tháng tuổi. - Các bài tập vận động cơ bản. - Các bài tập trò chơi vận động. 5.2.1.2. Trẻ từ 18 - 24 tháng tuổi. - Bài tập đội hình đội ngũ. - Các bài tập phát triển chung. - Các bài tập vận động cơ bản.		06		Tài liệu [2]: Tr 53 - 122.	1. Đọc, nghiên cứu, tập luyện trước các bài tập được giáo viên giao nhiệm vụ. 2. Trình bày vắn tắt, thực hiện động tác bài tập cơ bản đã được giao trước. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng giải, nhìn động tác mẫu hoàn thiện, bổ sung của giáo viên. 5. Tập luyện theo hướng dẫn, yêu cầu của giáo viên. 6. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.	CDR 01, 02, 03, 05, 06, 09, 10, 11.	Phát vấn, thuyết trình, thảo luận nhóm. Dùng lời, làm mẫu, tập luyện

	- Các bài tập trò chơi vận động. (Bài tập VĐCB dưới dạng trò chơi) 5.2.2. Hình thức GDTC cho trẻ. 5.2.2.1. Tiết học. 5.2.2.2. TD sáng. 5.2.2.3. Ngoài giờ tập luyện. 5.3. Trẻ từ 24 - 36 tháng tuổi. 5.3.1. Nội dung GDTC cho trẻ. 5.3.1.1. Bài tập đội hình đội ngũ. 5.3.1.2. Các bài tập phát triển chung. 5.3.1.3. Các bài tập vận động cơ bản. 5.3.1.4. Các bài tập trò chơi vận động. 5.3.2. Hình thức GDTC cho trẻ. 5.3.2.1. Giờ tập vận động. 5.3.2.2. Thẻ dực sáng. 5.3.2.3. Ngoài giờ tập luyện.							
7	Chương 6: Tổ chức GDTC cho trẻ mẫu giáo. 6.1. Trẻ từ 3 - 4 tuổi. 6.1.1. Nội dung GDTC cho trẻ. 6.1.1.1. Đội hình đội ngũ. 6.1.1.2. Các bài tập phát triển chung. 6.1.1.3. Các bài tập vận động cơ bản. 6.1.1.4. Các bài tập trò chơi vận động. 6.1.2. Hình thức GDTC cho trẻ. 6.1.2.1. Giờ học TD.		08		- Tài liệu [1]: Tr 43 - 92. - Tài liệu [2]: Tr 53 - 122. - Tài liệu [3], [4], [5], [6], [8].	1. Đọc, nghiên cứu, tập luyện trước các bài tập được giáo viên giao nhiệm vụ. 2. Trình bày vắn tắt, thực hiện động tác bài tập cơ bản đã được giao trước. 3. Trao đổi, thảo luận. 4. Nghe giảng giải, nhìn	CĐR 01, 02, 03, 05, 06, 09, 10, 11	Dùng lời, làm mẫu, tập luyện.

6.1.2.2. TD buổi sáng. 6.1.2.3. Phút thể dục. (Thể dục giữa giờ, thể dục sau ngủ trưa, thể dục giữa một tiết học tĩnh...) 6.1.2.4. Trò chơi vận động. 6.1.2.5. Đạo chơi. 6.2. trẻ từ 4 - 5 tuổi. 6.2.1. Nội dung GDTC cho trẻ. 6.2.1.1. Đội hình đội ngũ. 6.2.1.2. Các bài tập phát triển chung. 6.2.1.3. Các bài tập vận động cơ bản. 6.2.1.4. Các bài tập trò chơi vận động. 6.2.2. Hình thức GDTC cho trẻ. 6.2.2.1. Giờ học TD. 6.2.2.2. TD buổi sáng. 6.2.2.3. Thể dục giữa giờ. 6.2.2.4. Trò chơi vận động. 6.2.2.5. Đạo chơi. 6.3. Trẻ từ 5 - 6 tuổi. 6.3.1. Nội dung GDTC cho trẻ. 6.3.1.1. Đội hình đội ngũ. 6.3.1.2. Các bài tập phát triển chung. 6.3.1.3. Các bài tập vận động cơ bản. 6.3.1.4. Các bài tập trò chơi vận động. 6.3.2. Hình thức GDTC cho trẻ. 6.3.2.1. Giờ học thể dục. 6.3.2.2. TD buổi sáng.					động tác mẫu hoàn thiện, bổ sung của giáo viên. 5. Tập luyện theo hướng dẫn, yêu cầu của giáo viên. 6. Tiếp nhận một số nội dung bổ sung từ giảng viên.		
--	--	--	--	--	--	--	--

	6.3.2.3. Các bài tập trò chơi vận động. 6.3.2.4. Dạo chơi. 6.3.2.5. Tham quan. 6.3.2.6. Hội khỏe.							
8	Chương 7: Soạn giáo án và tập dạy đối tượng nhà trẻ, mẫu giáo.		06		Tài liệu [1]: Tr 186 - 207.	Thực hiện soạn giáo án, tập dạy trên sinh viên theo nội dung, yêu cầu của giáo viên.	CĐR 01, 02, 03, 05, 06, 09, 10, 11	Dùng lời, làm mẫu, tập luyện
9	Kiểm tra học trình 2: (Thực hành các bài tập vận động của trẻ mầm non) 1. Các bài tập phát triển chung. 2. Các bài tập vận động cơ bản.			01	- Tài liệu [1]: Tr 43 - 92. - Tài liệu [2]: Tr 53 - 122. - Tài liệu [3], [4], [5], [6], [8].	Thực hiện làm bài kiểm tra theo nội dung, yêu cầu của giảng viên.	CĐR 01, 02, 03, 05, 06, 09, 10, 11	Tổ chức kiểm tra thực hành các bài tập của trẻ. GV quan sát đánh giá cho điểm. Nhận xét.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

Mã học phần: 710.13

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Cao đẳng mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	14	tiết
+ Kiểm tra:	2	tiết
+ Thực hành/thí nghiệm:	14	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Âm nhạc.

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

- Nắm bắt được những yêu cầu về mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy và hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc, những vấn đề đổi mới ở chương trình giáo dục mầm non.
- Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên môn về âm nhạc, các phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non, lập kế hoạch và thiết kế được các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.
- Ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.
- Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng sử dụng kiến thức kĩ năng tin học trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

Kiến thức (KT):

- *KT 01*: Nắm được vai trò, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc, những vấn đề đổi mới ở chương trình giáo dục âm nhạc mầm non.
- *KT 02*: Phân biệt được đặc điểm, khả năng âm nhạc của trẻ mầm non theo từng độ tuổi.
- *KT 03*: Gọi tên chính xác các hoạt động âm nhạc và phương pháp tổ chức các hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.
- *KT 04*: Phân biệt được các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.

Kỹ năng (KN):

- *KN 01*: Lập kế hoạch và tổ chức được các hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.
- *KN 02*: Có kỹ năng cộng tác và làm việc nhóm.
- *KN 03*: Có kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, ngữ điệu giọng tốt trong quá trình tổ chức các hoạt động âm nhạc trong trường mầm non.
- *KN 04*: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thiết kế, tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

- *NL 01*: Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.
- *NL 02*: Say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- *NL 02*: Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01		2	3								
KT02		3	3								
KT03		3	3								
KT04		3	3								
KN01					3	3	2				
KN02					3	3	2				
KN03					3	3	3				
KN04				2							
NL01									3	3	2
NL02									3	3	2

NL03									3	3	2
------	--	--	--	--	--	--	--	--	---	---	---

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết về tổ chức hoạt động âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở mầm non. Từ đó giúp các em có kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức hoạt động âm nhạc và đánh giá kết quả đạt được trên trẻ trong hoạt động âm nhạc từng độ tuổi ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng quy định.
- Tham gia dự kỳ thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Phạm Thị Hoà, (2010) - *Tổ chức hoạt động âm nhạc* – NXB Giáo dục Việt Nam.

10.2. Sách tham khảo:

[2] Hoàng Công Dụng(2013) - *Tuyển tập bài hát dành cho trẻ mầm non* - NXB Giáo dục Việt Nam

[3] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi) - NXB Giáo dục Việt Nam 2009.

[4] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi) - NXB Giáo dục Việt Nam 2009.

[5] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi) - NXB Giáo dục Việt Nam 2009.

[6] Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo lớn (5- 6 tuổi) - NXB Giáo dục Việt Nam 2009.

[7] Hoàng Văn Yến (2007) - *Trò chơi âm nhạc cho trẻ mầm non* - NXB Giáo dục

[8] Nguồn tài liệu Internet : zing.mp3.com ; nhacso.net ; nhaccuatui.com ;...

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

Điểm học phần bao gồm:

- Điểm hệ số 1: điểm chuyên cần, đánh giá nhận thức, thái độ của sinh viên, điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm hệ số 2: điểm kiểm tra định kỳ, số bài kiểm tra định kỳ: 2
- Điểm học phần = $[\text{Điểm hệ số 1} + (\text{điểm hệ số 2}) * 2] / N$ (làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	- Vai trò của âm nhạc trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ em - Đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ mầm non	Tuần 2	Vấn đáp	Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT02 NL01 NL02 NL03
	- Trình bày đặc điểm các bài dạy trẻ hát và nguyên tắc lựa chọn? Cho ví dụ. - Trình bày các bước tiến hành dạy trẻ hát ? cho ví dụ.	Tuần 3	Vấn đáp Thực hành	Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT03 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03
	- Trình bày các hình thức tổ chức nghe nhạc ? Cho ví dụ. - Trình bày các bước tiến hành dạy nghe nhạc. Cho ví dụ.	Tuần 4			
	- Trình bày các hình thức vận động theo nhạc ? Cho ví dụ. - Trình bày các bước tiến hành dạy VĐTN cho trẻ mầm non. Cho ví dụ.	Tuần 5			
	- Trình bày các dạng trò chơi âm nhạc. - Trình bày các bước tiến hành dạy nghe nhạc. Cho ví dụ?	Tuần 6			
	Thiết kế bài soạn âm nhạc theo chủ đề	Tuần 10,11	Tự luận	Trình bày cô đọng, súc tích, có	KT01, KT03, KT04, KN01,

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
				ví dụ minh họa cụ thể.	NL01, NL02, NL03
Bài KT định kỳ Bài kiểm tra định kỳ	- Hãy trình bày cấu trúc các tiết học ở lứa tuổi mầm non? Cho ví dụ. - Trình bày các bước dạy hát (nghe nhạc, nghe hát, VĐTN, TCÂN) cho trẻ mẫu giáo. Cho ví dụ?	Tuần 8	Tự luận		KT03, KT04, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03
	- Tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ từng độ tuổi theo kế hoạch đã lập - Nhận xét đánh giá giờ dạy của mình/của bạn/nhóm bạn	Tuần 15	Thực hành	- Phân bổ thời gian hợp lí. Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, không ngọng, không lắp. - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành (ưu, nhược điểm của từng giờ học)	KT03, KT04, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03

12. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp đạy/học
		LT	TL/ TH	K T				
1	CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC ÂM NHẠC TRONG TRƯỜNG MẦM NON	3	0	0	Sách, giáo trình chính [1] (trang 5- trang 16).	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học sách, giáo trình chính [1]. - Trình bày được vai trò của âm nhạc trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ em	KT01 KT02 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan
	1.1. Vai trò của âm nhạc trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách trẻ em	1	0	0				
	1.1.1. Âm nhạc là phương tiện giáo dục thẩm mỹ 1.1.2. Âm nhạc là phương tiện giáo dục đạo đức 1.1.3. Âm nhạc góp phần phát triển trí tuệ 1.1.4. Âm nhạc tác động đến sự phát triển sinh lí của trẻ							
	1.2. Đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ mầm non							
	1.2.1. Trẻ dưới 1 tuổi 1.2.2. Trẻ 1 - 2 tuổi 1.2.3. Trẻ 2 - 3 tuổi 1.2.4. Trẻ 3 - 4 tuổi 1.2.5. Trẻ 4 - 5 tuổi 1.2.6. Trẻ 5 - 6 tuổi	1	0	0		- Nắm rõ và trình bày được đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ mầm non		
	1.3. Nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non					- Nắm rõ và trình bày được nhiệm vụ giáo dục âm nhạc cho trẻ		
	1.4. Phương pháp cơ bản tổ chức các hoạt động âm nhạc trong trường mầm non							

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/ TH	K T				
	3.1.2.2. Ôn tập, biểu diễn 3.2. Các hình thức khác 3.2.1. Âm nhạc trong hoạt động góc 3.2.2. Âm nhạc trong chế độ sinh hoạt hàng ngày 3.2.3. Âm nhạc trong các giờ học khác 3.2.4. Âm nhạc trong ngày hội ngày lễ * Kiểm tra	2	0	0		- Xây dựng được cấu trúc các giờ học âm nhạc và lựa chọn các hoạt động âm nhạc phù hợp với chủ đề và lứa tuổi. - Nắm được ý nghĩa của âm nhạc trong hoạt động góc, trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, trong các giờ học khác và trong ngày hội ngày lễ.	NL01 NL02 NL03	cứu tài liệu, trực quan
4	CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ BÀI DẠY VÀ TẬP SOẠN 4.1. Phân phối chương trình 4.2. Thiết kế bài soạn và tập dạy 4.2.1. Lập kế hoạch 4.2.1.1. Lập kế hoạch theo chủ đề giáo dục 4.2.1.2. Cách thức thiết kế bài soạn giáo dục âm nhạc theo chủ đề 4.2.1.3. Thực hành thiết kế bài soạn 4.2.2. Tập dạy *Kiểm tra	2 1 1 0 0	12 0 4 8 0	1 0 0 0 1	- Sách, giáo trình chính [1] (trang 99-115). - Tài liệu tham khảo [2], [3], [4], [5], [7], [8]	-Tham khảo các giáo án trong sách để soạn giáo án cá nhân và giáo án tổ. -Thực hành soạn giáo án và tổ chức tập dạy theo nhóm các hoạt động giáo dục âm nhạc theo hình thức giờ rèn kỹ năng và giờ ôn biểu diễn.	KT01 KT02 KT03 KT04 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non

Mã học phần: 710.53

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	25	tiết
+ Thực hành/thảo luận:	03	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Giáo dục học Mầm non

6. Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của giao tiếp sư phạm và giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non;
- Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ, với phụ huynh, với đồng nghiệp;
- Ý thức vận dụng các kiến thức của học phần để học tập các học phần chuyên ngành và vận dụng vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non sau khi ra trường.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày được những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non.
- **KT02:** Phân tích được các kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non.
- **KT03:** Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ, với phụ huynh, với đồng nghiệp.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Thể hiện được các kỹ năng giao tiếp với trẻ mầm non, với phụ huynh, với đồng nghiệp.

- **KN02:** Ứng dụng được công nghệ thông tin một cách thành thạo trong việc lĩnh hội kiến thức và ứng dụng vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.

- **KN03:** Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý hiệu quả thời gian học tập; chủ động hoàn thành các nhiệm vụ đúng kế hoạch; tích cực nghiên cứu giáo trình, tài liệu, ứng dụng công nghệ để tự tìm kiếm thông tin trên internet phục vụ cho quá trình học tập học phần.

- **NL02:** Ứng xử thân thiện và tôn trọng giáo viên, bạn bè biết thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với các bạn trong tập thể đồng thời có khả năng tập hợp nhóm và lãnh đạo nhóm tốt.

- **NL03:** Đánh giá được chất lượng thực hiện công việc của bản thân và giúp người khác thực hiện nhiệm vụ

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01			2								
KT02			3								
KT03			4								
KN01					3	4					
KN02		2		3		4					
KN03							4				
NL01									3		
NL02									3		
NL03										3	3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung: Khái quát chung về giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non; Kỹ năng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non, Rèn luyện kỹ năng giao tiếp của người giáo viên mầm non với trẻ, phụ huynh và các đối tượng khác trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua một số tình huống.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.

- Tham gia học tập trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Ngô Công Hoàn (1997), *Giao tiếp và ứng xử sư phạm*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
- [2]. Nguyễn Thị Hồng Vân – Nguyễn Thị Thoan – Nguyễn Thị Mai Linh – Nguyễn Minh Ngọc (2018), *Kỹ năng giao tiếp của giáo viên mầm non*, NXB Thanh niên.

10.2. Sách tham khảo:

- [3]. Đặng Tùng Hoa (2009), *Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm*, Trường ĐH Thủy Lợi.
- [4]. Hồ Lam Hồng (2008), *Giáo trình Nghề giáo viên mầm non*, NXB Giáo dục
- [5]. Hoàng Đức Minh – Nguyễn Thị Mỹ Trinh (đồng chủ biên) (2017), *Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng II, III*, NXB Giáo dục.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 02
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
 - + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/ Thi	Nội dung	Thời điểm KT/ Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>* Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong các nội dung:</i> - Khái niệm giao tiếp sư phạm. Vai trò của giao tiếp sư phạm. - Khái niệm giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non.	Tiết 10 của chương trình	Viết	- Trình bày chính xác, logic, đầy đủ các khái niệm giao tiếp sư phạm. Phân tích được vai trò của giao tiếp sư phạm. Rút ra được kết luận sư phạm. - Nêu được chính xác khái niệm giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. Trình bày được đầy đủ, logic các nguyên tắc giao tiếp sư phạm. Nêu và giải thích được suy nghĩ của bản thân trong quá trình giao tiếp với trẻ.	KT01, KN01
Bài KT định kỳ 1	<i>* Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong 2 nội dung:</i> - Khái niệm và các đặc trưng giao tiếp sư phạm của GVMN. - Các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử của GVMN với trẻ	Tiết 15	Tự luận	- Trình bày chính xác, logic, đầy đủ các khái niệm và đặc trưng giao tiếp sư phạm của GVMN. Rút ra được kết luận sư phạm. - Nêu và phân tích được chính xác các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non với trẻ. Nêu và giải thích được suy nghĩ của bản thân trong quá trình giao tiếp với trẻ.	KT02, KT03, KN03
Bài KT định kỳ 2	<i>* Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong 2 nội dung:</i> - Khái niệm và ý nghĩa của kỹ năng quản lý cảm xúc. Biện pháp rèn luyện	Tiết 30 của chương trình	Tự luận	- Nêu đầy đủ, chính xác được kỹ năng quản lý cảm xúc. Trình bày đầy đủ ý nghĩa của kỹ năng quản lý cảm xúc. Nhận thức và vận dụng được về vấn đề	KT02, KT02, KT03, KN03

	kỹ năng quản lý cảm xúc của giáo viên mầm non. - Khái niệm và vai trò của kỹ năng giải quyết xung đột. Biện pháp rèn luyện kỹ năng giải quyết xung đột của giáo viên mầm non.			rèn luyện kỹ năng quản lý cảm xúc của giáo viên mầm non? - Nêu đầy đủ, chính xác được kỹ năng giải quyết xung đột. Trình bày đầy đủ ý nghĩa của kỹ năng giải quyết xung đột. Nhận thức và vận dụng được về vấn đề rèn luyện kỹ năng giải quyết xung đột của giáo viên mầm non?	
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi đáp ứng các chuẩn đầu ra của học phần	Theo kế hoạch của trường	Viết	- Các câu hỏi của đề thi không nằm trong cùng 1 chương - Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01, KT02, KT03, KN03

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/TL	TH/TN				
1	Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ GIAO TIẾP SỰ PHẠM CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON 1.1. Giao tiếp 1.1.1. Khái niệm giao tiếp 1.1.2. Vai trò của giao tiếp 1.1.3. Nguyên tắc giao tiếp	12 2	2	1	Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu nội dung: + Khái niệm Giao tiếp + Vai trò của giao tiếp. + Nguyên tắc giao tiếp. Lấy ví dụ minh họa.	KT01 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
2	1.2. Giao tiếp sư phạm của	3			Tài liệu [1]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe	KT02	Trực

	giáo viên mầm non 1.2.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non 1.2.2. Đặc trưng giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non 1.2.3. Hình thức giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non				Tài liệu [2]	giảng, phản hồi. - Tìm hiểu nội dung: + Khái niệm giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non. + Đặc trưng giao tiếp sư phạm của GVMN + Hình thức giao tiếp sư phạm của GVMN	KN02 KN03 NL01 NL02	quan, thuyết trình; Thực hành
3	1.3. Giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ 1.3.1. Đặc điểm phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ mầm non 1.3.2. Vai trò của nhu cầu giao tiếp đối với sự phát triển của trẻ mầm non 1.3.3. Nguyên tắc giao tiếp, ứng xử giữa giáo viên mầm non với trẻ 1.3.4. Phương thức giao tiếp giữa giáo viên mầm non với trẻ	4			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Trình bày khái quát về đặc điểm điểm phát triển nhu cầu giao tiếp của trẻ mầm non - Phân tích vai trò của nhu cầu giao tiếp đối với sự phát triển của trẻ mầm non - Trình bày nguyên tắc giao tiếp, ứng xử giữa giáo viên mầm non với trẻ - Trình bày các phương thức giao tiếp giữa giáo viên mầm non với trẻ	KT03 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Giảng giải; Thảo luận nhóm
4	1.4. Giao tiếp của giáo viên mầm non với các đối tượng khác 1.4.1. Giao tiếp của giáo viên	3			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Trình bày giao tiếp của giáo viên mầm non với phụ huynh	KT03 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình; Thảo luận

8	2.2. Vận dụng một số tình huống giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non 2.2.1. Tình huống giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ 2.2.2. Tình huống giao tiếp của giáo viên mầm non với phụ huynh 2.2.3. Tình huống giao tiếp của giáo viên mầm non với đồng nghiệp 2.2.4. Tình huống giao tiếp của giáo viên mầm non với lãnh đạo	6			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Tìm hiểu, vận dụng để xử lý một số tình huống giao tiếp của giáo viên mầm non với trẻ. - Tìm hiểu, vận dụng để xử lý một số tình huống giao tiếp của giáo viên mầm non với phụ huynh. - Tìm hiểu, vận dụng để xử lý một số tình huống giao tiếp của giáo viên mầm non với đồng nghiệp. - Tìm hiểu, vận dụng để xử lý một số tình huống giao tiếp của giáo viên mầm non với lãnh đạo.	KT03 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
9	Thực hành: SV xử lý các tình huống giả định		1		Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Trao đổi về các tình huống giả định để đưa ra phương án giải quyết phù hợp.	KT03 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Phát vấn; Thảo luận nhóm
10	Kiểm tra: 1 tiết			1		- Ôn tập chương 2		
		25	3	2				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non

Mã học phần: 710.54

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	22	tiết
+ Thực hành/thảo luận:	06	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Giáo dục học mầm non

6. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về giáo dục hòa nhập (GDHN) như: Khái niệm, một số quan điểm tiếp cận GDHN, nguyên tắc trong GDHN
- Sinh viên có kỹ năng chăm sóc GD các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt. Biết lập một kế hoạch CSGD và thiết kế được môi trường học tập hòa nhập, thân thiện cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.
- Giúp sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của học phần, có ý thức vận dụng các kiến thức của học phần để vận dụng vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non sau khi ra trường.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Trình bày và hiểu được khái niệm, một số quan điểm, nguyên tắc, đặc điểm của từng nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non.
- **KT02:** Phân tích được các yếu tố thúc đẩy và hỗ trợ GDHN cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường MN
- **KT03:** Vận dụng các kiến thức về GDHN trong chăm sóc giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở trường mầm non

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Phát hiện, phân tích và giải quyết được các vấn đề trong chăm sóc và giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.
- **KN02:** Lập được kế hoạch cá nhân, thiết kế được môi trường hòa nhập thân thiện cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.
- **KN03:** Quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử thân thiện, tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và lan tỏa được giá trị nhân văn trong giáo dục hòa nhập ở trường mầm non và cộng đồng xã hội.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có ý thức vận dụng kiến thức về GDHN trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ sau này.
- **NL02:** Có khả năng làm việc độc lập, khả năng giải quyết công việc, các vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- **NL03:** Đánh giá được chất lượng thực hiện công việc của bản thân và đồng nghiệp.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		3	3	1							
KT02		3	3	1							
KT03		2	3	1							
KN01					3	3	3				
KN02					4	3	3				
KN03					3	3	4				
NL01									3	2	2
NL02									3	2	2
NL03											2

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung: Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập, Giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non. Thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng kế hoạch qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Xuân Hải - Lê Thị Thúy Hằng (2008) *Giáo trình giáo dục hoà nhập*, NXB Giáo dục Việt Nam

10.2. Sách tham khảo

- [2]. *Luật người khuyết tật 2010*.
- [3]. TT 03/2018/BGD-ĐT (Thông tư quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật)
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019) - *Tài liệu tập huấn Giáo dục Hòa nhập trẻ khuyết tật trong các cơ sở giáo dục mầm non*
- [5]. *Khó khăn trong dạy trẻ khuyết tật hòa nhập*. www.youtube.com. VTC14

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
 - + Số bài kiểm tra thường xuyên: 02
 - + Số bài kiểm tra định kỳ: 02
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
 - + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/ Thi	Nội dung	Thời điểm KT/ Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>*Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong các nội dung:</i> - Trình bày/phân tích các quan điểm tiếp cận GDHN - Các yếu tố và đặc điểm của GDHN	Tiết 6 của chương trình	Viết	- Nắm và phân tích được các quan điểm tiếp cận GDHN - Nêu được đặc điểm và các yếu tố của GDHN	KT01, KT02, KN02
Bài KT định kỳ 1	<i>*Giáo viên có thể lựa chọn 1 trong 3 nội dung:</i> - Phân loại và đặc điểm tâm lý của từng nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt - Phân tích các nguyên tắc GDHN cho trẻ có NCĐB trong trường mầm non - Lập kế hoạch cho trẻ có NCĐB trong trường MN	Tiết 22	Viết	- Phân loại và trình bày được đặc điểm tâm lý của từng nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt và phương pháp CSGD - Phân tích được các nguyên tắc giáo dục hòa nhập và rút ra những ứng dụng sư phạm trong chăm sóc giáo dục trẻ có NCĐB - Thiết kế mục tiêu và lập kế hoạch CSGD cho 1 trẻ có nhu cầu đặc biệt.	KT02, KT03, KN03
Bài KT định kỳ 2	- Phân tích môi trường học tập hòa nhập, thân thiện. - Giải thích về lý thuyết vòng tay bè bạn và phương pháp xây dựng vòng tay bè bạn.	Tiết 30 của chương trình	Viết	- Phân tích được môi trường tâm lý thân thiện, chia sẻ hợp tác và vòng tay bè bạn. - Vận dụng được lý thuyết xây dựng vòng tay bè bạn trong giáo dục trẻ. - Nêu được các biện pháp nâng cao tính hiệu quả của vòng tay bè bạn.	KT02, KT02, KT03, KN03

Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi đáp ứng các chuẩn đầu ra của học phần	Theo kế hoạch của trường	Viết	- Các câu hỏi của đề thi không nằm trong cùng 1 chương - Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01, KT02, KT03, KN03
-----------------------	---	--------------------------	------	--	------------------------

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	T L / T H	KT				
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HÒA NHẬP	5	0	0	Tài liệu [1]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu khái niệm, nội dung các quan điểm GDHN.	KT01 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
	1.1. Khái niệm và một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập	3						
	1.1.1. Khái niệm giáo dục hòa nhập 1.1.2. Một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập 1.2. Các yếu tố và đặc điểm của GDHN 1.2.1. Các yếu tố của giáo dục hòa nhập 1.2.2. Đặc điểm của giáo dục hòa nhập 1.3. Tính tất yếu của GDHN 1.31. GDHN đáp ứng mục tiêu giáo dục, đào tạo con người	1						

	1.3.2. Thay đổi quan điểm giáo dục 1.3.3. GDHN là phương thức giáo dục hiệu quả nhất cho mọi học sinh 1.3.4. GDHN thực hiện văn bản pháp quy của Quốc tế và Việt Nam. 1.3.5. Tính kinh tế của GDHN 1.3.6. GDHN huy động được sự tham gia của cộng đồng.	1				- Trả lời câu hỏi 1,2,3, trang 33 tài liệu [1].		
2	CHƯƠNG 2: GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT TRONG TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Khái niệm và đặc điểm trẻ có nhu cầu đặc biệt. 2.1.1 Khái niệm và phân loại 2.1.2. Một số đặc điểm cơ bản của trẻ có nhu cầu đặc biệt 2.2. Nguyên tắc giáo dục hoà nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non 2.2.1. Phát hiện sớm và can thiệp sớm 2.2.2. Phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ 2.2.3. Đáp ứng sự đa dạng 2.2.4. Dựa vào cộng đồng	12 5 2	3	1	Tài liệu [1]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Phân loại và nắm được một số đặc điểm cơ bản của trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường MN - Tìm hiểu nội dung các nguyên tắc GDHN.	KT03 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình; Thảo luận nhóm Thuyết trình Phát vấn
3	2.3. Thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt	5				- Biết cách lập kế hoạch cá nhân cho trẻ có nhu cầu đặc		

	2.3.1 Xác định nhu cầu và khả năng của trẻ 2.3.2. Lập kế hoạch cá nhân cho trẻ có nhu cầu đặc biệt. 2.3.3. Điều chỉnh chương trình chăm sóc giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ có nhu cầu đặc biệt.				biệt. - Hiểu được sự cần thiết phải điều chỉnh chương trình chăm sóc giáo dục phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ có nhu cầu đặc biệt. Trả lời câu hỏi 1,2,5, trang 111 tài liệu [1].		
4	Thảo luận: Nguyên tắc GDHN Thực hành: Lập kế hoạch GD cá nhân		1 2		- Sinh viên trao đổi để rút ra ứng dụng SP trong quá trình CSGD trẻ. - Sinh viên chọn 1 đối tượng trong nhóm trẻ có NCĐB để lập kế hoạch - Ôn tập chương 1,2		Thảo luận nhóm
5	Kiểm tra định kỳ			1			
6	CHƯƠNG 3: THÚC ĐẨY VÀ HỖ TRỢ GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO TRẺ CÓ NHU CẦU ĐẶC BIỆT TRONG TRƯỜNG MẦM NON 3.1. Tạo môi trường học tập hòa nhập thân thiện 3.1.1. Môi trường vật chất không rào cản 3.1.2. Môi trường tâm lý thân thiện, chia sẻ hợp tác và vòng tay bè bạn	5 2	2	1	Tài liệu [1] - Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu về môi trường vật chất không rào cản. - Xây dựng được lý thuyết về vòng tay bè bạn cho trẻ có nhu cầu đặc biệt - Tổ chức được các hoạt động cho trẻ tham gia các hoạt động tích cực	KT03 KN03 NL01 NL02	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

	3.1.3. Tổ chức các hoạt động đảm bảo sự tham gia tích cực của trẻ						
7	3.2. Mở rộng mạng lưới hỗ trợ GDHN cho trẻ có nhu cầu đặc biệt 3.2.1. Sự tham gia của gia đình trẻ 3.2.2. Nhóm hỗ trợ cộng đồng 3.2.3. Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.	2			Tài liệu [1]	- Tìm hiểu vai trò của gia đình trong việc phát hiện và tiến hành giáo dục sớm cho trẻ có nhu cầu hòa nhập - Hiểu được tầm quan trọng của cộng đồng, vai trò của trung tâm hỗ trợ ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ có nhu cầu đặc biệt.	KT03 KN03 NL01 NL02 Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm
8	3.3. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên trong giáo dục hòa nhập mầm non cho trẻ có nhu cầu đặc biệt 3.3.1. Vị trí, vai trò của giáo viên trong GDHN mầm non cho trẻ có nhu cầu đặc biệt 3.3.2. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên trong giáo dục hòa nhập mầm non	1			Tài liệu [1]	- Thấy được vị trí, vai trò của giáo viên trong giáo dục cho trẻ có nhu cầu đặc biệt - Trau dồi những phẩm chất và năng lực của bản thân trong quá trình CSGD trẻ có nhu cầu đặc biệt. - Trả lời câu hỏi 1,4,56 trang 150 tài liệu [1].	Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm
9	Thảo luận: Lý thuyết về vòng tay bè bạn		2			Xây dựng được lý thuyết về vòng tay bè bạn cho trẻ có nhu cầu đặc biệt	
10	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 3	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ Mầm non và chuẩn bị cho trẻ vào lớp một
Mã học phần: 710.61
- 2. Số tín chỉ:** 03
- 3. Trình độ:** Cao đẳng mầm non
- 4. Phân bổ thời gian:**

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lý thuyết:	32	tiết
+ Thảo luận/ Thực hành:	10	tiết
+ Kiểm tra	3	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Sự học và phát triển tâm lý lứa tuổi mầm non.

6. Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên:

- Hiểu rõ tầm quan trọng, thực trạng, xu hướng của việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 hiện nay.
- Hiểu được bản chất, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.
- Nắm được các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, biết tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ theo các chủ đề và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.
- Có ý thức tự rèn luyện nhằm nâng cao kỹ năng sống của bản thân, có tinh thần trách nhiệm làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

7.1. Kiến thức:

- **KT01:** Trình bày được tầm quan trọng, thực trạng, xu hướng của việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 hiện nay.

- **KT02:** Phân tích được bản chất, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

- **KT03:** Mô tả, phân biệt được các nội dung giáo dục kỹ năng sống của trẻ và nắm được quy trình, cách tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

- **KT04:** Vận dụng được các thời điểm phù hợp để tổ chức giáo dục kỹ năng sống và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 thông qua chế độ sinh hoạt hàng ngày cũng như các hoạt động khác.

7.2. Kỹ năng:

- **KN01:** Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng sống và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

- **KN02:** Xây dựng môi trường giáo dục kỹ năng sống và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

- **KN03:** Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 phù hợp với các thời điểm trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, phù hợp với nhu cầu của trẻ và điều kiện thực tiễn tại các cơ sở giáo dục mầm non.

- **KN04:** Đánh giá sự phát triển của trẻ gắn với các mục tiêu liên quan đến kỹ năng sống và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

- **KN05:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.

- **NL02:** Say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho bản thân và cho trẻ mầm non.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR02	CDR03	CDR04	CDR05	CDR06	CDR07	CDR08	CDR09	CDR10	CDR11
KT01		3	3								
KT02		3	3								
KT03		3	3								

KT04		3	3								
KN01					3	3	3				
KN02					3	3	4				
KN03					3	3	4				
KN04					4	3	3				
KN05				3							
NL01									3	3	3
NL02							4		3	4	3
NL03									3	3	3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, từ đó giúp các em có kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế môi trường, tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng sống và chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, đánh giá kết quả đạt được trên trẻ trong các hoạt động theo từng độ tuổi ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, làm đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên và KTĐK, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính

[1] Hoàng Thanh Phương, Kim Thị Hải Yến, Lê Thị Hồng Chi, Bùi Thị Loan (2021). *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

10.2. Sách tham khảo

[2] Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà, Trịnh Thúy Giang (2014). *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*. NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

[3] TS Nguyễn Khánh Hà (2014). *Rèn kỹ năng sống cho học sinh*. NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

[4] Nguyễn Công Khanh (2013). *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống giúp bạn gặt hái thành công*. NXB đại học sư phạm Hà Nội.

[5] Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Phan Thị Thảo Hương (2010). *Giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] Lê Bích Ngọc (2009). *Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi*. NXB Giáo dục.

[7] Video tổ chức hoạt động Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non (Nguồn Internet)

<https://www.youtube.com/watch?v=F8-3Smt4-nQ>

<https://www.youtube.com/watch?v=UxFVsi7UWdg>

<https://www.youtube.com/watch?v=twdypKweTkW>

<https://www.youtube.com/watch?v=RrQsHW9vqMQ>

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 1

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 3

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

* **Kế hoạch kiểm tra/thi:**

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>Kiến thức chương 1.</i> Chọn trong các nội dung sau: - Khái niệm, đặc điểm “kỹ năng sống”. - Tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống trong xã hội hiện nay. - Giáo dục kỹ năng sống ở một số quốc gia và ở Việt Nam	Kiểm tra vào thời điểm phù hợp	Tự luận	- SV nhớ và trình bày được khái niệm, đặc điểm, tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống. - Sinh viên hiểu và trình bày được thực tiễn giáo dục kỹ năng sống ở một số quốc gia và ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	KT01, NL02

Bài KT định kỳ	<i>Kiến thức chương II.</i> Chọn trong các nội dung: - Mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non. - Thiết kế giáo án tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non thông qua các hoạt động phù hợp.	Tiết 15	<i>Tự luận</i>	SV nêu được mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non. SV vận dụng kiến thức đã học để thiết kế được giáo án tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non thông qua các hoạt động phù hợp.	KT02, KN01, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02
Bài KT định kỳ	<i>Kiến thức chương III.</i> Lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non theo các chủ đề giáo dục.	Tiết 30	<i>Tự luận</i>	SV xây dựng được kế hoạch tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non tại các thời điểm khác nhau trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.	KT03, KT04, KN02, KN04, NL02, NL03
Bài KT định kỳ	<i>Kiến thức chương III.</i> Chọn trong các nội dung: - Đặc điểm tâm lý của trẻ khi chuẩn bị vào lớp 1. - Nêu các quan điểm về vấn đề chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. - Vì sao cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Chuẩn bị những gì và chuẩn bị như thế nào.	Tiết 45	<i>Tự luận</i>	SV nêu được đặc điểm tâm lý của trẻ khi chuẩn bị vào lớp 1. Nêu các quan điểm về vấn đề chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. - SV trả lời được vì sao cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Chuẩn bị những gì và chuẩn bị như thế nào.	KT01, KT02, KN02, KN03, KN05, NL02, NL03
Thi kết thúc học phần					

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
1	CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG 1.1. Kỹ năng sống 1.1.1. Khái niệm và đặc điểm kỹ năng sống 1.1.2. Phân loại kỹ năng sống 1.2. Giáo dục kỹ năng sống 1.2.1. Khái niệm giáo dục kỹ năng sống 1.2.2. Tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống hiện nay 1.2.3. Giáo dục kỹ năng sống ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam	5			<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [7]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Đọc thêm nội dung liên quan trong tài liệu [2]. - Trình bày khái niệm, đặc điểm kỹ năng sống; hiểu được ý nghĩa và cách phân loại kỹ năng sống. - Nắm rõ và trình bày bản chất khái niệm giáo dục kỹ năng sống; hiểu được tầm quan trọng và sự cần thiết giáo dục KNS hiện nay.	KT01 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan
2	Thảo luận: Hãy tìm hiểu xu hướng, nội dung chương trình và kết quả đạt được của việc giáo dục kỹ năng sống ở các nước trên thế giới và Việt Nam hiện nay. Từ đó chỉ ra những điểm mạnh và những tồn tại của GDKNS tại Việt Nam.		1		<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2] <i>Tài liệu</i> [7]	- Suu tầm, phân tích và tổng hợp các vấn đề GDKNS của các nước trên thế giới và ở Việt Nam qua các kênh thông tin khác nhau: sách, báo, internet ...[7], từ đó đánh giá được các ưu điểm và tồn tại của công tác GDKNS tại Việt Nam.	KT01 KN04 KN05 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan

3	CHƯƠNG 2. QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Mục đích, ý nghĩa giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.1.1. Mục đích giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.1.2. Ý nghĩa giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.2. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.2.1. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non phải diễn ra trên cơ sở quá trình hình thành kỹ năng 2.2.2. Quá trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non cần phải tăng cường cơ hội cho trẻ được thực hành, trải nghiệm 2.2.3. Kết quả của quá trình giáo dục kỹ năng sống phải đảm bảo thay đổi hành vi của trẻ tích cực hơn 2.2.4. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ phải thường xuyên, liên tục, mọi lúc, mọi nơi tạo cơ hội cho trẻ được rèn luyện	2			- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [6] - Nêu được mục đích, ý nghĩa giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. - Nắm rõ, phân biệt và bước đầu biết vận dụng những nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.	KT01 KT02 KN03 NL02	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan.
---	--	---	--	--	---	---	------------------------------	--

4	Chương 2 (Tiếp) 2.3. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 2.3.1. Kỹ năng tự nhận thức 2.3.2. Kỹ năng tự bảo vệ bản thân 2.3.3. Kỹ năng tự phục vụ 2.3.4. Kỹ năng kiềm chế cảm xúc 2.3.5. Kỹ năng giao tiếp 2.3.6. Kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề 2.3.7. Kỹ năng hợp tác 2.3.8. Kỹ năng xác định mục tiêu	6			- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [2] - <i>Tài liệu</i> [4]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1], [2],[4]. - Nắm rõ các nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. - Hiểu được ý nghĩa, nội dung và cách thức giáo dục cho trẻ mầm non các kỹ năng: Tự nhận thức; Tự bảo vệ bản thân; Tự phục vụ; Kiềm chế cảm xúc; Giao tiếp; Ra quyết định và giải quyết vấn đề; Hợp tác; Xác định mục tiêu.	KT02 KN01 KN02 KN03 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan
5	Thực hành: Xây dựng tình huống liên quan đến trẻ mầm non và đưa ra cách giải quyết tình huống đó dựa trên các kỹ năng sống đã học		1		- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [2] - <i>Tài liệu</i> [4]	- Sinh viên xây dựng tình huống liên quan đến trẻ mầm non và đưa ra cách giải quyết tình huống đó dựa trên các kỹ năng sống đã học	KT02 KN01 KN02 KN03 KN05 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan
6	Kiểm tra			1				
7	Chương 2: (tiếp) 2.4. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.4.1. Nhóm phương pháp trực quan 2.4.2. Nhóm phương pháp dùng lời 2.4.3. Nhóm phương pháp thực hành	3			- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [2] - <i>Tài liệu</i> [5]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[2],[5]. - Nắm rõ được mục đích, ý nghĩa, cách sử dụng các phương pháp trong quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.	KT02 KN02 KN03 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan

8	Thảo luận: Phân tích ưu điểm và hạn chế của các phương pháp trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.		1		- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [2] - <i>Tài liệu</i> [5]	- Hiểu được ưu nhược điểm của từng nhóm phương pháp. - Có khả năng lựa chọn và vận dụng linh hoạt các nhóm phương pháp cũng như biết phối kết hợp các nhóm phương pháp một cách phù hợp trong quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.	KT02 KN02 KN03 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan
9	Chương 2: (tiếp) 2.5. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non 2.5.1. Giáo dục kỹ năng sống thông qua chế độ sinh hoạt hàng ngày 2.5.2. Giáo dục kỹ năng sống thông qua ngày hội ngày lễ 2.5.3. Giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động tham quan trải nghiệm 2.6. Phối hợp với gia đình trẻ và các lực lượng xã hội trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 2.6.1. Phối hợp với gia đình 2.6.2. Phối hợp với các lực lượng xã hội	4			- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [3] - <i>Tài liệu</i> [6]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[3],[6] - Nắm rõ và trình bày được các thời điểm phù hợp để giáo dục kỹ năng sống thông qua chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ. - Nắm được ưu thế của từng hoạt động để tiến hành giáo dục kỹ năng sống phù hợp cho trẻ theo độ tuổi. - Hiểu được ý nghĩa và cách tổ chức phối hợp giữa giáo viên và phụ huynh cùng cộng đồng hội trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.	KT02 KT04 KN02 KN03 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan

10	Thảo luận: - Nêu một số nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. - Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.		1		- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [3] - <i>Tài liệu</i> [6]	- Nêu được một số nội dung giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động học cũng như các hoạt động khác trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ tại trường mầm non. - Đề xuất được một số giải pháp nâng cao chất lượng phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.	KT02 KT04 KN02 KN03 KN05 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan
11	CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON VÀ CHUẨN BỊ CHO TRẺ VÀO LỚP 1 3.1. Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non 3.1.1. Tiếp cận tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong các hoạt động ở trường mầm non 3.1.2. Xác định mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ các độ tuổi 3.1.3. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho trẻ các độ tuổi 3.1.4. Quy trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường Mầm non	3			- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [6] - <i>Tài liệu</i> [7]	- Chuẩn bị và đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[6]. - Nắm rõ được cách tiếp cận tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong các hoạt động ở trường mầm non theo các mức độ lồng ghép: Mức độ lồng ghép hoàn toàn; Mức độ lồng ghép từng phần; Mức độ liên hệ. - Xác định được mục tiêu, nội dung, quy trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non.	KT02 KT03 KN01 KN02 KN03 KN04 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan

12	Thực hành: - Thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường mầm non		4		- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [6] - <i>Tài liệu</i> [7]	- Bước đầu biết lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non. - Có kỹ năng đánh giá sự phát triển của trẻ gắn với các mục tiêu liên quan quan đến kỹ năng sống. - Có kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ ở trường MN.	KT02 KT03 KN01 KN02 KN03 KN04 KN05 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan
13	Kiểm tra			1				
14	Chương 3 (Tiếp) 3.2. Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp một 3.2.1. Đặc điểm tâm lý của trẻ khi chuẩn bị bước vào lớp một 3.2.2. Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.	9			- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [3] - <i>Tài liệu</i> [7]	Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Tìm hiểu về đặc điểm tâm lý của trẻ khi chuẩn bị vào lớp một. - Hiểu được sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào lớp một. - Hiểu được cách thức chuẩn bị cho trẻ.	KT01 KT02 KN02 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan, thực hành
15	Thảo luận: Vì sao phải chuẩn bị cho trẻ vào lớp một? Liên hệ việc chuẩn bị này ở trường mầm non em thực tập.		2		- <i>Tài liệu</i> [1] - <i>Tài liệu</i> [3] - <i>Tài liệu</i> [6]	Giải thích được sự cần thiết phải chuẩn bị cho trẻ vào lớp một. - Hiểu được cách thức chuẩn bị cho trẻ. - Liên hệ được thực tế ở trường mầm non.	KT01 KN03 KN04 KN05 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tài liệu, trực quan, thực hành.
16	Kiểm tra			1				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Đánh giá trong giáo dục mầm non

Mã học phần: 710.62

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	22	tiết
+ Thảo luận, thực hành	06	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết

Sinh viên đã hoàn thành học phần Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non; Giáo dục học mầm non. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

6. Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về vị trí, vai trò, chức năng và yêu cầu của đánh giá trong giáo dục mầm non.
- Có kỹ năng cơ bản để đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- KT01: Trình bày được vị trí, vai trò, chức năng và yêu cầu của đánh giá trong giáo dục mầm non.
- KT02: Phân tích được các nội dung, phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non, các tiêu chí đánh giá, hình thức, cách thức tiến hành khi đánh giá chương trình giáo dục mầm non.
- KT03: Vận dụng được các nguyên tắc và những nội dung cơ bản trong đánh giá sự phát triển tâm lý cũng như trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ.

7.2. Kỹ năng (KN)

- KN01: Quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ.
- KN02: Sử dụng kết quả đánh giá trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.
- KN03: Sử dụng được bộ công cụ trong đánh giá trong giáo dục mầm non

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- NL01: Quản lý hiệu quả thời gian học tập. Tích cực nghiên cứu tài liệu, thâm nhập các hoạt động thực tế tại trường mầm non.
- NL02: Làm việc độc lập, tham gia tích cực, trách nhiệm trong hoạt động nhóm. Chịu trách nhiệm đối với cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong thực hiện nhiệm vụ học tập. Luôn có ý thức hỗ trợ, giúp đỡ người khác hoàn thành nhiệm vụ.
- NL03: Đánh giá được năng lực bản thân và các thành viên trong nhóm, lớp.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01		2	2								
KT02		2	3								
KT03		2	3								
KN01				2	3	3	2				
KN02				2	3	3					
KN03					3	3					
NL01									3		
NL02										3	
NL03											3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung: nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá trong giáo dục mầm non nói chung, đánh giá chất lượng trường mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia học trên lớp, hoàn thành các bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đinh Thị Kim Thoa. Giáo trình “*Đánh giá trong giáo dục mầm non*” - NXB Giáo dục 2009

10.2 Sách tham khảo:

- [2]. Thông tư 25/2014/TT-BGD-ĐT về *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục*
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*, Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- [4]. Bộ giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, Ban hành kèm theo Thông tư Số: 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021.
- [5]. Bộ giáo dục và Đào tạo - *Quy định về bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi*, Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [6]. Trang web *Giaoducmamnon.edu.com*

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 1
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 2
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra:

Bài KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>Có thể lựa chọn một trong những nội dung sau:</i> - Phân tích đánh giá là công cụ quan trọng của giáo viên và nhà quản lý - Phân tích các yêu cầu của đánh giá, tại sao đánh giá phải đảm bảo các yêu cầu đó?	Tuần 2	Tự luận	Trình bày đầy đủ, cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa	KT 01 KT 02 NL 01 NL 02
Bài KT định kỳ 1	<i>Có thể lựa chọn một trong những nội dung sau:</i> - Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non cần được dựa trên những tiêu chí nào? - Chọn tiêu chí để đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non, nơi trường em đi kiến tập.	Tuần 8	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT 02 KN 03 NL 01 NL 02
Bài KT định kỳ 2	<i>Có thể lựa chọn một trong những nội dung sau:</i> - Phân tích các tiêu chí thể hiện khả năng sẵn sàng vào lớp 1 của trẻ 5-6 tuổi. - Phân tích thực tế khả năng sẵn sàng vào lớp 1 của trẻ? Rút ra kết luận sự phạm?	Tuần 15	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT 03 KN 01 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		L T	T H/ T L	KT				
1	CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON 1.1. Những vấn đề cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non 1.1.1. Vị trí và vai trò của đánh giá trong giáo dục mầm non 1.1.2. Chức năng của đánh giá trong giáo dục mầm non 1.1.3. Những yêu cầu đối với việc đánh giá trong giáo dục mầm non 1.2. Nội dung và phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non 1.2.1. Những nội dung đánh giá cơ bản trong giáo dục mầm non 1.2.2. Một số phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non	5	1		Tài liệu [1]	- Nghiên cứu tài liệu từ trang 5-36; - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của GV - Bài tập nhóm: Phân tích vị trí, vai trò của đánh giá trong giáo dục mầm non?	KT 01 KT02 KN 03 NL 01 NL 02	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm Trực quan

2	CHƯƠNG 2. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non 2.1.1. Đánh giá tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường 2.1.2. Tổ chức và quản lý nhà trường 2.1.3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ 2.1.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi 2.1.5. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội 2.1.6. Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	5	1		Tài liệu [1]	- Nghiên cứu tài liệu trang 37 - 48 - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của GV - Bài tập nhóm: Phân tích các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non	KT02 KT03 KN02 KN03 NL01 NL02	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành, Trực quan, đánh giá
3	CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON 3.1. Đánh giá chương trình giáo dục 3.1.1. Các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục 3.1.2. Các loại đánh giá chương trình giáo dục 3.2. Tổ chức đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non 3.2.1. Hình thức tổ chức đánh giá chương trình	6	2		Tài liệu [1]; [4]	- Nghiên cứu tài liệu trang 49-64 - Nghiên cứu chương trình giáo dục mầm non - Bài tập nhóm: Phân tích các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục mầm non	KT 02 KN 02 KN 03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành, Trực quan, đánh giá

	3.2.2. Những công việc cần tiến hành khi đánh giá chương trình giáo dục							
4	Kiểm tra định kỳ			1				Tự luận
5	CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ 4.1. Sự phát triển tâm lí của trẻ và nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lí của trẻ 4.1.1. Sự phát triển tâm lí của trẻ 4.1.2. Nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lí của trẻ 4.2. Nội dung và phương pháp đánh giá sự phát triển các mặt của trẻ 4.2.1. Các mốc phát triển kì vọng cho mỗi giao đoạn lứa tuổi của trẻ 4.2.2. Chỉ số đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non 4.2.3. Đánh giá sự sẵn sàng vào lớp một 4.3. Hướng dẫn đánh giá trẻ theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi 4.3.1. Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi 4.3.2. Hướng dẫn đánh giá theo bộ chuẩn	6	2	1	Tài liệu [1] Tài liệu [5]	- Nghiên cứu tài liệu trang 100-123 - Bài tập nhóm: Phân tích nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lí của trẻ - Bài tập nhóm: So sánh 10 chỉ số và các thang đo đánh giá trẻ dưới 3 tuổi và trên 3 tuổi để chỉ sự giống, khác nhau giữa các chỉ số này. Phân tích nguyên nhân của sự khác nhau này	KN01 KN02 KT03 KN01 KN02 KN03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành, Trực quan, đánh giá
6	Kiểm tra định kỳ			1				Tự luận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục gia đình

Mã học phần: 710.64

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lý thuyết:	24	tiết
+ Thảo luận/ Thực hành:	4	tiết
+ Kiểm tra	2	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần giáo dục học đại cương.

6. Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho sinh viên:

- Hiểu được khái niệm gia đình, các chức năng cơ bản của gia đình, các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình.
- Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục con trong gia đình ở các lứa tuổi khác nhau.
- Mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội.
- Hình thành ở sinh viên một số kỹ năng phối hợp với gia đình trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức

- **KT01:** Trình bày được những tri thức cơ bản về giáo dục gia đình: Khái niệm gia đình, chức năng cơ bản, các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình.
- **KT02:** Phân tích các nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục trẻ em trong gia đình.
- **KT03:** Vận dụng các phương pháp để phối hợp với gia đình trong chăm sóc giáo dục trẻ.

7.2. Kỹ năng

- **KN01:** Quan sát, phát hiện, dự kiến phương án giải quyết một số tình huống xảy ra trong quá trình giáo dục trẻ tại gia đình.
- **KN02:** Phối hợp với gia đình trẻ trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non trong thời gian thực tập.
- **KN03:** Tuyên truyền trong công tác phối hợp chăm sóc giáo dục trẻ giữa gia đình và nhà trường.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- **NL01:** Ý thức trách nhiệm phối hợp với gia đình trẻ trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non; rèn luyện những phẩm chất nhân cách để làm cô và mẹ trong tương lai.
- **NL02:** Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR02	CDR03	CDR04	CDR05	CDR06	CDR07	CDR08	CDR09	CDR10	CDR11
KT01		3	3								
KT02		3	3		3						
KT03		3	4	3							
KN01					3	3					
KN02						3	3				
KN03					4	3	4				3
NL01							4		3	4	
NL02							4		3	4	3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học hiểu biết chung về giáo dục gia đình, bao gồm: Khái niệm, các chức năng, đặc trưng cơ bản, các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình. Giúp người học nắm được nội dung giáo dục con trong gia đình ở các lứa tuổi khác nhau, hiểu rõ hơn tầm quan trọng của việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia các bài kiểm tra và dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính

[1] Ngô Công Hoàn (2009), *Giáo trình giáo dục gia đình*. NXB Giáo dục Việt Nam

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] E.I.xec-mia-cơ (1991), *142 tình huống giáo dục gia đình*(1991). NXB Giáo dục.

[3] *Công ước quốc tế về quyền trẻ em* (2001). NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

[4] *Tìm hiểu luật chăm sóc và giáo dục trẻ em* (2005). NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

[5] Video về giáo dục gia đình (Nguồn Internet)

https://www.youtube.com/watch?v=5iMMV_ONfoQ

<https://www.youtube.com/watch?v=o4s4U1c8nHE>

https://www.youtube.com/watch?v=A_7bGdkZVp0

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

- Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 1

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 2

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Chọn trong các nội dung sau: - Phân tích được các đặc trưng cơ bản của giáo dục gia đình.	Kiểm tra vào thời điểm phù	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Trình bày đúng đủ các vai trò của	KT01 KT02 KN01

	- Đánh giá vai trò của giáo dục gia đình đối với sự phát triển của cá nhân và đối với xã hội, đặc biệt là đối với trẻ mầm non.	hợp		gia đình, liên hệ với thực tiễn.	KN02 KN03 NL01
Bài KT định kỳ	<i>Kiến thức chương 1.</i> Chọn trong các nội dung sau: - Nhận định về 1 số quan điểm giáo dục gia đình. - Phân tích các chức năng cơ bản của gia đình. - Phân tích các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình.	Tiết 15	Thảo luận nhóm/ Trình bày BT nhóm	- Hiểu về quan điểm, nhận xét đánh giá về quan điểm đó. - Phân tích được các chức năng cơ bản của gia đình. - Phân tích được các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình.	KT01 KT02 KT03 KN02 KN03 NL02
Bài KT định kỳ	<i>Kiến thức chương 2.</i> Chọn trong các nội dung sau: - Mục tiêu giáo dục con trong gia đình. - Giáo dục con trong gia đình ở các độ tuổi. - Mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục con. - Xử lý các tình huống sư phạm và rút ra bài học kinh nghiệm.	Tiết 30	Vấn đáp	- Làm rõ mục tiêu giáo dục con trong gia đình. - Phân tích được giáo dục con trong gia đình ở các độ tuổi. - Phân tích được mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục con. - Dự kiến xử lý tình huống và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.	KT02 KT03 KN01 KN03 NL01 NL02
Thi kết thúc học phần		Theo kế hoạch của trường	Tự luận		

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	B T / T L	TH/ TN				
1	CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ GIÁO DỤC GIA ĐÌNH 1.1. Khái niệm chung về gia đình 1.1.1. Định nghĩa về gia đình 1.1.2. Gia đình là môi trường văn hóa gần nhất và sớm nhất đối với trẻ 1.1.3. Các loại gia đình	4			<i>Tài liệu</i> [1]	- Đọc trước các nội dung bài học trong giáo trình [1] - Trình bày được khái niệm chung về gia đình. - Kể tên được các loại hình gia đình và liên hệ với thực tiễn tại địa phương.	KT01 KN01 NL02	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
2	1.2. Các chức năng của gia đình 1.2.1. Chức năng bảo tồn nòi giống và bảo tồn văn hóa dân tộc 1.2.2. Chức năng nuôi dưỡng con cái 1.2.3. Chức năng giáo dục con cái 1.2.4. Chức năng kinh tế, đảm bảo sự tồn tại và phát triển cho các thành viên trong gia đình 1.2.5. Chức năng chăm sóc người cao tuổi 1.2.6. Gia đình và quyền trẻ em	4			<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [3] <i>Tài liệu</i> [4]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1]. - Tìm hiểu nội dung liên quan trong tài liệu [3],[4]. - Nắm rõ được các chức năng cơ bản của gia đình. - Rút ra được kết luận sơ phạm cho bản thân.	KT01 KT02 KT03 KN01 NL02	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

3	1.3. Các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình 1.3.1. Cha và mẹ 1.3.2. Cha, mẹ và con 1.3.3. Ông bà và cháu 1.3.4. Anh, chị em	5			<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1],[2]. - Phân tích các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình.	KT01 KT02 KN01 NL02	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
4	1.4. Thực hành: - Nhận xét về cuộc sống gia đình tại địa phương em sinh sống. - Em hãy chia sẻ về mối quan hệ giữa ông bà, cha mẹ, anh chị em trong gia đình em.		2		<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [2]	- Thực hành nhận xét về cuộc sống gia đình tại địa phương và chia sẻ về gia đình mình.	KT01 KT03 KN01 NL01 NL02	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
5	Kiểm tra			1				
6	CHƯƠNG 2. GIÁO DỤC CON TRONG GIA ĐÌNH 2.1. Mục tiêu giáo dục con trong gia đình 2.2. Giáo dục con chưa đến tuổi học tiểu học 2.2.1. Giáo dục con ở tuổi sơ sinh 2.2.2. Giáo dục con tuổi hài nhi 2.2.3. Giáo dục con tuổi ấu nhi 2.2.4. Giáo dục con tuổi mẫu giáo	5			<i>Tài liệu</i> [1] <i>Tài liệu</i> [4]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1,4] - Nắm được mục tiêu giáo dục con trong gia đình. - Nắm được đặc điểm, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục con trước tuổi học tiểu học.	KT02 KT03 KN02 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
7	2.3. Giáo dục con là học sinh 2.3.1. Giáo dục con tuổi nhi đồng (Học sinh tiểu học) 2.3.2. Giáo dục con tuổi thiếu niên	3			<i>Tài liệu</i> [1]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1] - Nắm được đặc điểm, nhiệm vụ, nội dung,	KT02 KT03 KN02 KN03	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

	(Trung học cơ sở) 2.2.3. Giáo dục con tuổi thanh niên mới lớn (Trung học phổ thông)					phương pháp giáo dục con tuổi học sinh phổ thông.	NL01 NL02	
8	2.4. Mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội 2.4.1. Quan hệ của gia đình và nhà trường 2.4.2. Quan hệ của gia đình với xã hội	3			<i>Tài liệu</i> [1]	- Đọc trước nội dung bài học trong tài liệu [1] - Nắm được mối quan hệ của gia đình, nhà trường và xã hội trong chăm sóc giáo dục trẻ em.	KT02 KT03 KN02 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
9	2.5. Thực hành: - Bài tập 1,2,3,4 trang 127 & 128 trong giáo trình. - Xử lý một số tình huống sư phạm nảy sinh trong mối quan hệ giữa cô giáo mầm non và gia đình trẻ.		2		<i>Tài liệu</i> [1]	- Hình thành được kỹ năng xử lý một số tình huống nảy sinh trong mối quan hệ giữa cô giáo mầm non và gia đình trẻ. - Làm bài tập trang 127 & 128 trong tài liệu.	KT01 KT03 KN01 KN03 NL01 NL02	Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
10	Kiểm tra			1				

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Thực hành sư phạm 3

Mã học phần: 710.60

2. Số tín chỉ: 02

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	04	tiết
+ Thảo luận, thực hành	24	tiết
+ Kiểm tra:	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết

Sinh viên hoàn thành thực hành sư phạm 1,2. Hoàn thành thực tập sư phạm 1

6. Mục tiêu học phần: Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể có khả năng:

- Phân tích được cấu trúc giáo án, yêu cầu khi soạn giáo án của các hoạt động.
- Lựa chọn được các nội dung dạy trẻ ở từng độ tuổi theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
- Có khả năng phát hiện và xử lý tình huống sư phạm xảy ra trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ.
- Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, giáo viên và các bạn trong nhóm, lớp.
- Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành, cập nhật những thành tựu mới của giáo dục mầm non, ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin vào lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.
- Có kỹ năng tự đánh giá được năng lực của bản thân và các thành viên trong nhóm, lớp.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Phân tích được cấu trúc giáo án, yêu cầu khi soạn giáo án của các hoạt động.
- **KT02:** Lựa chọn được các nội dung dạy trẻ ở từng độ tuổi theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
- **KT03:** Vận dụng được các kiến thức phát triển thể chất, tâm lý lứa tuổi mầm non, phương pháp tổ chức các hoạt động trẻ mầm

non vào việc thiết kế, lập kế hoạch, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức và đánh giá việc tổ chức các hoạt động học cho trẻ ở trường mầm non phù hợp với điều kiện thực tế.

7.2. Kỹ năng (KN)

- **KN01:** Dự giờ, ghi chép, nhận xét hoạt động học tại trường mầm non.
- **KN02:** Lập kế hoạch tổ chức hoạt động học cho trẻ ở các độ tuổi
- **KN03:** Thiết kế, xây dựng môi trường giáo dục phù hợp.
- **KN04:** Sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ có hiệu quả phù hợp độ tuổi, chủ đề và điều kiện thực tế ở trường mầm non.
- **KN05:** Phát hiện, phân tích và giải quyết được các tình huống sư phạm trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.
- **KN06:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động học trẻ mầm non.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)

- **NL01:** Quản lý hiệu quả thời gian học tập. Tích cực nghiên cứu tài liệu, thâm nhập các hoạt động thực tế tại trường mầm non.
- **NL02:** Làm việc độc lập, tham gia tích cực, trách nhiệm trong hoạt động nhóm. Chịu trách nhiệm đối với cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Luôn có ý thức hỗ trợ, giúp đỡ người khác hoàn thành nhiệm vụ.
- **NL03:** Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp.
- **NL04:** Đánh giá được năng lực bản thân và các thành viên trong nhóm, lớp.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR06	CĐR07	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR11
KT01			3								
KT02			3								
KT03			3								
KN01					3		3				
KN02		2				4					
KN03		2				3					

KN04		3				4	3				
KN05		2			4		3				
KN06				4							
NL01									4		
NL02										4	
NL03		2								3	3
NL04							3				4

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần bao gồm các nội dung: Lập kế hoạch, thiết kế, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức và đánh giá các hoạt động học ở trường mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia học trên lớp, hoàn thành các bài thực hành sư phạm, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.
- Tham gia các đợt kiến tập đầy đủ, đúng quy định, có hiệu quả.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục mầm non*, Ban hành kèm theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13/4/2021
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (3-36 tháng tuổi; 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi)* - (được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo TT số 51/2020-BGDĐT ngày 31/12/2020), NXBGD

10.2 Sách tham khảo:

- [3]. Lê Đức Hiền (2005), *Giáo trình Tạo hình và phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non hoạt động tạo hình* (dùng trong các trường trung học chuyên nghiệp), NXBGDHN, 2005
- [4]. Phạm Thị Hòa (2014), *Giáo trình Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- [5]. Đỗ Thị Minh Liên (2009), *Phương pháp cho trẻ làm quen với toán (dành cho hệ CDSP Mầm non)*, Nhà xuất bản giáo dục
- [6]. Đinh Thị Nhung, *Toán và phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ Mẫu giáo*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (quyển I,

II, III).

[7]. Hoàng Thị Oanh - TS Nguyễn Thị Oanh (2009), *Giáo trình PP cho trẻ Mầm non Khám phá khoa học về môi trường xung quanh*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

[8]. Đặng Hồng Phương (2008), *Giáo trình Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm (Quyển 2).

[9]. Ngô Thị Thái Sơn (2006), *Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, NXBGD.

[10]. Phạm Thị Thu (Chủ biên) (2021). *Giáo trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

[11]. Trang web <http://www.mamnon.com/adsense/ClickAds.aspx?Id=488>

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Chấm theo thang điểm 10, từ 0 đến 10, lấy đến một chữ số thập phân. Điểm HS1 gồm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên. Điểm HS2 gồm: các con điểm kiểm tra các bài thực hành (SV phải tham gia đầy đủ các bài thực hành)

- Điểm học phần (TH) = (Điểm HS1 + Điểm các bài kiểm tra thực hành x 2)/N

$$N = (\text{Số con điểm hệ số 1} + \text{số con điểm KT thực hành} \times 2)$$

(Điểm HP thực hành lấy đến một chữ số thập phân sau khi đã làm tròn)

- Điều kiện được xét hoàn thành môn: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, hoàn thành đủ các bài thu hoạch, bài thực hành, các buổi kiến tập, có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên).

Kế hoạch kiểm tra:

* Thực hành sư phạm 3 (kì 5):

Bài KT	Nội dung	Thời điểm KT	Hình thức KT	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	Lập kế hoạch tổ chức hoạt động học theo yêu cầu	Tuần 2	Tự luận	- Trình bày đúng cấu trúc kế hoạch, lựa chọn nội dung phù hợp độ tuổi, chủ đề. - Xác định mục tiêu phù hợp. Trình bày đầy đủ các bước tổ chức hoạt động học, đúng phương pháp của từng hoạt động.	KT01 KT02 KN02 KN04 KN06 NL01 NL02

Bài KT định kỳ 1	- Lập kế hoạch, chuẩn bị và tổ chức hoạt động học cho trẻ độ tuổi nhà trẻ theo kế hoạch đã lập - Nhận xét đánh giá giờ dạy của mình/của bạn/nhóm bạn	Tuần 4,5	Thực hành	- Kế hoạch trình bày đúng cấu trúc, lựa chọn nội dung phù hợp độ tuổi, chủ đề. Xác định mục tiêu phù hợp. Trình bày đầy đủ các bước tổ chức hoạt động học, đúng phương pháp của từng hoạt động - Chuẩn bị đồ dùng dạy học đầy đủ, phù hợp với nội dung - Phân bố thời gian hợp lí. Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Làm chủ được các tình huống dạy học theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, không ngọng, không lắp. - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành (ưu, nhược điểm của từng giờ học)	KT01 KT02 KT03 KN02 KN03 KN04 KN05 KN06 NL01 NL02 NL03 NL04
Bài KT định kỳ 2	- Lập kế hoạch, chuẩn bị và tổ chức hoạt động học cho trẻ mẫu giáo theo kế hoạch đã lập - Nhận xét đánh giá giờ dạy của mình/của bạn/nhóm bạn	12, 13	Thực hành	- Kế hoạch trình bày đúng cấu trúc, lựa chọn nội dung phù hợp độ tuổi, chủ đề. Xác định mục tiêu phù hợp. Trình bày đầy đủ các bước tổ chức hoạt động học, đúng phương pháp của từng hoạt động. - Chuẩn bị đồ dùng dạy học đầy đủ, phù hợp với nội dung - Phân bố thời gian hợp lí. Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học - Làm chủ được các tình huống dạy học	KT01 KT02 KT03 KN02 KN03 KN04 KN05 KN06 NL01 NL02

				theo nguyên tắc “lấy trẻ làm trung tâm”. Bao quát được lớp học. Sử dụng phương tiện dạy học thành thạo. Ngôn ngữ nói rõ ràng, biểu cảm, không ngọng, không lắp. - Quan sát, đánh giá được hiệu quả của hoạt động thực hành của từng giờ học	NL03 NL04
--	--	--	--	---	--------------

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TH/TL	KT				
1	CHƯƠNG 3. THỰC HÀNH KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO TRẺ MẦM NON 3.1. Khái quát chung về hoạt động học của trẻ Mầm non 3.1.1. Các hoạt động học và nội dung cơ bản trong hoạt động học của trẻ độ tuổi Nhà trẻ. 3.1.2. Các hoạt động học và nội dung cơ bản trong hoạt động học của trẻ độ tuổi Mẫu giáo 3.1.3. Các phương pháp tổ chức hoạt động học của trẻ Mầm non 3.1.4. Lập kế hoạch và chuẩn bị môi trường tổ chức hoạt động học cho trẻ	4	0	0	Tài liệu: [6]; [9]; [11]; [12]; [13]; [14]; [15]; [16]; [17]	- Nghiên cứu tài liệu - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của GV - Thảo luận về các nội dung: + Hoạt động học, nội dung cơ bản, phương pháp tổ chức. + Lập kế hoạch tổ chức hoạt động học + Chuẩn bị môi trường tổ chức hoạt động học của trẻ mầm non - Bài tập nhóm: Lập kế hoạch hoạt động học cho trẻ mẫu giáo (độ tuổi tự chọn)	KT01 KT02 KT03 KN02 KN03 KN04 KN06 NL01 NL02	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

	Mầm non					và độ tuổi nhà trẻ 24-36th theo chủ đề. Chủ đề bám vào trường mầm non đang thực hiện - Ghi chép đầy đủ vào Nhật kí THSP.		
2	3.2. Thực hành tổ chức hoạt động học cho trẻ độ tuổi Nhà trẻ 3.2.1. Thực hành tổ chức hoạt động Nhận biết tập nói 3.2.2. Thực hành tổ chức hoạt động với đồ vật 3.2.3. Thực hành tổ chức hoạt động Âm nhạc 3.2.4. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ LQVTPVH	0	8	0	Tài liệu: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]; [7]; [8]; [9];[10]	- Nghiên cứu tài liệu - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của cô - Thảo luận nhóm, lập kế hoạch và chuẩn bị môi trường tổ chức hoạt động NBTN, HĐVDV, âm nhạc cho trẻ độ tuổi Nhà trẻ theo chủ đề và đề tài tự chọn. - Tổ chức hoạt động theo nhóm - Các nhóm quan sát, ghi chép các hoạt động của nhóm bạn tổ chức. - Tiến hành nhận xét, đánh giá giữa các nhóm. Đánh giá các hoạt động đã được quan sát (ưu, nhược điểm của từng hoạt động)	KT03 KN 02 KN 03 KN 04 KN 05 NL 01 NL 02 NL 03 NL04	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, thực hành, trực quan, đánh giá.
3	3.3. Thực hành tổ chức các hoạt động học cho trẻ Nhà trẻ tại trường Mầm	0	3	0	Tài liệu: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6];	- Nghiên cứu tài liệu. - Hệ thống hóa kiến thức đã	KT02 KT03	Phát vấn; Thuyết

	non				[7]; [8]; [9];[10]	học - Dự giờ một số hoạt động học của trẻ nhà trẻ ở trường mầm non. - Lập kế hoạch và tổ chức một số hoạt động học cho trẻ nhà trẻ tại trường mầm non - Đánh giá các hoạt động đã được quan sát (ưu, nhược điểm của từng giờ học) - Thực hiện nghiêm túc các nội dung và nội quy kiến tập.	KN 01 KN02 KN 03 KN 04 KN 05 KN06 NL 01 NL 02 NL 03 NL04	trình; Thảo luận nhóm, Thực hành, Trục quan, đánh giá
4	Kiểm tra định kỳ 1 27.	0	0	1				Thực hành
5	3.4. Thực hành tổ chức hoạt động học cho trẻ độ tuổi Mẫu giáo 3.4.1. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với biểu tượng toán 3.4.2. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học và LQCC 3.4.3. Thực hành tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh 3.4.4. Thực hành tổ chức hoạt động tạo hình 3.4.5. Thực hành tổ chức hoạt động âm	0	10 2 3 2 1	0	Tài liệu: [6]; [9]; [11]; [12]; [13]; [14]; [15]; [16]; [17]	- Nghiên cứu tài liệu - Trình bày các nội dung theo yêu cầu của cô - Thảo luận nhóm, lập kế hoạch và chuẩn bị môi trường tổ chức hoạt động cho trẻ LQ với biểu tượng toán, cho trẻ LQVTPVH, cho trẻ KPKH về MTXQ, Tạo hình, thể dục cho trẻ độ tuổi Mẫu giáo theo chủ đề và đề tài tự chọn. - Tổ chức hoạt động theo	KT02 KT03 KN 01 KN02 KN 03 KN 04 KN 05 KN06 NL 01 NL 02 NL 03 NL04	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, thực hành, trực quan, đánh giá.

	nhạc 3.4.6. Thực hành tổ chức hoạt thể dục		1 1			nhóm - Các nhóm quan sát, ghi chép các hoạt động của nhóm bạn tổ chức. - Tiến hành nhận xét, đánh giá giữa các nhóm. Đánh giá các hoạt động đã được quan sát (ưu, nhược điểm của từng hoạt động)		
6	3.5. Thực hành tổ chức các hoạt động học cho trẻ Mẫu giáo tại trường Mầm non	0	3	0	Tài liệu: [6]; [9]; [11]; [12]; [13]; [14]; [15]; [16]; [17]	- Nghiên cứu tài liệu. - Hệ thống hóa kiến thức đã học - Dự giờ một số hoạt động học của trẻ mẫu giáo ở trường mầm non. - Lập kế hoạch và tổ chức một số hoạt động học cho trẻ mẫu giáo tại trường mầm non - Đánh giá các hoạt động đã được quan sát (ưu, nhược điểm của từng giờ học) - Thực hiện nghiêm túc các nội dung và nội quy kiến tập.	KT02 KT03 KN 01 KN02 KN 03 KN 04 KN 05 KN06 NL 01 NL 02 NL 03 NL04	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành, Trực quan, đánh giá
7	Kiểm tra định kì 2	0	0	1				Thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Mã học phần: 710.22

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lý thuyết:	34	tiết
+ Thảo luận/thực hành:	08	tiết
+ Kiểm tra:	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong các học phần: Giáo dục học mầm non.

6. Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên:

- Những những tri thức cơ bản về phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Các khái niệm, cấu trúc, các bước phát triển chương trình, các nguyên tắc trong lập kế hoạch phát triển chương trình, các loại kế hoạch, cấu trúc, nội dung các loại kế hoạch thực hiện chương trình trong trường mầm non.
- Có kỹ năng lập kế hoạch, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non theo hướng tích hợp; đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo các độ tuổi.
- Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng sử dụng kiến thức, kỹ năng tin học trong lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

7.1. Kiến thức (KT)

- **KT01:** Phân biệt được khái niệm chương trình giáo dục mầm non và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

- **KT02:** Trình bày được cấu trúc chương trình giáo dục mầm non; các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
- **KT03:** Phân tích và đánh giá được cơ sở lý luận và thực tiễn trong phát triển chương trình giáo dục mầm non
- **KT04:** Phân biệt được các loại kế hoạch trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non; cấu trúc và nội dung của các loại kế hoạch trong thực hiện chương trình giáo dục ở trường mầm non; Môi trường trong và ngoài lớp học phù hợp trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
- **KT05:** Mô tả được các bước tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non và cách thức đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

7.2. *Kỹ năng (KN)*

- **KN01:** Thiết kế được các loại kế hoạch trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non
- **KN02:** Thiết kế được môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với các hoạt động trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non.
- **KN3:** Tổ chức được các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề
- **KN04:** Đánh giá được việc tổ chức thực hiện chương trình thông qua hoạt động thực hành sư phạm.
- **KN05:** Vận dụng được kiến thức và kỹ năng tin học trong quá trình lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ ở trường Mầm non.

7.3. *Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL)*

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả.
- **NL02:** Say mê và nghiêm túc trong nghiên cứu; có khả năng làm việc độc lập và tinh thần hợp tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- **NL03:** Yêu thích môn học, có ý thức trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Bảng: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR 02	CDR 03	CDR 04	CDR 05	CDR 06	CDR 07	CDR 08	CDR 09	CDR 10	CDR 11
KT01		3	3								
KT02		3	3								
KT03		3	3								

KT04		2	3								
KT05		2	3								
KN01				2	2	3					
KN02				2	2	3					
KN03					2	4					
KN04				3	3	3					2
KN05						3	2				3
NL01									3		
NL02									3	3	
NL03									2	3	

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần

Học phần gồm các vấn đề cơ bản: Khái niệm chương trình giáo dục mầm non và phát triển chương trình giáo dục mầm non; Cơ sở của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non; Các bước phát triển chương trình giáo dục mầm non; Cấu trúc chương trình giáo dục mầm non; Giới thiệu chương trình mầm non hiện hành; Lập kế hoạch tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ; Tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề; Xây dựng môi trường giáo dục; Đánh giá trong việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng quy định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Bài giảng - *Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non* (2018) (Tài liệu lưu hành nội bộ) - Trường CĐSP Nghệ An.

10.2. Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Thu Hiền (2008) - *Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục VN.

- [3]. Bộ giáo dục và đào tạo - vụ GDMN- *Chương trình GDMN mới*. (2007). NXB Giáo dục VN.
- [4]. Bồi dưỡng chuyên đề: *Đổi mới chương trình chăm sóc - Giáo dục trẻ mầm non* (2004). Tài liệu dành cho giảng viên SPMN.
- [5]. Viện khoa học giáo dục - Trung tâm nghiên cứu GDMN - Hà Nội. (2004) *Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ Nhà trẻ*. NXB Giáo dục VN.
- [6]. Viện khoa học giáo dục - Trung tâm nghiên cứu GDMN - Hà Nội. (2004) *Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ 3 - 4 tuổi* (2004). NXB Giáo dục VN.
- [7]. Viện khoa học giáo dục - Trung tâm nghiên cứu GDMN - Hà Nội (2004). *Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ 4- 5 tuổi* . NXB Giáo dục VN.
- [8]. Viện khoa học giáo dục - Trung tâm nghiên cứu GDMN - Hà Nội. (2004). *Hướng dẫn thực hiện đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ 5 - 6 tuổi* (2004). NXB Giáo dục VN.
- [9]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Nhà trẻ (3 - 36 tháng tuổi)* - NXB Giáo dục VN.
- [10]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo bé (3 - 4 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.
- [11]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo nhỡ (4 - 5 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.
- [12]. Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non Mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)* - NXB Giáo dục VN.
- [13]. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi* (Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2010 của.
- [14]. Bộ giáo dục và đào tạo - vụ GDMN (2017) *Chương trình giáo dục mầm non* (Ban hành kèm theo Thông tư Ban hành chương trình giáo dục mầm non (Số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2017). NXB Giáo dục VN.
- [15]. Các đường link:
- <https://sites.google.com/view/khohoclieumokhoamamnon/>
 - <https://youtube.com> (tiết dạy mầm non)
 - <https://download.vn/> (giaoanmamnon)

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;
- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2:
- + Số bài kiểm tra thường xuyên: 01
- + Số bài kiểm tra định kỳ: 03
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
- + Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình đào tạo;
- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
- + Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài kiểm tra thường xuyên	- Trình bày khái niệm chương trình GDMN và phát triển chương trình GDMN. - Trình bày quan điểm chỉ đạo về phát triển chương trình GDMN và một số cách tiếp cận trong phát triển chương trình GDMN - Phân tích các cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình GDMN.	Giáo viên linh động lựa chọn thời điểm phù hợp.	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT01 KT02 KT03 KN01 NL01 NL02 NL03
Bài kiểm tra định kỳ 1	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Thế nào là phát triển chương trình GDMN? - Trình bày các bước phát triển chương trình GDMN. Tại sao các bước phát triển chương trình phải được xếp trong một vòng tròn khép kín? - Phân tích các cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình GDMN.	Tiết 15	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể.	KT03 KN01 NL01 NL02 NL03

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài kiểm tra định kỳ 2	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Trình bày khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN. - Phân tích nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN. - Trình bày cấu trúc và nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình theo năm học cho từng độ tuổi. (GV có thể lựa chọn kế hoạch thực hiện chương trình theo tháng, chủ đề, ngày, hoặc một hoạt động cụ thể)	Tiết 30	Tự luận	- Trình bày cô đọng, súc tích, có ví dụ minh họa cụ thể. - Trình bày cấu trúc và nội dung của một loại kế hoạch thực hiện chương trình	KT03 KT04 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03
Bài KT định kỳ 3	<i>Giáo viên có thể lựa chọn các nội dung sau:</i> - Thiết kế (xác định nội dung và lập sơ đồ) môi trường giáo dục cho một trong các hoạt động trong trường mầm non sau: Hoạt động học, hoạt động ngoài trời, hoạt động vui chơi ở các góc	Tiết 45	Thực hành	- SV thiết kế (xác định nội dung và lập sơ đồ) môi trường giáo dục cho một trong các hoạt động trong trường mầm non theo yêu cầu của GV.	KT02 KT03 KT04 KN02 KN03 KN04 KN05 NL02 NL03
Thi kết thúc học phần	Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học.	Theo kế hoạch của trường	Tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi.	

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần

T T	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/ TH	KT				
1	CHƯƠNG 1: CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON (15 tiết) 1.1. Khái niệm chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non 1.1.1. Khái niệm chương trình giáo dục mầm non 1.1.2. Khái niệm phát triển chương trình giáo dục mầm non 1.2. Cơ sở của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non 1.2.1. Quan điểm chỉ đạo về phát triển chương trình GDMN 1.2.2. Một số cách tiếp cận trong phát triển chương trình GDMN 1.2.3. Cơ sở lý luận của việc phát triển chương trình GDMN 1.2.4. Cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình GDMN	12	2	1	Tài liệu [1] Tài liệu [2] Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Đọc và trình bày được khái niệm chương trình giáo dục mầm non; Khái niệm phát triển chương trình giáo dục mầm non - Trình bày được quan điểm chỉ đạo và một số cách tiếp cận trong phát triển chương trình GDMN - Phân tích được cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình GDMN	KT01 KN01 NL01 NL02 NL03 KT01 KN01 NL01 NL02 NL03	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm. Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm.
	1.3. Các bước phát triển chương trình GDMN 1.3.1. Nguyên tắc thiết kế chương trình GDMN 1.3.2. Các bước phát triển chương trình GDMN 1.4. Cấu trúc chương trình giáo dục mầm non 1.4.1. Mục tiêu giáo dục	2			Tài liệu [1, tr 14- 15]	- Đọc, hiểu các nguyên tắc thiết kế chương trình GDMN - Trình bày được các bước phát triển	KT01 KN01 NL01 NL02 NL03	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận

	1.4.2. Nội dung giáo dục 1.4.3. Phương pháp và hình thức giáo dục trẻ 1.4.4. Điều kiện thực hiện chương trình 1.4.5. Đánh giá	3			Tài liệu [1]	chương trình GDMN - Đọc, hiểu cấu trúc chương trình giáo dục mầm non		nhóm.
3	1.5. Giới thiệu chương trình giáo dục mầm non hiện hành 1.6. Thảo luận chương 1	1	2		Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Trả lời câu hỏi 1,2,3,4,5 trang 25 tài liệu [1].	KT01 KN01 NL01,2 ,3	Thuyết trình; Thảo luận nhóm.
4	Kiểm tra định kỳ			1		Ôn tập chương 1		
5	CHƯƠNG II: LẬP KẾ HOẠCH HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN 2.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc lập kế hoạch trong trường MN 2.1.1. Khái niệm lập kế hoạch trong trường MN 2.1.2. Ý nghĩa của việc lập kế hoạch trong trường mầm non 2.2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN 2.2.1. Khái niệm nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN 2.2.2. Các nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN	1 2			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Trình bày được ý nghĩa của việc lập kế hoạch trong trường mầm non - Trình bày khái niệm và các các nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình GDMN	KT01 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
6	2.3. Các loại kế hoạch thực hiện chương trình, cấu trúc và nội dung các loại kế hoạch thực hiện chương trình trong trường mầm non 2.3.1. Phân loại kế hoạch thực hiện chương trình 2.3.2. Hướng dẫn xây dựng các loại kế hoạch trong trường MN	8			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Trình bày được cấu trúc và nội dung các loại kế hoạch thực hiện chương trình trong trường MN - Phân biệt được các loại kế hoạch của NT và MG	KT01 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm

7	2.4. Thực hành chương 2 2.4.1. Thảo luận và nêu nhận xét những bản kế hoạch mẫu của các trường mầm non. 2.4.2. Lập kế hoạch thực hiện chương trình theo năm học, theo chủ đề...(đối tượng trẻ - SV tự chọn)		3		Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nhận xét những bản kế hoạch mẫu của các trường mầm non. - Lập kế hoạch theo yêu cầu của GV	KT02 KN01 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành
8	Kiểm tra định kỳ			1		- Ôn tập chương 1,2		
9	CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON 3.1. Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non 3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non 3.1.2. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non. 3.1.3. Quy trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. 3.1.4. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động. 3.1.5. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.	15 3			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Đọc, thảo luận, trình bày được khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, quy trình, cách hướng dẫn và cách đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.	KT03 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm
10	3.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề 3.2.1. Quan điểm tích hợp 3.2.2. Tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề 3.2.3. Tổ chức thực hiện chủ đề.	4				- Nghiên cứu giáo trình, nghe giảng, phản hồi. - Đọc, thảo luận, trình bày được quan điểm	KT03 KN01 KN02 KN03 NL01	Trực quan; Phát vấn; Thuyết trình;

	3.2.4. Một số điểm cần lưu ý khi thực hiện cách tiếp cận tích hợp theo chủ đề.					tích hợp, cách thức tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề.	NL02 NL03	Thảo luận nhóm
11	3.3. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình phát sinh 3.1. Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chủ đề 3.2. Chương trình phát sinh 3.4. Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong thực hiện chương trình GDMN 3.4.1. Phối hợp giữa trường MN với gia đình trẻ 3.4.2. Phối hợp giữa trường mầm non với cộng đồng 3.5. Đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. 3.5.1. Khái niệm, ý nghĩa của đánh giá việc thực hiện CTGDMN 3.5.2. Nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình 3.5.3. Phương pháp đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN 3.5.4. Hình thức kiểm tra đánh giá 3.6. Giới thiệu bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.	1 2 1 1			Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Nghiên cứu các cách tiếp cận trong chương trình GDMN - Trình bày được các cách phối hợp giữa trường mầm non với gia đình và cộng đồng trong thực hiện chương trình GDMN - Hiểu và biết đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN. - Trình bày nội dung bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.	KT03 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành cá nhân, nhóm.

12	3.7. Thảo luận chương 3		2		Tài liệu [1] Tài liệu [2]	- Trả lời câu hỏi 1 đến câu 14 trang 82, 83 tài liệu [1].	KT03 KN1,2. 3 NL01 NL02 NL03	Thuyết trình; Thảo luận nhóm
13	Kiểm tra định kỳ			1		- Ôn tập chương 3		

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tổ chức hoạt động dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh

Mã học phần: 710.63

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ ba ngành Giáo dục mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	30	tiết
+ Lí thuyết:	22	tiết
+ Thảo luận, thực hành	06	tiết
+ Kiểm tra	02	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	60	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành học phần Tiếng Anh 2

6. Mục tiêu học phần: Học phần “Tổ chức hoạt động dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh” nhằm giúp sinh viên có thể:

- Nắm được kiến thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức các hoạt động làm quen với tiếng Anh cho trẻ mầm non.
- Biết vận dụng linh hoạt các phương pháp và hoạt động phát triển ngôn ngữ giúp trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh;
- Phát triển năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; và tìm kiếm, khai thác các nguồn tài liệu phục vụ cho học tập và giảng dạy trẻ làm quen với tiếng Anh.
- Kết hợp kiến thức lý thuyết và thực hành, vận dụng sáng tạo vào các hoạt động dạy học, qua đó giúp hình thành, và phát triển các năng lực, phẩm chất đáp ứng chuẩn đầu ra.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

7.1. Kiến thức (KT)

- KT01: Hiểu được những đặc thù về phát triển ngôn ngữ nói chung và ngôn ngữ thứ hai nói riêng của trẻ ở lứa tuổi mầm non;

- KT02: Nắm được các nguyên tắc dạy học ngoại ngữ và một số kỹ thuật dạy tổ chức các hoạt động dạy học tiếng Anh cho trẻ mầm non

- KT03: Nắm được các kỹ thuật về quản lý lớp học dành cho trẻ mầm non trong giờ học tiếng Anh

7.2. Kỹ năng (KN):

- KN01: Khai thác và thiết kế hoạt động dạy học trên lớp, tổ chức các hoạt động làm quen với Tiếng Anh cho trẻ; giúp trẻ hứng thú và tham gia vào hoạt động học tập; quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp hiệu quả.

- KN02: Có khả năng sử dụng tiếng Anh để triển khai các hoạt động giúp trẻ làm quen với tiếng Anh

- KN03: Có năng lực giao tiếp, tương tác tốt với trẻ.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

- NL01: Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm; tư duy phản biện, sáng tạo, đổi mới; có trách nhiệm với bản thân và với nhóm;

- NL02: Có ý thức, nghiêm túc trong tự học, tự nghiên cứu; hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công;

- NL03: Đánh giá được chất lượng công việc để hoàn thiện, phát triển bản thân; Đánh giá được chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.

Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CDR01	CDR02	CDR03	CDR04	CDR05	CDR06	CDR07	CDR08	CDR09	CDR10	CDR11
KT01			3								
KT02			3								
KT03			3								
KN01						3					
KN02								2			
KN03							3				
NL01									3		
NL02										3	
NL03											3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần “Tổ chức hoạt động dạy trẻ mầm non làm quen với Tiếng Anh” gồm 3 chương với các nội dung về đặc điểm của trẻ khi học ngôn ngữ thứ hai, một số phương pháp giúp trẻ làm quen với tiếng Anh và quản lý lớp học trẻ mầm non. Mỗi chương đều có các phần nội dung lý thuyết và thực hành vận dụng.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, hoàn thành đủ các bài kiểm tra định kỳ, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham gia dự kì thi kết thúc học phần.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Joan Kang Shin, Jo Ann Crandall. *Teaching Young Learners English: From Theory to Practice*. National Geographic Learning/Heinle, Cengage Learning, 2013

[2] Mary Slattery & Jane Willis. *English for primary teachers*. Oxford University Press, 2001 (Tái bản 2014).

10.2. Sách tham khảo:

- Moon, Jayne. *Children Learning English*. Macmillan. 2005
- Slattery, Mary. *Teaching with Bear*. OUP. 2008
- The Diagram Group. *Children's Games*. HarperCollins Publishers. 1994
- Nguyễn Quốc Hùng. *A Model to Teach English Pronunciation to Vietnamese Learners*. Ho Chi Minh City Publishers. 2000.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, hoàn thành đủ các bài thực hành, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT định kỳ 1	- Nội dung kiến thức Chương 1	Tuần 5	Trắc nghiệm	- Hiểu và vận dụng được những kiến thức ở Chương 1 để giải quyết các câu hỏi đưa ra trong bài KT.	KT01 KN02 KN03

					NL01 NL02 NL03
Bài KT định kỳ 2	- Nội dung đề thi bao quát các kiến thức, kỹ năng đã học trong Chương 2 & 3	Tuần 13-15	Trắc nghiệm & tự luận	- Hiểu và vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học ở Chương 3 để giải quyết các câu hỏi đưa ra trong bài KT.	KT01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03
Thi kết thúc học phần	- Nội dung đề thi bao quát các chuẩn đầu ra quan trọng của môn học	Theo kế hoạch của trường	Trắc nghiệm & tự luận	Tiêu chí đánh giá theo đáp án đề thi	KT01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL / T H	KT				
1	Giới thiệu về môn học 1. Course introduction 2. Requirements and Assessment		0	0	CTCT môn học	Tìm hiểu về CTCT môn học để: - Nắm được những nội dung chính của môn học		- Thảo luận

	Chương 1: Trẻ lĩnh hội tiếng mẹ đẻ và học ngôn ngữ thứ hai như thế nào Chapter 1: How children acquire their first language and how children should help to learn second language 1. Những lưu ý về dạy tiếng Anh cho trẻ nhỏ - Consideration for TEYLs 1.1. Đặc điểm của trẻ MN - Characteristics of VYLs 1.2. Trẻ nhỏ học ngoại ngữ như thế nào? - How children learn 1.3. Môi trường học tiếng - Language learning environment 2. Các đường hướng dạy tiếng Anh hiệu quả cho trẻ - Effective teaching approaches for Teaching EFL to VYLs	5			<i>Tài liệu</i> [1]: Tr 25 – 42 <i>Tài liệu</i> [1]: Tr 44-46; 58 – 64	- Hiểu được yêu cầu, cách thức, tiêu chí đánh giá Nghiên cứu trước tài liệu Chuẩn bị phần trả lời cho các câu hỏi reflection cho trước. Hiểu được các đặc điểm của trẻ khi lĩnh hội ngôn ngữ thứ nhất và học ngôn ngữ thứ hai Những yếu tố quan trọng hỗ trợ cho việc học ngôn ngữ mới của trẻ. Nghiên cứu tài liệu; nắm được đường hướng về dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non	KT01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03 KT01 KT02 KT03 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thuyết giảng Thảo luận nhóm, thuyết trình Thuyết giảng, Thảo luận nhóm
--	---	---	--	--	--	---	---	--

cards/ birthday cards...						KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Thảo luận nhóm Thực hành
3. Nói có hỗ trợ - Speak with support							
3.1 Luyện nói theo mẫu – Using classroom phrases					Tài liệu [2]: Tr 32 – 42 – 53		
3.2 Đọc theo vần – Chanting						KT02 KT03	Trực quan; thuyết giảng; Thảo luận
3.3. Luyện từ vựng – Practicing new vocabulary					Tài liệu [2]: Tr 32 – 67 – 86	KN01	nhóm
3.4. Trò chơi từ vựng – Vocabulary games					Tài liệu [1]: Tr 209 – 242	KN02 KN03	Thực hành
4. Đọc tiếng Anh – Reading						NL01 NL02 NL03	
4.1. Đọc vần chữ cái – Alphabet							
4.2. Nhận diện âm – Phonics							
4.3. Nhìn và nói – Look and say							
4.4. Trò chơi trong dạy đọc và nhận diện âm, và chữ cái – Connecting sounds with letters							
3. Kể/Đọc chuyện (Kể/Đọc chuyện và minh họa câu chuyện cho trẻ nhỏ) – Reading and telling a story to VYLs							

4	Chương 3: Quản lý lớp học Chapter 3: Classroom Management in TEFL to VYLs 1. Hoạt động nhóm, trò chơi – Teamwork, games and the sense of competitiveness 2. Làm mẫu – Demonstration not explanation 3. Quy định và quy trình - Rules and routine 4. Thu hút sự chú ý của trẻ - Getting children’s attention 5. Khích lệ và khen ngợi – Praise and rewards	5			Tài liệu [1]: Tr 287 – 321 - Nghiên cứu tài liệu; nắm được một số kỹ thuật về tổ chức hoạt động theo cặp, nhóm; trò chơi... - Chuẩn bị chu đáo cho nội dung thực hành theo nhiệm vụ được giáo viên phân công	KT01 KT02 KT03 KN01 KN02 KN03 NL01 NL02 NL03	Trực quan; Thuyết trình; Thảo luận nhóm Thực hành	
5	Bài kiểm tra định kỳ số 2		0	1		- Ôn tập lý thuyết chương 2 & 3		Thi viết

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Giáo dục thể chất 2

Mã học phần: 001.13

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Sinh viên năm thứ nhất ngành cao đẳng giáo dục mầm non chính quy

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	0	tiết
+ Thảo luận:	0	tiết
+ Thực hành/thí nghiệm:	42	tiết
+ Kiểm tra	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sau khi học xong học phần GDTC1

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng:

-Xác định được vai trò, nhiệm vụ, mục tiêu và nội dung cơ bản của thể dục phát triển chung, đội hình đội ngũ và thể dục với dụng cụ, thể dục nhịp điệu (TDNĐ) có ghép nhạc.

-Thực hành thuần thục các kĩ thuật cơ bản từng nội dung của thể dục cơ bản, đội hình đội ngũ và thể dục với dụng cụ nhẹ, với nhạc và có khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động phát triển các tố chất thể lực và kĩ thuật động tác

- Ngoài ra còn giúp cho sinh viên thể hiện ý thức tự giác, tích cực học tập và vận dụng được vào thực tế luyện tập hàng ngày, giữ gìn nề nếp, kỷ cương, tham gia tích cực vào các hoạt động phong trào rèn luyện thể dục thể thao và giữ gìn vệ sinh môi trường.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

-Kiến thức(KT):

KT01: Hiểu và nắm vững những kỹ thuật cơ bản các bài tập về đội hình đội ngũ và biến đổi đội hình.

KT02: Hiểu và nắm vững những kỹ thuật cơ bản các bài tập thể dục tay không.

KT03: Hiểu và nắm vững những kỹ thuật cơ bản các bài tập thể dục có sử dụng một số dụng cụ đơn giản (dụng cụ gậy, vòng...)

KT04: Hiểu và nắm vững những kỹ thuật cơ bản các bài tập trò chơi phát triển thể lực.

KT05: Hiểu và nắm vững những kỹ thuật cơ bản các bài tập thể dục nhịp điệu, bài liên hoàn với nhạc có di chuyển, biến đổi đội hình.

-Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s

- Kỹ năng (KN)

KN01: Thực hiện thuần thục những kỹ thuật động tác về đội hình đội ngũ và biến đổi đội hình cơ bản. Vận dụng được các kiến thức cơ bản ấy để phục vụ cho công tác giảng dạy sau này.

KN02: Thực hiện thuần thục những kỹ thuật động tác bài tập thể dục tay không.

KN03: Thực hiện thuần thục những kỹ thuật động tác cơ bản các bài tập thể dục sử dụng một số dụng cụ đơn giản (dụng cụ gậy, vòng...)

KN04: Vận dụng tốt các bài tập trò chơi nhằm phát triển các tố chất thể lực.

KN05: Vận dụng kiến thức biến đổi đội hình từ cơ bản đến phức tạp khi học thể dục nhịp điệu.

-Thực hiện thuần thục bài tập thể dục nhịp điệu liên hoàn với nhạc có di chuyển, biến đổi đội hình. Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

NL01: Tự quản lí thời gian học tập, tập luyện một cách có hiệu quả

NL02: Vận dụng hiệu quả các tri thức tiếp nhận được vào quá trình tự rèn luyện thể chất bản thân và cổ vũ phong trào tập luyện và công tác giảng dạy sau này.

NL03: Yêu thích môn học có ý thức tự giác, tích cực tập luyện và xây dựng phong trào tập luyện TDTT trong nhà trường và cộng đồng.

- Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

	CĐR01	CĐR02	CĐR03	CĐR04	CĐR05	CĐR 06	CĐR 7	CĐR08	CĐR09	CĐR10	CĐR 11
KT01					2	3					
KT02					2	3					
KT03					2	3					
KT04					2	3			2		
KT05					2	3			3		
KN01	2					3					
KN02						3					
KN03						3					
KN04						3					

KN05						1					
NL01	1	1			1	1					
NL02	2	2	2		1						
NL03	2	2	2		2	2					

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

-Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cơ bản các bài tập về đội hình đội ngũ và biến đổi đội hình, những kĩ thuật cơ bản các bài tập thể dục tay không, thể dục có sử dụng một số dụng cụ đơn giản (dụng cụ gậy, vòng...), các bài tập trò chơi phát triển thể lực, bài TDNĐ liên hoàn với nhạc có di chuyển, biến đổi đội hình. Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng qui định.
- Tham dự đầy đủ kì thi kết thúc các học trình.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính

- [1]. Đỗ Mạnh Thái- Tài liệu tập huấn và huấn luyện bài thể dục nhịp điệu - Năm 2010
- [2].Nguyễn Kim Minh (chủ biên), Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang - Giáo trình dành cho sinh viên chuyên ngành GDTC- NXB ĐHSP 2003.
- [3]. Trương Anh Tuấn – Giáo trình thể dục – Nhà xuất bản ĐHSP – Năm 2004.
- [4]. Giáo trình Thể dục (sách dùng cho các trường CĐSP), Nhà xuất bản Đại học sư phạm - năm 2003

10.2. Sách tham khảo:

* Tài liệu tiếng Việt:

[5]. Vũ Đào Hùng (chủ biên) - Trần Đồng Lâm - Đặng Đức Thao - *Thế dục và phương pháp dạy học tập 3*- NXBGD - 1998

[6]. Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thư, *Thế dục nhào lộn và nghệ thuật*, giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ CĐSP, NXB Giáo dục năm 2000

[7]. Lê Quang Sơn (chủ biên) – Nguyễn Đình Thành-Tiểu mô đun Thế dục – Bộ giáo dục và đào tạo, dự án phát triển giáo viên tiểu học.- NXBGD, 2004

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó: điểm chuyên cần, ý thức môn học, kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1; điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 02

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 03

- Điều kiện hoàn thành kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên		Tuần 3		Thuộc bài, thực hiện trôi chảy, đúng nhịp điệu, biểu hiện được tình cảm qua bài thi,	KT01 NL02

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CĐR
	-Bài thể dục tay không		Thực hành	nhịp hô rõ ràng phù hợp với biên độ động tác. Trang phục gọn gàng, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các bước thi môn thực hành.	
Bài KT thường xuyên	Bài thể dục với dụng cụ vòng	Tuần 4-7	Thực hành	Thuộc bài, thực hiện trôi chảy, đúng nhịp điệu, biểu hiện được tình cảm qua bài thi, nhịp hô rõ ràng phù hợp với biên độ động tác. Trang phục gọn gàng, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các bước thi môn thực hành	KT03 NL02
Bài KT định kỳ	-Bài thể dục với dụng cụ gậy Biên soạn và thực hiện thuần thục bài liên hoàn TDNĐ với thời gian 1p30s có ghép nhạc	Tuần 8 -9 Tuần 10 - 15	Thực hành	- Phân bố thời gian hợp lí. Sử dụng linh hoạt các phương pháp, phương tiện dạy học. - Làm chủ được các tình huống, bao quát được đội hình, khớp nhạc. Thuộc bài, thực hiện trôi chảy, đúng nhịp điệu, biểu hiện được tình cảm qua bài thi.	KT05 KN02 KN03 NL02

Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

12. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CĐR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/TL	TH/TN				
1	Chương 1: Đội hình đội ngũ: 1.1. Tập hợp hàng dọc, hàng	0	0	3	Tài liệu [2]: Tr 23-42	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân	KT 01 NL 01	Phát vấn; Thuyết trình;

Tuần	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
	ngang, điều chỉnh hàng, nghiêm, nghỉ, báo cáo giờ lên lớp thực hành thể dục, quay các hướng, dậm chân tại chỗ, đứng lại.				Tài liệu [3]: Tr 5- 17	bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	NL 02 NL 03	GV thị phạm. phân tích KTĐT Thảo luận nhóm
2	1.2. Biến đổi đội hình 1.2.1. Từ 1 hàng dọc, hàng ngang, thành 2 hàng dọc, ngang. 1.2.2. Đội hình 0-2-4; 0-3-6-9....		0	3	Tài liệu [2]: Tr23 - 42 Tài liệu [3]: Tr 5- 17	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT.	KT 01 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; GV thị phạm. phân tích KTĐT Thảo luận nhóm
3	Chương 2: Thể dục tay không 2.1. Bài thể dục tay không 8 động tác 2.2. Bài thể dục giữa giờ			3	Tài liệu [2]: Tr23-42 Tài liệu [3]: Tr 5- 17	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	KT 02 KN01 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; GV thị phạm, phân tích KTĐT -Tập luyện đồng loạt 2-3 lần sau đó chia nhóm
4	2.3. Kiểm tra học trình 1 Chương 3: Thể dục với dụng cụ 3.1. Bài thể dục với dụng cụ vòng 3.2. Bài thể dục với dụng cụ gậy.			1 2	Tài liệu [7]: Tr36-64 Tài liệu [7]: Tr87-102	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	KT 03 KN03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; GV thị phạm, phân tích KTĐT -Tập luyện đồng loạt 2-3 lần sau đó

Tuần	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/TL	TH/TN				
								chia nhóm
5	3.3: Thẻ đục với dụng cụ (tiếp theo) 3.3.1. Bài thẻ đục với dụng cụ vòng 3.3.2. Bài thẻ đục với dụng cụ gậy.			3	Tài liệu [7]: Tr36-64 Tài liệu [7]: Tr87-102	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	KT 03 KN03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; GV thị phạm, phân tích KTĐT -Tập luyện đồng loạt 2-3 lần sau đó chia nhóm
6	3.4. Ôn tập: Thẻ đục với dụng cụ 3.5. Kiểm tra học trình 2			2 1		- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát.	KT 03 KN03 NL 01 NL 02 NL 03	
7	Chương 4: Các bài tập phát triển thể lực 4.1. Các bài tập phát triển thể lực nhóm cơ tay, cơ lưng, cơ bụng		0	3	Tài liệu [2]: Tr 23 - 42 Tài liệu [3]: Tr 5- 17 Tài liệu [4]: Tr.93	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	KT 03 KN03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; GV thị phạm, phân tích KTĐT -Tập luyện đồng loạt 2-3 lần sau đó chia nhóm
8	4.2. Các bài tập phát triển thể lực nhóm cơ chân, thân mình.		0	3	Tài liệu [2]: Tr 23 - 42 Tài liệu [3]: Tr 5- 17	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan	KT 05 KN02 KN03 NL 01	Phát vấn; Thuyết trình; GV thị phạm. phân tích

Tuần	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
					Tài liệu [4]: Tr.93	sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	NL 02 NL 03	KTĐT. Tập luyện đồng loạt
9	Chương 5: Thể dục nhịp điệu 5.1. Biên soạn bài thể dục nhịp điệu với nhạc. Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s	0	0	3	Tài liệu [1]: Tr 5-80 Tài liệu [5]: Tr 33-54 Tài liệu [6]: Tr 30-55 Tài liệu [7]: Tr 99-125	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	KN02 KN03 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành
10	5.2. Biên soạn bài thể dục nhịp điệu với nhạc. Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s			3	Tài liệu [1]: Tr 5-80 Tài liệu [5]: Tr 33-54 Tài liệu [6]: Tr 30-55 Tài liệu [7]: Tr 99-125	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	KT 04 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành
11	5.3. Biên soạn bài thể dục nhịp điệu với nhạc			3	Tài liệu [1]: Tr 5-80 Tài liệu [5]: Tr 33-54 Tài liệu [6]: Tr 30-55 Tài liệu [7]: Tr 99-125	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm, phân tích KTĐT.	KT 05 KN02 NL 01 NL 02 NL 03	Phát vấn; Thuyết trình; Thảo luận nhóm, Thực hành
12	5.5. Thực hiện bài thể dục nhịp điệu với nhạc. Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s		0	3	Tài liệu [1]: Tr 5-80 Tài liệu [5]: Tr 33-54 Tài liệu [6]: Tr 30-55 Tài liệu [7]: Tr 99-125	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan	KT 05 KN02 NL 01 NL 02	Chia nhóm tập luyện

Tuần	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	BT/ TL	TH/ TN				
						sát GV thị phạm. phân tích KTĐT	NL 03	
13	5.4. Thực hiện bài thể dục nhịp điệu với nhạc. Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s		0	3	Tài liệu [1]: Tr 5-80 Tài liệu [5]: Tr 33-54 Tài liệu [6]: Tr 30-55 Tài liệu [7]: Tr 99-125	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm, phân tích KTĐT.	KT 05 KN02 NL 01 NL 02 NL 03	Chia nhóm tập luyện
14	5.5. Thực hiện bài thể dục nhịp điệu với nhạc. Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s		0	3	Tài liệu [1]: Tr 5-80 Tài liệu [5]: Tr 33-54 Tài liệu [6]: Tr 30-55 Tài liệu [5]: Tr 33-54 Tài liệu [6]: Tr 30-55 Tài liệu [7]: Tr 99-125	- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ. - Lắng nghe, quan sát GV thị phạm, phân tích KTĐT	KT 05 KN02 NL 01 NL 02 NL 03	Chia nhóm tập luyện
15	5.6. Kiểm tra: Thực hiện bài thể dục nhịp điệu với nhạc. Thời gian thực hiện bài liên hoàn là 1p30s		0	2		- Chuẩn bị dụng cụ học tập. Vệ sinh sân bãi sạch sẽ	KT 05 KN02 NL 01 NL 02 NL 03	Theo nhóm đã phối hợp tập luyện

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Múa và phương pháp biên đạo múa

Mã học phần: 710.57

2. Số tín chỉ: 03

3. Trình độ: Cao đẳng Mầm non

4. Phân bổ thời gian:

- Số tiết lên lớp:	45	tiết
+ Lí thuyết:	03	tiết
+ Thảo luận/ Thực hành:	39	tiết
+ Kiểm tra:	03	tiết
- Số giờ tự học, tự nghiên cứu:	90	giờ

5. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Âm nhạc và không có dị tật và bất thường về khả năng vận động.

6. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Hiểu và nắm bắt được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa, một số tổ hợp múa dân gian dân tộc Việt Nam, sơ lược về phương pháp biên đạo múa.

Có một số kĩ năng cơ bản khi thực hành múa, biết biểu hiện cảm xúc khi múa.

Bồi dưỡng năng lực giao tiếp, hoạt động nhóm; năng lực tự học, tự nghiên cứu; khả năng vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào thực hành tổ chức biên đạo múa cho trẻ mầm non.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

7.1. Kiến thức (KT):

- **KT01:** Trình bày được khái niệm múa, các tổ hợp động tác - đội hình múa, phương pháp biên đạo múa, một số tổ hợp múa dân gian dân tộc Việt Nam đúng kỹ thuật.

- **KT02:** Phân biệt được các loại múa, đặc điểm phát triển vận động theo âm nhạc của trẻ mầm non.

- **KT03:** Phân tích được kỹ thuật thực hành các động tác múa, các nội dung của ý tưởng múa.

- **KT04:** Vận dụng được kiến thức đã học vào thực hành phát triển động tác múa, xây dựng tuyến - đội hình múa, biên đạo sáng tác các tác phẩm múa phụ họa - độc lập, thực hành tổ chức biên đạo tác phẩm múa cho trẻ mầm non.

7.2. Kỹ năng (KN):

- **KN01:** Bắt chước, thao tác thuần thục, có biểu cảm một số động tác múa cơ bản dân gian dân tộc Việt Nam.

- **KN02:** Thực hành các động tác cơ bản, biên đạo, tổ chức biên đạo các tác phẩm múa dành cho trẻ mầm non.

- **KN03:** Ứng dụng công nghệ thông tin trong lập kế hoạch và thực hành biên đạo, tổ chức biên đạo các tác phẩm múa dành cho trẻ mầm non.

- **KN04:** Phát hiện, xử lý được tình huống trong quá trình biên đạo tác phẩm múa và tổ chức biên đạo múa cho trẻ mầm non.

7.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (NL):

- **NL01:** Quản lý thời gian học tập một cách có hiệu quả. Tích cực, tự chủ, linh hoạt khi có sự thay đổi trong quá trình học tập độc lập hay theo nhóm.

- **NL02:** Hướng dẫn, hỗ trợ bạn khi làm bài tập cá nhân/ nhóm; xác định, có ý thức trách nhiệm đối với bản thân/ nhóm trong quá trình luyện tập - biên đạo múa, tổ chức các hoạt động múa cho trẻ mầm non.

- **NL03:** Nhận xét, đánh giá đúng năng lực, hiệu quả, chất lượng công việc của bản thân và của bạn, nhóm.

- **Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

	CĐR01	CĐR 02	CĐR 03	CĐR 04	CĐR 05	CĐR 06	CĐR 07	CĐR 08	CĐR 09	CĐR 10	CĐR 11
KT01		3	3								
KT02		2	3								
KT03		2	2								

KT04		2	3								
KN01					3	3					
KN02					2	3	2				
KN03				2		2					
KN04					2		2				
NL01									3	2	
NL02									3	3	
NL03											3

8. Mô tả vắn tắt các nội dung học phần:

Học phần bao gồm các nội dung:

- Khái niệm, quan hệ của múa với âm nhạc, phân loại múa, các kỹ năng múa;
- Một số động tác múa dân gian dân tộc Kinh và dân tộc ít người;
- Ý tưởng múa, tổ hợp động tác, phát triển động tác, tuyển múa và xây dựng đội hình;
- Phương pháp biên đạo múa và thực hành các động tác múa;
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức biên đạo tác phẩm múa cho trẻ mầm non.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu tài liệu, hoàn thành bài tập được giao trước khi lên lớp.
- Tham gia học trên lớp, thực hiện giờ tự học theo đúng quy định.
- Tham gia các bài kiểm tra.

10. Tài liệu học tập:

10.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu (2008), *Giáo trình âm nhạc và múa*, Nhà xuất bản Giáo dục.
- [2]. Trần Minh Trí (2005), *Múa*, Nhà xuất bản ĐHSP.

10.2. Sách tham khảo:

[3]. Phạm Thị Hòa (2014), *Giáo trình tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[4]. Trần Minh Trí (2001), *Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc*, Nhà xuất bản Giáo dục.

[5]. Trần Minh Trí (2007), *Giáo trình Múa (tập 2)*, Nhà xuất bản ĐHSP.

11. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ).

- Điểm trung bình kiểm tra là trung bình cộng của điểm kiểm tra thường xuyên (điểm chuyên cần + điểm bài kiểm tra thường xuyên), điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2:

+ Số bài kiểm tra thường xuyên: 01.

+ Số bài kiểm tra định kỳ: 03.

- Điều kiện kết thúc học phần: Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

Điểm học phần (TH) = (Điểm HS1 + Điểm các bài kiểm tra thực hành x 2)/N

$$N = (\text{Số con điểm hệ số 1} + \text{số con điểm KT thực hành} \times 2)$$

(Điểm HP thực hành lấy đến một chữ số thập phân sau khi đã làm tròn)

- Kế hoạch kiểm tra/thi:

Bài KT/Thi	Nội dung	Thời điểm KT/Thi	Hình thức KT/Thi	Yêu cầu cần đạt	Đáp ứng CDR
Bài KT thường xuyên	<i>Giáo viên có thể lựa chọn một trong các nội dung sau:</i> - Một số động tác múa dân gian dân tộc Kinh. - Một số động tác múa dân gian dân tộc ít người.	Giáo viên linh động lựa chọn thời điểm phù hợp	Thực hành	- Sinh viên múa đúng động tác, đúng kỹ thuật và có biểu cảm, khớp với âm nhạc (hoặc nhịp đếm) khi thực hành một số động tác múa dân gian dân tộc. - SV biết phát triển động tác từ	KT01,KT03, KT04,KN01, KN02,KN04, NL01,NL02, NL03

	- Phát triển động tác múa.			động tác cơ bản theo số nhịp được yêu cầu. - Sinh viên chuẩn bị đạo cụ (nếu có).	
Bài KT định kỳ	Tổ hợp múa dân gian cơ bản	Tiết thứ 15	Thực hành	- SV múa đúng động tác, đúng kĩ thuật và có biểu cảm, khớp với âm nhạc (hoặc nhịp đếm) khi thực hành tổ hợp động tác múa dân gian dân tộc (bốc thăm chuẩn bị trước 5 phút) - Sinh viên chuẩn bị đạo cụ khi cần: quạt, khăn voan.	KT01,KN01,KN02,NL01,NL02, NL03
Bài KT định kỳ	Thực hành biên đạo tác phẩm múa	Tiết thứ 30	Thực hành	- Sinh viên chuẩn bị đạo cụ theo dự kiến của kịch bản tác phẩm múa. - Sinh viên tự biên đạo sáng tác tác phẩm, múa đúng động tác, đúng kĩ thuật và có biểu cảm. - Tác phẩm múa được biên đạo sáng tác phù hợp với âm nhạc và nội dung, đối tượng diễn viên. - Các thành viên nhóm phối hợp tốt với nhau khi sáng tác biên đạo và trình bày tác phẩm múa. - Đánh giá, nhận xét đúng năng lực diễn viên để phân vai phù hợp.	KT02,KT03,KT04,KN02,KN03,KN04,NL01,NL02,NL03

Bài KT định kỳ	Thực hành tổ chức biên đạo tác phẩm múa cho trẻ mầm non	Tiết thứ 45	Thực hành	- SV chuẩn bị đạo cụ theo dự kiến của kịch bản tác phẩm múa. - SV tự biên đạo sáng tác tác phẩm và múa đúng động tác, đúng kĩ thuật và có biểu cảm. - Tác phẩm múa được biên đạo sáng tác phù hợp với âm nhạc và nội dung, đối tượng diễn viên. - Các thành viên nhóm phối hợp tốt với nhau khi sáng tác biên đạo, trình bày tác phẩm múa và phân công vai người biên đạo/điểm viên.	KT01,KT02, KT03,KT04, KN02,KN03, KN04,NL01, NL02, NL03
----------------	---	-------------	-----------	---	--

12. Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10.

13. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung	Số tiết lên lớp			Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR	Phương pháp dạy/học
		LT	TL/TH	KT				
1	CHƯƠNG 1: NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NGHỆ THUẬT MÚA 1.1. Sơ lược về nghệ thuật múa 1.1.1. Khái niệm Múa 1.1.2. Quan hệ của múa với âm nhạc 1.1.3. Sự phân loại múa 1.1.4. Các kỹ năng múa	1 1	13	1	Tài liệu [1], [2], [4]	- Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép đầy đủ các nội dung được học và nghiên cứu. - Giải quyết các vấn đề giảng viên nêu ra. - Lấy ví dụ thực hành minh họa các nội dung giảng viên yêu cầu.	KT01, KT02, KT03, KN03, NL01, NL03	Phát vấn Thuyết trình; Trực quan; Thảo luận nhóm

2	1.2. Một số động tác múa dân gian dân tộc Kinh 1.2.1. Các tư thế tay, chân cơ bản 1.2.2. Tổ hợp 1: Nhún mềm, Hái đào 1.2.3. Tổ hợp 2: Guộn đèn, Vuốt guộn đuôi 1.2.4. Tổ hợp 3: Quạt 1.2.5. Tổ hợp 4: Mõ		8		Tài liệu [1], [5]	- Nghiên cứu các động tác trong nội dung bài học, chuẩn bị trang phục, đạo cụ (nếu có). - Tự ghi chép đầy đủ các nội dung được học và nghiên cứu sau khi học xong ở lớp. - Giải quyết các vấn đề giảng viên nêu ra. - Luyện tập và tổ chức nhận xét, sửa sai theo nhóm/lớp/cá nhân.	KT01, KT03, KN01, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Phát vấn Thuyết trình; Trực quan; Thực hành; Thảo luận nhóm
	1.3. Một số động tác múa dân gian dân tộc ít người 1.3.1. Tổ hợp 5: Động tác múa dân gian vùng miền núi phía Bắc 1.3.2. Tổ hợp 6: Động tác múa dân gian vùng Tây Nguyên (1) 1.3.3. Tổ hợp 7: Động tác múa dân gian vùng Tây Nguyên (2)		5		Tài liệu [1], [2], [5]			
4	Kiểm tra			1		- Ôn luyện, chuẩn bị nội dung bài kiểm tra. - Thực hành kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên .		Thực hành
5	CHƯƠNG 2: BIÊN ĐẠO MÚA 2.1. Biên đạo múa 2.1.1. Đặc điểm phát triển vận động theo âm nhạc của trẻ mầm non 2.1.2. Ý tưởng múa 2.1.3. Tổ hợp động tác múa và	1 1	13	1	Tài liệu [2], [3], [4], [5]	- Nghiên cứu tài liệu. - Ghi chép đầy đủ các nội dung được học và nghiên cứu. - Giải quyết các vấn đề giảng viên nêu ra.	KT01, KT02, KT03, KN01, KN03, NL01, NL02,	Phát vấn Thuyết trình; Trực quan; Thảo luận

	đội hình múa						NL03	nhóm
6	2.2. Thực hành biên đạo tác phẩm múa 2.2.1. Phát triển động tác múa 2.2.2. Tuyển múa và xây dựng đội hình múa 2.2.3. Thực hành biên đạo tác phẩm múa phụ họa 2.2.4. Thực hành biên đạo tác phẩm múa độc lập		13		Tài liệu [2], [5]	- Nghiên cứu nội dung bài học, chuẩn bị trang phục, đạo cụ (nếu có). - Tự ghi chép đầy đủ các nội dung được học và nghiên cứu sau khi học xong ở lớp. - Giải quyết các vấn đề giảng viên nêu ra. - Luyện tập và tổ chức nhận xét, sửa sai theo nhóm/lớp/cá nhân.	KT04, KN02, KN03, KN04, NL01, NL02, NL03.	Phát vấn Thuyết trình; Trực quan; Thực hành; Thảo luận nhóm
7	Kiểm tra			1		- Các nhóm, cá nhân tự ôn luyện và chuẩn bị nội dung bài kiểm tra. - Thực hành kiểm tra theo yêu cầu.		Thực hành
8	CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP BIÊN ĐẠO MÚA 3.1. Phương pháp biên đạo múa 3.1.1. Các phương pháp biên đạo múa 3.1.2. Tiến trình biên đạo tác phẩm múa cho trẻ mầm non	1 1	13	1	Tài liệu [3], [4]	- Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép đầy đủ các nội dung được học và nghiên cứu. - Giải quyết các vấn đề giảng viên nêu ra.	KT01, KT02, KT04, KN02, KN03, NL01, NL02, NL03	Phát vấn Thuyết trình; Trực quan; Thảo luận nhóm
9	3.2. Thực hành tổ chức biên đạo tác phẩm múa cho trẻ mầm non 3.2.1. Thực hành tổ chức biên		13 6			- Nghiên cứu nội dung bài học. - Chuẩn bị giáo án, các điều kiện cần thiết và thực hành tổ	KT04, KN02, KN03, KN04,	Phát vấn Thuyết trình; Trực

	đạo tác phẩm múa phụ họa cho trẻ mầm non 3.2.2. Thực hành tổ chức biên đạo tác phẩm múa độc lập cho trẻ mầm non		7			chức biên đạo tác phẩm múa cho trẻ mầm non theo hướng dẫn. - Giải quyết các vấn đề giảng viên nêu ra. - Luyện tập và tổ chức nhận xét theo nhóm.	NL01, NL02, NL03	quan; Thực hành; Thảo luận nhóm
10	Kiểm tra			1		- Chuẩn bị giáo án, các điều kiện cần thiết và trả bài thực hành kiểm tra theo hướng dẫn.		Thực hành